TS. LÊ ANH XUÂN
NGUYỄN THÚY HỒNG - NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN - VŨ THỊ HỒNG LÊ
BÙI THÙY LINH - NGÔ THỊ THANH

199 BÀI VÀ ĐOẠN VĂN HAY LỚP 9





NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TS. LÊ ANH XUÂN - NGUYỄN THÚY HỒNG
NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN - VŨ THỊ HỒNG LÊ - BÙI THÙY LINH - NGÔ THỊ THANH

199
BÀI VÀ ĐOẠN VĂN HAY
Lớp 9

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LỜI NÓI ĐẦU

Bài văn là nơi thể hiện rõ nhất năng lực, kỹ năng và kiến thức của người học văn. Yêu cầu học sinh *làm văn* là hình thức kiểm tra đánh giá phổ biến của môn Ngữ văn. Hầu hết các đề thi (thi học kỳ, thi thử, thi tốt nghiệp, thi tuyển sinh), đề kiểm tra (kiểm tra 45 phút, 15 phút) đều yêu cầu học sinh làm văn. Tuy nhiên, tùy cấu trúc đề thi, mục đích kiểm tra đánh giá và thời gian làm bài mà người ra đề có thể yêu cầu học sinh viết *bài văn* hay *đoạn văn*.

Nhằm gợi mở một cách làm văn cho học sinh khi học và thi môn Ngữ văn, chúng tôi biên soạn bộ sách ***199 bài và đoạn văn hay***. Bộ sách được biên soạn theo chương trình Tiếng Việt (đối với cấp Tiểu học), chương trình Ngữ văn (đối với cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông). 199 đề bài trong sách bao gồm các mức độ từ dễ đến khó để phù hợp với yêu cầu của người học từ cơ bản đến nâng cao.

199 bài và đoạn văn hay lớp 9 bao gồm các nội dung:

Phần I: Văn tự sự

Phần II: Văn thuyết minh

Phần III: Văn nghị luận

Phần IV: Văn bản biên bản, hợp đồng, thư (điện) chúc mừng và thăm hỏi

Bộ sách không tránh khỏi những hạn chế. Chúng tôi mong nhận được ý kiến góp ý của bạn đọc.

Nhóm tác giả

Phần I.

VĂN TỰ SỰ

Đề 1: Một lần em trót đọc nhật kí của bạn.

Bài làm

Tuấn là bạn thân nhất của tôi. Chúng tôi chơi với nhau từ hồi còn bé xíu, có chuyện gì cũng kể cho nhau nghe, vui buồn cùng chia sẻ. Ngỡ tưởng hai đứa chẳng có gì phải giấu nhau vậy mà chỉ vì quyển nhật kí của Tuấn và sự dại dột của tôi mà đã có chuyện xảy ra.

Hôm ấy như nhiều lần khác, Tuấn mời tôi đến nhà nó chơi. Lên đến phòng, Tuấn bảo: "Uyên cứ tự nhiên nhé, mình xuống nhà phủi bụi nốt bàn làm việc của ba rồi lên ngay!". Trong lúc chờ Tuấn xuống nhà làm dở chút việc, tôi lại gần tủ sách của Tuấn tìm truyện đọc. Bất chợt, đôi mắt đang dò dẫm của tôi dừng lại ở gáy cuốn sổ có dòng chữ: "My diary". Hình như là nhật kí của Tuấn thì phải – tôi nghĩ thầm – mình đọc thử chút để xem bấy lâu nay mình có nghĩ nhầm về thằng bạn thân không! Tôi nhanh tay rút lấy quyển sổ. Tôi khẽ đóng cánh cửa phòng Tuấn rồi mở cuốn nhật kí ra đọc.

Ngay trang đầu tiên, Tuấn đã viết: "Hôm nay mình thấy Uyên hơi quá đáng khi trêu Hoàng Sơn với Thuỳ Dương. Mình nghĩ làm vậy hai bạn ấy sẽ ngượng lắm. Tội cho hai bạn ấy quá! Mai mình sẽ bảo Uyên bỏ cái trò này". Ô! Thế hóa ra Tuấn không đồng tình với mình à! Thế mà lúc ở lớp nó lại hùa vào làm mình cứ tưởng nó thích thú lắm. Tôi giở sang mấy trang sau, toàn nhận xét về tôi cả. Khi thì "mình không thích thái độ của Uyên với bọn thằng Bình, thằng Dương tí nào cả, ít ra cũng phải nhắc bài cho nó để điểm nó đỡ kém chứ. Mình biết tối hôm qua Bình phải đi học thêm đến tối mịt mới về nên nhắc bài cho nó đỡ tội", rồi thì "mình nghĩ Uyên nên sửa cái tính tự ti ấy đi thì hơn, có thế mới hòa nhập được với mọi người chứ". Ôi trời ơi! Và còn cả thế này nữa "không biết phải nói với Uyên thế nào nhỉ? Mình nghĩ là mình thích Tiểu Nguyệt rồi hay sao ý. Nó mà biết thì nó cười thối mũi mình ra ý chứ". Đang căng ra đọc những dòng nhận xét về mình, tôi bỗng nghe tiếng lạch cạch ngoài cửa, tôi cất vội quyển sổ vào giá sách rồi ngồi trên giường đung đưa chân, mặt cười hớn hở. Tuấn đặt đĩa bánh lên giường rụt rè:

– Uyên ơi, tớ có chuyện này muốn nói với cậu. Chuyện tế nhị ấy mà, tớ nghĩ tớ đã...

Tôi cắt ngang:

– Thích Tiểu Nguyệt rồi chứ gì?

Tuấn sững người. Tôi chột dạ: "Thôi chết! Nó mà biết mình đọc trộm nhật ký thì coi như xong". Tôi vội lảng sang chuyện khác:

– Thôi, đã là chuyện tế nhị thì không nên ép mình phải nói. Mấy cuốn truyện này cậu mua ở đâu mà hay thế!

Tuấn trả lời tôi nhát gừng và suốt cả buổi chiều hôm ấy, giữa tôi và Tuấn như có một đám mây u ám, ngờ vực chen vào giữa. Cậu ta luôn tỏ thái độ nghi ngờ, đề phòng. Còn tôi thì phấp phỏng lo âu, chỉ sợ bạn biết được sự thật. Mà tính nó thì dễ tự ái lắm. Chuyện này mà lộ ra thì nó sẽ không thèm nhìn mặt tôi nữa. Nghĩ vậy nên tôi suy nghĩ trước khi nói để tránh những câu hỏi vặn vẹo của nó về việc tôi đã làm gì trên phòng nó lúc trước.

Khi tôi rời nhà Tuấn về, trời đã gần tối. Tôi cũng chợt thấy lòng mình u ám khác lạ. Tôi chưa làm những việc như thế này bao giờ: Đọc trộm nhật kí của người khác, xấu hổ quá đi thôi. Mà lại là đứa bạn thân của mình. Chuyện này mà lan rộng ra thì sẽ chẳng còn ai tin tôi nữa, mọi người sẽ nghĩ tôi là kẻ chuyên lục lọi chuyện đời tư của người khác, lấy đó làm trò vui cho mình. Cả tối hôm đó, tôi như người mất hồn, cứ đi đi lại lại lẩm bẩm, suy nghĩ vẩn vơ, học bài cũng chẳng vào đầu chữ nào. Chuyện buổi sáng cứ ám ảnh tôi suốt cả tối. Mãi đến lúc đi ngủ, tôi mới tĩnh tâm lại và nghĩ cách giải quyết: "Nếu mình không đọc nhật kí của Tuấn thì có lẽ giờ này đã yên giấc rồi. Càng nghĩ lại càng thấy xấu hổ. Mình cứ tưởng là bạn bè thì không có gì phải giấu nhau. Nhưng mình cũng cần phải tôn trọng sự riêng tư của người khác chứ. Mình làm thế là sai rồi. Nhưng cũng nhờ đọc nhật kí của Tuấn mà mình biết mình có những khuyết điểm gì phải sửa, chắc Tuấn ngại nói thẳng. Song nếu nói hết sự thật thì Tuấn sẽ giận mình lắm, còn không nói thì lương tâm cắn rứt. Thôi vậy, không thể làm việc gì trái với lương tâm được. Mai mình sẽ nói với Tuấn vậy. Giờ phải ngủ lấy tinh thần cái đã". Và cuối cùng tôi thiếp đi, trong lòng còn lo ngại về thái độ của Tuấn khi nhận lời thú tội của tôi nhưng tôi cũng thấy thanh thản, nhẹ nhõm hẳn.

Hôm sau gặp Tuấn, tôi đã nói ra hết sự thật. Trái với tưởng tượng của tôi, Tuấn đã tha thứ, hai chúng tôi lại thân nhau như xưa. Tôi cũng nhận ra một bài học rằng: Giữa hai người bạn, chữ tín là điều bảo đảm cho tình bạn được lâu bền. Một lần tôi trộm nhật ký là quá đủ, tôi sẽ không bao giờ lặp lại điều đáng xấu hổ đó nữa.

Đề 2: Cho đề bài "Tưởng tượng 20 năm sau, vào một ngày em về thăm trường cũ. Hãy viết thư cho một bạn học hồi ấy kể lại buổi thăm trường đầy xúc động đó". Em hãy viết đoạn văn miêu tả quang cảnh và con người nơi trường cũ nhiều kỉ niệm.

Bài làm

Mình đã đợi đúng ngày 20 tháng 11 để về trường đấy. Không khí chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam cộng thêm khí trời mát mẻ cuối thu làm mình càng thêm náo nức, hồ hởi như chính mình vẫn còn là học sinh của trường vậy. Cái con đường đất tồi tàn ngày xưa dẫn từ cổng vào sân trường

chúng mình nay đã được đổ bê tông phẳng phiu, hai bên đường còn trồng cả hoa loa kèn nữa, rất đẹp! Cả sân trường cũng được láng xi măng và chia ô gọn gàng, chẳng bù cho chúng mình ngày xưa nhỉ? Cậu còn nhớ không, có một lần chúng mình đi học muộn, hai đứa chạy vắt chân lên cổ, trời mưa, sân trường ướt và trơn nhiều, mình còn bị ngã và sứt mất một cái răng cửa, vừa tức, vừa đau lại vừa buồn cười. May mà sau này thay răng sữa, nó lại bình thường, không thì bây giờ ế chồng chết! Cô Hồng Hà ngày xưa dạy đội tuyển chúng mình nay đã là hiệu trưởng, tóc cô đã điểm bạc, da nhiều nếp nhăn, không còn trắng hồng và căng mịn như ngày xưa chúng mình thường mơ ước nữa. Cô dẫn mình vào trường. Qua hàng liễu xanh quanh ao cá, mình thấy thấp thoáng những mảng tường vàng của phòng học lớp chúng mình khi trước. Tim mình đập liên hồi, nước mắt như muốn trào ra. Tay cầm máy ảnh của mình run lên, sống mũi thì cay xộc. Mình nhớ lại những ngày vui vẻ thời thơ bé, mình nhớ các bạn quá.

Đề 3: Tưởng tượng 20 năm sau, vào một ngày em về thăm trường cũ. Hãy viết thư cho một bạn học hồi ấy kể lại buổi thăm trường đầy xúc động đó".

Bài làm

Hải Dương, ngày ... tháng ... năm ...

Tuấn thân!

Chưa bao giờ nghĩ đến bạn mà mình thấy bồi hồi như lúc này. Bao nhiêu cảm xúc ùa về và mình biết khoảng khắc này chỉ bạn mới có thể chia sẻ với mình. Hôm nay, mình về thăm ngôi trường cấp 2 thân yêu của chúng ta, sau hai mươi năm xa cách...

Cái nắng gay gắt của mùa hè vẫn còn vương lại dù đã là buổi xế chiều, những tia nắng vẫn đang mải đùa nghịch trên mấy tán cây, ngôi trường cũ hiện ra thân thương, quen thuộc và không còn vẻ nghiêm trang như hồi trước nữa... Mình lặng lẽ dạo quanh sân, ngắm nhìn từng vòm cây để cảm nhận sự khác biệt trong lòng cái khung cảnh đã từng quá thân thuộc này. Có lẽ, dù đã hai mươi năm xa cách, dù có bao lớp học sinh đến rồi lại đi, thì trường vẫn thế, vẫn chẳng thay đổi gì trong tâm hồn mỗi người, mãi mãi...

Đã đến giờ tan trường, mình tạm lánh vào một góc khuất – Tuấn đoán xem, đó là chỗ nào? Cái gầm cầu thang mà chúng mình thường trốn ngày xưa khi chơi trò ú tim ấy! Ba hồi trống vang lên khiến trống ngực mình cũng rung theo run rẩy. Lũ trẻ ùa ra từ các phòng học, chúng hồn nhiên gọi nhau, cãi nhau, ríu rít đùa nhau, nhí nhảnh như bọn mình hồi xưa ... Màu áo trắng, sao mà nhớ thế! Chỉ một hai năm nữa thôi, ngày chia tay, chúng sẽ giống chúng mình ngày xưa, chìa lưng áo trắng cho nhau ghi dòng lưu bút...

Học sinh đã về hết. Mình tần ngần nhìn lại ngôi trường. Cả sân trường rợp bóng cây xanh, thoắt cái đã không còn ai, lại trở nên lặng lẽ. Xa xa, nơi góc hồ nước, một cây me cao lớn trông tràn đầy sức sống. Mình chợt nhận ra đó chính là gốc me non tụi mình trồng năm nào, tự nhiên lại thấy

bồi hồi. Bước dần lên cầu thang, mình tìm lại phòng học cuối tầng ba, nơi ngày xưa bốn mươi sáu quỷ sứ lớp mình từng trú ngụ. Đây rồi, lớp học đó, cả cái ban công quen thuộc đang ở ngay trước mắt, chờ mình bước vào và tìm kiếm lại hình ảnh của hai mươi năm trước. Chỗ ngồi cạnh cửa sổ bàn ba là của mình, nơi đã từng chứng kiến mình khóc, mình cười và cả khi mình nói chuyện riêng nữa. Còn cách đó hai bàn, là chỗ của bạn đó nhớ không?! Cách xa như thế mà hai đứa còn nói chuyện riêng được thì thật tài!

Hôm ấy mình không gặp được thầy cô giáo cũ, chỉ còn thấy lại những kỷ niệm thuở học trò, những buổi ngồi truy bài dưới gốc cây phượng, những giờ kiểm tra gay cấn, hồi hộp đến toát mồ hôi... Tất cả đã rất xa mà cũng lại như vừa mới hôm qua.

Tuấn ơi! Nhất định hôm nào chúng ta gặp nhau nhé! Biết rằng công việc của ai cũng bận rộn nhưng mình tha thiết muốn gặp bạn dưới những vòm cây của ngôi trường cũ yêu dấu này để ôn lại những ngày xưa!

Hẹn gặp bạn một ngày không xa.

Thân ái!

Bạn của cậu

Nguyễn Thùy Linh

Đề 4: Kể lại một giấc mơ, trong đó em được gặp người thân đã xa cách lâu ngày.

Bài làm

Những giấc mơ là những phút giây tuyệt vời giúp ta được sống với những điều mà cuộc sống đời thường không đem lại. Tôi cũng đã mơ rất nhiều. Để lại cảm giác đẹp đẽ nhất cho tôi là lần mơ được gặp ông ngoại thân yêu. Đó là một giấc mơ thần tiên, tuy ngắn ngủi nhưng đầy xúc động.

Hôm đó, tôi học rất mệt nên đi ngủ sớm. Lên giường nằm, tôi thiếp đi ngay. Tôi thấy mình chìm đi, chìm đi trong mênh mông bóng tối...

Bỗng trước mắt tôi hiện ra khu vườn rất quen thân... Tôi ngơ ngác nhìn xung quanh. Đúng là khu vườn ấy rồi! Khu vườn thân thương của nhà ông ngoại. Góc vườn là cây khế ngọt ông thường hái cho tôi ăn. Lá cây vẫn xanh mướt và trên cành xuất hiện những quả khế xanh xanh trông như những chùm sao nhỏ. Giữa vườn là cây hồng xiêm, cây mà ông ngoại cưng nhất. Rồi hai cây bưởi mẹ con, cây liễu lá dài đến cây xoài đang trổ hoa, cả chỗ rau ngải cứu mọc sát đất... vẫn nguyên như lúc tôi còn bé, ở dưới quê với ông bà. Trong khu vườn này, tôi đã cùng ông chăm sóc những cây xanh cho chúng lớn, ra hoa, kết quả. Ông dạy tôi biết giá trị của lao động, đó là niềm vui, niềm tự hào khi thấy cây mình bỏ công chăm sóc cho ra những trái ngọt đầu tiên. Nhìn khu vườn, bao nhiêu kỷ niệm với ông ngoại lại ùa về trong tâm trí tôi.

Bất giác, tôi cất tiếng gọi thật to "Ông ơi! "Ông ơi!". Ông tôi thong thả bước ra từ những lùm cây rợp mát. Không tin vào mắt mình, tôi đưa tay lên

dụi. Ông lại gần tôi âu yếm: "Bé Cún của ông, ông đây mà". Đúng là giọng nói thân thương của ông rồi. Giọng nói tưởng đã mất đi, tưởng chẳng bao giờ tôi được nghe lại bây giờ lại trở lại bên tôi. Tôi nhào vào lòng ông, khóc thật to. Ông xoa đầu tôi thật nhẹ: "Cháu đừng khóc nữa, đừng khóc nữa, ông ở đây mà". Tôi ngẩng mặt nhìn ông. Tóc ông vẫn bạc trắng. Da mặt hồng hào và nụ cười móm mém, nhất là đôi mắt – đôi mắt ông hiền hậu, nhân từ quá...! Ông tôi vẫn như xưa, chẳng chút nào thay đổi. Tôi sung sướng dụi mặt vào người ông rồi líu lo kể những chuyện nhà chuyện lớp. Ông lắng nghe những câu chuyện trẻ con của tôi với một vẻ độ lượng vô cùng. Nghe xong, ông dặn tôi phải ngoan ngoãn, chăm học và nếu rảnh thì thỉnh thoảng đến thăm bà. Tôi chợt nhói lòng khi nghĩ đến bà. Từ ngày ông đi, bà trở nên lặng lẽ hơn, bà thường quanh quẩn trong khu vườn ông để lại và thường kể chuyện về ông cho chúng tôi nghe... Tôi rơm rớm mắt nhìn ông khẽ "Dạ...!".

Gương mặt ông chợt nhoà đi trước mắt tôi và giọng mẹ vang lên gọi tôi dậy chuẩn bị sang thăm bà! Tôi thoáng ngỡ ngàng rồi sung sướng bật dậy chạy ùa xuống nhà...

Đề 5: Cho đề bài: Em hãy tưởng tượng và kể lại cuộc gặp gỡ với một nhân vật cổ tích yêu thích. Em hãy viết một đoạn văn phần thân bài trong đó có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm.

Bài làm

Phải rồi, đêm nay là đêm Nô-en. Tôi nhận ra những tiếng hát bài thánh ca từ nhà thờ vang lên. Bước đi lạo xạo trong tuyết, tôi thấy ngón chân tôi cứng đờ, vì đôi giầy của mình đã rách nát hết. Tưởng chừng chỉ vài bước nữa là những chiếc giầy sẽ bung ra. Tôi kéo lê từng bước về đến một ngôi nhà tối om, ọp ẹp. Không hề có một ngọn nến, một món quà hay một thứ gì của Giáng sinh, chỉ có một chiếc chuông đồ chơi sứt mẻ. Thế đấy, đêm nay tôi phải rời nhà để đến nơi tồi tàn này, chịu cái rét cắt da cắt thịt chẳng để làm gì. Hay là ông trời đã giúp tôi đến đây để gặp được nhân vật cổ tích mà bao lần tôi mong ước? Đến mười hai giờ đêm, khi những hồi chuông nhà thờ vang lên, tôi rón rén bước ra khỏi nhà. Dù cái lạnh tê tái quất vào mặt nhưng tôi vẫn muốn đi để tìm gặp nhân vật cổ tích nào đó, chỉ một thôi cũng được. Trong thâm tâm, tôi nghĩ như vậy, nhưng liệu có thực hiện được, và biết bao giờ tôi mới trở về nhà? Tôi vẫn cứ đi, hai bên đường đèn sáng đủ màu, thỉnh thoảng có những cỗ xe ngựa phóng qua để đến những nơi tiệc tùng, hò hẹn.

Đề 6: Hãy tưởng tượng và kể lại cuộc gặp gỡ với một nhân vật cổ tích mà em yêu thích.

Bài làm

Bãi biển Sầm Sơn những ngày này thật tuyệt! Sau một ngày nô giỡn với sóng biển, điều tuyệt vời nhất là được nằm trên bờ cát nghe sóng rì rầm và ngắm những ánh sao lung linh. Tôi đang được thưởng thức những giây phút diệu kì ấy. Ngắm biển đêm xa xăm mờ ảo, tôi như thấy mình là người con gái của biển cả và mơ màng nghĩ về nàng tiên cá trong câu chuyện cổ tích của An–đéc–xen...

Từ trong làn sóng, thấp thoáng một dáng người, mờ nhạt, ẩn hiện... và bước ra... Một người con gái, hay đúng hơn một nàng tiên. Nàng tiên của biển cả với dáng vẻ thật lạ lùng, đôi chân ấy lướt đi trên cát, nhẹ nhàng, nhẹ nhàng đến bên tôi trước đôi mắt ngạc nhiên xoe tròn của tôi.

– Chị là... Tôi ngơ ngác hỏi

– Chị là con của biển cả bao la, là người mà người ta gọi là nàng tiên cá.

Thật hay mơ, ảo tưởng hay hiện thực? Đầu óc tôi chợt bối rối, phân vân rồi tôi cảm thấy thật vui và hạnh phúc. Nàng tiên cá mà tôi hay gặp trong giấc mơ, người trong câu chuyện đã gắn bó cùng tôi suốt những năm tháng ấu thơ... giờ đây đang ở trước mặt tôi, thật gần và đẹp quá. Mái tóc vàng óng như một dòng suối mềm mại ấy tôi mới chỉ tưởng tượng mà chưa thật nhìn thấy, cả đến vuốt nhẹ cũng ngoài sức tưởng tượng của tôi, ôi êm dịu mát lạnh và thân thương đến lạ.

Chỉ tay về phía biển cả mênh mông, chị nói:

– Cuộc sống của chị trước đây cùng bà, cha và các chị dưới thuỷ cung vui lắm. Chị là em út trong nhà nên được cưng chiều và yêu mến. Thế rồi các chị của chị, từng người một, bước sang tuổi mười lăm và được lên mặt biển. Chị đã háo hức biết nhường nào, đã vui sướng và hồi hộp chờ nghe những câu chuyện của các chị về cuộc sống và con người trên mặt đất. Và chị đã đợi năm năm, năm năm trong niềm mong chờ để đến ngày tròn mười lăm tuổi. Trong đêm đầu tiên được bước vào cuộc khám phá ấy, chị đã gặp chàng tử của cuộc đời mình, dưới làn nước biển đêm lạnh, chị đã ôm người ấy, đã cứu và đưa người ấy vào bờ...

Chị đột nhiên dừng lại, tôi mơ hồ tưởng tượng ra cái viễn cảnh đẹp đẽ ấy, trong giờ phút gần kề với cái chết, tôi cảm nhận được chàng hoàng tử ấy chắc sợ hãi và lạnh lắm nhỉ. Chàng thật hạnh phúc và thật may khi gặp nàng tiên cá đáng yêu.

Chị còn bên cạnh vẫn hướng đôi mắt buồn xa xăm vào khoảng không dường như trong ánh mắt ấy chứa đựng cả tình yêu và nỗi nhớ thương ...

– Chị đã để chàng ở lại trên bờ, và đã có một người con gái khác đưa chàng vào lâu đài nguy nga ấy. Chị đã rung động, đã yêu chàng thật nhiều và hy sinh, đánh đổi cả giọng hát mê đắm lòng người cho mụ phù thuỷ để được có đôi chân này đây! Nhưng tất cả đều không như chị muốn, chị không

thể nói, không thể bày tỏ tình yêu với chàng, mà chỉ lặng lẽ bên cạnh chàng. Đó là những gì chị mong đợi ư?

Tôi có thể hiểu chị đã phải lựa chọn cuộc sống giữa người thân, giữa biển cả rộng lớn với cuộc sống thầm lặng bên người mình yêu. Chị đã lựa chọn và đi theo tiếng gọi của trái tim. Cũng như tôi, vì tôi quá yêu bố, quá chờ mong, nên ngày nào cũng đợi nơi bãi biển này. Rồi một ngày nào đó, bố sẽ về trên chiếc thuyền đầy ắp cá, chắc chắn bố sẽ rất vui, và tôi cũng vậy.

Chị đang khóc bên tôi, những giọt nước mắt của chị lăn trên làn da trắng mịn như những hạt ngọc xanh của biển, đẹp mà sao buồn thế.

– Chị thật sai lầm khi đã quá yêu chàng, em có biết không, thật sự chị đã không thể giữ nổi con dao ấy, không thể ra tay ghim vào trái tim chàng nỗi đau đớn. Chị không thể quên khuôn mặt hạnh phúc của chàng bên nàng công chúa đó, chị không thể quên...

Lại một lần nữa chị phải lựa chọn, quay về với biển cả hay tan thành bọt sóng, không còn gì cả, không còn tình yêu. Người con trai đó, chàng hoàng tử mang đến cho chị tình yêu và cũng là người mang chị rời thật xa khỏi cuộc sống...

– Chị không hối hận về những gì mình làm chứ ạ? Chị có oán trách, có giận hờn người ấy không chị?

– Oán trách ư! Hối hận ư! Với chị đó đơn thuần chỉ vì tình yêu, bởi nó quá mãnh liệt, quá yêu để rồi phải rời xa. Chị chấp nhận và không oán trách.

Con người có thể làm được những điều đó ư? Hay thần tiên mới có thể làm được như thế? Chị dũng cảm quá, chị cao thượng và hy sinh nhiều quá. Tôi muốn an ủi, muốn làm điều gì đó cho chị, nhưng làm gì đây, tôi có thể làm được gì ngoài việc ngăn cho những giọt nước mắt không rơi, nhưng tôi không thể, tôi oà khóc và chẳng hiểu vì sao. Tôi ôm chị và thấy tình yêu bố trỗi dậy mạnh mẽ, tôi nhớ bố...

Hai thứ tình yêu gặp nhau, chia sẻ cho nhau, tôi ôm chị thật chặt để cho chị sẽ không tan thành bọt biển, để chị mãi mãi là nàng tiên đẹp nhất, nhưng đôi tay tôi nhỏ bé quá, ý nghĩ của tôi còn non nớt quá và cũng tôi cũng chưa đủ hiểu thế nào là sự ra đi. Chị ôm tôi, thật ấm áp.

– Em khóc hả! Xấu quá đi! Đừng như thế. Hai chị em mình cùng cười thật to nhé, bố em sẽ nghe thấy, và hoàng tử cũng sẽ thấy, hãy chuyển những tình yêu và nỗi nhớ của mình vào gió biển, làn gió sẽ bay thật nhanh, sẽ để cho bố và hoàng tử cảm nhận được, phải không em?

Chị vung tay và làm hiện ra trước mắt tôi hình ảnh bố đang cưỡi thuyền vượt gió, bố vẫn thế, không khác đi và tóc bố bạc hơn. Chị nói rằng sẽ gặp được bố và gửi cho bố hình ảnh của tôi.

Tôi không nhớ rõ mình đã cười to đến mức nào, đến nỗi tất cả nhoà đi, nhạt mờ...

Tôi mở mắt tỉnh dậy, biển vẫn rì rầm, gió vẫn vuốt ve tôi mơn man da thịt. Và tôi lại cười.

Tôi không cảm thấy nỗi chờ đợi vô vọng của mình nữa mà thay vào đó, tôi càng cảm thấy có một niềm tin, chị đã dạy cho tôi lòng dũng cảm. Tôi sẽ cố gắng, sẽ làm được những gì mình mong muốn.

"Chỉ cần đợi phải không chị?". Tôi muốn nói như thế để chị hiểu là tôi không yếu đuối, chị có thể nghe được không nhỉ? Gió ơi gió, hãy mang đi thật xa, hãy đem đến bên chị những gì tôi muốn nói, và động viên chị hãy cố gắng lên.

Nụ cười của chị vẫn còn đó, vẫn lấp lánh trong dòng suy nghĩ của tôi. Nhìn lên bầu trời trong xanh, tôi thấy chị là một thiên thần, linh hồn của chị bất diệt, tình yêu của chị cảm thấu đất trời. Chị sẽ sống mãi phải không chị? Cảm ơn chị, cảm ơn tình yêu và lòng dũng cảm chị đã dạy cho em.

Đề 7: Dựa vào nội dung tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long, hãy đóng vai nhân vật cô kĩ sư để kể lại câu chuyện.

Bài làm

Đó không phải lần đầu tiên tôi rời Hà Nội – quãng đời học sinh, sinh viên của tôi đã ghi dấu bao lần đến với Huế, Quảng Trị, Bắc Kạn, Thái Nguyên,... – nhưng lần này đến Lai Châu, tôi có cảm giác thật lạ. Tôi mới ra trường, đây là chuyến đi nhận công tác của tôi. Bước qua cuộc đời học trò chật hẹp để bước vào cuộc sống mới khiến tôi không khỏi ngỡ ngàng. Trên chặng đường từ Hà Nội lên Lai Châu, tôi đã được quen biết những con người thuộc những thế hệ khác nhau. Họ đã khiến tôi thấy cuộc sống này rộng lớn và đẹp đẽ biết mấy. Đặc biệt là quãng đường tôi đến Sa Pa. Sa Pa, nghe cái tên người ta đã muốn nghỉ ngơi nhưng ở đó có những con người làm việc hăng say, họ nguyện hi sinh tuổi thanh xuân của mình cho đất nước. Họ để lại ấn tượng đẹp trong lòng tôi cũng như bất kì ai đặt chân lên mảnh đất này.

"Chỉ vài cây số nữa là tới Sa Pa" – bác lái xe nói vậy. Tôi bắt đầu háo hức, tò mò, mắt nhìn xa ngoài cửa kính một cách lặng lẽ mà say mê.

Sau cuộc nói chuyện, giao lưu vui vẻ giữa tôi – bác lái xe – bác hoạ sĩ già thì mọi người bỗng nín bặt, vì cảnh trước mắt bỗng hiện lên đẹp một cách kỳ lạ... Nắng bây giờ bắt đầu len tới đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tít trong nắng, những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe...

Giữa lúc đó, bác lái xe cho dừng xe để mọi người nghỉ ngơi. Riêng với tôi và bác hoạ sĩ, ông quay sang nói một cách bí hiểm: sẽ giới thiệu cho chúng tôi một trong những người "cô độc nhất thế gian". Bác lái xe này thật vui tính khi đặt cho người đó cái tên như vậy. Bác lại còn khẳng định với bác

hoạ sĩ - một người say mê nghệ thuật rằng: "Thế nào bác cũng thích vẽ hắn". Không hiểu sao nói đến đây, bác lái xe lại liếc nhìn tôi, khiến cho tôi bất giác đỏ mặt. Cái nhìn đó có lẽ là có hàm ý sâu xa.

Theo lời bác lái xe thì đó là một anh chàng hai mươi bảy tuổi làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m. Khi mới lên nhận việc, chưa quen với không khí toàn rừng và cây ở đây nên anh ta "thèm người" đến mức chắn ngang khúc gỗ ngang đường để kiếm cớ có người nói chuyện.

- Kia, anh ta kia! - Bác lái xe chỉ.

Tôi và ông hoạ sĩ già thực sự xúc động và vô cùng ngạc nhiên khi nhìn thấy trước mắt chúng tôi là người con trai tầm vóc nhỏ bé, nét mặt rạng rỡ từ trên sườn núi trước mặt chạy lại chỗ xe đỗ.

Người con trai đưa cho bác lái xe một gói nhỏ - củ tam thất - một thứ cây của vùng núi. Còn bác lái xe thì trao cho anh quyển sách. Hai người nói với nhau điều gì đó, bác lái xe thì rạng rỡ cười còn anh thanh niên kia cũng mừng quýnh. Tôi có cảm giác hành động đó của hai người không đơn thuần chỉ là tình cảm giữa hai người quen biết mà là tình cảm của những người trong gia đình. Thì ra, vợ bác lái xe mới ốm dậy, anh chàng kia gửi biếu ít tam thất "của nhà trồng được" còn bác lái xe gửi sách mua giúp anh ta đọc cho đỡ buồn và đỡ nhớ cuộc sống bình thường!

Đứng một lát, bác lái xe dắt tay người thanh niên lại chỗ ông hoạ sĩ và tôi để giới thiệu. Anh mời chúng tôi lên thăm ngôi nhà nơi anh ở. Sau đó, cũng như bao chàng thanh niên khác anh đỏ mặt, luống cuống rồi xin về nhà trước. Không chỉ riêng tôi, bác hoạ sĩ hay bất kỳ ai cũng sẽ nghĩ rằng anh chạy về trước để dọn dẹp nhà cửa, hay gấp chăn màn vì... thanh niên mà! Đã vậy lại ở một mình nên khó tránh khỏi điều khó nói ấy.

Nhưng thật bất ngờ! Tôi nhận thấy vẻ ngạc nhiên của bác hoạ sĩ khi bước lên bậc thang bằng đất thấy người con trai đang hái hoa. Còn tôi chỉ "ồ" lên một tiếng. Sau gần hai ngày, qua ngót bốn trăm cây số đường dài cách xa Hà Nội, đứng trong mây mù ngang tầm với chiếc cầu vồng kia, bỗng nhiên lại gặp hoa dơn, hoa thược dược, vàng, tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong... ngay lúc dưới kia là mùa hè, đột ngột và mừng rỡ, quên mất cả e lệ, tôi chạy đến bên người con trai đang cắt hoa. Anh rất tự nhiên như với một người bạn đã quen trao bó hoa đã cắt cho tôi, và cũng rất tự nhiên, tôi đỡ lấy.

- Tôi cắt thêm mấy cành nữa. Rồi cô muốn lấy bao nhiêu nữa, tuỳ ý. Cô cứ cắt một bó rõ to vào. Có thể cắt hết nếu cô thích. Tôi không biết kỷ niệm thế nào cho thật long trọng ngày hôm nay. Bác và cô là đoàn khách thứ hai đến thăm nhà tôi từ Tết, và cô là cô gái thứ nhất từ Hà Nội lên tới nhà tôi từ bốn năm nay.

Người con trai nói to những điều đáng ra người ta chỉ nghĩ. Cũng là những điều người ta ít nghĩ. Việc ấy làm cho tôi và bác hoạ sĩ cảm động và cuốn hút ngay. Tôi ôm bó hoa vào ngực, bạo dạn nhìn thẳng vào mặt anh. Anh thanh niên bắt gặp cái nhìn đó, phủi vội giọt mồ hôi trên sống mũi,

mỉm cười, hạ giọng hỏi:

– Cũng đoàn viên, phỏng?

– Vâng – Tôi nói.

– Thôi, chấm dứt tiết mục hái hoa – Người con trai bất chợt quyết định – Bác lái xe chỉ cho ba mươi phút thôi. Hết năm phút rồi. Cháu nói qua công việc của cháu, năm phút. Còn hai mươi phút, mời bác và cô vào nhà uống chè, cho cháu nghe chuyện. Cháu thèm nghe chuyện dưới xuôi lắm...

Anh bắt đầu kể về công việc của mình. Rằng công việc của anh là đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động địa cầu để dự báo thời tiết. Rồi cả những khó khăn, trở ngại: những đêm mưa bão, bão tuyết, trời nắng, mưa. Nhưng anh vẫn làm việc rất nghiêm túc đến từng giờ, từng phút. Bởi có lẽ anh hiểu được công việc của anh quan trọng như thế nào...

Tôi vẫn đứng đó, ôm bó hoa và lắng tai nghe. Anh bỗng dừng lại. Trời! Mười phút sao mà trôi nhanh quá!

– Anh nói nữa đi – Bác hoạ sĩ giục.

– Báo cáo hết! – Người con trai vụt trở lại giọng vui vẻ.

– Còn hai mươi phút nữa thôi. Bác và cô vào nhà. Chè đã ngấm rồi đấy.

Thì giờ ngắn ngủi còn lại thúc giục chính chúng tôi. Chúng tôi bước vào căn nhà ba gian sạch sẽ và gọn gàng.

Bác hoạ sĩ hứa sẽ quay trở lại và kể anh nghe chuyện dưới xuôi.

Bác vừa nhâm nhi chén chè và nghe anh giải thích cụm từ "cô độc nhất thế gian". Rằng còn có người cô độc hơn anh. Đó là anh bạn trên trạm đỉnh Phan xi păng ba trăm một trăm bốn mươi hai mét kia còn một mình hơn anh.

Tôi đang đọc cuốn sách trên bàn của anh và vẫn lắng tai nghe hai bác cháu họ nói chuyện.

Càng nói chuyện với chàng trai bác hoạ sĩ càng có vẻ thích thú. Bác đề nghị vẽ anh. Nhưng anh từ chối. Bởi theo anh – anh không phải là người đáng để vẽ. Anh khiêm tốn giới thiệu người khác. Đó là ông kỹ sư ở vườn rau dưới Sa Pa. Nhưng cũng may bằng mấy nét, hoạ sĩ đã ghi xong lần đầu gương mặt của người thanh niên.

Người thanh niên này làm tôi và bác hoạ sĩ suy nghĩ nhiều quá.

Những điều cùng nghe cộng với những điều tôi khám phá thấy trên trang sách đang đọc giở làm cho tôi bàng hoàng. Có phải vì ánh sáng trong quyển sách rọi sang làm tôi hiểu thêm về cuộc sống một mình dũng cảm tuyệt vời của người thanh niên, về cái thế giới những con người như anh mà anh kể, về con đường tôi đi tới?

Không phải chỉ vì bó hoa rất to sẽ đi theo tôi trong chuyến thứ nhất ra đời mà vì một bó hoa khác, bó hoa của những háo hức và mơ mộng ngẫu nhiên anh cho thêm tôi. Tôi không muốn những khoảnh khắc này trôi đi vô nghĩa trong đời mình. Tôi mong muốn để lại điều gì thật ý nghĩa nơi này... Tôi khẽ mở khoá chiếc xắc nhỏ bên mình...

Và thế là chỉ còn năm phút nữa.

Bác hoạ sĩ tặc lưỡi đứng dậy. Tôi cũng đứng lên đi ra chỗ bác.

– Ô Cô quên chiếc mùi xoa đây này!

Anh thanh niên vừa vào kêu lên, anh lấy chiếc khăn tay vo tròn cặp giữa cuốn sách tới trả cho tôi. Cái món quà mà tôi cho là một chút cỏn con, dịu dàng nhưng... Tôi cúi đầu ngượng ngùng không nhìn thẳng vào anh nhận lại chiếc khăn và quay đi.

Bác hoạ sĩ và anh lưu luyến rồi hẹn ngày gặp lại. Còn tôi – tôi chìa tay cho anh nắm, cẩn trọng rõ ràng như người ta cho nhau cái gì chứ không phải cái bắt tay. Tôi nhìn anh, cái nhìn như mãi mãi không bao giờ gặp lại.

– Chào anh.

Tôi không biết cảm giác lúc đó là gì nữa. Điều cuối cùng anh dành sự quan tâm cho mọi người đó là anh ấn cái làn vào tay bác hoạ sĩ rồi nói là để cho mọi người ăn trưa.

Chúng tôi ra về, nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hừng hực làm cho bó hoa càng rực thêm làm cho tôi cảm thấy mình rực rỡ theo.

Chuyến đi này là một chuyến đi thật khó quên trong đời tôi. Tôi đã gặp được những con người thật đẹp, thật cao cả. Họ làm cho tôi thấy yêu đời hơn, thấy tự tin với công việc của mình hơn và anh thanh niên để lại ấn tượng sâu đậm về một thế hệ trẻ như tôi – anh đã cống hiến hết mình cho phong trào ba sẵn sàng. Anh sống bên cái vẻ bề ngoài "lặng lẽ" nhưng bên trong thì rạo rực của vùng đất dấu yêu, thơ mộng này.

Đề 8: Dựa trên đoạn trích *Cảnh ngày xuân* (*Truyện Kiều*, Nguyễn Du), hãy kể lại cuộc đi chơi xuân của chị em Thuý Kiều.

Bài làm

Nhanh thật! Hôm nay đã là tiết thanh minh rồi. Thời gian cứ trôi đi nhanh như con thoi, thoắt một cái đã qua hai tháng, giờ đã là tháng thứ ba – tháng cuối cùng của mùa xuân.

Chao ôi! Phong cảnh mùa xuân tháng ba thật là đẹp! Chung quanh chỉ toàn màu xanh non của cỏ bao phủ cả mặt đất. Màu xanh ấy dường như trải dài vô tận. Xa tít tận chân trời kia cũng chỉ ngợp một màu xanh đó mà thôi. Điểm lên trên cái nền xanh tươi ấy là màu trắng tinh khôi của hoa lê. Sự kết hợp hài hòa của hai màu sắc tuyệt vời ấy càng làm cho bức tranh phong cảnh mùa xuân thêm phần sinh động, rạng rỡ, đầy sức sống.

Hôm nay là lễ tảo mộ, mọi người khắp nơi đều đổ về đây để chăm sóc phần mộ tổ tiên nhà mình. Thúy Kiều, Thúy Vân và Vương Quan cũng hòa vào dòng người đi lễ. Thật là một cảnh rộn rã, náo nhiệt. Đủ các tầng lớp xã hội có mặt ở đây, từ các tài tử giai nhân cho đến những người dân bình thường. Người thì ngựa xe, võng lọng theo hầu, người thì bận quần áo sặc sỡ, tất cả đã tạo nên một ngày hội tưng bừng đầy màu sắc. Mọi người, kẻ

thì rẫy cỏ, người thì đắp lại mộ, tô lại bia, nhộn nhịp. Tảo mộ xong thì cùng nhau đốt tiền vàng, thoi vàng, tro tiền gặp gió bay tứ tung khắp nơi. Người ta thắp hương nơi phần mộ tổ tiên của mình.

Chiều xuống, khi mặt trời đã ngả về tây, mọi người lũ lượt kéo nhau ra về. Ba chị em nhà Kiều cũng nắm tay nhau thơ thẩn bước trên con đường đỏ ráng chiều. Phong cảnh sao mà êm dịu, yên bình đến thế, chỉ nghe tiếng chim hót và tiếng suối kêu róc rách đâu đây. Ba chị em yên lặng tận hưởng cảm giác thanh bình của buổi chiều tà, lòng nao nao nuối tiếc ngày hội rộn ràng của mùa xuân. Xa xa, có cây cầu nhỏ bắc ngang qua ghềnh. Một ngày yên bình đã qua...

Đề 9: Kể lại bằng lời văn của mình nội dung đoạn trích *Mã Giám Sinh mua Kiều*.

Bài làm

Xưa, có một người thiếu nữ nổi tiếng khắp kinh thành bởi nhan sắc không ai sánh bằng và tài năng toàn vẹn của cầm, kỳ, thi, họa. Đó chính là Thúy Kiều. Nàng là con của một gia đình trung lưu lương thiện cùng hai em là Thúy Vân và Vương Quan. Nhưng trớ trêu thay, gia đình nàng bị mắc oan, cha nàng là Vương ông bị bắt. Giữa hoàn cảnh éo le đó, nàng đã chọn chữ hiếu để trọn đạo làm con. Kiều đã quyết định bán mình chuộc cha, mà kẻ mua nàng chính là Mã Giám Sinh – một tên buôn người có tiếng.

Mụ mối mà Kiều nhờ đã hoàn thành giao ước, mụ đã dẫn Mã Giám Sinh đến mua Kiều. Màn chào hỏi, vấn danh diễn ra thật chóng vánh:

– Mã Giám Sinh – Hắn xưng tên.

– Huyện Lâm Thanh – Hắn trả lời như vậy khi được hỏi đến quê quán.

Nhìn đến vẻ bề ngoài cũng đủ thấy hắn là một kẻ giả dối, xấu xa. Đã khoảng bốn mươi mà trông hắn vẫn ăn diện, ra vẻ trai lơ, không có gì là đĩnh đạc, đường hoàng. Người hầu kẻ hạ của hắn thì nhiều, ra vào không ngớt. Ngay hắn thôi cũng thể hiện sự vô học qua lời ăn, tiếng nói cộc lốc, giả dối. Hắn đến gia đình Kiều như thể đến nhà hắn vậy. Không thèm chào hỏi, mời mọc, hắn ngồi ngay ở ghế trên – chiếc ghế chỉ dành cho người chủ của gia đình. Trong khi kẻ ỷ thế đồng tiền còn đang ra vẻ quan lớn thì mụ mối đã nôn nóng giục Kiều ra mắt. Bề ngoài có vẻ như Mã Giám Sinh đến hỏi vợ, nhưng thực chất đó lại là một cuộc mua bán người. Kiều rõ điều đó hơn ai hết nên nàng sao có thể vui được. Gia đình gặp họa, mỗi người mỗi ngả, thân nàng thì phải bán mình chuộc cha. Nàng nhớ biết bao những ngày gia đình sum họp, những khoảnh khắc bên người đã cùng hẹn ước trăm năm. Nhưng những ngày đó đã qua rồi. Giờ đây, nàng bước ra gặp Mã Giám Sinh mà trong lòng cảm thấy sợ hãi, rụt rè. Kiều buồn nhưng vẫn toát lên vẻ đẹp vốn có. Nàng mảnh dẻ, yếu ớt như cây mai, cây trúc trước cơn gió lớn, khác gì cây liễu trước ngọn sóng to. Phần Kiều là vậy, còn về phần Mã Giám Sinh thì khác. Vốn là kẻ buôn người nên hắn ngắm nhìn,

dắn do về Kiều như lật qua lật lại mớ rau xem kỹ để mua. Hồi lâu sau, hắn mới thử tài Kiều. Hắn bắt Kiều phải chơi đàn nguyệt, làm thơ trên quạt cho hắn nghe. Hắn xem Kiều tấu lên bản nhạc buồn ai oán cùng bài thơ than phận trách trời, thật đáng thương. Nhưng Mã Giám Sinh không thèm để ý đến điều đó, hắn nhận thấy Kiều là một món hàng hiếm có, chắc chắn sẽ đem lại nhiều món hời nên chẳng ngại gì mà đồng ý mua ngay. Bằng giọng điệu của kẻ buôn người chuyên nghiệp, hắn hỏi giá:

– Xưa nay mua ngọc đến Lam Kiều, nay đây cũng vậy. Thật là một người sắc khó ai sánh bằng, tài hiếm ai bì kịp. Vậy sính nghi là bao?

Mụ mối thấy vậy khấp khởi mừng thầm, phen này sẽ được đổi đời, giàu to. Mụ ra giá ngay:

– Thúy Kiều vốn là quốc sắc thiên hương, chẳng may gặp gia biến, được để ý tới nên cũng không dám giấu, đáng giá nghìn vàng không hơn không kém.

Quả đúng là một cái giá cao, Mã Giám Sinh chưa vội trả giá ngay. Hắn và mụ mối kẻ bớt một, kẻ thêm hai, cò kè một hồi lâu mới được cái giá ngoài bốn trăm, tức là chưa được một nửa giá đầu. Thế mới tường tận đây là hai kẻ chỉ biết đến đồng tiền. Thật xót xa thay cho thân Kiều tội nghiệp. Vậy là từ đây, Kiều bước vào một cuộc đời sóng gió, ba chìm bảy nổi, lưu lạc khắp bốn phương.

Đề 10: Dựa trên đoạn trích *Mã Giám Sinh mua Kiều*, hãy kể lại sự kiện Mã Giám Sinh đến mua Kiều.

Bài làm

Thúy Kiều là một cô gái tài hoa, khuê các, con một gia đình trung lưu ở Bắc Kinh. Nàng sống một cuộc sống vô cùng hạnh phúc bên cạnh cha mẹ và hai em. Nhưng quãng thời gian đó thật ngắn ngủi, gia đình Kiều bị vu oan, của cải bị vét sạch, cha và em bị tra khảo bằng nhục hình. Mới mười sáu tuổi, Kiều đã phải đi đến một quyết định vô cùng đau xót là bán mình chuộc cha và em, dứt bỏ mối tình đầu say đắm với chàng công tử Kim Trọng.

Kiều đã tìm đến một mụ mối trong vùng và nhờ giúp mình lấy chồng càng nhanh càng tốt. Sau khi thỏa thuận xong khoản tiền thưởng của mình, mụ mối đã đồng ý dẫn một người đàn ông đến tìm Kiều để hỏi cưới. Người nhà Kiều chờ sẵn ở cửa đã lễ phép hỏi rằng:

– Chẳng hay quý tính đại danh của ngài là gì ạ?

Hắn trả lời cộc lốc:

– Mã Giám Sinh.

– Ngài là người miền nào ạ? Có gần đây không thưa ngài?

– Lâm Thanh, cũng gần thôi.

Chao ôi, cái cách trả lời sao mà khiếm nhã, hắn tự giới thiệu là Mã Giám Sinh ấy vậy mà cung cách trả lời thật không "giám sinh" một chút nào. Mã Giám Sinh nhìn thoáng qua là đã biết hắn đã hơn bốn mươi tuổi,

cái tuổi đã quá già để có thể lấy vợ. Ấy vậy mà trên mặt hắn tuyệt nhiên không có một sợi râu nào, vô cùng "nhẵn nhụi" và "trai lơ". Hôm nay hắn lại còn mặc một bộ quần áo kiểu chú rể nữa chứ. Áo đỏ chót, quần cũng đỏ chót, đầu đội mũ đen, tóc búi gọn ghẽ, lại còn cầm quạt có vẽ tranh sơn thuỷ để phe phẩy nữa chứ. Lố bịch hết sức. Đi theo hắn là một lũ tôi tớ chẳng có tôn ti trật tự gì cả. Hắn nói một câu, bọn chúng nói hai câu cứ loạn cả lên. Khi được mụ mối dẫn vào trong nhà, Mã Giám Sinh đã nhảy tót lên ghế trên ngồi. Đó là ghế dành cho bậc bề trên, con cháu không được phép tuỳ tiện ngồi lên. Mã đến đây với tư cách con rể, vậy mà lại ngồi tót lên một cách sỗ sàng đến như vậy quả là bất lịch sự. Trong khi hắn ngồi đấy, mắt đảo đi đảo lại thì mụ mối đã giục Kiều ra chào khách. Kiều lúc này đang ở trong một tâm trạng vô cùng tuyệt vọng và đau khổ. Đang có hai nỗi buồn giày xé tâm hồn nàng. Nàng phải chọn giữa một trong hai điều đó, đối với nàng quả thật là tàn nhẫn. Cuối cùng nàng đã chọn chữ hiếu và bước ra ngoài. Đi một bước là bao nhiêu dòng lệ của nàng tuôn rơi. Kiều khóc mà vẫn rất đẹp. Đối với nàng thì việc ra chào khách xem mặt quả là một việc làm vô cùng xấu hổ vì nàng là con gái khuê các, xưa nay chưa ra khỏi phòng để chào như vậy bao giờ. Thấy nàng buồn bã, xấu hổ, mụ mối lo lắm, sợ Mã Giám Sinh không ưa thì Kiều sẽ bị mất giá. Mụ bèn ra sức vén tóc, bắt tay Kiều, chỉ cho Mã Giám Sinh xem tóc nàng, mắt nàng... mà không nhận thấy rằng việc đó làm cho Kiều lại càng buồn tủi hơn vì một cô gái con nhà danh giá nay lại trở thành món đồ để người khác đi bán lại, bị coi như một thứ đồ đạc chứ không phải là con người nữa. Nhưng bọn tàn ác bất nhân kia thì quan tâm gì đến việc đấy, chúng chỉ nghĩ đến tiền, tiền, tiền mà thôi. Mã Giám Sinh đã tận mắt thấy sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành của Kiều. Nhưng hắn thực chất là một con buôn giả dối và lọc lõi, hắn đến đây với mục đích mua Kiều về làm ca kỹ cho lầu xanh của Tú Bà nên hắn vẫn còn muốn thử xem Kiều có thực sự tài hoa như mụ mối mách bảo hay không. Hắn bắt Kiều phải đàn cho hắn nghe, Kiều đã đàn ngay ca khúc Bạc mệnh của mình tự viết với tất cả tâm trạng đau khổ của mình. Tiếng nhạc du dương, tha thiết làm rung động lòng người, nhưng Mã Giám Sinh vẫn chưa vừa ý, hắn bắt Kiều phải làm thêm một bài thơ đề vào chiếc quạt giấy của hắn. Kiều đã làm đúng yêu cầu, Mã Giám Sinh rất ưng ý và đã đồng ý mua người. Hắn quay sang hỏi mụ mối:

– Mua ngọc đến Lam Kiều, sính nghi ta cần chuẩn bị là bao nhiêu?

Lời nói mới thật hoa mĩ làm sao, trái ngược hẳn với những lời hắn đã nói trước kia. Nhưng bản chất con buôn của hắn vẫn bộc lộ rất rõ khi mụ mối ra giá:

– Đây là một tuyệt thế giai nhân đáng giá nghìn vàng, chỉ vì hoàn cảnh gia đình nên phải bán mình, xin ngài thương xót.

Nhưng Mã Giám Sinh đâu chịu mất nhiều tiền thế, hắn cò kè bớt một thêm hai với mụ mối một hồi lâu. Cuối cùng cả hai đồng ý với bốn trăm

năm mươi lạng vàng. Một cái giá vô cùng rẻ mạt đối với một con người "sắc đành đòi một tài đành họa hai" là Kiều.

Thế là Kiều đã bị bán đi, cuộc đời này đã rẽ sang một trang mới. Bao nhiêu thử thách, khó khăn, cạm bẫy đang chờ nàng ở phía trước. Ôi! Giá như trên đời này không có những con người bất nhân, coi tiền bạc quí hơn tính mạng con người thì đã không có những cảnh tượng đau xót đến thế, cuộc đời Kiều đã không phải khổ như sau này.

Đề 11: Thay lời nhân vật Thuý Kiều (trong đoạn trích *Thuý Kiều báo ân báo oán* – tác phẩm *Truyện Kiều* của Nguyễn Du), em hãy viết đoạn văn kể lại cảnh "báo ân" Thúc Sinh, trong đó có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm.

Bài làm

Hôm đó tốt ngày, tôi sai người đến mời Thúc Sinh, tôi đã rất xúc động khi gặp lại chàng, cả đêm hôm trước tôi đã nhớ lại hình ảnh của Thúc Lang – một chàng trai hào hoa, phong nhã, dốc lòng nhân nghĩa cứu tôi ra khỏi chốn lầu xanh. Nhưng hôm đó, trước mắt tôi là một Thúc Sinh khác hẳn, chàng nhút nhát, nghe vẻ sợ sệt, mình run lên như một chú dế nhỏ, mặt chàng tái lại, tôi hết sức bất ngờ, tôi không thể tìm thấy ở chàng con người xưa, tính cách phong lưu, mực thước mà tôi hằng kính trọng. Có phải chốn gươm đao, hay chính nơi quan đường đã làm chàng hoảng sợ, hay rằng chàng đang cảm thấu xấu hổ vì đã không bảo vệ được tôi, hoặc giả người vợ độc ác đã biến chàng thành một kẻ nhu nhược, hèn nhát...? Càng nghĩ như thế, tôi càng thương chàng hơn, tôi tiến đến và hỏi han Thúc Sinh: "Ôi hỡi Thúc Lang, chàng ơi, gặp lại người xưa, thiếp chẳng thể ngờ, qua bao nhiêu năm gian lao cách trở chàng còn nhớ thiếp chăng?" Tôi và Thúc Sinh ai nấy đều bồi hồi, xao xuyến, cùng nhau nhớ lại những tình nghĩa xưa. Tôi rằng: "- Xưa kia, chàng đã hào phóng ra tay giúp thiếp, nay được nương vào chốn giàu sang, thiếp vẫn chẳng quên ơn chàng. Nay chàng hãy nhận của thiếp chút quà báo đáp, gọi là.". Nói rồi, tôi cho người mang đến trăm cuốn gấm và một nghìn cân bạc. Tôi mong sao chàng cũng có được cuộc sống bình yên, hạnh phúc như tôi, tôi chỉ thương cho chàng vì ngày ngày chịu đựng sự nhục nhã, đày đoạ từ người vợ cay nghiệt.

Đề 12: Đóng vai Thúy Kiều kể lại cho mọi người nghe việc báo ân báo oán.

Bài làm

Trong mười lăm năm lưu lạc, cuộc đời tôi tưởng bị chôn vùi trong những tháng ngày "thanh lâu hai lượt thanh y hai lần". Nhưng may mắn thay, đã có lúc tôi được cuộc đời nâng niu, ưu ái. Những thay đổi ấy có được là nhờ Từ Hải, một con người "đội trời đạp đất ở đời".

Về với chàng ít lâu, sau những chiến công lừng lẫy của chàng, tôi trở thành đệ nhất phu nhân. Chàng hỏi tôi về những người đã từng có ơn, những

kẻ đã hãm hại, đẩy tôi vào bể khổ. Rồi chàng mời hết những người có ơn, bắt hết những kẻ gian ác ấy về cho tôi toàn quyền xử tội. Thế là hôm ấy, tôi và chàng ngồi trên điện xét xử: báo ân và báo oán. Đầu tiên là Thúc Sinh, người đã từng có ơn cứu tôi khỏi lầu xanh. Chàng Thúc bước vào, mặt đỏ như chàm, mình mẩy run run. Tôi nghĩ, chắc chàng quá sợ đây mà. Tôi biết chàng là người nhu nhược nhưng tôi không trách móc. Dù vợ cả chàng là Hoạn Thư luôn ghen tuông hành hạ tôi nhưng chuyện đó để khi khác! Giờ đây tôi phải đền ơn chàng. Tôi cất tiếng: "Chào chàng Thúc! Hôm nay mời chàng đến đây là để tôi bày tỏ chút lòng thành, xin được đền ơn chàng!".

Nghe đến đây dường đã đỡ sợ nên chàng lên tiếng: "Vâng...!". Tôi lại nói: "Nghĩa chàng dành cho tôi nặng đến nghìn non, trả làm sao hết. Đây có gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân để tạ lòng chàng gọi là có vậy. Mong chàng nhận cho". Người hầu bưng lễ ra, chàng lạy tạ lời nhận lễ. Nhưng tôi nghĩ: "Sao chàng phải lạy tạ, chàng còn sợ chăng? Thôi ta để chàng đi vì còn nhiều người phải báo ân nữa". Nhìn chàng, tôi lại chua xót nghĩ đến sự quỷ quyệt của Hoạn Thư. Tại sao hai con người ấy lại có thể chung chăn, chung gối được nhỉ! Tôi bèn mỉm cười nói thêm với chàng Thúc: "Vợ chàng quỷ quái tinh ma, phen này kẻ cắp bà già gặp nhau".

Chàng đi ra và tiếp đó tôi báo ân cho nhiều người khác: vãi Giác Duyên, cô a hoàn, mụ quản gia... những người đã yêu thương, giúp đỡ tôi trong những ngày khốn khó.

Sau đó là đến việc báo oán, người đầu tiên mà tôi phải trả thù, trả hết oán chính là Hoạn Thư - vợ cả của Thúc Sinh. Mụ vừa vào tới cửa tôi đã nói đón: "Tiểu thư cũng có thì giờ đến đây ư?". Rồi tôi lại dõng dạc hơn: "Đàn bà dễ có mấy tay. Từ xưa đến nay được mấy người nhiều mưu mô, tinh quái như bà?". Mụ vội vàng quỳ xuống, phần vì nhận ra tôi đang ngồi trên, phần vì thấy hàng hàng quân lính áo giáp, gươm đao đầy mình. Tôi nghĩ: "Chắc phen này mụ sẽ phát hoảng lên, sẽ lạy lục van xin vì biết mình có tội. Mụ sẽ biết thế nào là "gieo nhân nào được quả nấy". Tôi lại dõng dạc hơn: "Dễ dàng là kiếp hồng nhan, ăn ở mà càng cay nghiệt thì sẽ càng chịu nhiều oan trái". Đến đây Hoạn Thư đã hiểu ra. Nhưng mụ tinh ranh quá, mụ còn bình tĩnh khấu đầu rồi xin thưa. Tôi biết mụ sẽ kêu ca, sẽ chữa tội cho mình, lúc này tôi có thể cho mụ từ giã cõi đời nhưng tôi vẫn muốn xem mụ sẽ nói gì, và cũng một phần vì tôi muốn xem mụ có hối cải không. Nếu có, tôi có thể mở lượng khoan hồng tha không giết mụ. Mụ bắt đầu thưa: "Thưa phu nhân, tôi đây là phận đàn bà hèn kém nên cũng như ai. Tôi ghen tuông thì cũng là chuyện thường tình, nghĩ lại ngày ấy kẻ hèn mọn này đã để phu nhân ra gác viết kinh ở, với lại khi phu nhân bỏ đi, tôi đâu đuổi theo bắt về mặc dù biết gác viện đã mất vài thứ đáng giá... Nhưng cũng tại kẻ hèn mọn này gây ra việc chông gai, giờ thì chỉ còn biết trông chờ vào tấm lòng bao dung rộng lớn như biển cả của phu nhân mà thôi. Xin phu nhân nghĩ cho mà thương cho kẻ hèn kém này".

Tôi bàng hoàng, khen cho mụ khôn ngoan đến mực mà nói năng phải lời. Mụ thật giảo hoạt, khôn ngoan, tinh quái, ranh mãnh. Nhưng lời nói

của mụ có lý quá, tôi cũng là đàn bà thì cần hiểu được suy nghĩ chung của đàn bà là thói ghen tuông. Nhưng tha cho mụ thì may đời cho mụ còn làm ra thì ai là người nhỏ nhen, với lại tôi đã có ý khoan hồng nếu mụ biết hối cải. Dù chưa thấy hành động nhưng lời nói của mụ thì cũng có tình, có lý. Mụ đã nhận hết lỗi vào mình thì cũng khoan dung cho mụ và tôi chỉ nói thêm: 'Hãy biết hối cải vì sống mà tạo nhiều ơn nghĩa thì sẽ gặp nhiều điều tốt đẹp. Nên nhớ câu ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ".

Sau đó tôi còn xử tội nhiều tên khác. Tất cả chúng đều là lũ gian ác, độc địa, bất nhân. Đã trải qua biết bao đắng cay, khổ nhục tôi càng thấm thía cái lẽ lời: "Hồng nhan bạc mệnh". Nhưng thôi, giờ đây tôi đã đoàn tụ với cả nhà có cha, có mẹ, có anh em, có người yêu chung thuỷ thì cuộc sống còn gì không hạnh phúc? Cuộc sống cũng có quy luật: "Gặp nhiều tai ương rồi sẽ có được niềm hạnh phúc".

Đề 13: Cho đề bài "Em hãy thuật lại (kể lại) chiến công thần tốc đại phá quân Thanh của vua Quang Trung từ tối 30 Tết đến ngày mồng năm tháng Giêng". Em hãy viết đoạn văn mở bài cho bài viết trên.

Bài làm

Lê Chiêu Thống, một con người phản nước hại dân, do lo sợ mất ngôi vị hoàng đế đã cầu cứu mở đường cho quân Thanh xâm lược nước ta. Ngày hai mươi hai tháng mười một, Lê Chiêu Thống nhận sắc phong của nhà Thanh là Nam Quốc Vương. Ngày hai mươi tư tháng mười một, Văn Tuyết vào Nam cấp báo Bắc Bình Vương về việc Tôn Sĩ Nghị mang quân Thanh xâm lược Thăng Long. Do quân Thanh quá mạnh, Ngô Văn Sở phải rút lui về Tam Điệp, không giữ được đất từ cửa ải phía Bắc cho đến Thăng Long, đây là một biến cố lớn trong lịch sử nước ta. Bắc Bình Vương là người mưu lược, dũng tướng, nhạy bén, trí tuệ sáng suốt, mạnh mẽ và có tài điều binh khiển tướng. Trước biến cố đó, ông tức giận vô cùng nhưng vẫn hết sức bình tĩnh và quyết định mở cuộc tiến công ra Bắc đại phá quân Thanh.

Đề 14: Cho đề bài "Em hãy thuật lại (kể lại) chiến công thần tốc đại phá quân Thanh của vua Quang Trung từ tối 30 Tết đến ngày mồng năm tháng Giêng". Em hãy viết đoạn văn thuật lại chiến thắng Ngọc Hồi trong bài viết trên.

Bài làm

Mờ sáng ngày mồng 5 Tết, quân ta đánh đồn Ngọc Hồi – Thanh Trì – Hà Nội. Đây là đồn quan trọng nhất của địch với hàng vạn quân tinh nhuệ đóng giữ. Đồn luỹ được xây đắp kiên cố, xung quanh đều cắm chông sắt và chôn địa lôi dày đặc. Vua Quang Trung thấy thế, truyền lấy sáu chục tấm ván, cứ ghép liền ba tấm làm thành một bức, bên ngoài lấy rơm dấp nước phủ kín, tất cả là hai mươi bức. Đoạn kén hạng lính khoẻ mạnh, cứ mười người khênh một bức, lưng giắt dao ngắn, hai mươi người khác đều cầm

binh khí theo sau, dàn thành trận chữ "nhất". Quân Thanh nổ súng bắn ra, chẳng trúng người nào cả. Nhân có gió bấc, quân Thanh liền dùng ống phun khói lửa, toả khói mù trời, cách gang tấc không thấy gì hòng làm quân Nam rối loạn. Không ngờ trong chốc lát sau đó, trời chuyển gió, kẻ địch thành ra tự đốt mình. Vua Quang Trung liền gấp rút sai đội khiêng ván vừa che vừa xông thẳng lên trước. Khi gươm giáo hai bên đã chạm nhau thì quăng ván xuống đất, ai nấy cầm dao ngắn chém bừa, những người cầm binh khí theo sau cũng nhất tề xông tới mà đánh. Quân Thanh không chống đỡ nổi, bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết, thây ngổn ngang đầy đồng, máu chảy thành suối. Trước đó nhà vua Tây Sơn đã sai một toán quân theo bờ đê Yên Duyên kéo lên, mở cờ dóng trống để làm nghi binh ở phía đông. Đến lúc đó, quân Thanh lại càng sợ tìm lối tắt để trốn. Chợt lại thấy voi từ Đại Áng tới, quân Thanh đều hết hồn hết vía, vội trốn xuống Đầm Mực, làng Quỳnh Đô. Quân Tây Sơn lùa voi cho giày đạp chết hàng vạn người.

Đề 15: Cho đề bài "Em hãy thuật lại (kể lại) chiến công thần tốc đại phá quân Thanh của vua Quang Trung từ tối 30 Tết đến ngày mồng năm tháng Giêng". Em hãy viết đoạn văn kết bài cho bài viết trên.

Bài làm

Chiến công đại phá quân Thanh đã chứng tỏ nước Việt Nam là một nước mạnh mẽ, có độc lập, chủ quyền. Để khắc hoạ sâu sắc hình tượng người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ với tài mưu lược, ý chí kiên cường đấu tranh, và ôn lại chiến thắng lịch sử hào hùng của dân tộc, hàng năm, dân ta vẫn tổ chức lễ hội Đống Đa. Lễ hội đó cũng là để nhớ đến công lao của ông cha thời xưa đã đại phá quân Thanh thần tốc.

Đề 16: Em hãy thuật lại (kể lại) chiến công thần tốc đại phá quân Thanh của vua Quang Trung từ tối 30 Tết đến ngày mồng năm tháng Giêng.

Bài làm

Nhà Tây Sơn gồm ba anh em Nguyễn Huệ, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ. Mỗi người xưng vương một miền. Nguyễn Huệ được mọi người gọi là Bắc Bình Vương. Trong thời kỳ đầy biến động của xã hội phong kiến Việt Nam những năm 30 cuối thế kỉ XVIII, Lê Chiêu Thống rất lo sợ cho cái ngai vàng mọt rỗng của mình nên đã cầu cứu quân thanh, mở đường cho quân Thanh và Tôn Sĩ Nghị kéo quân vào Thăng Long xâm lược nước ta. Ngày 24 tháng 11, Trần Văn Tuyết chạy vào thành Phú Xuân cấp báo cho Bắc Bình Vương về việc quân Thanh xâm lược; Lê Chiêu Thống nhận sắc phong của vua nhà Thanh là Nam Quốc Vương; Ngô Văn Sở cho quân rút lui về Tam Điệp, nghĩa là nước ta mất hết đất từ cửa ải phía Bắc đến Thăng Long. Nghe được tin cấp báo, Bắc Bình Vương giận lắm. Biết là biến cố lớn, ông quyết định mở cuộc tấn công ra Bắc đại phá quân Thanh.

Nguyễn Huệ quyết định lên làm vua, lấy niên hiệu là Quang Trung và mở cuộc tấn công ra bắc.

Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế ngày 25 tháng Chạp năm Mậu Thân 1788. Theo sử sách ghi lại trích trong "Các triều đại Việt Nam", Nguyễn Huệ là một vị tướng tài: "Đây là người có dung mạo đặc biệt, tóc xoăn, da sần, tiếng nói sang sảng như chuông, đôi mắt sáng như chớp, có thể nhìn thấy mọi vật trong đêm tối. Vẻ mặt của ông như toát lên một ý chí, một cái đẹp oai phong, lẫm liệt".

Bấy giờ ở Phú Xuân, vua Quang Trung cho kén lính. Ở Nghệ An, cứ ba suất đinh thì lấy một người, chưa mấy lúc, đã được hơn một vạn quân tinh nhuệ. Rồi nhà vua cho mở cuộc duyệt binh lớn ở Vĩnh Doanh (Nghệ An). Đến Thanh Hoá ông vẫn tiếp tục tuyển thêm binh lính và làm lễ tuyên thệ. Trong lời dụ với các tướng sĩ, Quang Trung lẫm liệt và thể hiện rõ quyết tâm chống giặc ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập của đất nước. Với ý chí hiên ngang, bất khuất, với ánh mắt căm thù giặc, Quang Trung đã tuyên bố:

Đánh cho để dài tóc,
Đánh cho để đen răng,
Đánh cho nó chích luân bất phản,
Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn,
Đánh cho sử tư Nam quốc anh hùng chi hữu chủ.

Sau đó Quang Trung cũng động viên tướng sĩ của mình có lòng quyết tâm bằng giọng nói sang sảng, đầy hào khí, khẳng định niềm tin vào ý chí quyết thắng của đội quân chính nghĩa. Ra đến Tam Điệp, Quang Trung đã phân rõ công tội của Sở và Lân qua lời nói rất hào khí "Binh pháp dạy rằng: "Quân thua chém tướng" tội của các ngươi tuy đáng chết một vạn lần. Song ta nghĩ các người đều là hạng võ dũng, chỉ biết gặp giặc là đánh, nên việc tuỳ cơ ứng biến là không có tài" và ông khen ngợi kế sách tạm rút quân để bảo toàn lực lượng của Ngô Thì Nhậm và các tướng.

Vua Quang Trung bèn sai mở tiệc để khao quân rồi bảo kín với các tướng sĩ: "Ta với các ngươi hãy tạm sửa lễ cúng Tết trước đã. Đến tối 30 Tết lập tức lên đường, hẹn đến ngày mồng 7 năm mới thì vào thành Thăng Long mở tiệc ăn mừng.

Sau đó ông chia ra làm 5 đạo quân. Đạo chủ lực do Quang Trung trực tiếp chỉ huy, thẳng hướng Thuỷ Long. Đạo thứ hai và thứ ba đánh vào tây nam Thăng Long và yểm trợ cho đạo chủ lực. Đạo thứ tư tiến ra phía Hải Dương. Đạo thứ năm tiến lên Lạng Giang – Bắc Giang, chặn đường rút lui của quân địch. Khi tiến thẳng đến thành Thăng Long, để giữ sức cho quân lính chiến đấu, ông sai dùng cáng làm võng. Hai người khiêng một người nằm ngủ và cứ thế luân phiên nhau đi suốt ngày đêm.

Đến đêm 30 Tết âm lịch, quân ta vượt sông Gián Khẩu, tiêu diệt gọn toàn bộ quân địch ở đồn tiền tiêu, khí thế của quân ta càng lớn. Sau những ngày Quang Trung hành quân thần tốc, quân giặc tan vỡ tháo chạy nhưng

không thoát, nên không báo được tin về. Việc tiến quân của quân ta rất bí mật. Nửa đêm ngày mồng 3 tháng giêng, năm Kỷ Dậu, vua Quang Trung tới làng Hà Hồi và lặng lẽ vây kín làng. Quân giặc bị bất ngờ, hoảng sợ, hạ khí giới xin đầu hàng, lương thực và khí giới đều bị quân ta lấy hết.

Mờ sáng ngày mùng năm, quân ta tiến sát đồn Ngọc Hồi. Đây là đồn quan trọng nhất của địch. Đồn lũy được xây dựng kiên cố, xung quanh đều cắm chông sắt và chôn địa lôi. Vua Quang Trung thấy thế, truyền lấy sáu chục tấm ván, cứ ghép liền ba tấm làm thành một bức, bên ngoài lấy rơm dấp nước phủ kín, tất cả là hai mươi bức. Đoạn kén hạng lính khoẻ mạnh, cứ mười người khênh một bức, lưng giắt đao ngắn, hai mươi người khác đều cầm binh khí theo sau, dàn thành trận chữ "nhất". Khi tiến sát đến gần, Quang Trung truyền lệnh cho quân sĩ đồng loạt xông tới, quân Thanh nổ súng nhưng không trúng bèn phun khói lửa nhưng không ngờ gió đổi hướng, quân Thanh tự làm hại mình, thế gọi là "gậy ông đập lưng ông". Được lệnh, đội quân khiêng ván vừa che vừa xông lên, khi đã chạm nhau thì quăng ván xuống; dùng đao ngắn chém bừa, những quân sĩ đằng sau cũng nhất tề xông lên. Quân Thanh chống không nổi, bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết, thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối. Quân Thanh đại bại. Cùng lúc đó, đạo quân thứ hai và thứ ba tấn công vào đồn Đống Đa, được nhân dân địa phương ủng hộ, quân ta giáp chiến, đốt lửa thiêu cháy doanh trại. Tướng giặc là Sầm Nghi Đống khiếp sợ, thắt cổ tự tử. Quân Thanh tháo chạy về phía đông trông thấy đạo quân thứ tư càng khiếp sợ, bèn tìm lối tắt nhưng bị đạo quân thứ năm chặn đường. Hết hồn vía, quân Thanh bèn trốn xuống làng Quỳnh Đô, bị voi quân ta giày đạp, chết hàng loạt. Tôn Sĩ Nghị nghe tin cấp báo thì bàng hoàng mất vía, thật là "tướng từ trên trời rơi xuống, quân chui dưới đất lên". Sợ mất mật, Tôn Sĩ Nghị vội vã bỏ trốn. Quân sĩ nghe tin thì hoảng hốt tranh nhau qua cầu, xô đẩy nhau rơi xuống nước mà chết. Khi cầu gãy, quân lính rơi xuống sông làm nước sông Nhị Hà bị tắc nghẽn. Về phần vua Lê, đang mải mê yến tiệc, nghe tin liền chạy trốn. Trời nhá nhem tối thì đến kịp chỗ của Tôn Sĩ Nghị. Trưa mùng năm Tết Kỉ Dậu, Quang Trung cùng đoàn quân tiến thẳng vào Thăng Long giữa muôn ngàn tiếng reo hò của nhân dân.

Đề 17: Em hãy tóm tắt tác phẩm *Truyện Kiều* của đại thi hào Nguyễn Du.

Bài làm

Vương Thuý Kiều là người con gái tài sắc vẹn toàn. Nàng xuất thân từ một gia đình trung lưu, dưới Kiều còn hai em là Thuý Vân và Vương Quan. Trong Tết Thanh minh, Kiều cùng hai em đi tảo mộ. Trong dịp này nàng gặp Kim Trọng – một chàng trai "Phong tư tài mạo tót vời / Vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa". Hai người vừa gặp nhau "tình trong như đã mặt ngoài còn e". Cũng trong dịp này, Kiều gặp nấm mồ vô cùng hiu quạnh của Đạm Tiên, nàng cám cảnh mà khóc than cho số phận của người kĩ nữ bạc phận ấy. Trở về nhà, nàng được linh hồn Đạm Tiên báo trước cho

những đồng bào đời mình.

Sau khi gặp Thuý Kiều ở buổi Thanh minh, Kim Trọng dò la tin tức của nàng rồi dọn nhà đến gần nhà Kiều và tìm cách làm quen. Nhân buổi cha mẹ vắng nhà, Kiều sang nhà Kim Trọng tâm tình. Mối tình giữa hai người này nở tốt đẹp, họ vừa yêu vừa trọng nhau rất mực. Họ đã thề nguyền và trao vật đính ước với nhau.

Gia đình Kim Trọng có tang, chàng phải về quê chịu tang. Trong khi đó, cha Kiều bị thằng bán tơ vu oan. Gia đình Kiều tan nát, Vương ông và Vương Quan bị tra khảo. Kiều phải bán mình để chuộc cha. Trước khi theo Mã Giám Sinh, nàng đã nhờ Thuý Vân nối duyên với Kim Trọng để không phụ tình chàng. Nhưng bi kịch chưa dừng lại ở đó. Hoá ra, Mã Giám Sinh với Tú Bà đều là những kẻ buôn thịt bán người. Ở lầu xanh, nàng đã toan tự sát nhưng không thành. Sau đó, Kiều tiếp tục bị Sở Khanh lừa tình, nàng cay đắng chấp nhận cuộc sống đầy tủi nhục. Tại đây, ít lâu sau, Kiều được Thúc Sinh cứu thoát. Nhưng Thúc Sinh đã có vợ là Hoạn Thư ở quê nhà. Biết chuyện của chồng, Hoạn Thư đã ngấm ngầm sai người đến bắt cóc Thuý Kiều về làm con ở rồi làm ra cảnh bắt Kiều hầu hạ hai vợ chồng mình trong tiệc rượu hàn huyên. Bị đánh ghen một cách tàn nhẫn, Kiều bỏ trốn đến nương nhờ cửa Phật. Chẳng may sư trụ trì vô tình gửi nàng cho Bạc Hạnh – một kẻ cùng nghề với Tú Bà, Kiều lại bị rơi vào lầu xanh một lần nữa. Tại đây, Kiều gặp Từ Hải – một đấng nam nhi đầu đội trời chân đạp đất. Từ Hải cứu Kiều khỏi lầu xanh rồi giúp nàng báo ân báo oán. Vì một chút sơ sảy, Kiều bị Hồ Tôn Hiến, một mệnh quan triều đình lừa nên đã hại Từ Hải chết đứng giữa trận tiền. Nàng còn bị Hồ Tôn Hiến ép hầu rượu suốt đêm rồi đem gả cho một gã thổ quan. Trên đường ngồi kiệu hoa, nàng đã trầm mình xuống sông Tiền Đường. May sao, nàng được vãi Giác Duyên cứu vớt.

Tuy kết duyên với Thuý Vân, Kim Trọng vẫn nhớ thương Kiều, chàng đã cất công đi tìm nàng. May mắn thay, chàng gặp được vãi Giác Duyên. Gia đình Kiều được đoàn tụ. Chiều ý mọi người, Thuý Kiều nối lại duyên với Kim Trọng nhưng cả hai cùng nguyện ước "lấy tình cầm sắt đổi ra cầm kì".

Đề 18: Em hãy tóm tắt giá trị nội dung của tác phẩm *Truyện Kiều* (Nguyễn Du).

Bài làm

Tác phẩm "Truyện Kiều" của đại thi hào Nguyễn Du mang giá trị hiện thực và nhân đạo to lớn.

Tác phẩm đã dựng lên một bức tranh xã hội rộng lớn phản ánh tình trạng xã hội đương thời. Trong đó, nhà thơ đã lên án, tố cáo những thế lực chà đạp lên quyền được sống, quyền được hạnh phúc của con người. Đó là sức mạnh đen tối của đồng tiền phi nghĩa, nó đã trở thành kẻ đồng lõa với lòng tham, sự bất công và cái ác. Vì tham tiền mà thằng bán tơ vu khống Vương ông; vì tham tiền mà Mã Giám Sinh, Tú Bà, Bạc Bà, Bạc Hạnh... đã

dựng lên cả một hệ thống nhà chứa; vì tham tiền mà sinh ra những kẻ phản trắc, nhẫn tâm như Sở Khanh, Ưng, Khuyển,... Đó là chế độ nhà chứa được dung túng đã giam cầm, lừa lọc con người, đặc biệt là người phụ nữ. Biết bao người con gái đã bị chôn vùi tuổi thanh xuân chốn lầu xanh nhơ nhớp ấy mà Đạm Tiên và Thuý Kiều là những số phận tiêu biểu. Giá trị hiện thực của tác phẩm còn thể hiện ở việc tố cáo sự thối nát của chính quyền phong kiến mà đại diện là Hồ Tôn Hiến cùng bè lũ sai nha,... Chúng chẳng những tàn bạo, lật lọng, tham lam mà còn là một phường phản trắc, dâm ô.

Không dừng lại ở đó, điều khiến tác phẩm đi xa hơn trong lịch sử văn học và trong đời sống nhân dân chính là giá trị nhân đạo, đây là giá trị nổi bật nhất của tác phẩm. Giá trị nhân đạo của "Truyện Kiều" được thể hiện ở nhiều phương diện thông qua nhân vật chính của tác phẩm là người con gái tài hoa bạc mệnh Vương Thuý Kiều. Tác phẩm đã thể hiện niềm đồng cảm sâu sắc với số phận bất hạnh của con người, đặc biệt là người phụ nữ. Trong xã hội xưa, thân phận của họ bọt bèo, rẻ rúng. Họ luôn là đối tượng để những kẻ tham lam, tàn bạo lợi dụng, lừa lọc. Thuý Kiều, dẫu là một người con gái tài sắc nhưng cũng không được trân trọng, nâng niu mà bị lừa vào lầu xanh, bị đối xử tàn bạo bị "vùi hoa giập liễu",... Bên cạnh đó, tác giả đã hết sức trân trọng những vẻ đẹp của con người. Đó là chàng Kim Trọng rất mực chung tình, là Từ Hải anh hùng cái thế,... Và đặc biệt là người con gái Vương Thuý Kiều chẳng những xinh đẹp, tài hoa mà còn vô cùng hiếu nghĩa, tiết hạnh. Tác phẩm đồng thời cũng bày tỏ lòng tin ở hạnh phúc của con người, cái ác sẽ bị trừng phạt, người ngay sẽ được hưởng yên bình, hạnh phúc.

Với những giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc, "Truyện Kiều" của Nguyễn Du xứng đáng là kiệt tác của văn học nước nhà, là nơi lưu giữ "quốc hồn", "quốc tuý" của dân tộc Việt Nam.

Đề 19: Tóm tắt cảnh 3 trong vở kịch *Tôi và chúng ta* của Lưu Quang Vũ.

Bài làm

Sau một năm về làm quyền giám đốc xí nghiệp Thắng Lợi, Hoàng Việt đã nhận ra xí nghiệp đang đứng bên bờ vực thẳm, mọi người tự đánh lừa mình, lừa cấp trên bằng việc hoàn thành các kế hoạch một cách giả tạo. Thực ra trong xí nghiệp cũng có những nhân tố tích cực như là kỹ sư Lê Sơn, kíp trưởng Thanh. Họ cũng thấy được sự bất hợp lí trong cung cách quản lí của xí nghiệp bấy lâu, nhưng họ không dám, hoặc không có điều kiện thực hiện những ý tưởng mới mẻ của mình. Nay với tư cách là quyền giám đốc, nhận thấy những bất hợp lí đó, Hoàng Việt quyết định củng cố lại xí nghiệp và thực thi phương án làm ăn mới, dứt khoát không tuân thủ theo những lối mòn các nguyên tắc lạc hậu đã kìm hãm sự phát triển của xí nghiệp. Những ý kiến của Hoàng Việt về kế hoạch mở rộng sản xuất và

phương án làm ăn mới không được sự đồng thuận và chia sẻ của những con người bảo thủ đang là cộng sự của mình. Muốn mở rộng quy mô sản xuất thì cần phải thêm nhiều công nhân. Trưởng phòng Lao động cho rằng biên chế trên cho ta có thế. Trưởng phòng Tài vụ nói không có quỹ lương cho hợp đồng, không chịu chi tiền để sửa chữa vật tư máy móc, dù đã có lệnh chi của giám đốc. Việc giảm biên chế của quản đốc phân xưởng đã gây phản ứng mạnh mẽ đến quản đốc Trương. Hoàng Việt cho đó là thừa, Trương cho đó một chức quan trọng không thể thiếu. Nhất là Phó Giám đốc Nguyễn Chính, người chỉ luôn miệng dựa vào cấp trên để không tán thành kế hoạch đổi mới của Hoàng Việt. Những mâu thuẫn đó đã tạo nên xung đột kịch, những mâu thuẫn dồn dập giữa hai tuyến nhân vật tiên tiến và bảo thủ đã làm cho cảnh diễn trở nên hấp dẫn.

Đề 20: Nêu ngắn gọn mâu thuẫn cơ bản trong vở kịch *Tôi và chúng ta* của Lưu Quang Vũ. Cho biết tính chất tiến bộ của nội dung tư tưởng trong tác phẩm?

Bài làm

Nội dung cơ bản của vở kịch "Tôi và chúng ta" của Lưu Quang Vũ là cuộc đấu tranh âm thầm nhưng dai dẳng và không kém phần gay gắt giữa cái mới (những tư tưởng tiến bộ, cách mạng) và cái cũ, vốn chủ yếu dựa vào những quy chế, quy định lỗi thời, bảo thủ nhưng khá kiên cố. Trong đoạn trích này, tư tưởng tiến bộ do Giám đốc Hoàng Việt đề xướng chưa trở thành hiện thực nhưng với cơ sở thực tế, hệ thống lí luận chặt chẽ, lại được sự đồng tình, ủng hộ của quần chúng nhân dân, có thể thấy rằng những tư tưởng ấy chắc chắn sẽ trở thành hiện thực, mang lại đời sống tốt đẹp hơn cho công nhân, đưa nhà máy phát triển theo một chiều hướng mới.

Mâu thuẫn cơ bản của vở kịch *Tôi và chúng ta* trong đoạn trích chính là mâu thuẫn giữa những suy nghĩ, cách làm ăn mới mẻ với những cơ chế, cách làm ăn đã quá cũ kỹ, lỗi thời. Đây là một vấn đề có ý nghĩa quan trọng và rất phổ biến bởi nó xảy ra mọi nơi, mọi lúc. Không thay đổi cơ chế quản lý, không kích thích được người lao động nhiệt tình tham gia vào công việc và đóng góp công sức vào sự nghiệp chung, mọi khẩu hiệu kêu gọi cũng sẽ trở nên trống rỗng.

Việc miêu tả cuộc đấu tranh với tương quan lực lượng như vậy cho thấy khả năng phản ánh đúng đắn quy luật phát triển xã hội của tác giả. Khi cái mới còn chưa chứng tỏ được ưu thế và sức mạnh của mình, nó rất dễ bị cô lập. Cản trở sự vận động của cái mới là những tư tưởng cũ kĩ, bảo thủ, lạc hậu. Những con người tiêu biểu cho nếp nghĩ cũ đó một phần xuất phát từ những tư tưởng tư lợi nhưng điều chủ yếu, họ là những con người mang những nếp nghĩ quá lỗi thời, đã trở nên khô cứng. Họ sợ mọi sự đổi thay, không hẳn vì ngại cái mới làm giảm đi những quyền lợi vật chất mà họ đã quen được hưởng mà còn vì tư tưởng quen dựa dẫm, không dám chịu trách

nhiệm trước bất cứ việc gì. Giống như người đã quen đi trên con đường nhỏ, nay sợ hãi khi bước ra đường lớn, họ đã vô tình hay cố ý trở thành vật cản của xã hội.

Đề 21: Cây lau chứng kiến việc nàng Vũ Nương ngồi bên bờ Hoàng Giang than thở một mình rồi tự vẫn. Viết văn bản kể lại câu chuyện đó theo ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba (mở rộng truyện *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ).

Bài làm

Họ nhà lau tía chúng tôi đã sống trên bờ Hoàng Giang cả triệu năm rồi. Gia tộc tôi đã trải qua bao nhiêu thế hệ tôi cũng không thể nhớ. Nhưng gia đình tôi thường có thói quen truyền kể cho nhau nghe những "chuyện đời" xảy ra ở trên sông mà các thế hệ cha ông của chúng tôi từng chứng kiến. Bao nhiêu năm đã trôi qua và cũng đã quá già để nhớ về mọi chuyện, thế nhưng tôi vẫn còn nhớ như in cái ngày bi kịch đến với người thiếu phụ Vũ Nương.

Tôi nhớ ngày ấy tôi vẫn còn trẻ lắm. Tôi thường có thói quen thức rất khuya để khỏa mình trong nước dưới những đêm trăng. Nước sông Hoàng Giang ban đêm rất lặng và dịu mát. Trăng sáng, lại được đùa giỡn với mấy chị cá mương thì thật là thích thú.

Hôm ấy, đang uốn mình trong nước, tôi bỗng giật mình khi chợt nghe có tiếng ai đang nức nở. Tôi nín lặng, tiếng khóc ngày một rõ hơn. Không nghi ngờ gì nữa (tôi nghĩ), chắc có ai đó đang gặp một chuyện gì đó rất đau thương. Tôi quên ngay anh nước và mấy chị cá mương khi bắt đầu nghe giọng một người đàn bà than thở:

– Con lạy trời lạy đất, lạy hà bá dưới lòng sông! Thân con sao khổ quá. Những mong ngày chồng chinh chiến xa về là ngày gia đình đoàn viên sum họp. Vậy mà cái mong ước ấy giờ tan như mây như khói. Bao năm qua con đã phải chịu muôn ngàn cay đắng. Chồng đi chiến trận nơi xa, một mình con tần tảo chăm mẹ già nuôi con nhỏ. Rồi đến khi mẹ già lâm bệnh, con lại chạy đôn chạy đáo lo đủ chuyện thuốc thang mà vẫn không sao cứu được. Mẹ mất đi, con mất một nguồn động viên, quan tâm, chia sẻ. Ngay lúc ấy con đã phải tự nhắn nhủ mình: Phải nuôi hy vọng. Tất cả mọi điều tốt đẹp, con đã dành cho bé Đản thương yêu. Bao hy vọng được mẹ con con nuôi lớn từng ngày, vậy mà giờ đây ông trời lại gây cảnh trớ trêu mà cướp đi của con tất cả. Con còn sống để làm chi...

Tôi nghe những lời than thở mà đau xót cho người phụ nữ. Sống ở bên sông, tôi đã chứng kiến bao điều nhưng chưa bao giờ thấy chuyện nào đau lòng như vậy. Đằng sau những câu nói sầu não đến nát lòng kia hẳn phải là một bi kịch lớn. Tôi băn khoăn lắm nhưng chưa kịp suy đoán điều gì thì người đàn bà kia lại khóc:

– Bé Đản, con yêu! Mẹ thật có lỗi với con khi mẹ bỏ đi giữa lúc này. Nhưng mẹ đâu có thể chọn được một con đường nào khác. Cha đã nghi ngờ

sự thủy chung của mẹ con ta. Vậy là bao công lao của chúng ta, cha con đều đổ đi cả. Mẹ không thể sống trong sự ngờ vực của cha con. Mẹ không thể có lỗi với bà và chấp nhận những gì xấu xa mà mình không có. Mẹ có danh dự của sự thủy chung và trinh tiết. Mẹ phải giữ được sự trong sạch của mẹ trong ánh mắt của những người hàng xóm. Mẹ không thể sống. Mẹ sẽ chết để thức tỉnh sự ghen tuông mù quáng của cha con. Đản thương yêu! Mẹ xin lỗi con vì tất cả.

Sau câu nói ấy, mặt nước bắt đầu khua động mạnh. Tôi giật mình và bàng hoàng nhận ra người đàn bà đang dấn thân về phía lòng sông. Yêu thương và oán giận. Nhưng chỉ là một cây lau nhỏ bé, tôi không thể làm được gì hơn. Nước bắt đầu dâng lên đến ngang người rồi đến gần hết cánh tay người phụ nữ. Người đàn bà đau khổ đã quyết trầm mình để giải những oan khiên.

Bờ sông Hoàng Giang vẫn lặng. Gió vẫn thổi mát rượi nhưng trăng đã khuất. Không gian tĩnh mịch đến ghê người khiến tôi vẫn nghe và nghe rất rõ những lời trăng trối cuối cùng của người phụ nữ khốn khổ kia.

- Trương Sinh chàng hỡi! Chàng đã phụ công của thiếp. Như một đứa trẻ thơ nghịch một trò chơi mà không cần suy nghĩ, chàng đã coi thường sự thủy chung của thiếp. Nay tình chồng nghĩa vợ đã chẳng thể dài lâu, thiếp chỉ mong sau cái chết này chàng có thể thấy nỗi đau mà thức tỉnh. Chàng hãy chăm sóc cho con, hãy nuôi dạy để cho nó được nên người.

Con xin lạy ngài hà bá. Con là Vũ Nương. Nay vì bị oan mà phải chọn tìm cái chết để giải mối oan tình. Thân này đã nguyện dâng cho hà bá. Nhưng con chỉ mong nếu thực lòng thủy chung son sắt thì xin cho được giải mối oan tình những mong chàng Trương thức tỉnh. Nhược bằng con đây có chút tư tình thì xin hà bá cứ đầy ải mãi mãi dưới tầng địa ngục.

Mặt sông Hoàng Giang đã lặng thinh. Tôi không còn nghe bất cứ một lời nói hay một âm thanh nào nữa. Vậy là hà bá đã đón người phụ nữ kia đi nhẹ nhàng nhưng chắc chắn không thanh thản.

Cả cuộc đời sống ở bên sông, chứng kiến dòng đời bao thay đổi với cả nỗi buồn lẫn niềm vui. Có những chuyện tôi đã quên, có những chuyện tôi còn nhớ nhưng không có chuyện nào tê tái như cái chết của Vũ Nương. Nghe hết câu chuyện ấy, tôi vừa giận anh chồng, lại vừa thương cho người vợ. Họ yêu thương nhau rồi lại gây những đau đớn cho nhau. Bao năm đã trôi qua, nỗi oan của Vũ Nương cũng đã được chính người chồng kia giải. Thế nhưng cho đến tận hôm nay tôi vẫn không hiểu được con người thật vĩ đại và cao cả biết bao nhưng tại sao vẫn có những lúc họ ích kỷ và nhỏ nhen làm vậy?

Đề 22: Kể lại truyện *Bến quê* của Nguyễn Minh Châu.

Bài làm

Nhĩ vừa ngồi trên giường bệnh để vợ bón cho từng thìa thức ăn vừa nghĩ, thời tiết đã thay đổi, đã sắp lập thu rồi. Cái nóng ở trong phòng cùng ánh sáng loa lóa ở mặt sông Hồng đã không còn nữa.

Vòm trời như cao hơn. Những tia nắng sớm đang từ từ di chuyển từ mặt nước lên những khoảng bờ bãi bên kia sông, nơi một vùng phù sa lâu đời của sông Hồng đang phô ra trước khuôn cửa sổ gian gác nhà Nhĩ những màu sắc thân thuộc quá như da thịt, hơi thở của đất đai màu mỡ. Suốt đời, Nhĩ đã từng đi khắp đó đây vậy mà cái bờ bên kia sông Hồng tưởng như gần gũi nhưng lại xa lắc xa lơ bởi anh chưa đặt chân đến đó bao giờ.

Nhĩ khó nhọc nâng cánh tay lên ẩy cái bát miến trên tay của Liên ra. Anh chàng ngửa mặt như một đứa trẻ để cho thằng con lau mặt. Chờ khi đứa con trai đã bưng thau nước xuống dưới nhà, anh hỏi vợ:

– Đêm qua lúc gần sáng em có nghe thấy tiếng gì không?

Liên giả vờ không nghe chồng nói. Anh lại tiếp:

– Hôm nay đã là ngày mấy rồi em nhỉ?

Liên vẫn không đáp. Chị biết chồng đang nghĩ gì. Chị đưa những ngón tay gầy guộc âu yếm vuốt ve chồng, rồi an ủi:

– Anh cứ yên tâm. Vất vả, tốn kém đến bao nhiêu em với các con cũng chăm lo cho anh được.

Nhĩ thấy thương Liên. Cả đời chị đã vì anh mà khổ. Anh thương chị lắm nhưng chẳng biết nói sao.

Ngừng một lát, Liên lại động viên anh:

– Anh cứ tập tành và uống thuốc. Sang tháng mười, nhất định anh sẽ đi lại được.

Nhĩ thoáng chốc quên đi bệnh tật. Anh bị cuốn vào những câu nói bông đùa của Liên. Nhưng rồi, Liên đặt bàn tay vào sau phiến lưng đã có nhiều mảng thịt vừa chai cứng vừa lở loét của Nhĩ. Thế là cái cảm giác mệt mỏi vì bệnh tật lại trở về với anh.

Liên đã đi ra ngoài và dọn dẹp. Chị hãm thuốc cho chồng xong rồi đi chợ. Chờ cho vợ đi hẳn xuống dưới nhà rồi, Nhĩ mới gọi cậu con trai vào và nói:

– Đã bao giờ con sang bên kia chưa? Nhĩ vừa nói vừa ngước nhìn ra ngoài cửa sổ.

Cậu con trai dường như nghe chưa rõ bèn hỏi lại:

– Sang đâu hả bố?

– Bên kia sông ấy!

Tuấn đáp vẻ hững hờ:

– Chưa...

Nhĩ tập trung hết sức còn lại để nói ra cái điều ham muốn cuối cùng của

- Bây giờ con sang bên kia sông hộ bố.

- Để làm gì ạ?

- Chẳng để làm gì cả. Nhĩ ngượng nghịu nhận ra sự kỳ quặc trong ý nghĩ của mình. Nhưng anh vẫn tiếp:

- Con hãy qua đò đặt chân lên bờ bên kia, đi loanh quanh đâu đó hoặc vào một hàng quán nào đó mua cho cha cái bánh rồi về.

Cậu con trai miễn cưỡng mặc quần áo, đội chiếc mũ nan rộng vành rồi ra đi.

Vừa nghe Tuấn bước xuống thang, Nhĩ đã thu hết tàn lực lết dần, lết dần trên chiếc phản gỗ. Nhấc mình ra được bên ngoài phiến nệm nằm, anh mệt lử và đau nhức. Anh chỉ muốn có ai đỡ cho để nằm xuống.

Nghe tiếng bước chân ở bên kia tường, Nhĩ cúi xuống thở hổn hển để lấy lại sức rồi cất tiếng gọi yếu ớt: "Huệ ơi!".

Cô bé nhà bên chạy sang. Và dường như đã rất quen, cô lễ phép hỏi: "Bác cần nằm xuống phải không ạ?".

- Ừ, ừ... chào cháu. – Nhĩ trả lời.

Cô bé chưa vội đỡ Nhĩ. Nó chạy ra ngoài gọi mấy đứa bạn vào và rồi cả bọn cùng giúp Nhĩ nằm ra ngoài tấm nệm. Chúng giúp anh đặt một bàn tay lên bậu cửa sổ và chèn một đống gối sau lưng. Anh thấy hạnh phúc và càng yêu hơn lũ trẻ.

Ngoài sát ngay sau khuôn cửa sổ, Nhĩ nhìn thấy ở bờ bên kia một cánh buồm vừa bắt gió. Sát bên bờ của dải đất lở bên này, một đám đông đợi đò đang đứng nhìn sang nhưng Nhĩ cứ nhìn mãi mà không thấy bóng thằng con trai đâu cả.

Thì ra thằng con anh đang dán mắt vào một bàn cờ thế. Ngày xưa anh cũng từng mê cờ thế. Và bây giờ, Nhĩ nghĩ một cách vô cùng buồn bã: con người ta trên đường đời thật khó tránh được những cái vòng vèo quanh co. Nhĩ chợt nhớ về cái ngày anh mới cưới Liên. Một cô gái nhà quê nay đã trở thành một người đàn bà thành thị. Tuy vậy cũng như cánh bãi bồi bên sông, tâm hồn Liên vẫn giữ nguyên nét tảo tần và chịu đựng. Và chính nhờ những điều này mà sau bao ngày bôn tẩu, Nhĩ đã tìm thấy một nơi nương tựa ấy chính là cái gia đình bé nhỏ này.

Con đò đã sang quá nửa sông. Và chính giữa lúc Nhĩ đang tưởng tượng mình đội chiếc mũ nan và sang sông như một nhà thám hiểm thì có tiếng người vào. Anh quay lại. Đó là ông cụ giáo Khuyến – người ngày nào cũng ghé qua hỏi thăm sức khỏe của anh.

Hai người đang nói chuyện thì bỗng ông hàng xóm hốt hoảng nhận ra mặt mũi Nhĩ đỏ rựng, hai mắt long lanh, hai bàn tay bấu chặt vào bậu cửa và run rẩy. Anh đang cố thu nhặt hết chút sức lực cuối cùng để đu mình nhô người ra ngoài, giơ một cánh tay làm ra vẻ ra hiệu cho một người nào ngoài đó.

Ngay lúc bấy giờ, chiếc đò ngang mỗi ngày một chuyến chở khách qua lại hai bên sông Hồng vừa chạm mũi vào cái bờ đất lở dốc đứng phía bên này.

Đề 23: Kể lại câu chuyện *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê.

Bài làm

Những ngôi sao xa xôi là câu chuyện kể về ba cô gái: Thao, Phương Định và Nho trong cùng tổ trinh sát mặt đường. Công việc của họ là ngồi chờ trên cao điểm. Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Công việc thật chẳng đơn giản chút nào. Rất gian khổ và gần kề ngay cái chết.

Họ chạy trên cao điểm cả ban ngày ngay bên cạnh những quả bom đang nằm chờ nổ. Nhưng họ anh dũng và vui vẻ. Họ đã quen với những vết thương, với đất bốc khói, không khí bàng hoàng và tiếng máy bay đang gầm lên ầm ĩ. Thần kinh lúc nào cũng căng lên như chão, tim đập nhanh, chân chạy mà biết chắc rằng xung quanh bom sắp nổ. Nhưng rồi khi xong việc, nhìn đoạn đường, họ thấy vui, thở phào nhẹ nhõm và sà ngay về cái căn hầm mát lạnh của mình. Đánh một hơi nước mát cho thật đã, xong thì tất cả nằm dài trên nền đất ẩm nghe ca nhạc hay có thể nghĩ lung tung.

Hôm ấy vào buổi trưa, không gian im ắng lạ. Phương Định ngồi dựa vào thành đá và khe khẽ hát. Cô mê hát, có khi bịa ra cả những lời hát ngớ ngẩn. Định người Hà Nội và là một cô gái khá xinh với hai bím tóc dày, mềm, cái cổ cao và đôi mắt đẹp. Nhiều anh lái xe quý mến thường gửi thư tán tỉnh cô.

Đang mơ màng suy nghĩ, Định bỗng giật mình. Có tiếng giục của Nho và chị Thao. Họ đã nhận ra tiếng máy bay trinh sát. Cả tổ đã rất quen với việc: cái sự im lặng là sự bất thường. Tiếng máy bay trinh sát và tiếng phản lực gầm gào theo sau.

– Sắp đấy! – Nho quay lưng lại, chụp cái mũ sắt lên đầu. Chị Thao vẫn thong thả nhai mấy chiếc bánh quy. Chị bình tĩnh đến phát bực nhưng lại hay sợ máu. Chị hay diêm dúa nhưng trong công việc, chị cương quyết và táo bạo vô cùng.

Chị Thao cầm cái thước trên tay Định, rồi nói: "Định ở nhà. Lần này nó bỏ ít, hai đứa đi cũng đủ", rồi kéo tay Nho, vác xẻng lên vai đi ra cửa.

Định ở nhà trực điện thoại. Lòng cô nóng như lửa đốt. Xung quanh chỉ thấy khói bom mù mịt và tiếng cao xạ nã nhau chan chát. Địch tấn công dữ quá nhưng cũng may các anh cao xạ, thông tin và công binh đã kịp chi viện cho ba cô gái.

Nửa tiếng sau, chị Thao về, bình thản mệt lả và cáu kỉnh. Đại đội trưởng đã có được thông tin. Anh tế nhị cảm ơn ba cô gái.

Nho cũng về, bình thản và ướt sũng. Cô vừa tắm ở dưới suối lên, đẹp và mát mẻ như một que kem trắng.

Cả tổ nghỉ ngơi một lúc rồi tối lại ra đường luôn. Họ đi phá bom trong cái không khí vắng lặng đến kinh người. Ba cô gái thao tác rất nhanh và thành thục. Hai mươi phút sau, một hồi còi, rồi hồi còi thứ hai nổi lên. Những tiếng bom nổ vang trời xé toang không gian yên lặng. Mùi thuốc

bom buồn nôn, đất đá rơi lộp bộp, tan đi âm thầm trong những bụi cây.

Thao và Định đã định ra về. Nhưng bất chợt họ phát hiện ra Nho đã bị thương. Hầm của Nho bị sập khi cả hai quả bom của chị cùng phát nổ.

Định và Thao đưa Nho về. Vết thương không sâu lắm nhưng bom nổ gần nên Nho bị choáng. Họ tự lo chăm sóc cho cô gái vì không muốn làm phiền đơn vị. Lát sau, Nho đã thiếp đi.

Hai cô gái ngồi yên lặng nhìn nhau. Họ đang nuốt những giọt nước mắt vào trong vì lúc này phải giữ sao cho cứng cỏi. Chị Thao hát, những giai điệu sai và lạc nhịp. Nhưng cần phải hát. Hát để quên đi và để vững tin hơn.

Có một đám mây, một đám nữa rồi thêm đám nữa kéo đến cửa hang. Bầu trời đen đi và cơn dông ào đến đột ngột như một biến đổi bất thường trong trái tim con người vậy. Ở rừng mùa này hay thế. Trời mưa. Nhưng là mưa đá. Định nhận ra và thích thú cầm một viên đá nhỏ thả vào lòng bàn tay của Nho, vui thích và cuống cuồng.

Mưa tạnh rất nhanh. Định bỗng thẫn thờ và nuối tiếc. Nhưng cô không tiếc những viên đá nhỏ. Cô đang nhớ về mẹ, về những ngôi sao to trên bầu trời thành phố, nhớ bà bán kem, nhớ con đường nhựa... cơn mưa đá vô tình đã xoáy mạnh vào những kỷ niệm trong tâm hồn của cô gái xa quê.

Đề 24: Hãy tưởng tượng mình gặp lại người lính lái xe, trong *Bài thơ về Tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật. Em hãy viết bài văn kể về cuộc gặp gỡ và trò chuyện đó.

Bài làm

Nhân dịp kỉ niệm ngày thành lập quân đội nhân dân và quốc phòng toàn dân, ngày 22 tháng 12, để chúng tôi hiểu thêm về lịch sử chiến đấu của dân tộc, nhà trường đã mời đoàn cựu chiến binh về thăm và trò chuyện. Trong đoàn đại biểu đó, tôi bắt gặp một người lính trên ngực gắn nhiều huân chương và trong buổi lễ chú đã giới thiệu mình là người lính lái xe trong *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật. Cuối buổi, tôi đã lân la đến gặp và có cuộc nói chuyện thú vị với chú.

Các bạn có lẽ không thể hình dung được, người chiến sĩ lái xe trẻ trung, sôi nổi năm xưa giờ đĩnh đạc, oai nghiêm trong bộ quân phục mới. Chú có giọng nói khoẻ, ấm áp và tiếng cười âm vang. Cùng tháng năm, khuôn mặt tuy đã già dặn nhưng vẫn có vẻ hóm hỉnh, yêu đời của người lính. Qua trò chuyện có thể thấy chú là người rất vui tính, nhiệt tình, đặc biệt là khi chú kể cho tôi về cuộc đời người lính trên tuyến đường Trường Sơn năm ấy. Chú kể với tôi, năm 1969 là năm chú thường cùng các anh em trong tiểu đội lái xe qua đây, cũng là năm mà Mĩ đánh phá rất ác liệt trên tuyến đường này. Bởi đường Trường Sơn, tuyến đường Hồ Chí Minh lịch sử là tuyến đường quan trọng nhất, là đầu mối giao thông, liên lạc hai miền Bắc – Nam.

Chúng quyết phá cho bằng được. Chúng thả hàng ngàn tấn bom, cày xới những khung đường, đốt cháy những khu rừng. Hàng nghìn cây đã đổ, muông thú mất chỗ ở. Đã có nhiều người ngã xuống để bảo vệ con đường. Tuy Mĩ đánh phá ác liệt thật, nhưng những đoàn xe vận tải vẫn ngày đêm nối đuôi nhau trên con đường, đem theo bao lương thực, vũ khí đạn dược cho chiến trường miền Nam. Kể một lúc, chú lại mỉm cười và nói với tôi:

– Cháu thấy đấy, cuộc chiến đấu của các chú trải qua biết bao gian khổ, khó khăn. Những năm tháng ác liệt đó đã khắc hoạ cả một thời kỳ lịch sử của dân tộc ta oanh liệt hào hùng. Trên tuyến đường Trường Sơn giặc Mĩ đánh phá vô cùng ác liệt; bom Mĩ cày xới đất đai, phá hỏng những con đường, đốt cháy những cánh rừng, phá huỷ biết bao nhiêu những rừng cây là lá chắn của ta. Nhưng không vì "bom rơi đạn lạc" như vậy mà các chú lùi ý chí, các đoàn xe vận tải ngày đêm nối đuôi nhau ra tiền tuyến, các chú còn phải đi trong bóng đêm theo sự hướng dẫn của các cô thanh niên xung phong để tiến về phía trước trong màn đêm sâu thẳm của rừng hoang. Có hôm trời tối Mĩ phát hiện ra ta chuyên chở qua rừng, bọn chúng đã thả bom để không cho ta qua, phá vỡ chiếc cầu nối Bắc – Nam. Nhưng đặc biệt hơn cả là đoàn xe vận tải không có kính vì bị "bom giật bom rung kính vỡ đi rồi". Bom đạn trải xuống hàng loạt khiến nào là kính, nào là đèn vỡ, mui xe bẹp, nào là thùng xe xước... Không có đèn vượt qua dãy Trường Sơn đầy nguy hiểm như thế mà các chú vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ đánh Mĩ, chạy dọc Trường Sơn. Chẳng khác nào "châu chấu đá xe", Mĩ với bao nhiêu thiết bị tối tân để đánh ta nhưng chúng ta đã vượt qua những gian khổ để đánh chúng. Chú còn nhớ trên các cabin những chiếc xe như thế, bọn chú không có vật gì để che chắn cả, gió táp vào mặt mang theo bao nhiêu là bụi. Gió bụi của Trường Sơn làm mắt cay xè, tóc bạc trắng như người già còn mặt thì lấm lem như thằng hề vậy, thế mà không ai cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc hút ngang nhiên, ai nấy nhìn nhau rồi cười giòn giã vang khắp dãy Trường Sơn.

Với những ngày nắng là như vậy nhưng đến lúc mưa thì các chú còn khổ hơn nhiều, Trường Sơn mỗi lúc mưa là mưa như trút nước cộng thêm vào đó là những giọt sương muối ở rừng hòa vào dòng nước mưa phả vào da thịt của các chú tê rát cả da mặt, áo thì ướt hết. Lắm lúc lạnh quá các chú phải tì sát vào nhau mà nghĩ thầm: "Vì bảo vệ Tổ quốc phải vượt qua được thiên nhiên thì mới là những người lính của bộ đội Cụ Hồ". Vì những lời nhủ thầm đó mà chú và các đồng đội mới trải qua được sự khắc nghiệt được thiên nhiên, thiên nhiên trong thời kỳ đó lắm lúc cũng là kẻ địch của mình đấy cháu ạ. Thế nhưng các chú vẫn cầm vô lăng lái một cách hăng hái hàng trăm cây số nữa có đâu cần thay người lái, gió lùa rồi quần áo lại khô thôi.

Cháu biết không: Người lính Trường Sơn năm xưa giản dị, đơn sơ lắm. Để trải qua những ngày tháng ấy các chú phải vượt qua biết bao nhiêu gian lao vất vả mà đặc biệt là phải biết vượt qua chính mình, có ý chí chiến đấu

cao. Vượt qua những khó khăn như thế con người mới hiểu được sức chịu đựng của mình thật kỳ diệu. Xe không kính cũng là một thú vị vì ta có thể nhìn cả bầu trời, không gian rộng lớn khoáng đạt như ùa vào buồng lái, những ngôi sao đều nhìn thấy và những cánh chim chạy thẳng vào tim. Tâm hồn người chiến sĩ vui phơi phới, thật đúng là:

Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước
Mà lòng phơi phới dậy tương lai.

Trên con đường Trường Sơn, mỗi khi các chú gặp nhau thì thông qua cửa kính bắt tay. Đó là sự động viên, truyền thêm sức mạnh cho nhau để vượt qua khó khăn. Mỗi khi giữa rừng, bên bếp Hoàng Cầm sưởi ấm bao trái tim người chiến sĩ, các chú nghĩ từng chung bát chung đũa tức là một gia đình, là người trong một nhà rồi đấy cháu ạ. Một cử chỉ nhỏ của người chiến sĩ cũng làm cho họ gắn bó thêm, xiết chặt tình đồng đội.

Được nghe chú kể những vất vả ấy tôi thật khâm phục hơn tình đồng chí đồng đội, lòng dũng cảm hiên ngang của người chiến sĩ. Tôi thầm mơ ước trên thế giới không còn chiến tranh để cuộc sống mãi thanh bình.

Đề 25: Cho đề bài: "Kể về một chuyến đi đã đem lại cho anh (chị) nhiều cảm xúc (một lần về quê, một chuyến tham quan du lịch)".
Em hãy viết đoạn văn mở bài cho bài viết đó.

Bài làm

Quê hương tôi cũng đẹp và đáng yêu như quê hương của Tế Hanh. Cũng có con sông xanh biếc và những hàng tre rợp mát những buổi trưa hè. Chỉ tiếc tôi sống ở quê không nhiều lắm. Mỗi năm tôi chỉ được về quê có một lần và thường là những ngày hè oi bức. Hè năm nay cũng vậy, tôi cũng theo bố mẹ về thăm quê nội. Thế nhưng chuyến đi năm nay buồn man mác và nhói đau hơn. Bởi nội tôi khuất núi.

Đề 26: Cho đề bài: "Kể về một chuyến đi đã đem lại cho anh (chị) nhiều cảm xúc (một lần về quê, một chuyến tham quan du lịch)".
Em hãy viết một đoạn văn trong phần thân bài, trong đó có kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm.

Bài làm

Con tàu xưa nay vẫn chạy rất nhanh nhưng sao hôm nay ì ạch và nặng nề biết mấy. Bò ngang qua mấy con đê và không biết đến bao nhiêu cánh đồng mênh mông bát ngát, con tàu dừng lại ngay phía đầu ngôi làng nhỏ của nội tôi. Vừa đặt chân lên mảnh đất của làng, tôi nhận ra người bạn xưa quen thuộc – những bụi tre làng. Quê nội tôi có rất nhiều tre, tre đã gắn với bố, với tôi bao kỉ niệm. Những ngày nắng, những đêm mưa, những đêm trăng cùng bạn bè trong xóm với bao trò chơi thú vị, tôi đều đã gửi gắm ở nơi đây. Nhưng hôm nay trời không

nắng và không có gió. Những đám tre âm thầm, lạnh lẽo và dường như cũng buồn như tâm hồn của chính tôi.

Đề 27: Cho đề bài: "Kể về một chuyến đi đã đem lại cho anh (chị) nhiều cảm xúc (một lần về quê, một chuyến tham quan du lịch)".
Em hãy viết đoạn văn kết bài cho bài văn đó.

Bài làm

Chuyến đi về quê nội lần này đã để lại trong tôi nhiều cảm xúc: nỗi thương nội, thương các cô chú và các em. Nhưng tôi cũng tự hào biết bao về quê hương của mình, đời sống nghèo khó nhưng mọi người luôn yêu thương, bao bọc lấy nhau. Tôi thầm hứa với nội sẽ chăm chỉ học tập để xứng đáng với tình yêu thương, sự kì vọng của mọi người. Và nhất định sẽ có ngày tôi trở về giúp đỡ họ hàng và quê hương yêu dấu.

Phần II
VĂN THUYẾT MINH

Đề 28: Em hãy viết đoạn văn mở bài cho bài viết thuyết minh về cây lúa Việt Nam.

Bài làm

Việt Nam là nước nông nghiệp có nền văn minh lúa nước từ rất lâu đời. Cây lúa là cây lương thực hàng đầu và là một trong những loại cây tiêu biểu của xứ sở này. Nó có vai trò và vị trí đặc biệt trong nền kinh tế, đời sống của người dân Việt Nam. Đi khắp đất nước Việt Nam ta, từ Bắc chí Nam, từ miền ngược đến miền xuôi, đâu đâu ta cũng có thể bắt gặp hình ảnh những đồng lúa thẳng cánh cò bay quen thuộc:

Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn.

Để có được cây lúa, những người nông dân đã vất vả lao động từng ngày: từ gieo mạ, cấy rồi chăm sóc, vun xới cho cây. Lúa được trồng ở những vùng đồng bằng châu thổ, nơi có phù sa bồi đắp. Cũng như đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng châu thổ sông Cửu Long là một vựa lúa lớn của Việt Nam. Tuy nhiên, không chỉ có ở đồng bằng, cây lúa còn được trồng trên vùng cao với những ruộng bậc thang xanh mướt. Lúa thích nghi đặc biệt với khí hậu nhiệt đới ở Việt Nam theo hai mùa: mùa mưa và mùa khô. Phần lớn những người nông dân còn phụ thuộc vào cây lúa. Đây là một hình thức sản xuất nông nghiệp phổ biến và dễ thấy ở Việt Nam. Cây lúa đã đưa Việt Nam từ nước đói kém sau chiến tranh thành một quốc gia xuất khẩu lúa gạo đứng thứ hai trên thế giới. Không thể thiếu cây lúa trong đời sống người Việt Nam.

Đề 29: Em hãy viết đoạn văn thuyết minh về lợi ích của cây lúa.

Bài làm

Cây lúa cung cấp lương thực cho con người. Lúa cho thóc, gạo dùng làm cơm trong các bữa ăn hàng ngày. Từ gạo người ta cũng có thể làm ra được các loại bánh như bánh chưng, bánh giày, bánh nếp,... Từ gạo người ta cũng làm ra bún, phở... Một món ăn rất ngon, một thức quà đặc biệt làm từ lúa non, đó là cốm. Những hạt cốm xanh non, thơm mùi lúa là thức quà thanh nhã. Cây lúa khi đã lấy hết những hạt thóc, còn lại thân và lá, người ta đem phơi khô làm thành rơm, rạ. Rơm làm thức ăn cho trâu, bò; làm chất đốt, để lợp nhà,... Rơm ủ mục làm phân bón cho ruộng đồng. Từ rơm, người ta cũng có thể trồng nấm rơm hay để làm chổi, đan, Tết lại để làm mũ. Trong thời kỳ đất nước còn chiến tranh, người dân thường rất quý chiếc mũ rơm, vừa che nắng, che mưa, lại có thể dùng để nguy trang, tránh được bom đạn. Vỏ trấu có thể dùng làm chất đốt hay để ấp trứng. Cám gạo còn là thức ăn chủ yếu cho gia súc. Cây lúa có rất nhiều công dụng, từ thân đến lá, thóc, gạo đều có thể sử dụng.

Đề 30: Em hãy viết đoạn văn thuyết minh về những giá trị tinh thần mà cây lúa mang lại cho đời sống con người Việt Nam.

Bài làm

Cây lúa không chỉ đem lại cho chúng ta những lợi ích về vật chất mà còn đem lại cho chúng ta những giá trị tinh thần. Từ xa xưa đến nay, cây lúa luôn là biểu tượng cho nền văn minh lúa nước của người Việt Nam. Ngay cả trong quốc huy của nước Việt Nam, ta cũng có thể thấy biểu tượng của những bông lúa bao quanh. Văn hoá ẩm thực của ta liên quan rất nhiều đến lúa gạo. Cây lúa đã cung cấp cho chúng ta bánh chưng, bánh giày để cúng lễ trời đất, tổ tiên vào ngày Tết. Nhiều lễ hội với nhiều món ăn cổ truyền từ cây lúa xuất hiện trên khắp Việt Nam: lễ tế Thần Nông, ngày giỗ Tổ, ngày bánh trôi, bánh chay... Nhân dân ta đã đề cao hình tượng cây lúa trong thơ ca. Từ lâu chúng ta đã biết đến bài hát "Hạt gạo làng ta" được phổ nhạc từ bài thơ cùng tên của nhà thơ Trần Đăng Khoa. Một bài ca dao cổ cũng cho ta thấy rõ vai trò quan trọng của cây lúa:

Ai ơi bưng bát cơm đầy
Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần!

Đề 31: Em hãy viết đoạn văn kết bài cho bài viết thuyết minh về cây lúa Việt Nam.

Bài làm

Cây lúa rất quan trọng trong đời sống vật chất lẫn tinh thần của người Việt Nam. Mai sau, dù cho công nghiệp có phát triển, kinh tế có giàu lên bao nhiêu nữa thì vẫn không có loại thực phẩm chính nào thay thế được cây lúa. Cây lúa sẽ là người bạn thân thiết gắn bó với đời sống người nông dân Việt Nam nói riêng và nhân dân Việt Nam nói chung.

Đề 32: Cây lúa trong đời sống người Việt Nam.

Bài làm

Việt Nam là một nước nông nghiệp với khoảng 50% số dân làm nghề nông. Chính vì thế, cây lúa là một loài cây quan trọng trong đời sống người Việt. Nó phục vụ chủ yếu cho nhu cầu lương thực trong nước, ngoài ra còn để xuất khẩu ra nước ngoài. Sản lượng xuất khẩu lúa gạo Việt Nam đã đứng thứ hai trên thế giới, chỉ sau Thái Lan. Vì thế, cây lúa đã góp phần quan trọng trong việc phát triển đất nước.

Đối với mỗi chúng ta, cây lúa đã trở nên quen thuộc. Cây lúa thân nhỏ, có lớp vỏ bên ngoài bao quanh còn bên trong là thân rất bé nhưng khoẻ. Mỗi cây có khoảng năm, sáu lá có màu xanh, nhọn, có một lớp lông hơi ráp. Mỗi cây có một bông lúa với rất nhiều hạt. Mỗi khi lúa lên đòng, mùi sữa trong các hạt lúa ấy toả ra thơm nhè nhẹ. Cây lúa cũng như người Việt Nam, luôn đoàn kết lẫn nhau: Mỗi cây lúa ở trong một khóm lúa, mỗi khóm lúa trong một ruộng lúa, ruộng lúa trong một cánh đồng cùng che chở cho nhau. Nếu như nói: "Cây lúa là loài cây quan trọng nhất trong đời sống Việt Nam" thì cũng không sai. Cây lúa là cây lương thực chủ yếu của Việt Nam. Chính cây lương thực này đã làm cho nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng rất nhanh, đáp ứng nhu cầu trong và ngoài nước. Ngoài ra, lúa gạo cũng để làm nguyên liệu chế biến ra những món ăn vừa dân dã vừa đậm đà hương vị dân tộc như bánh chưng, cốm, xôi hoặc các loại bánh... Ở nông thôn, người ta còn tận dụng vỏ trấu để đốt hoặc sử dụng trong các lò ấp trứng. Cám thì lại để dùng cho gia súc ăn, rất tiện mà hơn thế cám còn giúp cho gia súc tăng trưởng tốt. Còn rơm rạ lại là chất đốt hàng ngày trong cuộc sống ở nông thôn. Nếu quay trở lại ngày xưa, ta còn thấy cha ông ta lợp nhà bằng rơm. Trong xã hội phát triển như bây giờ, những ngôi nhà lợp rơm hầu như không còn nữa. Thế nhưng, những chiếc chổi làm bằng rơm thì vẫn còn tồn tại vì nó rất tiện sử dụng. Ngoài ra, rơm cũng là thành phần quan trọng trong việc trồng nấm, giúp nấm phát triển nhanh. Nói chung, xét trên phương diện vật chất, cây lúa có vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống của người Việt Nam.

Cây lúa cũng là một loài cây có ý nghĩa rất lớn trong đời sống tinh thần của người Việt Nam. Cây lúa tượng trưng cho nền văn minh lúa nước không chỉ của Việt Nam mà còn của cả Đông Nam Á. Cây lúa là biểu tượng cho sự no ấm, đầy đủ. Không chỉ thế, cây lúa còn là nguyên liệu để làm ra các món ăn ngon, các món ăn để cúng lễ tổ tiên vào dịp lễ Tết như bánh chưng, xôi, bánh giày... Chính điều này đã tạo ra một nền văn hoá ẩm thực đặc sắc của Việt Nam với các món ăn đầy ý nghĩa như bánh chưng tượng trưng cho đất, bánh giày tượng trưng cho trời. Đó là điều khiến cây lúa gắn với con người Việt Nam về vật chất cũng như tinh thần từ bao đời nay.

Cây lúa đã trở thành một người bạn gần gũi, thân quen với mọi người dân Việt Nam. Con người Việt Nam nói chung và người nông dân Việt Nam

nói riêng đều coi trọng cây lúa và những sản phẩm mà nó đem lại. Chắc chắn rằng, cây lúa sẽ luôn tồn tại và gắn bó với con người Việt Nam từ đời này sang đời khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Đề 33: Loài hoa em yêu.

Bài làm

Trong cuộc sống, chúng ta được gặp rất nhiều loài cây, loài hoa. Mỗi loài cây, loài hoa lại có một nguồn gốc, đặc điểm, ý nghĩa riêng biệt. Có thể nó biểu trưng cho một điều thiêng liêng, cao cả, nhưng có thể nó lại biểu trưng cho một điều giản dị, mộc mạc. Và cây hoa hồng cũng không nằm ngoài quy luật đó – một loài cây, loài hoa mà ai cũng đã từng có dịp chiêm ngưỡng, ngắm nhìn.

Hoa hồng xuất hiện cách đây khoảng 100 triệu năm – vào cuối kỷ Phấn trắng. Đây là một loài cây thường mọc thành bụi, rễ chùm, có gai. Nhưng hiện nay đã có loại hoa hồng không có gai. Hoa hồng được mệnh danh là nữ hoàng của các loài hoa. Thực vậy, hoa hồng có khá nhiều màu: đỏ, trắng, vàng, hồng... và cả hoa hồng màu... xanh nữa. Khi nở, nó tỏa ra một mùi thơm dịu, cánh hoa xếp xen kẽ nhau tạo nên một vẻ rất riêng mà không thể nhầm lẫn được. Phải chăng vì vẻ đẹp như vậy mà ngay từ thời xa xưa, cách đây hàng ngàn năm mà con người đã trồng và thưởng thức nó? Các giống hoa hồng vườn mà ngày nay ta thường thấy phát triển lớn hơn nhiều so với những bà con hoang dã của chúng. Cũng có lẽ bởi vì hoa hồng mọc hoang chỉ có năm cánh mà chỉ có thể ra hoa ít tuần chứ không thể liên tục hàng mấy tháng như cây hoa hồng vườn. Tôi có thể chắc chắn rằng không phải ai trong chúng ta cũng có được dịp nhìn thấy quả của cây hoa hồng. Quả của cây này nhỏ, hơi dẹt, có màu đỏ. Nó chứa một lượng vitamin C nhiều gấp 10 đến 100 lần so với các thức ăn khác. Đồng thời, đây cũng là một loại quả thuốc. Chúng ta có thể ngâm quả này trong nước sôi để uống, rất tốt cho bàng quang và thận, lại giúp đề phòng cảm lạnh. Hay như quả của một vài loại cây hoa hồng hoang dại cũng có thể được dùng để làm mứt.

Chính vì hoa hồng xuất hiện bên cạnh con người lâu như vậy nên ý nghĩa của nó cũng dần được khẳng định. Nhận thấy được vẻ đẹp của hoa hồng mà con người đã dùng nó để trang trí, làm đẹp cho ngôi nhà như ở trong phòng, trên bàn..., giúp ngôi nhà trở nên sinh động, gần gũi với thiên nhiên. Ngoài ra, mỗi màu hoa lại có một ý nghĩa riêng. Ví như hoa hồng đỏ – hay gọi là hoa hồng nhung biểu trưng cho tình yêu, hoa hồng trắng lại thể hiện cho sự trong trắng, tinh khiết và cả niềm tiếc thương vô hạn... Trong những lúc căng thẳng, nhìn thấy hoa ta như được giải tỏa phần nào. Và chắc rằng, cây hoa hồng còn có ý nghĩa hơn nữa, to lớn hơn nữa. Bởi tôi được biết rằng ở nước Anh, cách đây hơn 500 năm, đã xảy ra một cuộc chiến tranh hoa hồng. Giới quý tộc chia làm hai phe, đều lấy hoa hồng làm huy hiệu cho mình: một phe lấy hoa hồng nhung, còn phe kia lấy hoa hồng bạch. Có thể thấy được hoa hồng có tầm quan trọng như thế nào trong cuộc sống.

Đẹp, đầy ý nghĩa, nữ hoàng của các loài hoa là những gì ngắn gọn nhất để nói về hoa hồng. Cây hoa hồng gắn bó với con người từ thuở xa xưa đến tận bây giờ. Và chắc chắn rằng vẫn sẽ như vậy đến cả sau này nữa.

Đề 34: Giới thiệu về loài cây gắn bó với tuổi học trò của em.

Bài làm

Đối với tuổi học trò, cây phượng và cây bàng là hai loại cây đẹp nhất và có nhiều kỷ niệm nhất. Nhưng ở đây, em chỉ xin nói đến một loài cây mà gắn bó với em trong suốt quãng đời học sinh, đó là cây phượng.

Cây phượng quả là một loài cây biết tạo cho thế hệ học sinh như chúng em những cảm xúc, niềm say mê trong học tập. Nhìn thấy chúng, em cảm thấy như cuộc đời tươi đẹp hơn vì quãng đời học sinh còn dài, bao nhiêu tình cảm như được cây phượng chia sẻ, cảm thông và mách bảo rằng hãy cố gắng tiến bước không được lùi bước trước khó khăn thử thách.

Mỗi ngày đến trường em đều nhìn thấy cây phượng khoe những cành lá rung rinh như chào em. Những cây phượng cao hơn nóc nhà nhưng cành lá không được sum suê như cây bàng, không che rợp được cả một quãng đường. Thân cây xù xì, chỉ cần một vòng tay là ôm đủ. Những chiếc rễ lớn nổi gồ trên mặt đất làm nứt nẻ cả nền xi măng quanh gốc. Mỗi sớm mai tiếng chim hót líu lo trong tán lá xanh nghe thật vui tai. Khi nghe được tiếng chim hót này, một ngày mới đã bắt đầu cuộc sống nhộn nhịp và sôi động. Lá phượng là một loại lá kép, gồm nhiều lá nhỏ, mỏng, màu xanh sẫm không giống như lá cây bàng to có thể che đầu lúc mưa lúc nắng, lá mọc song song hai bên cuống, trông xa như đuôi con chim phượng. Ngày còn bé, bọn trẻ con trong xóm tuốt hết lá đi rồi buộc túm cuống lại với nhau thành một cây vợt bắt bướm, rất thú vị.

Xuân qua, hè tới, cây phượng bắt đầu trổ bông: Hoa phượng nở thành chùm lớn, có năm cánh (bốn cánh màu đỏ tươi và một cánh màu đỏ lốm đốm trắng). Nhụy hoa phượng thường được làm để chơi chọi gà, là một túi phấn hình bầu dục, dài và cong.

Khi tiếng ve kêu ra rả cũng là báo hiệu mùa hè đến, mùa thi sắp đến và cũng là mùa của sự chia tay. Và đây cũng là lúc hoa phượng nở nhiều nhất. Cả một màu đỏ nồng nàn như lửa bao phủ khắp ngọn cây, làm rực sáng cả một khoảng trời bừng bừng sức sống, cây phượng già như được trẻ lại.

Hết mùa hè, hoa phượng tàn dần, cánh phượng rơi lả tả bay theo chiều gió. Lúc này, quả phượng non, có màu xanh, mỏng, dài khẽ đung đưa trên cành. Cây phượng trở lại với vẻ đẹp mộc mạc, thân quen của nó.

Nhắc đến phượng thì không thể không nhắc đến những kỷ niệm của tuổi học trò "nhất quỷ, nhì ma" này. Lúc ra chơi, mọi người thường ngồi xuống ngắm cành hoa lá, dựa vào thân cây nho nhỏ và xù xì; cũng có thể ngồi học bài, đọc sách. Lúc đó cảm tưởng mọi việc trở nên yên tĩnh, cuộc sống không còn sự ồn ào náo nhiệt.

Vì cây phượng đẹp như vậy, đáng yêu như vậy nên mọi người thường dành cho cây phượng những tình cảm tốt đẹp nhất và đặt cho nó một tên gọi thân thương: hoa học trò. Sau này khi lớn lên, tuổi học sinh đã qua nhưng mỗi khi nhìn thấy cây phượng chắc chắn những kỷ niệm sẽ hiện lên, trào dâng trong lòng như chính thời điểm đó.

Đề 35: Cây bưởi quê em.

Bài làm

Nhắc đến Việt Nam, người ta thường chỉ nhớ đến những cây tre, cây chuối dân dã mà ít ai nghĩ đến cây bưởi – một loài cây cũng khá quen thuộc với người dân Việt Nam từ xưa đến nay. Bưởi cho hoa thơm, quả ngọt, vỏ bưởi còn dùng để đun nước gội đầu cho các bà, các cô nữa. Đó là một loài cây có rất nhiều tác dụng.

Để trồng được một cây bưởi thì có rất nhiều cách, nhưng người ta thường chiết bưởi để trồng. Cách đó rất nhanh và hiệu quả. Khi chiết nên chọn những cành nhiều lá, không cần thiết là phải có quả, khi cành đó mọc rễ, ta có thể lấy đi, cắm xuống đất để trồng. Bưởi chiết khi mới trồng sẽ rụng hết lá để bắt đầu một cuộc sống mới, một năm sau bưởi đã ra lá mới và hai, ba năm sau nó đã to cao hơn trước rất nhiều, có khả năng ra hoa kết quả được. Có rất nhiều giống bưởi ngon: bưởi Diễn, bưởi Phúc Trạch, bưởi Năm Roi...

Bưởi là loại cây ăn quả, rễ cọc, thân cành xù xì. Khi lớn bưởi có thể cao đến ba mét hoặc bốn mét, có nhiều cành, xum xuê. Lá bưởi rất đặc biệt, lá nhỏ ở gần cuống hình trái tim, lá to nối tiếp lá nhỏ hình bầu dục (trông rất giống "trâu lá đa" mà trẻ con nông thôn thường làm để chơi). Bưởi ra hoa kết quả vào hai mùa: mùa thu và mùa xuân. Hoa bưởi trắng, năm cánh mịn uốn cong xuống dưới để lộ ra nhị vàng, hoa cũng rất thơm nữa, một mùi thơm dịu, nhẹ nhàng, tinh tế. Bưởi có quả tròn, nhỏ, nhưng cũng có quả rất to, thường để bày trên mâm ngũ quả.

Cây bưởi gắn liền với cuộc sống của người dân Việt Nam. Bưởi chua thường rộ vào khoảng tháng 8 âm lịch – tức là mùa trung thu. Thật vậy! Trung thu phá cỗ mà không có bưởi là mất vui. Ngon nổi tiếng là bưởi Phúc Trạch ở Hà Tĩnh. Quả bưởi nhỏ, múi đều, ăn rất ngon. Vào đêm trung thu, các nhà thường bày mâm ngũ quả lên bàn thờ và bưởi là thứ quả không thể thiếu. Tết âm lịch là mùa ra quả của bưởi ngọt. Ngày Tết, nhà nhà đều mua bưởi về ăn để thưởng thức vị ngọt mát của bưởi, ăn nó như ăn cả mùa xuân vào lòng vào dạ. Cây bưởi còn có rất nhiều tác dụng khác nữa: lá bưởi, vỏ bưởi đun với hương nhu, lá sả có thể làm nước gội đầu cho thiếu nữ, rất sạch và thơm. Đó là thứ nước gội đầu được ưa chuộng chỉ sau nước bồ kết mà thôi! Hạt bưởi còn có thể chữa rụng tóc nữa cơ! Và nếu vào một nhà dân mà vườn nhà đó trồng những cây bưởi sai trĩu trịt quả, thưởng thức mùi hoa thơm của bưởi ta mới thấy trong lòng nhẹ nhõm và cảm thấy bưởi tuyệt vời biết bao.

Cây bưởi đúng là một loại cây không thể thiếu đối với cuộc sống của người dân Việt Nam. Nó là một phần của những ngày lễ, ngày hội quan trọng ở Việt Nam. Nếu thiếu bưởi, cuộc sống của người dân Việt Nam hẳn sẽ thiếu đi nhiều điều thú vị.

Đề 36: Em hãy viết đoạn văn thuyết minh về lợi ích, vai trò của con trâu.

Bài làm

Đối với người nông dân, trâu là một tài sản vô cùng quý giá và quan trọng, đặc biệt là người nông dân xưa. Trong xã hội cũ, trâu đối với người nông dân là vật quý, nó quyết định đến vị thế xã hội, sự giàu, nghèo của mỗi người. Và trâu còn được người nông dân Việt yêu quý bởi những lợi ích nhiều mặt về vật chất và tinh thần. Những chú trâu lông xám, hoặc xám đen, thân hình vạm vỡ, thấp, ngắn, bụng to, mông dốc, sừng hình lưỡi liềm và hai đai trắng ở cổ và hai xương ức, chính là trâu Việt Nam, chúng được thuần hoá từ trâu rừng với sức bền dai, thân hình vạm vỡ. Những chú trâu này đã đem lại nhiều lợi ích vật chất cho người nông dân Việt. Đó là làm công cụ lao động đắc lực. Trâu thường kéo một ngày 3 – 4 sào ruộng. Không những thế, chúng còn là phương tiện vận chuyển hàng hoá và thóc lúa. Những chú trâu Việt vừa thân thiện vừa có lợi ích nhiều. Chính vì thế, ông bà ta xưa có câu "Con trâu là đầu cơ nghiệp". Trong đời sống vật chất của người nông dân không thể thiếu những món ăn từ sữa và thịt trâu. Trâu có thể cung cấp một lượng thực phẩm dồi dào và lớn. Trâu cái cho tỉ lệ thịt xẻ 42%, trâu thiến là 45% và trâu đực hai tuổi là 48%. Ngoài ra trong một chu kì vắt sữa, trâu có thể cho 400 – 500kg sữa. Khả năng cho phân của trâu cũng rất lớn, nhờ có phân trâu mà đồng ruộng, cây cối ở các làng quê thường xanh tốt. Có thể nói, những lợi ích từ trâu là rất nhiều, thế nên chúng luôn được người nông dân yêu quý và coi trọng. Ngày nay, với sự phát triển của xã hội, nhiều người dân rất ưa dùng hàng Mĩ nghệ. Và bạn có biết những đồ vật như lược, trống, quai cặp, giày dép là làm từ đâu không? Một số được gia công bằng nguyên liệu từ trâu đấy các bạn ạ. Sừng trâu được người thợ dùng làm lược, những chiếc lược giản dị và xinh xắn. Da trâu được dùng để thuộc trống, và còn nhiều hàng tiêu dùng khác nữa. Trâu như người bạn thân gắn bó đối với đời sống tình cảm của người nông dân Việt Nam.

Đề 37: Em hãy viết đoạn văn kết bài cho bài viết thuyết minh về con trâu.

Bài làm

Con trâu gắn bó với người nông dân Việt Nam với các làng quê. Bấy nhiêu đã đủ để mọi người hiểu được tầm quan trọng của con trâu trong đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân Việt Nam. Nó xứng đáng là biểu tượng tượng trưng cho làng quê Việt Nam, của đất nước Việt Nam.

Đề 38: Con trâu ở làng quê Việt Nam.

Bài làm

Hình ảnh con trâu trong bài ca dao:

Trâu ơi, ta bảo trâu này
Trâu ăn no cỏ, trâu cày với ta
Cấy cày vốn nghiệp nông gia
Ta đây trâu đấy ai mà quản công!

đã cho ta thấy sự gần gũi của người dân Việt Nam với con trâu, người bạn đã gắn bó từ biết bao đời.

Nhắc đến con trâu, người ta liền nghĩ ngay tới một con vật to khoẻ nhưng hiền lành, chăm chỉ. Trên những cánh đồng, ta bắt gặp hình ảnh con trâu cần mẫn kéo cày, giúp xới tung cánh đồng để người nông dân gieo trồng được dễ dàng hơn. Có thể nói, trâu là một người bạn luôn giúp những người nông dân trong công việc đồng áng nặng nhọc. Ngoài ra, trâu cũng còn có thể kéo xe như trong những ngày gặt hái vì trâu là một loài động vật rất khoẻ mạnh có thể kéo được tải trọng khoảng 450 – 750kg, rất thuận tiện trong việc thồ hàng ở nông thôn.

Không chỉ có thế, con trâu còn có một vị trí to lớn trong đời sống tinh thần của người Việt Nam. Hình ảnh "con trâu đi trước cái cày theo sau" đã trở nên gần gũi từ bao đời nay. Chính vì vậy, con trâu đã gắn liền với cuộc sống của người nông dân. Hình ảnh con trâu ung dung gặm những ngọn cỏ non, xanh mát, và trên trời là những cánh diều bay cao giữa không trung đã in sâu trong tâm trí mỗi người Việt Nam. Chăn trâu, thả diều là một trong nhiều trò chơi của trẻ em nông thôn, một thú vui mà chúng yêu thích. Trên lưng trâu còn có bao nhiêu là trò như đọc sách, thổi sáo... Những đứa trẻ đó lớn dần lên, mỗi người một cuộc sống nhưng không bao giờ quên những kỷ niệm đẹp đẽ thời thơ ấu.

Ngoài ra, trâu còn gắn liền với các lễ hội như chọi trâu, đâm trâu... Lễ hội chọi trâu ở Hải Phòng có lẽ là nổi tiếng nhất:

Dù ai đi đâu về đâu
Nhớ ngày lễ hội chọi trâu thì về.

Lễ hội chọi trâu là một phong tục tín ngưỡng để tạ ơn thần biển của người dân nơi đây. Những con trâu khoẻ mạnh nhất sẽ ra chọi với nhau để tìm ra con giành chiến thắng. Con trâu này sẽ được đem giết để cúng thần linh, cầu cho mưa thuận gió hoà. Đó là một nét đẹp trong văn hoá cổ truyền của Hải Phòng nói riêng và của Việt Nam nói chung. Gắn liền với đời sống vật chất và tinh thần của người dân, trâu còn góp mặt trong đời sống văn hoá. Cùng với cây lúa nước, trâu cũng gắn liền với nền văn minh lúa nước của Việt Nam và cả của Đông Nam Á. Trâu đã trở thành linh vật của Sea games 22 năm 2003.

Có thể khi trình độ khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển, hình ảnh

con trâu đã dần vắng bóng trên những cánh đồng, nhưng với một xã hội có nền tảng của một nền văn minh lúa nước như đất nước chúng ta, những câu hát của trẻ chăn trâu sẽ chẳng bao giờ mất đi:

Trâu ơi ta bảo trâu này
Trâu ăn no cỏ, trâu cày với ta
Cấy cày vốn nghiệp nông gia
Ta đây, trâu đấy ai mà quản công...

Đề 39: Em hãy viết đoạn văn thuyết minh về lợi ích của cây chuối.

Bài làm

Trong đời sống vật chất của con người Việt Nam thì chuối là một loài cây hữu dụng từ thân đến lá, từ gốc đến hoa quả. Thân chuối rỗng nên người xưa hay dùng thay phao, ngoài ra còn làm thức ăn cho gia súc. Lá chuối tươi rửa sạch dùng để gói xôi, bánh giầy, bánh cốm, bánh chưng... và một trò chơi dân gian mà trẻ con hay chơi là cưỡi ngựa. Lá chuối khô cũng dùng để gói bánh gai hay cuộn chặt thay nút chai khá tốt. Bắp chuối thì chẻ ngọn nhỏ làm nộm, tương tự với nõn chuối làm rau sống hay ăn kèm với bún ốc, bún riêu. Trái chuối xanh hay được nấu cùng các thức ăn có vị tanh như ốc, lươn, v.v... vừa khử tanh lại vừa làm cho món ăn thêm ngon, thêm đa dạng. Trái chuối chín là một thức quả được nhiều người ưa chuộng.

Đề 40: Em hãy viết đoạn văn mở bài cho bài viết thuyết minh về cây chuối.

Bài làm

Nhắc đến làng quê Việt Nam là ta nghĩ đến những cánh đồng lúa rộng bạt ngàn, những người nông dân chăm chỉ, cần cù, quanh năm gắn bó với ruộng vườn, những triền đê, bãi cỏ xanh mượt, lũ trẻ con với những cánh diều và trò chơi gắn bó với tuổi thơ. Và trong đó còn có những vườn chuối. Hình ảnh ấy gắn liền với làng quê Việt Nam, với người nông dân từ rất lâu rồi.

Đề 41: Cây chuối trong đời sống người Việt Nam.

Bài làm

Nói đến cây chuối, đã là người Việt Nam thì không ai là không biết. Cây chuối đã tồn tại cùng con người như một người bạn thân thiết. Có thể nói, cây chuối đã trở thành một thứ không thể thiếu trong đời sống người Việt Nam từ xưa tới nay.

Chuối có tới năm bảy loại, nào là chuối hương, chuối ngự, chuối sứ, chuối mường, chuối tiêu... Mỗi loại chuối đều có hương vị thơm ngon riêng, tạo ra nét đặc biệt không thể lẫn với những loại khác. Thế nhưng các loại chuối đều mang vẻ bên ngoài giống nhau. Thân cây tròn, thấp, trơn bóng, to bằng cả cái cột đình. Lá cây xanh non, dài, to bản và các

gân đối xứng nhau. Thế nhưng lá chuối khô lại có màu nâu, giòn và cứng. Bắp chuối có màu đỏ, thuôn dài, còn gọi là hoa chuối. Nõn chuối xanh non, mịn và mỏng. Mỗi cây chuối trưởng thành đều có thể cho ta một buồng chuối. Tuỳ theo từng loại, có loại cho hàng trăm quả một buồng, có cả loại mỗi buồng cho cả nghìn quả. Nhiều cây còn trĩu trịt quả từ ngọn xuống gốc.

Để có được vai trò quan trọng như hiện nay trong đời sống của người Việt Nam, chuối đã "cống hiến" cho đời sống vật chất không biết bao nhiêu. Thân cây thái nhỏ ra có thể làm thức ăn cho lợn rất tốt. Còn lá cây thì giúp ta trong các việc như là để gói xôi, gói bánh rất tiện lợi và dễ kiếm. Lá chuối khô có thể dùng làm chất đốt, để quấn bánh gai hoặc ở nông thôn, ta còn thấy lá chuối khô còn quấn nhỏ làm nút chai rượu. Không chỉ thế, hoa chuối còn dùng để làm nộm (nộm hoa chuối). Món nộm hoa chuối được rất nhiều người ưa thích, đặc biệt là sinh viên vì nó vừa ngon lại vừa rẻ. Chỉ cần nhìn thấy thôi cũng đủ khiến cho ta cảm thấy thèm thuồng. Thái một ít nõn chuối ra cho vào đĩa rau muống xanh mướt là ta đã có một đĩa rau vừa ngon miệng vừa đẹp mắt. Quả chuối có lẽ là nhiều công dụng nhất. Các chị, các cô, các bà hay ăn chuối vì trong chuối có chứa nhiều chất vitamin rất tốt cho một làn da mịn màng. Và chủ yếu chuối thường dùng để ăn nhiều hơn vì nó rất ngon. Người ta còn thường dùng chuối thắp hương như một lễ vật dâng cho thần linh để thể hiện lòng tôn kính. Chính vì vậy, chuối là một loại trái cây rất được ưa thích tại Việt Nam và cả một vài nước khác. Cây chuối trong đời sống vật chất của người Việt Nam cũng khá quan trọng, nhất là trong hoàn cảnh kinh tế còn nhiều eo hẹp. Ở nông thôn, mỗi khi chuối chín, người ta hay cắt ra thành từng nải để đem bán, những nải chuối đó đều rất rẻ nên nhiều người mua. Còn trong đời sống văn hoá của người Việt, cây chuối cũng như bưởi hay hồng, nó cũng là một trong năm loại quả dâng lên tổ tiên, nhất là các dịp lễ Tết. Trong tâm thức của mỗi người, cây chuối là một loài cây tượng trưng cho sự thanh bình của làng quê, nhất là thời thơ ấu.

Cây chuối từ lâu đã chiếm một phần to lớn trong cuộc sống của người Việt Nam. Đối với mỗi người, cây chuối đã trở thành một loài cây vô cùng gần gũi, thân thiết.

Đề 42: Giới thiệu về chợ quê.

Bài làm

Ở nông thôn Việt Nam, thường mỗi xã hoặc một vài làng liền kề nhau có một cái chợ. Chợ là nơi trao đổi hàng hoá của cư dân địa phương. Chợ đặt ở làng nào, xã nào thường lấy tên của làng, xã ấy mà gọi. Nói nôm na đó là loại *chợ quê*. Quang cảnh *chợ quê* rất đơn giản, vài cái lều lợp gianh, lợp lá trên mấy cái cọc tre nhỏ, đơn giản. Có khi

không có lều quán mà chỉ là một bãi đất trống. Người bán bày sản phẩm thành hàng, thành dãy hai bên lối đi. Chủng loại hàng hoá, đa phần là những sản vật địa phương do vậy mà thay đổi theo mùa, vụ.

Chợ quê cũng có sự "phân cấp" một cách tự nhiên thành *chợ làng, chợ xã, chợ huyện, chợ tỉnh*... Người ta gọi chợ theo cấp hành chính và quy mô chợ cũng từ đó mà to dần lên. Ngày nay chỉ còn dấu vết chợ quê ở làng, ở xã, còn chợ *huyện*, chợ *tỉnh* hầu như đã biến thành những trung tâm buôn bán lớn trong vùng. Do nhu cầu trao đổi, mua bán nên ngày nào cũng họp chợ. Vì vậy mà mất đi phiên chợ truyền thống ngày trước.

Chợ quê lại có hai loại, *chợ phiên* và *chợ hôm*. Chợ phiên họp vào những ngày theo một chu kỳ nhất định. Khi nói chợ họp ngày ba và ngày *tám*, có nghĩa là phiên chợ họp vào những ngày *mồng ba, mồng tám, mười ba, mười tám, hai ba, hai tám* hàng tháng (theo âm lịch). Gần đây nhiều chợ chọn ngày chủ nhật làm phiên họp chính. Phiên chợ chính bao giờ cũng đông người hơn phiên *chợ xép* (chợ họp không đúng phiên). Ngoài những sản phẩm địa phương, ở chợ phiên mặt hàng đa dạng hơn bởi sự góp mặt của các hàng công nghiệp đắt tiền.

Chợ hôm thì ngày nào cũng họp. Người mua người bán chỉ thưa thớt, trao đổi những hàng thiết yếu hàng ngày, hàng tươi sống như rau, hoa quả, dầu, muối, tôm cá, trứng... Chợ thường họp vào buổi sáng sớm hay chiều. Nếu chợ họp vào buổi chiều người ta hay gọi là *chợ chiều*.

Đề 43: Giới thiệu về chợ nổi miền Tây Nam Bộ.

Bài làm

Gọi là chợ nổi vì chợ họp ở trên sông. Giữa một vùng sông nước bao la là hàng trăm chiếc ghe, xuồng của người quanh vùng về đây tụ tập mua bán.

Chợ họp suốt cả ngày, nhưng nhộn nhịp nhất là vào buổi sáng. Thuyền, ghe tấp nập đi lại, luồn lách trên mặt nước. Tiếng chào mời mua bán, tiếng cười nói gọi nhau, tiếng ồn ã của động cơ... làm vang động cả một vùng, quang cảnh nhộn nhịp và sôi động. Trên thuyền chất đầy hàng hoá, nhiều nhất vẫn là trái cây, mùa nào thức nấy: chôm chôm, xoài, cam, quýt, bưởi, măng cụt, sầu riêng..., sản vật của vùng sông nước kênh rạch như cá, rùa, rắn, cua, tôm, chim đồng, bông súng, rau tươi... Chủ nhân của ghe, thuyền treo lủng lẳng một vài thứ trái cây, hàng hoá hay một bảng hiệu quảng cáo trên chiếc sào nơi thuyền của mình, cái cao cái thấp, cái thẳng cái nghiêng trông thật lạ mắt.

Các loại dịch vụ ăn uống, hớt tóc, may vá... cũng diễn ra ngay trên ghe, xuồng, rất tiện dụng và dường như thỏa mãn mọi nhu cầu mua sắm sinh hoạt đời thường của người dân vùng này.

Các chợ nổi lớn của miền Tây như Phụng Hiệp, Phong Điền, Cái Răng (Cần Thơ), Cái Bè (Tiền Giang)... Phần lớn nông sản hàng hoá ở đây được

bán sỉ cho những thương nhân rồi từ đó được chuyển tới các nhà máy chế biến thực phẩm, hoa trái hay chở ra tận Hà Nội và các địa phương miền Bắc. Chợ nổi là nét sinh hoạt văn hoá độc đáo của người dân vùng châu thổ sông Cửu Long.

Đề 44: Giới thiệu về di tích lịch sử của địa phương.

Bài làm

Di tích Lam Kinh thuộc huyện Thọ Xuân, cách thành phố Thanh Hoá khoảng 50km về phía tây bắc, năm 1962 được Bộ Văn hoá xếp hạng.

Sau khi Lê Thái Tổ lên ngôi Hoàng đế, đóng đô ở Đông Kinh (Thăng Long), ông đã cho xây dựng ở quê hương đất tổ Lam Sơn một thành lớn thứ hai, thường được gọi là thành *Lam Kinh*, còn có tên khác là *Tây Kinh*.

Phía bắc thành Lam Kinh dựa vào núi Dầu (Du Sơn), phía nam nhìn ra sông Chu, qua sông khoảng 900m là núi Chúa (Chủ Sơn) làm tiền án, bên phải là núi Hướng và núi Hàm Rồng chắn phía tây. Các công trình trong diện xây dựng theo trục nam – bắc, trên khu đồi gò có hình chữ "vương". Thành có chiều dài 341m, ngang 254m. Mặt thành phía bắc xây hình cánh cung, tường dày hơn 1m.

Mặt trước thành khoảng 100m còn dấu vết của cổng vào và móng tường kéo đến sát bờ sông Ngọc, móng tường dày 1,8m. Qua tường khoảng 10m là con sông đào có tên là Sông Ngọc rộng khoảng 20m. Bắc qua sông là cây cầu cong *Tiên Loan*, trên cầu có lầu (thượng gia hạ kiểu), qua cầu khoảng 50m thì đến một giếng cổ hình chữ nhật. Tiếp theo là một sân rộng dẫn đến Ngọ Môn. Giữa sân hai bên lối vào là hai con vật bằng đá tựa hai con nghê, đứng trên bệ hình chữ nhật, trên thân trang trí khá cầu kỳ, đầu vươn về phía trước trong tư thế canh phòng.

Tuy di vật còn lại không nhiều nhưng chúng ta vẫn có thể nhận ra đây là một công trình rất lớn của vua Lê Lợi.

Đề 45: Giới thiệu về Lăng Lê Thái Tổ (Vĩnh Lăng).

Bài làm

Năm Thuận Thiên thứ 6 (Quý Sửu – 1443) tháng 8 nhuận, ngày 22, Lê Thái Tổ mất, cùng năm ấy, ngày 23 tháng 10 táng ở Vĩnh Lăng. Lam Sơn Lăng được xây dựng trên vạt đất bằng phẳng ở phía nam chân núi Dầu, phía bắc điện Lam Kinh 50m, nằm trên trục bắc – nam giữa núi Dầu và núi Chúa, tạo thành thế "hậu chẩm bắc sơn, tiền án nam sơn". Bên trái lăng có núi Ngũ Lâm và núi Hổ, bên phải có núi Hướng và núi Hàm Rồng tạo thành hai tay ngai với thế "long chầu hổ phục". Phía trước lăng khoảng 1000m là sông Chu uốn cong, ôm lấy mặt tiền, dòng chảy từ phải sang trái tạo thành thế "tụ thủy".

Bố cục và phong cách xây dựng ở Vĩnh Lăng đơn giản nhưng tôn

nghiêm, tự nhiên mà trang nhã. Ban đầu mộ đắp bằng đất hình khối vuông, xung quanh xây chèn bằng gạch, lâu ngày bị sạt lở, nay được xây lại bằng đá, mỗi cạnh 4,4m; cao 1m.

Trước lăng có hai hàng tượng người và tượng các con vật bằng đá. Đứng đầu hai hàng tượng, ở vị trí gần lăng là hai pho tượng quan văn và quan võ. Kích thước của tượng nhỏ, phong cách dân gian. Kế tiếp là tượng bốn cặp con vật đối nhau theo thứ tự hai sư tử cách điệu như hai con lợn rừng, hai ngựa (không có yên), hai tê giác (không có bành) và hai con hổ ngồi hiền từ. Trước lăng là hương án bằng đá đặt bát hương và lễ vật. Giữa hai hàng tượng chầu là một lối đi rộng hơn hai mươi mét gọi là *thần đạo*.

Lăng Lê Thái Tổ là một di tích quý trong khu di tích Lam Kinh.

Đề 46: Giới thiệu về bia Vĩnh Lăng.

Bài làm

Bia Vĩnh Lăng dựng năm 1443 trên đỉnh đồi ở phía đông Tây Hồ, tây nam điện Lam Kinh. Khoảng cách giữa lăng và nhà bia chừng 300m.

Mặt bia nhìn về hướng nam. Bia làm bằng đá nguyên khối cao 2,79m; rộng 1,94m; dày 0,27m, đặt trên lưng một con rùa đá dài 3,46m; rộng 1,94m và cao 0,90m (kể cả đế). Ngày trước có nhà bia nhưng đã bị cháy còn trơ lại các chân cột bằng đá. Nhà bia hiện tại mới được dựng lại năm 1961, nền hình vuông, mỗi cạnh 8,8m, bốn mái cong, lợp ngói mũi hài, đỡ bằng 16 cột, mỗi góc có 4 cột theo kiểu kiến trúc thời Lê.

Trán bia trang trí hình vuông, trong là hình tròn tượng trưng cho trời và đất. Giữa hình vuông và hình tròn là hình mây cách điệu tinh tế. Chính giữa khắc một đầu rồng nhìn thẳng, thân uốn lượn uyển chuyển quanh mặt trời, biểu trưng là thiên tử (con trời) được sinh ra do trời và đất. Hai bên riềm bia, mỗi bên có 9 hình nửa lá đề, trong mỗi lá đề là rồng uốn lượn, đầu vươn lên trên nối tiếp nhau, phần còn lại chạm hình hoa cúc dây rất tinh xảo.

Văn bia ngắn gọn, cô đọng, mô thuật toàn bộ gia tộc, thân thế, sự nghiệp, công lao của vua Lê Thái Tổ và ca ngợi lòng khoan dung độ lượng đối với kẻ thù. Văn bia do danh nhân văn hoá, anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi soạn.

Đề 47: Viết bài văn giới thiệu về một mảnh đất đã để lại trong em nhiều ấn tượng.

Bài làm

Bến Tre là một tỉnh đồng bằng cuối nguồn sông Cửu Long, tiếp giáp với biển Đông, có bờ biển dài 60km. Phía bắc giáp Tiền Giang, phía tây và tây nam giáp Vĩnh Long, phía nam giáp Trà Vinh. Thị xã Bến Tre cách Thành phố Hồ Chí Minh 85km.

Địa hình ở đây bằng phẳng, rải rác có nhiều cồn cát xen kẽ với ruộng

vườn, không có rừng cây lớn, bốn bề sông nước bao bọc rất thuận tiện cho giao thông vận tải cũng như thủy lợi.

Bến Tre có khí hậu nhiệt đới gió mùa: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, các tháng còn lại là mùa khô. Nhiệt độ trung bình năm từ 26 đến 27°C. Lượng mưa trung bình năm từ 1.250 đến 1.500mm.

Bến Tre hình thành bởi ba cù lao lớn: cù lao Bảo, cù lao Minh và cù lao An Hoá do bốn con sông lớn là Tiền Giang, Ba Lại, Hàm Luông, Cổ Chiên chia cắt. Là tỉnh có nhiều sông, rạch, Bến Tre có điều kiện thuận tiện để phát triển du lịch xanh, bởi ở đó còn giữ được nét nguyên sơ của miệt vườn, giữ được môi trường sinh thái trong lành trong màu xanh của những vườn dừa, vườn cây trái rộng lớn.

Bến Tre là vựa lúa lớn của đồng bằng sông Cửu Long với nhiều sản vật và hoa quả: lúa, ngô, khoai, dứa, chôm chôm, mãng cầu, vú sữa, sầu riêng. Bến Tre giàu thủy sản với các loại: cá thiểu, cá mối, cá cơm. Cây công nghiệp có dừa, thuốc lá, mía, bông. Đặc biệt, Bến Tre là xứ sở của dừa (gần 40.000 ha trồng dừa), nổi tiếng với đặc sản kẹo dừa Bến Tre, bánh tráng Mĩ Lồng, bánh phồng Sơn Đốc. Làng nghề Cái Mơn hàng năm cung ứng cho thị trường hàng triệu giống cây ăn quả và cây cảnh nổi tiếng khắp nơi.

Đề 48: Giới thiệu một tác phẩm tự sự trong chương trình *Ngữ văn 9*.

Bài làm

Trong chương trình Ngữ văn 9, em đã được đọc rất nhiều tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ trưởng thành trong quân đội. Và em đã thực sự ấn tượng bởi tác phẩm *Chiếc lược ngà* của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.

Nguyễn Quang Sáng là một nhà văn chiến sĩ. Ông sinh năm 1932 ở huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, tham gia kháng chiến chống Pháp và hoạt động tại chiến trường Nam Bộ. Trong đợt tập kết ra bắt năm 1954, ông bắt đầu viết văn. Nguyễn Quang Sáng viết nhiều thể loại như truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản phim nhưng tác phẩm nào cũng gây ấn tượng cho người đọc và mang đậm màu sắc cuộc sống của con người Nam Bộ trong chiến tranh. Sau kháng chiến chống Pháp, ông tiếp tục tham gia chống đế quốc Mĩ và sáng tác văn học. Năm 1966, tại chiến trường Nam Bộ, vào thời điểm cuộc kháng chiến chống Mĩ gay go, ông đã cho ra đời truyện ngắn *Chiếc lược ngà*. Tác phẩm tố cáo tội ác chiến tranh đã làm cha – con, vợ – chồng phải xa nhau để rồi khi trở về đứa con không nhận cha, đến khi nhận ra thì cũng là lúc chia tay. Vẫn thể loại quen thuộc, thể loại truyện ngắn ít nhân vật, ít tình huống, thời gian, không gian cũng chỉ diễn ra nhất định theo từng hoàn cảnh đã làm nổi lên tình cha con thiêng liêng cao đẹp. Có thể nói câu chuyện mà *Chiếc lược ngà* đề cập đến đã gây cho người đọc nhiều cảm xúc với nội dung nhẹ nhàng mà thấm đẫm chất nhân văn. Đó là câu chuyện của ông Ba – một trong những cán bộ được cô giao liên trẻ dẫn đường. Tuyến đường mà cô dẫn là tuyến đường đầy nguy hiểm, cạm bẫy bởi

bọn giặc thường lùng quét rất gắt gao. Ông Ba có hành lí và tư trang giản dị, đó là tài liệu và chiếc lược ngà – kỉ vật người bạn nhờ đem về cho cô con gái. Thấy chiếc lược ông lại nghĩ về câu chuyện xưa. Người bạn của ông là ông Sáu, trong một đợt được về thăm nhà sau 8 năm xa cách rất thương con mà đứa bé lại không nhận ra cha. Đứa bé đó là Thu – một cô bé bướng bỉnh, ương ngạnh, đầy cá tính nhưng cũng rất ngây thơ. Nó không nhận ra cha, lạnh lùng với anh Sáu. Mời vào ăn cơm nó nói trống không, muốn nhờ chắt nước cơm nó cũng nói trống. Thế rồi khi nó biết lỗi lầm của mình, biết tội ác của lũ giặc gây ra vết thẹo cho ba và nhận ra ba thì cũng là lúc anh Sáu phải ra đi. Bé Thu đã biểu hiện tình cảm quá mãnh liệt. Nó không cho ba đi, ghì chặt lấy Ba và cất tiếng gọi ba như xé lòng, xé ruột mọi người. Đem theo nỗi nhớ con, anh Sáu dồn công làm bằng được chiếc lược ngà tặng con. Nhưng chuyện không may đã xảy ra, khi chưa kịp trao cho con, anh đã hy sinh và trước khi nhắm mắt, anh gửi bạn đem cho con. Và cuối cùng, điều bất ngờ là cô giao liên nhanh nhẹn ấy chính là bé Thu đã lớn. *Chiếc lược ngà* đã diễn tả một cách cảm động tình cha con thắm thiết, sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh, của cha con ông Sáu. Qua đó ngợi ca, khẳng định tình cảm cha con thiêng liêng như một giá trị nhân văn sâu sắc. Nguyễn Quang Sáng đã thực sự khéo léo khi xây dựng một cốt chuyện chặt chẽ và bất ngờ. Ông cũng rất khéo khi lựa chọn ngôi kể, người kể – người đã chứng kiến mọi chuyện tạo tính sinh động cao. Và không thể thiếu chiếc lược ngà, kỷ vật thiêng liêng nối kết các nhân vật trong tác phẩm và biểu hiện tình cảm của cha với con. Nguyễn Quang Sáng cũng thành công khi đã tạo ra các tình huống bất ngờ, hợp lí, và xây dựng nhân vật đặc sắc, tinh tế từ đó giúp người đọc hiểu rõ hơn về mặt mỗi nhân vật, thấy rõ hơn và cảm thông hơn tình cha con cao quí, không bao giờ phai. *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng là một tác phẩm văn học đặc sắc, nó để lại cho ta nhiều suy nghĩ, trăn trở đó là suy nghĩ về tình cha con gắn bó, thiêng liêng. Dù bất cứ hoàn cảnh khó khăn nào, tình cảm ấy vẫn giúp con người ta đứng vững.

Đề 49: Giới thiệu về tác giả Nguyễn Dữ và văn bản *Chuyện người con gái Nam Xương*.

Bài làm

Tác giả Nguyễn Dữ hiện chưa rõ năm sinh năm mất, sống vào khoảng thế kỉ XVI, là người huyện Trường Tân, nay là huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Thời ông sống, triều đình nhà Lê đã bắt đầu khủng hoảng suy thoái, các tập đoàn phong kiến tranh giành quyền lực gây ra liên tiếp các cuộc nội chiến kéo dài. Có giả thiết cho rằng ông là học trò của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm. Cha ông là tiến sĩ đời Lê Thánh Tông, bản thân ông cũng là người học rộng, tài cao nhưng giống như nhiều trí thức đương thời, ông chỉ làm quan một năm rồi xin về quê ẩn dật. Trước tác của ông có tác phẩm tiếng Hán nổi tiếng *Truyền kì mạn lục* (Ghi chép tản mạn những điều kì lạ

vẫn được lưu truyền), một tác phẩm thể hiện quan niệm sống và tấm lòng của ông trước cuộc đời.

"Chuyện người con gái Nam Xương" là tác phẩm được rút trong tập truyện *Truyền kì mạn lục* của tác giả. Đây là một trong hai mươi truyện của tập sách này. Tác phẩm ghi lại cuộc đời thảm thương của Vũ Nương, quê ở Nam Xương (thuộc tỉnh Hà Nam) ngày nay.

Vũ Thị Thiết – người con gái quê ở Nam Xương thuỳ mị, nết na, tư dung tốt đẹp. Chàng Trương Sinh mến vì đức hạnh xin mẹ đem trăm lạng vàng cưới về. Chẳng bao lâu Trương Sinh phải đi lính. Nàng đang có mang, xa chàng vừa đầy tuần thì sinh ra đứa con trai đặt tên là Đản, nửa năm sau, mẹ chàng vì già yếu và nhớ thương con mà lâm bệnh. Vũ Nương hết lòng săn sóc, cơm cháo thuốc men, mẹ chồng qua đời, nàng lo ma chay tế lễ như đối với cha mẹ mình. Qua năm sau, giặc đã chịu lui, Trương Sinh trở về. Con trai đã vừa học nói nhưng chỉ vì câu nói ngây thơ của đứa con đã dẫn đến Trương Sinh hiểu lầm rằng vợ mình đã thay lòng đổi dạ. Trương Sinh nhiếc mắng, đuổi nàng đi. Nàng thanh minh cho mình, rồi hàng xóm bênh vực nhưng không được. Trước cảnh đau buồn đó Vũ Nương đã nhảy xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. Nàng chết rồi, một hôm Trương Sinh ngồi buồn dưới ngọn đèn khuya chợt đứa con nói: "Cha Đản lại đến kìa" rồi chỉ cái bóng trên tường. Bấy giờ Trương Sinh mới tỉnh ngộ, biết vợ mình chết oan. Lại nói về chuyện Phan Lang đã cứu Linh Phi, là vợ vua biển Nam Hải. Thế rồi Phan Lang không may đắm thuyền chết, được Linh Phi cứu giúp, chữa trị, đền ơn. Trong cuộc hành trình thăm động của Linh Phi, Phan Lang tình cờ gặp Vũ Nương. Nàng gửi về cho chồng một chiếc hoa vàng và dặn chồng con nhớ làm đàn giải oan... Phan Lang trở về kể chuyện cho Trương Sinh. Vũ Nương hiện lên đa tạ tình chàng nhưng nàng không thể trở về trần gian được.

Chuyện người con gái Nam Xương nói lên sự xót thương với những người phụ nữ tài sắc, đức hạnh mà chết oan trong bi kịch gia đình. Vũ Nương là một phụ nữ đảm đang, hiếu thảo, một mình nuôi dạy con thơ, phụng dưỡng mẹ già. Cái chết của Vũ Nương có giá trị tố cáo hiện thực sâu sắc, lên án chiến tranh phong kiến đã làm cho lứa đôi phải li biệt, người vợ trẻ sống vất vả, cô đơn, lên án lễ giáo phong kiến khắt khe với tệ gia trưởng độc đoán, gây nên bi kịch gia đình, làm tan vỡ hạnh phúc. Vì lẽ đó, *Chuyện người con gái Nam Xương* có giá trị nhân bản sâu sắc.

Với nghệ thuật điêu luyện, bố cục chặt chẽ, chi tiết hoang đường, li kỳ, hấp dẫn, dùng chi tiết gợi mở, thắt nút cởi nút câu chuyện tài tình, giải quyết câu chuyện nhanh chóng, bất ngờ, kết thúc có hậu,... *Chuyện người con gái Nam Xương* đã khẳng định được nét đẹp tâm hồn truyền thống của người phụ nữ Việt Nam, đồng thời thể hiện niềm cảm thương cho số phận nhỏ nhoi, đầy tính chất bi kịch của họ dưới chế độ phong kiến. Đây là một áng văn hay, thành công về mặt dựng truyện, dựng nhân vật, kết hợp cả tự

sự, trữ tình và bi kịch. Tuy mang yếu tố hoang đường, nhưng chuyện "Người con gái Nam Xương" có giá trị nhân đạo sâu sắc.

Qua "Truyền kì mạn lục", người đọc mãi mãi thương cảm Vũ Nương, thương cảm những thân phận của người phụ nữ trong xã hội cũ.

Đề 50: Em hãy giới thiệu về nhà văn Kim Lân và truyện ngắn *Làng*.

Bài làm

Trong chương trình Ngữ văn 9 có rất nhiều những tác phẩm tự sự hay, mang những giá trị về nội dung và nghệ thuật lớn. Nhưng một tác phẩm đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất chính là truyện ngắn *Làng* của nhà văn Kim Lân.

Nhà văn Kim Lân tên thật là Nguyễn Văn Tài, ông sinh năm 1920 tại Bắc Ninh. Kim Lân là nhà văn hiện thực xuất sắc của văn học Việt Nam. Tuy viết không nhiều nhưng ông có nhiều tác phẩm thành công. Kim Lân là nhà văn của nông thôn Việt Nam, ông đã viết về cuộc sống và con người nông thôn bằng tình cảm, tâm hồn của một người vốn là con đẻ của đồng ruộng. Vì thế, ông hiểu sâu sắc cảnh ngộ và tâm lí của những người nông dân nghèo. Kim Lân là cây bút chuyên viết truyện ngắn. Nhân vật của ông là những người nông dân chất phác, hiền hậu và khao khát cuộc sống bình yên.

Làng cũng là một tác phẩm rất đặc sắc của ông khi viết về đề tài trên. Nó ra đời đầu thời kì chống Pháp năm 1948. *Làng* kể về nhân vật có tên là ông Hai. Ông Hai vô cùng yêu cái làng Chợ Dầu của mình, vì thế khi Pháp đến đánh chiếm ông quyết định ở lại làng làm du kích, làm thanh niên chống giặc, mặc dù tuổi ông đã cao. Nhưng vì hoàn cảnh gia đình neo đơn, ông buộc phải cùng gia đình tản cư lên thị trấn Hiệp Hoà, đi đến đâu ông cũng hồ hởi khoe với mọi người cái làng của mình. Thế rồi một hôm, ông nghe tin sét đánh là làng Chợ Dầu đã theo giặc. Ông cảm thấy vô cùng đau khổ và gia đình ông có thể lâm vào tình cảnh mất nơi ở. Đến khi nghe tin cải chính làng của ông là làng kháng chiến thì ông vô cùng sung sướng, ông đi khoe cái nhà của ông bị đốt hết trong niềm tự hào, sung sướng. Vậy đó, với cốt chuyện thật đơn giản, ít nhân vật, tuy nhiên lại có sự đỉnh điểm rồi cởi nút rất dễ dàng. Truyện ngắn *Làng* bao hàm một giá trị nội dung vô cùng sâu sắc. Thông qua nhân vật ông Hai, một con người vô cùng yêu làng quê của mình, khi nghe tin làng theo giặc, ông tỏ thái độ vô cùng bất ngờ, đau đớn, tâm trạng mâu thuẫn. Từ lúc đó trở đi, ông không ra khỏi nhà, gia đình ông im lặng và tràn ngập nỗi buồn. Nhà văn Kim Lân thật tài tình khi xây dựng tình huống truyện để bộc lộ nội tâm nhân vật. Đó là chi tiết ông Hai trò chuyện với thằng con út đã thể hiện tình yêu làng sâu sắc, gắn bó tình yêu nước, niềm tin vào cách mạng. Đến một đứa trẻ bé tuổi như con út ông cũng tin cậy ủng hộ Cụ Hồ, không có lí gì lại không tin vào việc cái làng Chợ Dầu là làng kháng chiến, tất cả nhân dân trong làng đều đồng lòng chống Pháp. Mặc dù ở xa cái làng quê yêu dấu của mình nhưng ông

vẫn luôn trông ngóng tin tức và dõi mắt theo công cuộc kháng chiến của cả làng. Câu chuyện đang lúc lên cao trào như vậy, mà Kim Lân đã có cách mở cởi nút câu chuyện hết sức đơn giản, nhẹ nhàng. Rằng ông nghe tin cải chính từ ông chủ tịch ở làng lên. Khỏi phải nói ông vui mừng cỡ nào, ông lại đi khoe với mọi người trong thái độ vội vàng, lời nói tràn đầy cảm xúc, có phần nào không rõ về chữ nghĩa (toàn sai sự mục đích cả), đã bộc lộ nội tâm một cách tự nhiên, phù hợp với tâm trạng của ông lúc đó. Qua đây, tác giả muốn nêu lên một ý nghĩa: bao trùm lên cả tình yêu làng quê đó chính là tình yêu đất nước vô bờ bến, tinh thần quyết chiến quyết thắng khi đất nước bị giặc xâm lăng. Nhà văn cũng muốn nói lên rằng, người dân cần phải tin tưởng vào đường lối của Đảng và Nhà nước ta, tin vào công cuộc cách mạng của nhân dân ta, cùng đoàn kết với mong đuổi được giặc xâm lược ra khỏi đất nước. Để có được nội dung câu truyện sâu sắc ấy, Kim Lân đã tạo ra những biện pháp nghệ thuật vô cùng đặc sắc như độc thoại, ngôi kể, điểm nhìn của người kể, những mâu thuẫn nội tâm, đối thoại, miêu tả dáng người để từ đó bộc lộ tình cảm ....

Nếu được phép đặt tên lại cho tác phẩm *Làng* của nhà văn Kim Lân thì xin được đặt đó là "Tình yêu quê hương", để những từ ngữ đó nói lên tình yêu của nhân dân ta với làng quê nói riêng và với Tổ quốc nói chung là mãi mãi, không bao giờ đổi thay.

Đề 51: Giới thiệu về tác gia Nguyễn Đình Chiểu, tác giả của *Truyện Lục Vân Tiên*.

Bài làm

Trong nền văn học Việt Nam, hiếm có tác giả nào mà cuộc đời lại gặp nhiều nỗi đa đoan như nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu. Nhưng từ trong gian khó, nhà thơ đã cho người đọc chiêm ngưỡng một thứ "ánh sáng khác thường" của nghị lực sống và sáng tạo để ta càng nhìn "càng thấy sáng", càng thêm yêu quý, trân trọng con người ông.

Nguyễn Đình Chiểu sinh năm 1822 trong một gia đình phong kiến lớp dưới. Là con đầu lòng trong một nhà đông con (7 người con), lại là con của vợ lẽ nên ngay từ nhỏ ông đã sớm chịu cảnh lận đận ngược xuôi. Nơi ông chào đời là đất Gia Định, 11 năm sau đó, sau khi Nam Kì bị chiếm, ông được cha gửi ra Huế ở nhờ nhà một người bạn. Sau 8 năm theo học ở Huế, ông lại trở về Nam chăm lo đèn sách để chờ thi hương. Năm 1843, ông đỗ tú tài ở trường Gia Định. Năm 1846, Nguyễn Đình Chiểu lại ra Huế học chờ thi hội. Đây quả là thời kì lận đận, gian truân, đầy nhọc nhằn đối với nhà thơ.

Sinh ra trong thời loạn lạc, lớn lên ông cũng gặp cảnh gian nan trong cuộc đời. Đầu năm 1849, sắp thi thì được tin mẹ mất từ cuối năm trước, ông vội vàng về Nam chịu tang mẹ, bỏ dở việc thi cử. Trên đường về quê ông bị ốm. Đường sá xa xôi, tiết trời nóng bức, bệnh ông ngày càng nặng thêm, lại thương khóc mẹ quá nhiều nên chẳng may ông bị mù cả hai mắt. Chuyện

tình duyên của ông cũng đầy éo le: Trước đây, khi ông đỗ tú tài, có nhà phú hộ ở vùng quê đã hứa gả con gái cho ông nhưng nay thấy ông bị mù liền bội ước. Vậy là giấc mộng công danh không thành lại thành người "tàn phế", tình duyên thì trắc trở. Tương lai tưởng như chấm hết, cánh cửa cuộc đời tưởng như đóng sập trước ông. Thế nhưng, bằng ý chí và nghị lực phi thường, ông đã vượt qua mọi khó khăn, biến đau thương thành sức mạnh, vươn lên làm chủ số phận của mình. Sau khi mãn tang mẹ, ông mở trường dạy học, học trò theo học ông rất đông và từ đó người ta gọi ông là Đồ Chiểu. Ngoài việc dạy học ông còn nghiên cứu thêm về y học và bốc thuốc chữa bệnh cho nhân dân. Đây quả đúng là tấm gương sáng về ý chí và nghị lực sống làm nhiều người cảm phục.

Không chỉ vậy, cuộc đời ông còn là một tấm gương ngời sáng về lòng yêu nước, thương dân, về tinh thần bất khuất trước kẻ thù. Tuy bị mù, không thể trực tiếp tham gia vào cuộc kháng chiến được nhưng ông vẫn thường bàn bạc việc quân với Đốc binh Là và trao đổi thư từ với Trương Định – những lãnh tụ nghĩa quân chống Pháp lúc bấy giờ. Khi tản cư về quê vợ ở Ba Tri, ông vẫn giao thiệp với các nhà chí sĩ yêu nước và làm thơ văn phục vụ công cuộc kháng chiến của dân tộc. Khi Pháp chiếm nốt ba tỉnh miền Tây, các cuộc khởi nghĩa ở miền Nam đã bị dập tắt, khi mà một số lớn các nhà chí sĩ ra Bình Thuận thì Nguyễn Đình Chiểu vẫn ở lại Ba Tri nêu cao tấm gương bất hợp tác với địch. Mặc dù thực dân Pháp tìm mọi cách để mua chuộc, dụ dỗ ông nhưng ông vẫn một mực cự tuyệt. Khi chiếu Cần Vương được ban bố, phong trào kháng Pháp lại sục sôi khắp Bắc và Trung Kì, ông lại tràn đầy tin tưởng vào cuộc chiến đấu mới của dân tộc.

Cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương sáng ngời về ý chí và nghị lực sống, lòng yêu nước, thương dân và tinh thần bất khuất trước kẻ thù. Con người ấy, người đọc đã gặp trong hình ảnh chàng trai Lục Vân Tiên – người thanh niên lý tưởng của thời đại trong "Truyện Lục Vân Tiên".

Cuộc đời ông làm ta cảm phục và văn thơ ông cũng được ta yêu mến.

Ông đã để lại cho đời nhiều tác phẩm quý: *Lục Vân Tiên, Dương Từ – Hà Mậu, Ngư tiều y thuật vấn đáp, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh, Văn tế Trương Định*,... Giá trị của những áng văn thơ ấy vẫn còn sống mãi trong lòng người đọc bởi lý tưởng đạo đức, nhân nghĩa và tấm lòng yêu nước thương dân tha thiết của ông. Trong thơ văn của ông, không có loại thơ văn thuần tuý giải sầu, chúng nhằm mục đích chiến đấu, bảo vệ đạo đức của nhân dân và quyền lợi của Tổ quốc, ở đó lý tưởng nhân nghĩa luôn được đề cao. Lý tưởng ấy phù hợp với truyền thống văn hoá của nhân dân ta.

Vì sao Khuê rực rỡ Nguyễn Đình Chiểu gần gũi vô cùng nhưng khi nào ta cũng ngước nhìn với một tấm lòng ngưỡng vọng chân thành. Nguyễn Đình Chiểu, đó là một con người, một tài năng Việt Nam hơn hết thảy.

Đề 52: Giới thiệu về văn bản *Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em.*

Bài làm

Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em là văn bản trích phần đầu *Tuyên bố* của *Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em* họp tại trụ sở Liên hợp quốc ở Niu Oóc ngày 30 – 9 – 1990. *Tuyên bố* gồm ba phần: *Nhiệm vụ*, *Cam kết* và *Những bước tiếp theo.*

Văn bản *Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em* gồm 17 mục, ngoài phần tuyên bố về mục đích tham dự *Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em* và nhận thức về nhu cầu, quyền được chăm sóc, phát triển của trẻ em, văn bản được bố cục thành ba phần. Phần *Sự thách thức* phân tích thực trạng cuộc sống của trẻ em trên thế giới (trẻ em trước hiểm hoạ chiến tranh và bạo lực, trẻ em trong thảm hoạ đói nghèo, khủng hoảng kinh tế, dịch bệnh, ma tuý...). Phần *Cơ hội* chỉ ra những điều kiện thuận lợi của bối cảnh quốc tế trong việc thúc đẩy việc chăm sóc, bảo vệ quyền trẻ em. Và phần *Nhiệm vụ* đã xác định những nhiệm vụ cần phải thực hiện của từng quốc gia và cộng đồng quốc tế vì sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em. Ba phần của văn bản này có quan hệ chặt chẽ với nhau. Hai phần trước là cơ sở, căn cứ để rút ra những nội dung ở phần sau.

Trong phần *Sự thách thức,* thực trạng cuộc sống trẻ em trên thế giới được khái quát theo nhiều nội dung. Tác giả đã chỉ ra rằng trẻ em đang trở thành nạn nhân của hiểm hoạ chiến tranh và bạo lực, của sự phân biệt chủng tộc, của sự xâm lược, chiếm đóng và thôn tính của nước ngoài. Trẻ em là nạn nhân của đói nghèo và khủng hoảng kinh tế, của nạn vô gia cư, dịch bệnh, mù chữ, môi trường xuống cấp. Đặc biệt nguy hiểm là tình trạng trẻ em chết do suy dinh dưỡng và bệnh tật, ma tuý. Chính thực trạng đó đã đặt ra những nhiệm vụ cấp bách cho từng quốc gia và cộng đồng quốc tế.

Bối cảnh quốc tế hiện nay có những điều kiện thuận lợi cơ bản để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Những điều kiện thuận lợi này được chỉ ra trong phần *Cơ hội*, cụ thể, nhân loại đã có công ước về quyền trẻ em, đó là mối liên kết về phương tiện, kiến thức giữa các quốc gia. Đó còn là sự hợp tác và đoàn kết quốc tế mở ra khả năng giải quyết những vấn đề về phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, ngăn chặn dịch bệnh, giải trừ quân bị, tăng cường phúc lợi trẻ em.

Dựa trên tình hình thực tế, bản *Tuyên bố* đã đề ra những nhiệm vụ cụ thể cho từng quốc gia và cộng đồng quốc tế vì sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em. Mỗi một mục tương ứng với một phương diện cần quan tâm: từ việc chăm sóc sức khoẻ, chế độ dinh dưỡng, giảm tỉ lệ tử vong, quan tâm đến trẻ em tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, bình đẳng trai – gái, xoá mù chữ, quan tâm đến sức khoẻ sinh sản của phụ nữ, kế hoạch sinh nở đến việc chú ý tạo môi trường văn hoá xã hội lành mạnh,

phát triển kinh tế... Những nội dung này thể hiện tính toàn diện trong việc định hướng hành động.

"*Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em*" cho chúng ta thấy được tầm quan trọng, tính cấp bách, toàn cầu của nhiệm vụ vì sự sống còn, quyền được bảo vệ, phát triển của trẻ em. Trên tinh thần vì tương lai của nhân loại, bản Tuyên bố đã đưa ra những nhiệm vụ cũng là chiến lược hành động một cách toàn diện cho từng quốc gia và cộng đồng quốc tế. Công việc này còn đòi hỏi sự quan tâm của từng gia đình, từng cá nhân trong mỗi cộng đồng.

Đề 53: Dựa vào tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ, em hãy viết đoạn văn giới thiệu về thể loại truyền kì.

Bài làm

Truyền kì được hiểu là những điều kì lạ vẫn được lưu truyền. "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ được viết dựa trên câu chuyện cổ tích "Vợ chàng Trương". Yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì có một vai trò rất quan trọng. Nó khiến câu chuyện được kể trở nên lung linh, hư ảo. Trong tác phẩm của Nguyễn Dữ, yếu tố kì ảo được thể hiện rất rõ ở chuyện nằm mộng của Phan Lang, chuyện Phan Lang và Vũ Nương dưới động rùa của Linh Phi,... chuyện lập đàn giải oan, Vũ Nương hiện về ngồi trên kiệu hoa, cờ tán, võng lọng rực rỡ đầy sông, lúc ẩn lúc hiện, rồi "bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất.". Đó là đặc điểm chung của thể loại truyền kì trung đại. Hơn nữa trong tác phẩm này, Nguyễn Dữ đã sử dụng cách đưa yếu tố truyền kì vào câu chuyện kết hợp với các yếu tố tả thực để tạo hiệu quả nghệ thuật về tính chân thực của truyện (các yếu tố tả thực: địa danh, thời điểm lịch sử, sự kiện lịch sử, miêu tả chân dung nhân vật, khung cảnh...). Ngoài ra, sự có mặt của các yếu tố kì ảo đã tạo ra một thế giới ước mơ, khát vọng của nhân dân về sự công bằng, bác ái.

Đề 54: Tưởng tượng rằng em là nhân vật người họa sĩ trong truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* (Nguyễn Thành Long). Hãy viết một bài thuyết minh ngắn (từ 15 đến 20 dòng) để giới thiệu với mọi người về vẻ đẹp của con người và cảnh vật Sa Pa mà người hoạ sĩ đã nhận ra. Bài thuyết minh có sử dụng yếu tố nghị luận và miêu tả (cảnh vật và nội tâm).

Bài làm

Thiên nhiên nơi đây sống động, đầy chất thơ mang một vẻ đẹp dịu dàng, trong trẻo như một bức tranh thủy mặc. Bầu trời xanh bao la, mây cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương làm cho không gian trở nên mát lạnh, mờ ảo. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tít trong nắng. Những con đèo được nắng mạ bạc trở thành những đường cong lấp lánh quyến rũ diệu kì. Hoa nơi đây thì muôn màu rực rỡ: thược dược đỏ lựng, tím hồng, vàng tươi; tử đinh hương tím ngát,...

Con người nơi đây cũng mang một vẻ đẹp lạ lùng của những hiến dâng và hi sinh thầm lặng. Lên Sa Pa, tôi được bác lái xe giới thiệu với một chàng trai hai mươi bảy tuổi làm công tác khí tượng một mình trên đỉnh Yên Sơn cao hơn hai ngàn sáu trăm mét quanh năm suốt tháng, giữa cỏ cây và mây núi Sa Pa. Nơi ở của anh rất sạch sẽ, ngăn nắp; ngoài vườn, anh ta còn trồng rất nhiều hoa. Công việc của anh rất vất vả: phải dậy đúng giờ bất kể đó là đêm giông bão ướt át hay đêm bão tuyết cắt da cắt thịt. Vậy mà anh ta yêu công việc ấy với tình yêu dành cho một người thiếu nữ xinh đẹp, anh ta nói: "thiếu nó anh buồn đến chết mất", "khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với bao anh em đồng chí dưới kia". Những "anh em đồng chí" ấy là một ông kỹ sư vườn rau cần cù, say mê quan sát cách lấy mật của ong, cách ong thụ phấn để tìm cách tăng năng suất cây trồng. Đó còn một nhà nghiên cứu khoa học mười một năm không xa rời cơ quan, luôn trong tư thế sẵn sàng đợt sét để lập bản đồ sét Việt Nam, tìm cho ra của chìm nông, chìm sâu dưới lòng đất để làm giàu cho đất nước.

Đề 55: Giới thiệu về nhà văn Lê Minh Khuê và truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi.*

Bài làm

Nhà văn Lê Minh Khuê sinh năm 1949, quê ở huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá. Bà thuộc thế hệ những nhà văn bắt đầu sáng tác trong thời kì kháng chiến chống đế quốc Mĩ. Các tác phẩm của Lê Minh Khuê ra đời đầu những năm 70 của thế kỉ XX đều viết về cuộc sống chiến đấu của thanh niên xung phong và bộ đội trên tuyến đường Trường Sơn khói lửa. Từ sau năm 1975, sáng tác của Lê Minh Khuê đã bám sát những biến chuyển của đời sống, đề cập đến nhiều vấn đề bức xúc của xã hội thời đổi mới. Ngòi bút miêu tả tâm lý của Lê Minh Khuê khá sắc sảo, nhất là khi miêu tả tâm lý phụ nữ.

Truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* viết về ba cô gái thanh niên xung phong làm nhiệm vụ phá bom ở một cao điểm trong thời kì cuộc chiến tranh chống đế quốc Mĩ đang diễn ra khốc liệt. Ba nữ thanh niên xung phong thuộc tổ trinh sát mặt đường tại một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn. Nhiệm vụ của họ là quan sát khi địch ném bom, đo khối lượng đất đá cần phải san lấp, đánh dấu vị trí các quả bom chưa nổ và phá bom. Công việc của họ hết sức nguy hiểm. Mặc dù vậy, cuộc sống của họ vẫn có những niềm vui hồn nhiên của tuổi trẻ, những giây phút thanh thản, mơ mộng và đặc biệt là gắn bó, yêu thương nhau trong tình đồng đội.

Truyện được trần thuật từ ngôi thứ nhất, theo lời kể của Định – nhân vật chính. Sự lựa chọn vai kể như vậy rất phù hợp với nội dung tác phẩm

cũng thuận lợi cho việc miêu tả, biểu hiện thế giới tâm hồn, những cảm xúc và suy nghĩ của ba cô gái. Miêu tả các cô gái hằng ngày, hằng giờ đối mặt với hiểm nguy nhưng sức hấp dẫn của truyện không phải ở những chi tiết, sự kiện hồi hộp, nóng bỏng mà ở khả năng miêu tả đời sống tâm hồn con người khá sinh động, sâu sắc của tác giả.

Lê Minh Khuê đã viết "Những ngôi sao xa xôi" bằng một ngòi bút dung dị đầy nữ tính, thể hiện phong cách riêng của mình. Tác phẩm là truyện ngắn đầy chất thơ miêu tả thành công vẻ đẹp tâm hồn đầy mơ mộng nhưng cũng vô cùng quả cảm, anh dũng của thế hệ trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Đề 56: Em hãy viết đoạn văn giới thiệu về nhà thơ Thanh Hải và ý nghĩa của hoàn cảnh ra đời bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ*.

Bài làm

Nhà thơ Thanh Hải sinh năm 1930 mất năm 1980, quê ở huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế. Ông hoạt động văn nghệ trong suốt những năm kháng chiến chống Pháp rồi chống Mĩ và là một trong số những cây bút có công xây dựng nền văn học cách mạng ở miền Nam thời kỳ đầu. Bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* ra đời năm 1980 – năm năm sau khi đất nước ta thống nhất, cả nước đang say mê với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt, đó là thời điểm nhà thơ bị bệnh nặng đang được điều trị tại bệnh viện, không lâu sau ngày bài thơ ra đời cũng là khoảnh khắc nhà thơ từ biệt cuộc sống. Chắc hẳn, vào những ngày cuối cùng ấy, sau những chiêm nghiệm về cuộc sống với tất cả tình yêu, Thanh Hải muốn tiếp tục cất lên tiếng hót của “con chim chiền chiện” để góp nên một “mùa xuân nho nhỏ” cho cuộc đời, cho con người và cho đất nước yêu thương. Chính bởi vậy, từ xúc cảm trước mùa xuân của thiên nhiên, đất trời đến mùa xuân của mỗi con người trong mùa xuân lớn của đất nước, bài thơ thể hiện khát vọng được dâng hiến "Mùa xuân nho nhỏ" của mình vào mùa xuân lớn của cuộc đời chung.

Đề 57: Em hãy giới thiệu cách làm một món ăn.

Bài làm

Miến lươn là một món ăn dân dã được nhiều người ưa thích. Ngày nay, việc chế biến và thưởng thức món miến lươn đã khác xưa rất nhiều nhưng vẫn rất ngon.

Miến rửa sạch đã chần nước sôi, được chần lại vào nồi nước dùng lươn màu nâu nâu cho miến nở, thấm độ đậm, ngọt của nước dùng rồi cho vào bát. Những miếng thịt lươn đã xào săn lại mà vẫn phô màu vàng óng của da lươn. Hành hoa và rau răm thái nhỏ tăm – thường thái trước khi cho vào bát để giữ mùi thơm, hành răm càng thái nhỏ càng tiết mùi thơm nhiều

hơn. Rắc hành răm thái nhỏ lên thịt lươn rồi chan nước dùng. Nước dùng lươn màu nâu nâu ngọt trên mức bình thường, vì phải đậm đặc mới nổi vị, chỉ chan sâm sấp chứ không chan vông vì miến đã ngấm nở đủ bằng nước dùng nên không trương nở thêm nữa. Miến hợp nhất với món này là loại miến làm bằng đỗ xanh, sợi miến nhỏ và giòn chứ không nát. Cuối cùng, rắc hạt tiêu xay mịn. Nếu ai thích cay thì không rắc tiêu mà dùng thìa nhỏ xúc một phần tiêu sọ giã giập.

Miến thấm đượm nước dùng, thịt lươn xào săn ăn hơi dẻo rất rõ vị lươn, lại được tẩm ướp nên thơm mùi tiêu và mùi nước mắm ngon thật hấp dẫn. Bát miến lươn, ăn tới miếng cuối cùng vẫn còn nóng. Món miến lươn hấp dẫn mọi mùa, nhưng vào những ngày đông lạnh còn hấp dẫn hơn nhiều. Bởi vì rét đến mấy, khi bê bát miến lươn thơm phức, nóng hổi lên là ta quên hết mọi rét mướt, chỉ còn cảm nhận vị ngọt ngon nơi đầu lưỡi.

Đề 58: Giới thiệu về một món ăn Việt Nam dân dã.

Bài làm

Muốn ăn bún riêu cua, bạn không thể tìm thấy trong thực đơn của nhà hàng hay khách sạn, nó chỉ có ở chợ và quán vỉa hè của Hà Nội. Khác với phở có vị béo ngậy, cháo có vị thanh thanh, man mát, bún riêu có vị ngọt đậm, nước dùng hơi chua, phảng phất mùi cua đồng.

Bún riêu cua làm không khó nhưng tỉ mẩn và công phu. Cua mua về phải ngâm, dùng đũa khoắng xả nước bẩn, lột mai để riêng, bỏ vỏ yếm và miệng cua. Những bà bán bún riêu cua thường nói, gạch ở mai cua mới tạo nên mùi vị rất riêng của bún riêu. Gạch cua khều ra phải phi hành mỡ cho thật thơm, vàng đều, đảo gạch cua nhanh tay sao cho không nát, tạo màu vàng sẫm mới đạt yêu cầu. Phần thân cua trước khi cho vào cối giã nhuyễn phải xóc qua muối, dội nước lã cho sạch và để ráo nước, giã nhuyễn sau đó mới đổ nước lã vào lọc kỹ, gạn lấy nước trong, bỏ bã. Cua được giã càng nhuyễn thì nước dùng càng có nhiều váng thịt cua.

Quả dọc đem nướng thật kỹ, bóc bỏ vỏ, cà chua rửa sạch, bỏ hạt và thái miếng như miếng cau ăn trầu, mẻ nghiền nát lọc lấy nước, hành rửa sạch, thái thật nhỏ là những gia vị không thể thiếu cho nồi riêu cua.

Nồi nước cua đun lửa sao cho váng thịt cua nổi dần trên mặt nước, nêm vừa mắm muối, quả dọc, cà chua vào đun sôi lăn tăn. Rắc hành hoa và rưới gạch cua trưng lên trên là bạn đã có nồi nước dùng thật ngon.

Để làm bún riêu cua ngon, cua phải được giã bằng tay, váng thịt cua mới mềm, mịn và giữ được mùi vị đặc trưng. Nếu đem xay cua bằng máy xay, coi như nồi nước dùng bị giảm đến 50% vị ngon, váng thịt cua thường xốp, sạn. Bún rối được trần bằng nước sôi lăn tăn, chan riêu cua ngập bún, ăn nóng cùng ớt bột chưng mỡ và rau diếp.

Yêu cầu đặc trưng nhất của bún riêu cua là váng thịt cua phải đông đặc, nổi màu vàng sẫm của gạch cua, nước dùng mang vị ngọt đậm, hơi chua, hơi cay.

Mặc dù là món quà sáng bình dân, nhưng bún riêu cua cũng được xếp vào thú "ẩm thực" của người dân Hà Nội.

Đề 59: Giới thiệu một thức quà bánh Việt Nam.

Bài làm

Vào tháng Hai, tháng Ba âm lịch, khi mưa xuân giăng một màn bụi mỏng trắng mờ che phủ xóm làng, tiết trời đã ấm áp là lúc lá khúc bắt đầu lên mơn mởn các bãi đất ven đê dọc các triền sông. Chẳng ai trồng rau khúc. Nó tự nhiên âm thầm mọc lên, như có phần bẽn lẽn vì sự giản dị của mình, lặng lẽ mang đến cho con người những ngọn lá xanh mướt, mang vị thơm, vị bùi rất đặc biệt trong một thứ quà quê được gọi tên bằng chính loại lá độc đáo làm ra nó: bánh khúc. Chẳng biết bánh khúc có từ bao giờ, ai là người đầu tiên làm được món bánh này nhưng bánh khúc đã quen thuộc từ lâu với rất nhiều người dân vùng đồng bằng Bắc Bộ, từ nông thôn đến thành thị.

Làm bánh khúc không khó, nhưng đòi hỏi sự cần cù, tỉ mỉ và cả kinh nghiệm người xưa truyền dạy. Nguyên liệu chủ đạo làm nên hương vị độc đáo của món bánh này là lá khúc. Lá khúc hái từ buổi sớm, chọn những lá đang độ tươi non mơn mởn hái đem về giã cho nhuyễn rồi trộn với bột gạo làm vỏ bánh. Nhân bánh được làm từ đậu xanh đồ chín tới giã thật mịn, viên lại nhỏ bằng quả trứng gà ri cùng với thịt ba chỉ thái hạt lựu, rắc thêm chút hạt tiêu cho dậy mùi. Dàn mỏng lớp vỏ thật khéo bao kín nhân bánh, xếp từng lượt bánh vào nồi hấp như đồ xôi, mỗi lớp bánh lại rắc một lượt gạo nếp ngon đã ngâm kỹ làm áo. Từ lúc nước sôi đến lúc bánh chín chừng tàn một que hương.

Bánh khúc là một thứ quà, trong những thứ quà bánh. Nó cũng có thể giúp người ta đỡ đói lòng khi nhỡ bữa vì thành phần dinh dưỡng khá cao. Thưởng thức bánh khúc khi còn nóng mới thấy hết được hương vị của bánh khúc, một thứ hương vị tổng hợp, kết hợp nhiều mùi vị tự nhiên của ruộng đồng một cách khéo léo tài tình gói gọn trong tấm bánh bé nhỏ, không cần tới sự trợ giúp của các loại hoá chất hay bất cứ thứ công nghệ thực phẩm nào. Bánh khúc là một món quà quê nhưng được người thành thị ưa thích. Người ta thích bánh khúc chính bởi cái tính "lành" của nó. Món bánh cổ truyền này vẫn sống trong xã hội hiện đại bên cạnh những loại bánh khúc được đóng gói trên dây chuyền công nghiệp.

Người ta có thể thưởng thức bánh khúc bất cứ khi nào thích nhưng bánh khúc thường được rao bán cùng với vài loại quà bánh khác vào buổi tối. Những tiếng rao "Ai khúc đê..." mang món quà quê bình dị này tới tận nơi, len lỏi tới từng ngõ phố nhỏ. Chẳng biết khi nâng chiếc bánh khúc nóng hổi, bốc khói nghi ngút, thơm mùi gạo nếp, mùi lá khúc, quyện lẫn vị bùi, vị béo của thịt và đỗ có ai biết đến ngọn lá giản dị kia, và những người đang một nắng hai sương làm bánh khúc.

Đề 60: Giới thiệu về một món ăn độc đáo của địa phương.

Bài làm

Nam Bộ có nhiều món ăn độc đáo, nhưng phổ biến vẫn là món bún. Bún được chế biến nhiều món ăn đa dạng về hình thức, phong phú về chất lượng như: bún thịt xào, bún nem bì, bún cà ri, bún riêu cua, bún nước lèo, bún mắm... được mọi người ưa thích, từ giới bình dân cho đến kẻ giàu sang phú quý, nhưng hấp dẫn vẫn là món bún mắm.

Ở Trà Ôn, Trà Vinh, Sóc Trăng, bún mắm có tiếng là ngon. Ngon từ sợi bún nhỏ nhắn, tròn trịa, dài mềm mại đến nước lèo, chất mắm. Cách nấu bún mắm ở đây được thêm thắt đôi chút cho hợp khẩu vị của người ăn. Từ đó bún mắm tự dưng được mọi người xem như món ăn "đặc trưng" của đồng bằng Tây Nam Bộ.

Nước lèo theo cách gọi chung được nấu chuyên nghiệp cho là đúng "gu" là không dùng bột ngọt và đường, chỉ cốt lấy chất ngọt từ con cá lóc, xương heo cùng chất "tinh tuý" ở loại mắm sặc đồng, miệt Cà Mau, thường gọi là "mắm trờ" có mùi nặng đặc biệt. Mắm nấu sôi cho cá rã ra, lọc mắm qua rây lấy nước, bỏ xương. Cá lóc làm sạch cắt thành khúc, cùng xương heo thả trong nước lèo. Cá chín vớt ra, xắt thành từng miếng nhỏ dài chừng ngón tay. Còn đầu cá no tròn, đùm ruột gan mỡ béo ngậy được xếp chồng lên trong đĩa bàn lớn, chưng cho "bắt mắt". Cặp trứng cá vàng ruộm bỏ trở lại nồi, dùng "đá" khoả đều cho trứng nổi lên trên mặt, cùng sả băm nhuyễn, nấm rơm búp, tép mỡ óng ánh lềnh bềnh càng tăng thêm chất lượng nồi nước lèo.

Khi ăn nồi nước lèo sôi ngùn ngụt được chan vào tô bún cho ngập nước, dùng "cá" chặn bún lại cho nước đổ trở lại nồi, đó là cách làm cho cọng bún mềm và nóng. Sau đó xếp từng miếng cá, lát thịt ba dọi, vài con tép bạc bên trên, kèm theo rau thơm, giá sống, bắp chuối, rau muống chẻ nhỏ, nước mắm ớt nguyên chất, nếu thích vắt thêm tí chanh. Công đoạn cuối cùng là chan nước lèo lại lần thứ hai. Tô bún mắm đã đầy đủ sẵn sàng mời khách. Cũng chưa hết, khách yêu cầu thêm cục xương heo hay cái đầu cá, đùm ruột béo ngậy, người bán cũng không từ chối, chỉ cần tính thêm tiền!

Đề 61: Cho đề bài: Giới thiệu một nét văn hóa của địa phương em. Em hãy viết đoạn văn kết luận cho bài viết đó.

Bài làm

Dân ca quan họ quả là một tài sản vô giá của dân tộc Việt Nam, nó cần được tiếp tục nuôi dưỡng, trân trọng gìn giữ và lưu truyền lại cho các thế hệ mai sau, ở trong nước và cho cả cộng đồng Việt Nam hải ngoại. Thiết nghĩ, những ban ngành chức năng nên giới thiệu sâu rộng những nét đặc sắc nhất của dân ca quan họ, từ khái quát về quê hương quan họ với những truyền thống xứ Kinh Bắc, về các làng quan họ, các lề lối ca hát và phong tục giao du; đến lời ca quan họ với sự phân tích về nội dung lời ca và nghệ

thuật thơ ca. Và không thể thiếu được là một số làn điệu quan họ, vừa có kinh điển, vừa có cả cải biên, được trình bày bởi tiếng hát dung dị, trữ tình của chính những liền anh, liền chị trên quê hương quan họ Kinh Bắc.

Phần III
VĂN NGHỊ LUẬN

Đề 62: Viết một văn bản nghị luận ngắn trình bày suy nghĩ về lòng vị tha.

Bài làm

Từ xa xưa, cha ông ta đã luôn căn dặn cháu con:

"Nhiễu điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng";
"Dù xây chín bậc phù đồ
Không bằng làm phúc cứu cho một người",...

Tất cả những lời khuyên ấy tựu chung lại, mong ước hậu thế mai sau sẽ biết sống vị tha giữa cuộc đời.

Vị tha là có tinh thần chăm lo một cách vô tư đến lợi ích của người khác mà hi sinh lợi ích của cá nhân mình. Như vậy, lòng vị tha ở con người chứng tỏ một tinh thần vô cùng bao dung, nhân ái.

Lòng vị tha thể hiện ở thái độ vô tư, không mưu toan tính toán khi giúp đỡ người khác làm một việc gì đó. Trong lớp có học sinh học kém hơn, bạn không dè bỉu, xa lánh mà lại gần sẻ chia, giúp đỡ bạn ấy học tốt. Trong tập thể có thành viên mắc lỗi, làm điều sai trái, bạn không lên án gay gắt mà ngược lại, bạn giúp đỡ, tạo mọi điều kiện để giúp họ sửa sai,... Trong những hoàn cảnh ấy, nếu bạn làm được như vậy, có thể khẳng định rằng bạn là người có lòng vị tha. Trong đời sống xã hội, ta có thể nhìn vào hoạt động tình nguyện của thế hệ thanh niên đất nước mỗi khi mùa hè đến. Họ không quản ngại gian khó đi về với vùng cao, vùng gặp khó khăn,... để hoà mình với đồng bào, cùng đồng cam cộng khổ giúp đỡ họ vươn lên...

Có được lòng vị tha, con người sẽ cảm thấy thanh thản trước cuộc đời bởi thấy rằng mình có ích. Hơn thế, họ còn được mọi người mến yêu, quý trọng. Những việc họ làm đã giúp thêm đẹp, thêm giàu cho xã hội. Không ai có thể kể hết giá trị của sự bình yên mà những chiến sĩ công an biên phòng đang từng ngày từng giờ thầm lặng hi sinh cho đất nước. Không ai có thể nói hết được niềm hạnh phúc, lòng quyết tâm vươn lên và sự khởi sắc trong tương lai của những người chưa có thành công, những người lầm lỡ được lòng vị tha cứu giúp. Cuộc đời này cần đến những tấm lòng dù chỉ để gió cuốn bay đi nhưng là bay đi để gieo mầm, nở hoa trên đất lạ.

Trong hoàn cảnh đất nước ta hiện nay, còn rất nhiều gia đình nghèo khó. Lòng vị tha của học sinh chúng ta được thể hiện trong việc đóng góp ủng hộ những gia đình ấy. Thiết thực nhất, ta hãy sống vì những người thân yêu quanh mình: học tốt chăm ngoan để ông bà, bố mẹ, thầy cô vui lòng. Nếu có thể, chúng ta giúp đỡ bạn bè cùng trang lứa trong học tập, lao động,... Như vậy, sống vị tha không có nghĩa là phải làm những điều gì phi thường, lớn lao. Ngược lại, đức tính ấy được ghi nhận ở những việc làm đơn giản nhất. Vậy thì tại sao chúng ta không xây dựng cho mình một lối sống đẹp?

Đề 63: Dân gian ta có câu: "Tránh voi chẳng xấu mặt nào". Câu nói trên có hoàn toàn phù hợp với mọi tình huống không? Viết bài văn ngắn nêu rõ ý kiến của em?

Bài làm

Dân gian từng đúc kết kinh nghiệm: "Tránh voi chẳng xấu mặt nào". Từ nghĩa đen ý muốn nói voi là loài vật to lớn, tránh đối đầu với chúng để giảm rủi ro, thiệt hại thì cũng chẳng "xấu mặt nào", không sợ xấu hổ. Câu nói mang hàm ý: Việc nhượng bộ, lùi bước thậm chí cúi đầu trước kẻ mạnh nhằm tránh rủi ro, thiệt hại thì cũng không có gì đáng xấu hổ, mất thể diện.

Xét một cách toàn diện thì ý trên cần có điều phải xem xét thêm.

Trong cuộc sống, có những kẻ mạnh nhưng ngang ngược, hống hách. Với chúng cần phải trừng trị vì lợi ích chung của tập thể, cộng đồng. Chủ nghĩa đế quốc ở thế kỉ XIX, XX có sự hùng mạnh, giàu có về kinh tế nhưng máu của nhân dân lao động đã nhuốm đầy thân thể chúng. Đến nước ta, chúng âm mưu nô dịch đồng bào ta, tàn phá xứ sở ta. Những kẻ mạnh như thế, nếu không trực tiếp đối đầu đánh đuổi thì chúng ta không thể đứng lên, suốt đời chỉ làm thân nô lệ.

Người dũng cảm có những lúc cần phải đối mặt với cái ác để bảo vệ lẽ phải, tỏ rõ dũng khí, thể hiện sức mạnh chính nghĩa. Hàng ngày, trên đường đi, trong chợ, nơi hàng quán,... ta không thể biết có bao nhiêu tên trộm đã và đang lăm le móc túi, cướp giật của người trên đường, người đi chợ,... Có những người trực tiếp nhìn thấy kẻ móc túi làm việc xấu nhưng không dám tố cáo vì sợ trả thù. Nhưng đã có những em bé, những cụ già dũng cảm vạch mặt bọn bất lương. Những việc làm như thế rất cần để đảm bảo sự an bình của đời sống.

Còn có những tội ác nguy hiểm hơn, gây thiệt hại lớn đến lợi ích chung của tập thể. Có những kẻ tham ô, có những gã buôn bán ma túy, làm giàu trên thân xác phụ nữ, trẻ em,... Chúng được bao bọc, được che chở bởi nhiều kẻ ác có chức có quyền khác; chúng mạnh. Nhưng với chúng càng cần mạnh tay xử lí, kiên quyết đối đầu để bảo vệ lẽ phải, chứng minh sự chiến thắng của cái thiện.

Như vậy là sự né tránh không phải khi nào cũng là hành vi ứng xử phù hợp, cần cân nhắc, xem xét bản chất của vấn đề để quyết định né tránh hay không.

Đề 64: Tính tự chủ là đức tính cần có đối với mỗi người. Em có cho rằng: Người có tính tự chủ là người luôn hành động theo ý mình mà không cần qua tâm đến hoàn cảnh và những người xung quanh? Hãy viết bài văn ngắn bày tỏ ý kiến của mình.

Bài làm

Trong cuộc sống bộn bề, nhiều ý kiến, quan điểm như hiện nay, chúng ta thường đề cao tính tự chủ. Người tự chủ là người có khả năng làm chủ tình cảm, hành động của mình mà không bị chi phối bởi hoàn cảnh và những người xung quanh. Đôi khi chúng ta đã hiểu ý này một cách tiêu cực. Vì vậy ta không ngạc nhiên khi có ý kiến cho rằng: Người có tính tự chủ là người luôn hành động theo ý mình mà không cần quan tâm đến hoàn cảnh và những người xung quanh.

Thực ra, nếu chỉ có một cá nhân đơn lẻ, dù là người tự chủ cũng không thể làm mọi việc mà không cần quan tâm đến hoàn cảnh và mọi người xung quanh. Bạn không thể đạt kết quả tốt trong học tập nếu không có sự dạy dỗ của thầy cô, sự động viên, giúp đỡ, tạo điều kiện của bố mẹ, sự góp ý của bạn bè. Bạn không thể thành công trong công việc nếu không được sự phối hợp nhịp nhàng ăn ý của đồng nghiệp. Xu hướng toàn cầu hóa như hiện nay càng yêu cầu con người phải gắn bó người khác nhiều hơn mới có thể làm việc có hiệu quả.

Mặt khác nếu luôn luôn hành động theo ý mình mà không quan tâm đến hoàn cảnh và những người xung quanh rất dễ trở thành bảo thủ, thủ cựu. Những người như vậy họ chậm chạp trong tư tưởng, chỉ quen với cái cũ, không chịu đổi mới, lạc hậu. Với họ, cái mới chỉ làm rắc rối hơn mọi việc.

Thực tế có những hành động tự ý không quan tâm đến xung quanh có thể sẽ gây hậu quả không mong muốn. Vì vậy, điều quan trọng nhất là phải có sự điều chỉnh suy nghĩ, hành động phù hợp sao cho đạt được kết quả tốt đẹp cho bản thân và tập thể.

Đề 65: Trong hội nghị học tốt sắp tới của lớp, em được phân công viết bản tham luận về vấn đề xây dựng phương hướng học tập, rèn luyện của người học sinh. Em hãy viết bản tham luận đó.

Bài làm

Kính thưa các thầy cô giáo!

Thưa các bạn học sinh!

Học tập là một nhiệm vụ hàng đầu đối với mỗi người học sinh bởi tri thức, tầm hiểu biết sâu rộng sẽ là vấn đề quyết định cơ bản trong khả năng làm việc của mỗi chúng ta sau này. Từ sự ý thức về tầm quan trọng của việc học tập, sau đây em xin phép được trình bày bản tham luận về vấn đề học tập.

Phát huy tính tích cực, chủ động của mỗi học sinh, các thầy cô sẽ là người đóng vai trò hướng dẫn cho học sinh trong quá trình tự học của mỗi người. Vì vậy, để có được kết quả học tập tốt mỗi chúng ta cần xác định rõ mục tiêu học tập đúng đắn ngay từ đầu. Cụ thể, đó là xây dựng cho mình một lòng đam mê học hỏi, khám phá tri thức. Đó là kim chỉ nam định hướng cho chúng ta phương pháp, cách thức thực hiện mục tiêu đã đề ra.

Trước hết, mỗi học sinh cần tự rèn luyện và phát huy tính tự chủ trong học tập, rèn khả năng đọc – hiểu, có thể thoát li sách vở khi làm bài kiểm tra, khi trình bày một vấn đề.

Kiến thức nhân loại là vô cùng rộng lớn, vì vậy đọc nhiều sách vở, tham khảo nhiều nguồn tài liệu để tích luỹ tri thức cũng là một việc làm vô cùng cần thiết. Việc học có thể là đọc sách trên thư viện, lắng nghe lời giảng từ các thầy cô giáo, đọc sách báo, tạp chí,... Đặc biệt, chúng ta nên hết sức tận dụng sự tiện lợi của các phương tiện hiện đại nhằm tìm kiếm và sử dụng các thông tin trên Internet. Do đó, một công việc cần thiết khác là học và tập áp dụng những công nghệ mới mẻ trong việc học.

Song song với việc tích luỹ kiến thức, chúng ta còn cần tập trung rèn giũa đạo đức và xây dựng lối sống chuẩn mực. Sự phát triển của các phương tiện thông tin đại chúng cũng kéo theo sự lan tràn các thông tin "rác" tác động không tốt đến lối sống, cách nghĩ, cách làm,... của người học sinh. Bởi vậy, chúng ta cần kiên định trong tư tưởng đạo đức và lối sống.

Để hoàn thành tốt việc học tập, việc rèn luyện đạo đức, lối sống cũng như cân đối thời gian cho các hoạt động khác, việc sắp xếp thời gian, xây dựng kế hoạch cũng là một việc không thể thiếu. Sắp xếp thời gian hợp lí giúp học sinh chủ động trong công việc hàng ngày, đặc biệt tránh được tình trạng học gấp, học tủ khi mùa thi sắp đến gần. Đối với mỗi bài học, chúng ta có thể xây dựng các sườn ý cơ bản với những ý chính có hệ thống hợp lí, liên kết lôgic. Điều đó giúp ta mau nhớ và nhớ được nhiều kiến thức.

Mặt khác, em xin đề đạt nguyện vọng của bản thân là mỗi khối lớp, căn cứ vào điều kiện cụ thể có thể được nhà trường cho tổ chức những buổi dã ngoại, thực tế đến những đại danh có trong chương trình học như Côn Sơn, hồ Ba Bể,... và mời các nhà thơ, nhà văn,... đến trường nói chuyện.

Trên đây là một vài suy nghĩ của cá nhân em về việc xây dựng phương hướng học tập, rèn luyện của người học sinh. Còn ở lứa tuổi học sinh nên em không tránh khỏi những suy nghĩ non nớt, chủ quan vì vậy em rất mong được các thầy cô giáo và các bạn học sinh góp ý, bổ sung để bản tham luận của em được sâu sắc hơn, để việc học tập của chúng em được tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Đề 66: Em có cho rằng: Phê phán thái độ thờ ơ, lạnh nhạt với con người cũng quan trọng và cần thiết như ca ngợi lòng vị tha, tình đoàn kết? Hãy viết bài văn nêu ý kiến của em về vấn đề này.

Bài làm

Từ muôn đời nay, cha ông ta đã từng khuyên răn con cháu:

Nhiễu điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước thì thương nhau cùng

Và:

"Thương người như thể thương thân".

Tất cả những lời khuyên ấy đều hướng đến một mục đích là giáo dục lòng vị tha, tình đoàn kết và tinh thần trách nhiệm đối với với cộng đồng. Song cuộc đời bao giờ cũng có hai mặt, mặt trái và mặt phải luôn cùng song song tồn tại. Bên cạnh những con người luôn biết yêu thương người khác, luôn biết sống vì mọi người vẫn còn không ít những kẻ sống vị kỷ, chỉ biết mình mà không biết đến lợi ích của cộng đồng. Chính vì lẽ đó mà "Phê phán thái độ thờ ơ, lạnh nhạt với con người cũng quan trọng và cần thiết như ca ngợi lòng vị tha, tình đoàn kết".

Sách *Luận ngữ* có câu "Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân" (Điều gì mình không muốn đừng làm cho người khác). Câu nói này đã đề cập đến một phương diện vô cùng quan trọng trong cách đối nhân xử thế. Đó là một quan niệm tích cực trong việc giải quyết mối quan hệ "Tôi và chúng ta". Xã hội chỉ thực sự tiến bộ khi mọi người biết điều hoà một cách hợp lí mối quan hệ cộng đồng này.

Lòng vị tha, tinh thần đoàn kết được thể hiện qua việc mỗi người biết sống vì mọi người. Vị tha là "vì người khác", là biết chia sẻ, cảm thông và thương yêu con người bằng một tình cảm chân thành. Lòng vị tha giúp con người vượt lên trên mọi thù hận, mọi ganh ghét các nhân để cùng sống vì lợi ích chung. Vượt lên trên những tính toán vị kỷ, con người sẽ sống cao thượng hơn, sẽ thanh thản hơn. Khi ai đó mắc lỗi với mình, người có lòng vị tha là người biết giúp người có lỗi nhận ra lỗi lầm để rồi vượt lên chính mình mà trở thành người tốt. Con người vị tha là con người có khả năng vượt lên trên mọi điều tính toán nhỏ nhoi, để sống nhân hậu hơn. Từ lòng vị tha, biết sống vì mọi người của mỗi người sẽ tạo nên một cộng đồng đoàn kết, yêu thương và giúp đỡ lẫn nhau.

"Một cây làm chẳng lên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao".

Lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm, chống chọi với thiên tai, địch họa của nhân dân ta là những minh chứng hùng hồn và thuyết phục nhất cho chân lí này. Một dân tộc Việt Nam nhỏ bé đã chiến thắng bao lượt kẻ thù mạnh hơn gấp bội, đó là nhờ tinh thần đoàn kết của mọi lớp người trong xã hội. Xưa nhà Trần chiến thắng quân Nguyên cũng một phần nhờ

lòng vị tha và tinh thần đoàn kết ấy. Hai vị tướng giỏi là Trần Quang Khải và Trần Quốc Tuấn, đã đặt lợi ích dân tộc lên trên lợi ích cá nhân, quên thù riêng mà một lòng đánh giặc. Người Việt Nam vốn rất trân trọng và luôn nêu cao lòng vị tha của mình. Hai bản tuyên ngôn độc lập bất hủ của dân tộc Việt Nam (*Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi và *Tuyên ngôn Độc lập* của Hồ Chí Minh) đã nêu cao tinh thần ấy. Đối với kẻ thù vẫn mở đường "hiếu sinh".

Trong xã hội hiện đại với nhịp sống xoay vần đến chóng mặt này, nhiều khi, sự ích kỷ cá nhân đã lấn át lòng vị tha. Con người nhiều khi chỉ quan tâm đến lợi ích của riêng mình. Đề cao cái tôi mà quên đi cái chúng ta nên nhiều người đã trở thành vị kỷ. Và từ đó mà họ trở nên vô tâm, vô cảm trước nỗi đau của đồng loại. Họ không còn biết xót xa trước số phận chìm nổi lênh đênh của nàng Kiều, họ vô tình đến nhẫn tâm đối với những người khốn khổ xung quanh mình. Chúng ta đã gặp không ít trên đường phố ngày nay những cảnh mua bán chụp giật, những thái độ độc ác đối với trẻ em lang thang và những người kém may mắn. Trước nỗi đau của người xung quanh, người ta vẫn thản nhiên như không. Tâm hồn nhiều người ngày càng chai sạn và trong họ không còn lòng trắc ẩn. Đã vắng dần những niềm cảm thông, những sự san sẻ. Thái độ thờ ơ lạnh nhạt đối với cuộc sống xung quanh, chỉ quan tâm đến lợi ích của mình, vô trách nhiệm với cộng đồng sẽ dẫn con người đến sự vô tâm và tàn nhẫn. Vì mình, ai đó có thể giẫm đạp lên kẻ khác và đạo đức xã hội sẽ dần bị băng hoại. Vì vậy, thiết nghĩ cần phải biết phê phán thái độ thờ ơ, lạnh nhạt đối với người xung quanh một cách mạnh mẽ không kém gì việc chúng ta đã rất nhiệt tình ca ngợi lòng vị tha, tình đoàn kết. Thái độ thờ ơ, lạnh nhạt và lòng vị tha, tình đoàn kết là hai mặt trái ngược nhau của vấn đề đạo đức xã hội và đều cần quan tâm. Phê phán thái độ thờ ơ, lạnh nhạt và ngợi ca lòng vị tha tinh thần đoàn kết đều cần thiết và quan trọng như nhau. Ngợi ca những điều tốt đẹp của cuộc sống để giúp con người hướng thiện nhưng cần phải thấy rõ và vạch trần những mặt tiêu cực của xã hội để con người soi mình vào đó mà thấy mình và sửa mình. Trong nghệ thuật nói chung và văn học nói riêng cần tránh thái độ ngợi ca một chiều. Nhất là trong thời đại này, khi mà nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường đang làm xã hội thay đổi rất mạnh mẽ. Sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế xã hội nhiều khi kéo theo những mặt tiêu cực về đạo đức. Quan hệ trả tiền ngay lạnh lùng của xã hội công nghiệp làm con người khô cằn hơn, đời sống tinh thần nghèo nàn hơn. Và hơn ai hết, thế hệ trẻ là những người nhạy cảm nhất, họ dễ dàng nhập cuộc song cũng dễ trở thành những cỗ máy. Bên cạnh những thanh niên hăm hở nhiệt tình tham gia các hoạt động xã hội như hoạt động từ thiện, chiến dịch "mùa hè xanh" còn không ít những thanh niên chỉ lo hưởng thụ, thờ ơ, lạnh nhạt với cả gia đình và người thân. Hàng ngày, hàng giờ các phương tiện thông tin đại chúng vẫn không ngừng nêu cao tinh thần mình vì mọi người của nhiều người và cũng không thiếu vắng những câu chuyện, những bài học đắt giá về những kẻ chỉ lo hưởng thụ, chỉ

quan tâm duy nhất đến cái Tôi của mình. Xã hội đã và đang không ngừng lên án những kẻ ích kỷ, vô trách nhiệm với cộng đồng và ngợi ca những con người có tấm lòng cao thượng, biết sống vì cộng đồng, điều hoà tốt nhất mối quan hệ giữa tôi và chúng ta.

Chúng ta đã rất quen thuộc với lời bài ca của thanh niên ngày nay "Đừng hỏi Tổ quốc đã làm gì cho ta mà phải hỏi ta đã làm gì cho Tổ quốc hôm nay". "Mình vì mọi người, mọi người vì mình" là chân lí đúng đắn của muôn đời. Mong muốn của cụ Tố Như xưa:

"Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như"

thiết nghĩ cũng là mong muốn của muôn đời về một xã hội mà ở đó con người và con người biết cảm thông và thương yêu nhau bằng những tình cảm nhân bản nhất.

Đề 67: Nêu những suy nghĩ của em về vấn đề tự học.

Bài làm

Trong học tập, mỗi người đều có một cách học riêng, phù hợp với điều kiện và khả năng của mình. Thế nhưng, cách học hiệu quả nhất là tự học. Chỉ có tự học mới giúp chúng ta dễ dàng tiếp thu và hiểu sâu sắc kiến thức một cách chủ động và dễ dàng nhất.

Như ta đã biết, học là quá trình thu nhận kiến thức, luyện tập kỹ năng do người khác truyền lại. Thế nhưng, ngoài ý nghĩa đó, tự học còn là sự chủ động suy nghĩ, tự khám phá, nghiên cứu các kiến thức để hiểu rõ bản chất của vấn đề. Kiến thức không của riêng ai nhưng muốn biến thành kiến thức của riêng mình phải đào sâu suy nghĩ. Nếu như suy nghĩ hời hợt thì sẽ không hiểu rõ, không nắm chắc bản chất của vấn đề, sau một thời gian sẽ quên mất. Chính vì vậy, khi học phải cố gắng tìm hiểu cốt lõi của kiến thức. Chính quá trình tìm tòi, khám phá vấn đề đến tận gốc rễ đó sẽ giúp cho kiến thức thu nhận được in sâu trong trí nhớ. Có rất nhiều cách tự học nhưng bất cứ các cách tự học nào thì cũng bao gồm các khâu tìm tòi kiến thức, suy nghĩ, đồng thời phải biết áp dụng kiến thức đó vào thực tế. Có thể tự học qua sách, báo, qua nghe giảng, qua các bài tập, qua học thuộc lòng, qua thực tế... Sách báo chiếm một vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống và trong học tập. Học qua sách báo có nghĩa là thu thập, tìm hiểu, nghiên cứu các kiến thức mà sách báo mang lại cho ta. Tự học còn thể hiện qua cách nghe giảng bài. Nghe giảng không đơn thuần chỉ là nghe giảng rồi chép vào vở rồi bỏ đấy mà khi nghe giảng còn phải hiểu và nắm vững vấn đề. Có thể tự đặt ra các câu hỏi khi nghe giảng như: Bài giảng đề cập đến vấn đề gì? Vấn đề đó đã triển khai như thế nào? Cốt lõi của vấn đề là gì?... Có thể nói, tự học qua nghe giảng là cách học phổ biến nhất. Khi nghe giảng, ta có thể nhanh chóng thu nhận được lượng kiến thức khá lớn trong một khoảng thời gian không nhiều. Đó cũng là hạn chế của việc tự học qua

nghe giảng bởi với lượng kiến thức lớn trong khoảng thời gian hạn chế, người học có thể không có thời gian đào sâu suy nghĩ, tìm tòi, do đó không hiểu hết hay không nắm chắc vấn đề.

Một cách tự học nữa cũng hiệu quả không kém đó là học qua các bài tập. Việc làm bài tập giúp ta củng cố các kiến thức đã học, nắm bắt được bản chất của vấn đề. Hơn thế, tự học qua các bài tập còn giúp ta sáng tạo hơn trong cách giải bài tập sao cho ngắn gọn, súc tích và dễ hiểu. Chính vì vậy, có rất nhiều dạng bài khác nhau để giúp học sinh nắm vững và sáng tạo các kiến thức đã học được. Một cách học nữa cũng rất hiệu quả là học qua cách học thuộc lòng. Cách học này không phải là học vẹt, khi học phải hiểu rõ mình đang học cái gì? Nội dung của nó ra làm sao?... Chỉ có học thuộc mới giúp ta nhớ lâu hơn, không bị quên. Nhưng học thuộc lòng cũng phải có phương pháp học làm sao cho dễ nhớ, gạch ra các ý quan trọng mà học chứ không cần phải học thuộc từng dấu chấm, dấu phẩy. Vì thế, học thuộc lòng cũng là một cách tự học cho kết quả cao. Nhưng cho dù học bằng phương pháp nào, qua sách, báo hay bài tập thì cũng phải biết áp dụng vào thực tế, vào cuộc sống. Điều này giúp chúng ta không bị xa rời thực tế, biết áp dụng các kiến thức đã học vào cuộc sống hàng ngày, vào sản xuất nông, công nghiệp hoặc một ngành nghề nào đó. Khi áp dụng vào thực tế, các kiến thức sẽ được sử dụng triệt để, sâu sắc nhất đồng thời cũng là cách tự học hiệu quả nhất bởi nó giúp chúng ta không chỉ nắm vững các kiến thức đã được cung cấp mà còn khám phá ra nhiều vấn đề mới nảy sinh, cần phải giải quyết bằng các thao tác tổng hợp: tra cứu sách vở, học hỏi những người có kinh nghiệm, bàn luận với bạn bè...

Vì vậy, tự học là một cách học rất quan trọng, nếu bản thân mỗi người không tự tạo cho mình được một thói quen tự học thì sẽ bị lệ thuộc vào những điều mà thầy cô đã dạy cho mình và quan trọng hơn là sẽ không nắm vững được bài. Tự học sẽ giúp chúng ta có tính chủ động học tập, là con đường dẫn tới sáng tạo, khơi nguồn lòng đam mê, tìm tòi những điều mới lạ.

Chính vì thế, tự học là khâu quan trọng nhất trong việc học – tìm hiểu kiến thức. Với mỗi người, bất kể cách học gì thì cũng phải tự học. Chỉ có tự học mới giúp ta hiểu rõ được kiến thức, hiểu được các sự vật, sự việc xảy ra trong cuộc sống và hướng tới một tương lai tươi sáng.

Đề 68: Đọc sách là một công việc cần thiết, mang lại nhiều ích lợi. Em hãy viết đoạn văn phân tích cách đọc sách đúng đắn, hiệu quả.

Bài làm

Chúng ta có thể đọc sách như thế nào? Có rất nhiều cách: đọc sách tại nhà, đọc sách ở thư viện, có thể là thư viện nhà trường, thư viện thành phố hay thư viện quốc gia. Chúng ta có thể đọc ở mọi lúc, mọi nơi, mọi chỗ. Sách hiện nay được bày bán trên thị trường khá rộng rãi, tuy nhiên không phải sách nào ta cũng mua mà cần phải chọn lọc kỹ càng để tìm ra cuốn

sách nào là phù hợp nhất với mình. Khi đọc sách, ta cũng cần luyện thói quen ghi chép, nhớ và phải rút ra những kết luận, kiến thức cho bản thân. Cũng giống như khi ta xem những cuốn sách khoa học nói về những phát minh xuất phát từ một ý tưởng đơn giản nhưng đã giúp ích cho con người rất nhiều trong cuộc sống thì ta phải đúc rút ra một quá trình hình thành nên phát minh đó gồm những gì? Bằng cách nào? Vận dụng tính chất gì?... để về sau giúp ta có những sáng tạo lý thú hơn. Đọc sách chưa hẳn là đủ nếu ta không vận dụng những gì sách cung cấp cho mình về vốn hiểu biết, kiến thức vào cuộc sống. Và để đáp lại những ích lợi mà sách dành cho ta thì chúng ta cần phải giữ gìn, nâng niu, quý trọng, bảo vệ và bảo quản sách. Có như thế chúng ta mới lưu giữ được cái "kho tàng" ấy lâu dài được.

Đề 69: Viết đoạn văn nêu ngắn gọn vị trí, ý nghĩa của văn bản *Hành trang vào thế kỉ mới* của nhà hoạt động chính trị Vũ Khoan.

Bài làm

Người Việt Nam chúng ta có nhiều phẩm chất tốt đẹp, đáng quý qua thời gian đã được chứng thực và khẳng định. Có thể kể đến như những đức tính chăm chỉ, cần cù; truyền thống tương thân tương ái,... Nhưng bên cạnh đó, chúng ta vẫn có những mặt hạn chế cần sửa đổi. Bài viết của Phó Thủ tướng Vũ Khoan ra đời vào đầu năm 2001, khi đất nước ta cùng toàn thế giới bước vào năm đầu tiên của thế kỉ mới. Với đất nước ta nói riêng, đó là thời điểm có rất nhiều thời cơ và thách thức đang đến gần. Vấn đề đặt ra là chúng ta cần nhận thức như thế nào và làm những việc gì để chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới? "Hành trang vào thế kỉ mới" giúp ta nhận thức được những mặt mạnh để phát huy, đồng thời cũng nhận thức được những mặt còn yếu kém để khắc phục. Đặc biệt, đây là vấn đề không chỉ có ý nghĩa thời sự trong thời điểm chuyển giao thế kỉ mà còn có ý nghĩa lâu dài đối với cả quá trình đi lên của đất nước. Văn bản đã nêu ra một cách chính xác và kịp thời những vấn đề thiết thực đối với con người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ, lực lượng quyết định sự thành công của công cuộc xây dựng đất nước trong thế kỉ mới.

Đề 70: Văn bản *Hành trang vào thế kỉ mới* của nhà hoạt động chính trị Vũ Khoan thể hiện nhiều tư tưởng tiến bộ phù hợp với thời đại mới. Em hãy viết một đoạn văn bày tỏ ý kiến của bản thân về vấn đề này.

Bài làm

Văn bản *Hành trang vào thế kỉ mới* của nhà hoạt động chính trị Vũ Khoan thể hiện nhiều tư tưởng tiến bộ phù hợp với thời đại mới. Tính chất tiến bộ của tư tưởng trong bài viết không chỉ nằm ở việc chỉ ra những công việc chúng ta cần làm để chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới mà còn ở việc tác giả đã có cái nhìn khách quan, biện chứng về những ưu điểm, nhược điểm của con người Việt Nam. Khi nói đến phẩm chất của

người Việt Nam, nhiều người chỉ đề cập đến cái tốt, đến yếu tố tích cực, đáng biểu dương, học tập. Cách ca ngợi một chiều như vậy không phải không có yếu tố tích cực, thậm chí còn rất cần thiết nhưng điều đó nếu lặp đi lặp lại sẽ khiến chúng ta không thể đánh giá đúng năng lực và phẩm chất của mình, dẫn đến thái độ ngộ nhận, tự thoả mãn, không chịu học hỏi người khác. Bài viết này đã mang đến cho bạn đọc cái nhìn khái quát, đầy đủ hơn. Tác giả không ca ngợi một chiều mà nhìn nhận song song, đối chiếu và đánh giá những điểm mạnh cũng như những điểm yếu của người Việt Nam trong quan hệ với công việc, trong yêu cầu của sự phát triển xã hội. Đó là sự đánh giá khách quan và khoa học, xuất phát từ thiện chí của tác giả muốn để chúng ta nhìn nhận về mình một cách đúng đắn, chân thực, ý thức được những mặt tốt cũng như mặt chưa tốt của mình để phát huy hoặc sửa đổi.

Đề 71: Nhà hoạt động chính trị Vũ Khoan nhắc nhở thế hệ trẻ: "chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới" (*Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới* – Vũ Khoan, SGK *Ngữ văn 9, tập 1*)

Hãy viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ về việc "chuẩn bị hành trang" của em.

Bài làm

Trong văn bản "Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới", bác Vũ Khoan từng nhắc nhở chúng em: "chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới". Vậy chúng em cần "chuẩn bị hành trang" như thế nào? Đất nước ta đang sôi động với công cuộc hội nhập quốc tế: hội nhập kinh tế, hội nhập văn hoá, hội nhập khoa học kĩ thuật... Và như vậy có nghĩa là chúng ta cần hội nhập cả về con người. Mỗi người dân cần biết tự nâng cao tri thức – văn hoá để theo kịp trình độ chung của nhân loại. Và bản thân em, em cũng hiểu mình cần chuẩn bị một hành trang chắc chắn để bước vào thế kỉ mới – thế kỉ hội nhập của non sông. Hành trang em cần trước hết là một vốn văn hoá sâu sắc, tinh tế. Người Việt ta từ xưa đã nổi tiếng bởi sự tinh tế trong ứng xử, quan hệ, nói năng, đi đứng, ăn mặc: chúng ta "học ăn, học nói, học gói, học mở", chúng ta "lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau", rồi "đi nhẹ, nói khẽ",... Chúng em không chỉ biết mà còn cần để vốn văn hoá đó được thể hiện ở chính bản thân mình. Bên cạnh đó, hành trang em cần cho hôm nay là vốn tri thức phong phú đa dạng nhưng cũng cần chuyên sâu, đầy đủ. Có điều đó bởi trong thế kỉ hội nhập, chúng ta phải tiếp xúc với một khối lượng tri thức khổng lồ trong tất cả các lĩnh vực. Có sự hiểu biết phong phú, đa dạng về các lĩnh vực là một điều cần thiết. Nhưng bên cạnh đó, cũng cần có sự chuyên sâu trong lĩnh vực chuyên môn của mình để tạo ra hiệu quả công việc lớn nhất. Muốn vậy, ngay từ bây giờ, em biết mình cần chăm chỉ học tập, rèn luyện và tích cực tìm tòi, học hỏi nhiều hơn nữa trong xã hội học tập này.

Đề 72: Cho câu chủ đề: "Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại".

Dựa vào câu chủ đề trên, em hãy viết một đoạn văn phân tích tổng hợp (khoảng 10 câu).

Bài làm

Từ xa xưa, những người Ai Cập cổ đã phát minh ra giấy pa-py-rus; người Trung Quốc cổ đã nghĩ đến mai rùa, thân trúc... tất cả những vật dụng đó được dùng để ghi lại những hiểu biết của người xưa về tự nhiên và xã hội. Đó là cách đo đạc, cách tính toán, cách tính lịch âm dương, cách chế tạo thuốc nổ, lịch sử của những vùng đất, quốc gia,... Về sau, những nhà khoa học theo đó mà tiếp tục kế thừa thành tựu của cha ông để phát minh ra những công trình khoa học mới: đèn điện, các chất hóa học,... hoặc để nghiên cứu đầy đủ, sâu sắc hơn về các chế độ xã hội, các vấn đề lịch sử,... Ngày nay, thế giới lại có hàng trăm bộ sách ghi chép, lưu giữ thành tựu khoa học của tiền nhân. Về khoa học tự nhiên có thể kể đến những tác phẩm của Ga-li-lê, Niu-tơn, Ga-loa, Men-đen-lê-ép, Ma-ri Cu-ri, An-be Anh-xtanh,... Về khoa học xã hội có thể kể đến Khổng Tử, Tư Mã Thiên, các vị tư tế phương Tây, Các Mác, Lê-nin,... Ngày nay, chúng ta đang tiếp tục nghiên cứu những tác phẩm bất hủ đó để phát triển đời sống xã hội. Sách thực sự là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại.

Đề 73: Em hãy viết đoạn văn phân tích những ích lợi của việc đọc sách.

Bài làm

Đọc sách rất có lợi. Trong đó, đọc để học tập, bổ sung kiến thức cho con người là ích lợi quan trọng nhất của việc đọc sách. Khi học bài, làm bài, ta phải học, phải đọc sách giáo khoa. Muốn học nâng cao hơn, ta phải đọc và giải bài tập trong sách tham khảo. Những quyển sách ấy chính là phương tiện giúp ta học tập và việc đọc sách chính là để học tập. Vì mang trong mình sự hiểu biết về nhiều mặt như kinh tế, xã hội, lịch sử, khoa học... mà sách cho chúng ta lượng tri thức khổng lồ. Có đọc sách, ta mới biết Trái Đất của chúng ta hình thành từ bao giờ, có bao nhiêu rừng núi, sông hồ. Có đọc sách ta mới biết đất nước Việt Nam ta có những trang lịch sử hào hùng như thế nào. Có đọc sách ta mới hiểu biết về cây cối, cấu tạo của chúng dù ta vẫn luôn nhìn thấy chúng hàng ngày. Lượng kiến thức to lớn ấy chính là từ việc đọc sách mà ra. Sách chính là người thầy của mỗi con người bởi lượng kiến thức hiểu biết mà sách truyền lại cho chúng ta. Không chỉ mang nguồn tri thức to lớn, việc đọc sách còn vun đắp tình cảm cho chúng ta, dạy ta làm người. Đọc sách ta mới biết nỗi vất vả của người nông dân để làm ra hạt thóc, hạt gạo, nỗi khổ của các cô chú bộ đội trong thời kỳ kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Chính vì vậy, đọc sách rèn cho ta lòng biết ơn. Chính sách và việc đọc sách đã dạy bảo chúng ta thành người tốt. Không chỉ để học tập, việc đọc sách cũng giúp ta giải trí sau những giờ học căng

thẳng. Sau khi học bài xong, ta đọc truyện cười trong sách thì sẽ sảng khoái, thoải mái biết bao. Sách cũng như người bạn cùng học, cùng chơi với chúng ta.

Đề 74: Đọc sách là một hoạt động mang lại nhiều lợi ích. Viết bài văn bày tỏ những suy nghĩ của em về hoạt động này.

Bài làm

Sách là tài sản quý giá đối với mỗi con người và toàn nhân loại. Đọc sách là một cách để con người tự học hỏi và trau dồi thêm kiến thức, đồng thời, giúp mỗi người luôn theo kịp xu thế của thời đại, trở thành người có tri thức tiên tiến để có thể giúp ích cho xã hội.

Mỗi cuốn sách là nơi lưu trữ kiến thức để truyền lại cho con người những hiểu biết về thế giới xung quanh. "Cuộc đời con người là hữu hạn nhưng kiến thức là vô hạn" nên con người sẽ chẳng bao giờ có thể biết hết, khám phá hết thế giới xung quanh mình. Qua thời gian, nhân loại đã tích luỹ được lượng kiến thức vô cùng to lớn, được lưu trữ dưới nhiều dạng, trong đó dạng phổ biến nhất, thuận tiện nhất chính là những cuốn sách. Có thể nói, sách là nơi mà ta có thể cập nhật thông tin, kiến thức một cách nhanh nhất. Vì thế, đọc sách có lợi cho mỗi người. Sách đưa ta đến sự hiểu biết về vũ trụ, về thế giới, về lịch sử tồn tại và phát triển của xã hội loài người, về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, về đất nước, thiên nhiên... mà ta chưa được biết tới. Hơn thế nữa, sách còn là người bạn trung thành dẫn dắt ta trên con đường tìm kiếm, học hỏi kiến thức. Có lẽ vì thế mà sách luôn gắn bó với con người từ khi còn bé với các câu chuyện cổ tích hướng tới cái thiện, cái đẹp cho tới khi lớn với những cuốn sách về khám phá tự nhiên, xã hội... Trong xu thế phát triển đất đất nước hiện nay, sách bây giờ đã không còn khan hiếm như trước. Hàng loạt những cuốn sách ra đời hằng ngày với những nội dung mới lạ, hình thức đẹp mắt. Chúng ta có thể mua sách ở rất nhiều nơi với giá không quá đắt.

Để đọc sách, mỗi người lại có một chỗ đọc riêng. Người đọc ở ngay tại nhà, người thì tìm đến các thư viện ở trường, ở thành phố để tìm đọc những cuốn sách hay, bổ ích. Có thể nói, bây giờ, trong cuộc sống bận rộn, công việc đọc sách đã diễn ra ở mọi lúc, mọi nơi: lúc nghỉ ngơi, trước khi đi ngủ, khi xem tivi...

Trong thực tế, lượng sách phát hành mỗi ngày quá lớn mà không phải sách thế nào cũng đều có chất lượng tốt. Vì thế, chọn sách để đọc cũng là một công việc không hề dễ dàng. Khi chọn được những cuốn sách hay, phù hợp với mỗi người thì việc suy nghĩ về những kiến thức đã thu nhận được cũng là một cách để trau dồi sự hiểu biết. Một cách đọc để nhớ lâu là ghi chép, tóm tắt những nội dung cơ bản trong cuốn sách. Điều này rất cần thiết: mỗi khi cần, ta có thể vận dụng các kiến thức đó vào cuộc sống để những kiến thức đó không còn là sách vở, là lý thuyết suông. Chính vì vậy,

sách là một người thầy, một người bạn trung thành dạy ta những điều hay, lẽ phải trong cuộc sống, là một thứ của cải tinh thần vô giá với mỗi người. Chúng ta cần phải giữ gìn, nâng niu, quý trọng và bảo quản sách, vận dụng những kiến thức trong sách vào đời sống để xứng đáng với những gì mà sách đem lại cho ta.

Đối với tôi, là một học sinh, giữ gìn những cuốn sách hay, bổ ích cũng là cách giữ gìn những gì mà mình đã học được từ đó. Đồng thời, công việc đọc sách cũng là một cách tự học hiệu quả nhất để có một "phông văn hoá" rộng lớn và sâu sắc.

Đề 75: Đất nước Việt Nam ta có một nỗi đau mang tên "màu da cam". Để góp phần giảm bớt nỗi đau do di họa của chất độc này, cả nước đã lập quỹ giúp đỡ các nạn nhân. Hãy nêu suy nghĩ của mình về các sự kiện đó.

Bài làm

Cả nước đã và đang hưởng ứng phong trào lập quỹ giúp đỡ các nạn nhân nhiễm chất độc màu da cam. Những phong trào đó thể hiện tinh thần tương thân tương ái – một truyền thống đạo lý tốt đẹp của nhân dân ta. Phong trào đã gây được tiếng vang các dư luận trong và ngoài nước.

Chiến tranh đã qua đi, nhưng di hoạ của nó vẫn còn đó – như là một tội ác không bao giờ có thể gột sạch được. Hàng vạn tấn bom do người Mĩ ném xuống đã gây nên biết bao đau đớn cho đất nước chúng ta...

Trong nhiều năm kháng chiến, biết bao chàng trai, cô gái đã đi theo tiếng gọi của Tổ quốc. Họ đã cống hiến trọn tuổi thanh xuân của mình để mong có ngày đất nước được độc lập được hoà bình. Họ hy sinh bản thân mình để mong sau này con cháu của họ sẽ có được cuộc sống sung sướng, no ấm, được cắp sách đến trường... Sau chiến tranh có những người may mắn trở về, họ vui mừng với thân hình lành lặn, họ lập gia đình...

Nhưng đâu ngờ, những trái bom tàn ác năm xưa đã gieo vào thân thể của họ một chất độc với sức tàn phá ghê gớm, ảnh hưởng tới giống nòi – chất độc màu da cam. Những đứa trẻ vô tội đó đã bị ảnh hưởng từ cha mẹ chúng di chứng của chiến tranh. Những đứa trẻ sinh ra đã bị dị tật, phải sống một cuộc sống đớn đau khổ sở về thể xác lẫn tinh thần. Nỗi đau ấy không chỉ của riêng ai. Nó là nỗi đau chung của toàn xã hội.

Để phần nào giảm bớt nỗi đau do di hoạ chất độc màu da cam, cả nước đã lạo ra nhiều nguồn quỹ để giúp đỡ các nạn nhân.

Nhiều tầng lớp nhân dân, công chức nhà nước đã hết lòng ủng hộ, khi bằng tiền, khi bằng sức lao động. Phong trào ấy xuất phát từ tinh thần yêu thương đồng loại, thể hiện tình đoàn kết của một dân tộc giàu lòng nhân nghĩa.

Trên các phương tiện thông tin đại chúng: đài, ti vi, mạng internet,... cũng có nhiều chương trình xuất hiện nhằm mục đích kêu gọi tấm lòng hảo tâm của mọi người, ví như "Chúng ta không vô tâm", "Vòng tay nhân ái",

"Xin hãy dang rộng vòng tay"... Đặc biệt xúc động hơn những chương trình có khi lại chính là của "Những nạn nhân". Họ cố gắng chống chọi với tật nguyền – họ hát lên những khúc hát ca ngợi cuộc sống, khát khao hoà bình và mong muốn "Trái Đất không còn chiến tranh".

Là một người học sinh, được tiếp xúc thực tế với các phong trào ấy, em vô cùng xúc động và thông cảm với những nạn nhân nhiễm chất độc màu da cam. Em cảm nhận được sự thiếu thốn về tình cảm, sự khát khao được vui chơi, được học hành của các bạn.

Nhìn những đôi chân tật nguyền hay những cánh tay thiếu ngón, ta cảm nhận được thật rõ tội ác man rợ của chiến tranh. Những nạn nhân – những dấu chấm hỏi lớn cho toàn thể nhân loại!

Có thể nói những chương trình, những phong trào, những nguồn quỹ đó không bao giờ lấp đầy được nỗi đau của các nạn nhân. Nhưng nó cũng đã phần nào góp sức xoa dịu "nỗi đau da cam".

Với các bạn học sinh, tôi nghĩ chúng ta lại càng phải có trách nhiệm hơn.

Trách nhiệm đó không phải chỉ là một chút vật chất tầm thường. Mà quan trọng hơn ta hãy nghĩ, hãy làm và hãy nhìn các bạn ấy một cách hoà hợp, cảm thông hơn.

Là học sinh, trách nhiệm lớn nhất của chúng ta đối với các chú, các bác – những người hi sinh thân mình để giành lại hoà bình cho chúng ta chính là học tập để xây dựng đất nước, để mong sau này có thể làm một cái gì đó lớn lao hơn cho những nạn nhân chất độc điôxin.

Bài viết của tôi hôm nay mong sao sẽ trở thành lời nhắn gửi của một tấm lòng nhỏ bé: Xin được cảm thông chia sẻ đối với những nạn nhân đang phải chịu những di chứng của chiến tranh; Xin toàn thể xã hội hãy có trách nhiệm hơn với đồng loại của mình và xin thế giới hãy đem đến một tương lai tốt đẹp, yên bình và toàn vẹn đối với tuổi thơ.

Đề 76: Phân tích và làm sáng tỏ ý nghĩa của câu nói: "*Đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông*" (Nguyễn Bá Học).

Bài làm

"Đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông" (Nguyễn Bá Học) là câu nói khẳng định tầm quan trọng và vị trí quyết định của tinh thần quyết tâm đối với sự thành công của công việc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khuyên thanh niên:

"Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên"

Lời khuyên này có ích đối với tất cả mọi người bởi lẽ làm việc gì cũng phải gặp khó khăn, nếu con người không kiên trì và quyết tâm vượt khó thì sẽ chẳng thể làm được gì.

Câu nói này có ý nghĩa khẳng định và nhấn mạnh vai trò của yếu tố tinh thần, tư tưởng của con người đối với sự thành công của công việc. Khi tư tưởng thông suốt, tinh thần vững vàng thì sẽ có quyết tâm cao, có ý chí mạnh mẽ để vượt qua được các thử thách, khó khăn. Tinh thần vượt khó và quyết tâm hoàn thành công việc là điều kiện rất quan trọng cho thành công. Trong cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc ta, tinh thần vượt khó ấy đã được thể hiện rất sôi nổi và rất đẹp trong văn học. Hình tượng những người lính với tinh thần bất khuất, đạp lên mọi khó khăn gian khổ để chiến đấu, chiến thắng nỗi vất vả và chiến thắng kẻ thù đã trở thành những hình tượng nghệ thuật điển hình về tinh thần vượt khó:

"Đèo cao thì mặc đèo cao
Trèo lên tới đỉnh ta cao hơn đèo"

Câu nói của Nguyễn Thái Học rất đúng với những khó khăn trong hoạt động cách mạng. Sự nghiệp đấu tranh cách mạng để giải phóng dân tộc là sự nghiệp lâu dài, gian khổ và cần nhiều nhất lòng quyết tâm và sự kiên định lý tưởng. Câu nói đã đúc kết một kinh nghiệm được rút ra từ những khó khăn và thành bại trong cuộc đấu tranh không ngừng vì lẽ phải. Đường đi khó không phải vì bản thân con đường ấy có nhiều chướng ngại vật mà khó bởi người đi đường không có quyết tâm cao. Trên con đường đời của mỗi chúng ta bao giờ cũng đầy chông gai, cuộc đời là chuỗi dài của những cuộc thử sức. Và con người không thể làm gì nếu thiếu quyết tâm, thiếu tinh thần vượt khó. Chúng ta vẫn thường nhắc nhở mình rằng "Việc hôm nay chớ để ngày mai", đây cũng là một cách để động viên mình vượt qua chính mình, tiến tới hoàn thành công việc đúng thời hạn. Dù việc lớn hay việc nhỏ con người cũng phải có quyết tâm. Đơn giản nhất như việc thức khuya, dậy sớm học bài hay từ chối những cuộc vui vẻ với bạn bè, mỗi chúng ta cũng phải cố gắng rất cao. Phải quyết tâm cao thì mới từ chối được những ham muốn của bản thân, từ chối được sự hấp dẫn của những thú vui để tập trung vào việc trau dồi tri thức. Còn đối với những việc lớn như làm cách mạng thì đương nhiên lòng quyết tâm vượt gian khổ, đấu tranh với mình và với kẻ địch để giành được chiến thắng là điều cực kì quan trọng. Sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta có được thành quả như ngày hôm nay là nhờ bao thế hệ cha ông đã không "ngại núi e sông".

Khó khăn trong cuộc sống thường xuất phát từ hai nguyên nhân. Nguyên nhân thứ nhất xuất phát từ chính bản thân công việc. Bản thân công việc rất khó khăn, vượt quá khả năng thực hiện của con người. Chuyện "đội đá vá trời" chỉ có bà Nữ Oa mới làm được, xây cột chống trời thì phải có thần trụ trời, chiến thắng được các thế lực siêu nhiên chỉ có thể thực hiện được trong những giấc mơ cổ tích. Có những việc mà dù ta có quyết tâm đến đâu cũng không thể thực hiện được, nhưng nếu cố gắng hết sức, mỗi người cũng có thể làm được một điều gì đó, tuy không mãn nguyện nhưng sẽ nhận được những bài học đáng quý. Những thành tựu khoa học

của nhân loại mà chúng ta đang được thừa hưởng là kết quả của rất nhiều những thất bại của các nhà khoa học đi trước.

Nhưng khó khăn thứ hai, xuất phát từ chính bản thân mỗi người mới là khó khăn đáng bàn. Khắc phục được những khó khăn của bản thân công việc đã khó, chiến thắng được sự ngại khó, ngại khổ của chính mình còn khó khăn hơn nhiều. Việc chiến thắng chính mình mới là điều cần thiết và là yếu tố quyết định thành công của con người trong cuộc sống. Khó khăn trước mắt thường dễ làm con người chùn bước, vì thế cần phải biết vượt lên nỗi sợ hãi, sự lo lắng để tự tin hơn. Tinh thần vượt khó, vượt qua chính mình đã cho chúng ta những tấm gương như thầy giáo Nguyễn Ngọc Kí, anh Mai Văn Thưởng, anh Hoa Xuân Tứ,...

Mác từng nói "Hạnh phúc là đấu tranh". Đấu tranh ở đây bao gồm đấu tranh với kẻ thù, với những điều xấu còn tồn tại trong xã hội và đấu tranh với chính mình. Và đấu tranh với chính mình mới là cuộc đấu tranh cam go và bền bỉ nhất. Trong con người bao giờ cũng tồn tại hai mặt tốt xấu. Hai mặt ấy luôn giằng co trong suy nghĩ mỗi người. Nên làm hay không nên làm là câu hỏi mà hàng ngày, hàng giờ ta vẫn phải trả lời với chính mình, vì thế mới có câu "đấu tranh tư tưởng". Tấm gương sáng ngời về khả năng vượt qua chính mình, vượt qua mọi gian nan thử thách để ung dung tự tại, để chiến thắng những âm mưu thâm hiểm của kẻ thù chính là người chiến sĩ – nghệ sĩ Hồ Chí Minh trong tập *Ngục trung nhật kí* (Nhật kí trong tù). Suốt hơn mười ba tháng bị cầm tù trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch, bị giải qua bao nhiêu con đường với núi non hiểm trở trong đói khát, rét mướt và thiếu thốn nhưng vị lãnh tụ cách mạng kính yêu của chúng ta vẫn không hề thoái chí, Người vẫn ung dung bước đi trên con đường khó khăn gian khổ. Vượt lên mọi gian khổ để hướng về tương lai, hướng đến đến bầu trời có nhiều ánh sáng:

Đi đường mới biết gian lao
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng
Núi cao lên đến tận cùng
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.

(*Đi đường* – Hồ Chí Minh)

Con đường nào cũng có khó khăn và gian khổ, con đường càng vinh quang càng nhiều chông gai. Để vượt qua được những trở ngại trên đường đời, không có cách nào khác là phải quyết tâm. Quyết tâm vượt qua khó khăn của công việc và quyết tâm vượt lên chính mình là yếu tố quan trọng quyết định thành công trong cuộc sống. Câu nói của Nguyễn Bá Học mang ý nghĩa đề cao sự cố gắng của bản thân mỗi người trong công việc, trong cuộc sống. Đường đi đến thành công dù khó khăn đến đâu nếu con người đủ bản lĩnh thì vẫn vượt qua được. Việc dù lớn và khó khăn đến đâu, nếu con người quyết tâm là có thể làm được, còn việc dù nhỏ, dù dễ dàng nếu không làm hết khả năng thì kết quả cũng chẳng đến đâu. Song cũng nên tránh thái độ cực đoan là sẵn sàng làm tất cả mà không lượng sức mình. Quyết tâm

nhưng phải lượng sức mình, đó mới là người biết làm việc. Câu nói trên chỉ có ý đề cao vai trò của lòng quyết tâm, của tinh thần vượt khó để làm việc chứ không khuyên con người nên đạt được mục tiêu bằng mọi cách.

Con người vốn có một khả năng rất phi thường, con người làm chủ được thế giới này bởi vì con người có quyết tâm và tin tưởng vào khả năng của mình. Về điều này, E. Hê-ming-uê qua nhân vật Xan-ti-a-gô trong tác phẩm "Ông già và biển cả" đã phát biểu *"Con người ta không phải sinh ra để thất bại. Con người có thể bị huỷ diệt chứ không thể thất bại"*. Đây là một biểu hiện đáng trân trọng của lòng quyết tâm và ý chí quật cường của con người.

Đề 77: Em có suy nghĩ gì về tiền tài và hạnh phúc?

Bài làm

Mục đích cuối cùng của mọi hoạt động lao động của con người là xây dựng một cuộc sống hạnh phúc. Để có được hạnh phúc mỗi người luôn phải cố gắng hết mình. Và trong sự cố gắng không ngừng nghỉ ấy có sự cố gắng để giải quyết mối quan hệ giữa tiền tài và hạnh phúc. Tiền tài và hạnh phúc là hai mặt luôn sánh cùng nhau của một vấn đề, vấn đề hạnh phúc đích thực của con người.

Hạnh phúc theo nghĩa chung nhất là được thoả mãn những nhu cầu của con người. Quan niệm về hạnh phúc không phải ai cũng giống ai, thậm chí với một con người trong những thời điểm khác nhau lại có những quan niệm khác. Nhưng nhìn chung, hạnh phúc là được ăn no, mặc ấm, được thoả mãn những nhu cầu tối thiểu của con người. Muốn có được những điều đó cần một tiền đề rất quan trọng, đó là tiền đề vật chất. Hạnh phúc có thể rất nhỏ nhoi, khi đói khát được ăn, được uống là hạnh phúc. Khi nghèo túng có tiền là hạnh phúc. Có một chút quyền lực trong tay cũng là hạnh phúc. Hạnh phúc là một vấn đề thuộc lĩnh vực tinh thần, nó trừu tượng và biến hoá khôn lường. Tiền tài là một khát vọng không bao giờ thoả mãn của con người. Tiền tài vừa là một phương diện của hạnh phúc, vừa là nhân tố quan trọng quyết định hạnh phúc. Nếu nghèo khó, không có tiền không có các phương tiện tối thiểu phục vụ cuộc sống chắc chắn chẳng có hạnh phúc. Một gia đình phải chạy ăn từng bữa, con cái không được cơm no, áo ấm, không được học hành đầy đủ thì chắc chắn sẽ không thể có được cái gọi là hạnh phúc. Người ta vẫn thường nói giàu sang và nghèo hèn là vì thế. Thế nhưng sự giàu có đủ đầy về tiền tài phải được tạo nên từ lao động chân chính và tài năng thực sự thì mới đảm bảo hạnh phúc lâu dài.

Quan hệ giữa tiền tài và hạnh phúc là mối quan hệ nhạy cảm và phức tạp, nhất là trong xã hội hiện đại. Thời đại này người ta không còn đồng tình với quan niệm "Một mái nhà tranh hai trái tim vàng" như trước nữa. Tiền tài là mục đích phấn đấu của con người và xã hội càng phát triển thì nhu cầu ấy lại càng mãnh liệt. Tiền tài bao gồm tiền bạc và quyền lực. Có tiền và có tài sẽ có điều kiện thuận lợi để xây dựng một cuộc sống hạnh

phúc bởi hạnh phúc thường đi kèm với "ấm no". Để có tinh thần thoải mái, có một gia đình ấm cúng, trước hết phải đảm bảo đáp ứng đầy đủ ở mức độ nhất định những nhu cầu vật chất. Hạnh phúc chỉ thực sự trọn vẹn khi con người được no đủ về vật chất và thoải mái về tinh thần. Có thể nói tiền tài là điều kiện cần để có hạnh phúc đối với số đông chúng ta. Tiền tài có vai trò quyết định song không phải là điều kiện duy nhất. Đôi khi, tiền tài lại ảnh hưởng xấu đến hạnh phúc gia đình. Tiền bạc và quyền lực là cơ sở vật chất của hạnh phúc song không nên tuyệt đối hoá vai trò của tiền tài. Tiền bạc và quyền lực mang đến cho con người sự no đủ song cũng dễ biến con người thành nô lệ của nó. Khi quá ham mê tiền tài, lạm dụng sức mạnh vốn rất mãnh liệt của đồng tiền, con người dễ bị đồng tiền sai khiến. Mải mê kiếm tiền hoặc mải mê hưởng thụ rất dễ dẫn đến những tiêu cực. Khi danh vọng và quyền lợi len lỏi quá sâu vào mối quan hệ người – người thì tiền bạc rất dễ lũng đoạn. Ngày nay, trong xã hội ta đã từng có rất nhiều gia đình rơi vào bi kịch bởi sức mạnh của tiền tài. Ham tiền tài mà dẫm đạp lên luật pháp, lên đồng loại nên phải trả giá. Cha mẹ mải kiếm tiền và sẵn tiền cho con nên con cái hư hỏng. Vì tiền tài và danh vọng mà bao người đã bán linh hồn mình, đã chấp nhận tất cả. Nhiều khi, tiền tài làm con người hư hỏng. Hư hỏng để có tiền và vì tiền mà hư hỏng là cái vòng luẩn quẩn mà bao người đang cố vẫy vùng để thoát ra. Tiền tài và hạnh phúc là hai mặt của một vấn đề. Nếu biết điều hoà một cách hợp lí nó sẽ hỗ trợ nhau, ngược lại tiền tài có thể biến con người thành quỷ dữ. Thực tế cho ta thấy có rất nhiều gia đình, khi nghèo khó thì hạnh phúc, khi có chút ít tiền tài gia đình lại tan vỡ. Xã hội càng phát triển, nhu cầu của con người càng cao, quan niệm về hạnh phúc của mọi người ngày càng thay đổi. Tiền tài và hạnh phúc thống nhất với nhau khi con người có đủ bản lĩnh để chế ngự sức mạnh của nó, biết sử dụng nó như một phương tiện để xây dựng hạnh phúc. Song tiền tài và hạnh phúc có thể mâu thuẫn và đối chọi nhau khi con người biến mình thành nô lệ của đồng tiền. Chỉ có tiền tài chưa đủ gọi là hạnh phúc. Trên cơ sở tiền tài ấy con người có ý thức về hạnh phúc như thế nào mới là điều quan trọng.

Trong văn học, đã có rất nhiều tấn bi kịch của con người mà nguyên nhân bắt đầu từ sự ham muốn danh lợi. Bản thân những khát vọng danh lợi không phải là nguyên nhân trực tiếp. Nguyên nhân nỗi đau khổ của con người xuất phát từ những tham vọng tiền tài quá lớn. Vì quyền lực mà Tướng quốc Trần Thủ Độ – người có công lớn với triều đại nhà Trần bị mang tiếng là người tàn nhẫn, là nguyên nhân gây nên nỗi bất hoà anh em. Vì tham vọng quyền lực, sự ham danh vọng của bọn nịnh thần triều Lê Thái Tổ mà vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi phải chịu cái án oan khiên bi thảm nhất nhì trong lịch sử. Người chinh phụ sầu muộn, héo hon cô đơn trong cảnh cô đơn chẳng qua cũng vì ảo ảnh của vinh quang (*Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn– Đoàn Thị Điểm).

Tiền tài và hạnh phúc là mối quan hệ bản chất của xã hội loài người. Tiền tài và hạnh phúc là khát vọng muôn đời của nhân loại. Phàm đã là

người, ai cũng muốn có tiền tài và hạnh phúc. Nhưng để điều hoà cân đối mối quan hệ này quả thực không đơn giản, nhất là trong xã hội hiện đại, khi mà nhu cầu của con người về sự no đủ ngày càng cao hơn, tha thiết hơn. Để có được hạnh phúc thực sự, mỗi người phải biết cách dùng tiền tài như là một phương tiện để gây dựng và bảo vệ hạnh phúc, không nên để đồng tiền điều khiển mình.

Đề 78: Người xưa nói: *"Đừng thấy việc thiện nhỏ mà không làm, đừng thấy việc ác nhỏ mà làm"*.
Em có suy nghĩ gì về lời khuyên trên?

Bài làm

Trong cuộc sống muôn màu và vô cùng phức tạp này, có những ranh giới thật mong manh. Giữa thiện – ác, tốt – xấu nhiều khi chỉ là một "sợi tóc" (Thạch Lam). Nếu không có lập trường vững vàng và bản lĩnh kiên cường, con người rất dễ trượt chân vào vực xoáy của cuộc đời. Làm việc gì, dù lớn hay nhỏ, đều phải chú ý đến bản chất của sự việc đó, "đừng thấy việc thiện nhỏ mà không làm, đừng thấy việc ác nhỏ mà làm".

Câu nói trên đề cập đến một mối quan hệ phổ biến của hiện thực cuộc sống, đó là mối quan hệ giữa bản chất và hiện tượng: việc thiện hay ác không phụ thuộc vào mức độ lớn hay nhỏ mà phụ thuộc vào bản chất của nó. Đã là việc ác thì dù lớn hay nhỏ cũng là ác. Ăn trộm một cây rau hay một chiếc xe máy vẫn bị gọi là thằng ăn trộm. Đã là việc thiện thì dù nhặt được cây kim trả người đánh mất, chỉ đường cho người lạc hay cứu một mạng người cũng là việc thiện. Vì vậy khi làm một việc gì đó nên có thái độ dứt khoát, chỉ làm việc thiện, không làm điều ác, dù lớn hay nhỏ. Câu nói này có ý cảnh báo mỗi người hãy cảnh giác với những suy nghĩ có tính chất ngụy biện của chính mình. Khi muốn làm một điều gì đó, nhất là những việc không biết có nên làm hay không, con người thường tự biện hộ cho mình. Chặt một cây xanh thấy không ảnh hưởng gì nhưng mười lần anh làm thế anh sẽ đốn đi cả một vạt rừng. Làm việc ác cũng vậy, thấy không đáng gì thì tặc lưỡi làm đại, đến khi hậu quả xảy ra mới nghĩ mình làm sai thì đã muộn.

Việc thiện là việc làm mang đến lợi ích chính đáng cho mình và những người xung quanh. Việc thiện bao giờ cũng xuất phát từ sự thống nhất về quyền lợi của số đông. Việc có ích cho cộng đồng được coi là việc thiện, cho dù lợi ích đó lớn hay nhỏ.

Việc ác là những việc làm gây nên những hậu quả tiêu cực cho mọi người xung quanh. Làm việc ác có thể có lợi lớn cho mình nhưng lại ảnh hưởng xấu đến những người xung quanh. Khi hành động, thông thường mỗi người đều có khả năng nhận thức được việc làm của mình là thiện hay ác. Ai cũng có thể xác định được mục đích và tính chất của việc mình làm. Tất nhiên cũng có người do vô tình hay do thiếu hiểu biết mà có những hành động sai trái. Song đó chỉ là những trường hợp cá biệt.

"Đừng thấy việc thiện nhỏ mà không làm, đừng thấy việc ác nhỏ mà làm" là một lời khuyên có ý nghĩa rất thiết thực với mỗi người. Bởi vì phần đông chúng ta đều mắc vào sai lầm này. Thường bỏ qua những việc thiện nhỏ và đi làm những việc ác nhỏ. Đã là việc thiện thì dù lớn hay nhỏ cũng nên làm. Dắt một cụ già hay một em nhỏ qua đường cũng đáng quý như tham gia một buổi từ thiện. Con người thường cứ hay vô tình với những điều nhỏ nhoi xung quanh. Làm việc thiện, quan trọng nhất không phải là làm việc lớn hay việc nhỏ mà cốt ở cái tâm của người. Cái đáng quý của người làm việc thiện là có lòng thương yêu đồng loại, quan tâm san sẻ khó nhọc với những người xung quanh. Làm việc thiện là không tính toán thiệt hơn, một trong những điều tâm niệm của nhà Phật là "Thi ân đừng cầu đền đáp vì cầu đáp trả là thi ân có mưu tính". Làm việc thiện một cách vô tư sẽ không chỉ mang đến cho người khác những điều tốt lành mà còn mang đến cho mình một cái tâm thanh thản, trong sáng. Còn làm việc ác, dù nhỏ thôi, sẽ không chỉ gây hại cho người khác mà còn làm cho lương tâm mình day dứt, lo lắng, là tự đánh mất sự thanh thản của chính mình. Không ai có thể yên lòng sau khi đã làm một việc ác. Việc ác nhỏ thì day dứt lương tâm, việc ác lớn thì lo sợ, ám ảnh.

Dưới dạng một lời khuyên, câu nói này đã khẳng định một cách dứt khoát rằng: Chớ làm điều ác, nên làm điều thiện. Đây không phải là tư tưởng mới mẻ nhưng nó lại có một ý nghĩa thực tế sâu sắc. Ai cũng ý thức được rằng không nên làm điều ác mà nên làm nhiều điều thiện, nhưng không phải ai cũng thực hiện được. Cái tư tưởng có tính chất ngụy biện đối với phần đông chúng ta được thể hiện ở câu nói này. Những việc thiện nhỏ rất đáng làm thì bỏ qua, nhưng những việc có hại cho người khác, thấy có hại ít nên cứ làm. Có những người rất nhiệt tình tham gia vào các buổi quyên góp từ thiện, nhưng lại vô tình trước những đứa trẻ lang thang, thậm chí đánh đuổi chúng khi chúng bán báo trước nhà. Chính những điều này đã tạo nên những tội ác lớn. Một cán bộ nhà nước nhận quà hối lộ, tự biện hộ cho mình rằng đó chỉ làm món quà nhỏ nhưng lại tiếp tay cho kẻ xấu làm bao nhiêu điều ác, gây hại cho nhân dân, đất nước. Những cán bộ công an tha hoá biến chất mà chúng ta vẫn đọc tên họ trên báo chí hàng ngày, chỉ vì những thú vui, những ham muốn cá nhân, mà dung túng cho tội phạm để rồi ma tuý len vào mọi ngõ ngách của xã hội, từ giảng đường, lớp học đến từng căn bếp và đã gây nên những thảm kịch gia đình, sự nhức nhối cho đạo đức xã hội xuống cấp. Sự vô tình hay cố ý của một việc ác nhỏ là tiền đề để tạo ra những tội ác lớn. Cha mẹ chị Tám Bính (trong *Bỉ vỏ* của Nguyên Hồng) vì sợ xấu hổ với làng nước, vì mấy đồng bạc đã dứt tình mẹ con của Bính, đã đang tâm bán đi đứa cháu ngoại mới lọt lòng, và từ đó đã đẩy cuộc đời Bính đến bi kịch, biến một cô gái hiền lành, cả tin thành một tay anh chị trong làng trộm cắp. Ngược lại, từ thương mình đến thương người, Mị đã dám cắt dây trói cứu A Phủ rồi cứu cả cuộc đời mình. Một bát cháo hành Thị Nở nấu cho Chí ăn sau khi hắn tỉnh rượu, sự chăm sóc vụng về nhưng ân cần, chân thực của chị đã đánh thức phần người tốt đẹp tiềm

ẩn rất sâu đằng sau bộ mặt con quỷ dữ làng Vũ Đại. Và việc làm nhỏ bé ấy đã khiến Chí ý thức được giá trị của cuộc sống lương thiện. Chúng ta đang hàng ngày, hàng giờ vận động mọi người tham gia các hoạt động từ thiện nhưng chúng ta vẫn cứ vô tâm trước những việc nhỏ xung quanh mình. Bỏ rác đúng nơi quy định, tránh đường, nhường ghế ở nơi công cộng cho người già và trẻ em là những việc thiện nhưng liệu đã mấy ai quan tâm. Trong khi đó lại sẵn sàng hái cây, bẻ cành, ăn cắp của công...

Xã hội tồn tại và phát triển bao giờ cũng có sự song hành giữa thiện và ác. Không bao giờ có thể xoá hết cái ác, song nếu mỗi người luôn ý thức được rằng chỉ nên làm điều thiện không nên là điều ác thì chắc rằng xã hội sẽ ngày càng tiến bộ hơn.

Đề 79: Trong xã hội hiện đại ngày nay, thế hệ trẻ có còn những lí tưởng sống cao đẹp? Em hãy viết đoạn văn bày tỏ ý kiến của bản thân.

Bài làm

Có một vấn đề đặt ra trong thời đại ngày nay với sự bùng nổ của thông tin, với những bước tiến thần kì của khoa học kỹ thuật, với sự phát triển chóng vánh của nền kinh tế thị trường; những người trẻ trong xã hội ta còn có mơ ước, có còn lý tưởng sống cao đẹp, có còn lý tưởng cách mạng không? Trả lời cho câu hỏi này có hai thái cực. Thứ nhất, có dư luận cho rằng lớp trẻ ngày nay trở nên thực dụng hơn, họ chạy theo những giá trị vật chất, họ chuộng lối sống tiêu thụ, buông thả hơn. Điều này có những cái lý nhất định của nó. Một khi những hệ chuẩn giá trị biến đổi, một khi người trẻ có nhiều khả năng lựa chọn, họ dễ thay đổi hơn. Thực tế đã chứng minh điều đó. Ở trường hợp này, rõ ràng tìm một lý tưởng tốt đã là vô vọng, không thể tìm đây lý tưởng cách mạng. Thứ hai, một luồng dư luận khác cho rằng, đó chỉ là một bộ phận không là tất cả. Điều này cũng được thực tế chứng minh. Rõ ràng, vẫn còn những người trẻ khoác trên mình chiếc áo tình nguyện để phục vụ cho vùng sâu, vùng xa. Vẫn còn những người trẻ với trí tuệ và ước mơ bỏng cháy của mình nâng tầm đất nước chúng ta lên ngang hàng với bạn bè năm châu được biểu hiện cụ thể qua những kỳ thi Ô–lim–pích quốc tế, hoặc kỳ thi Rô–bô–con vừa qua. Vẫn còn những nhà kinh tế trẻ tuổi không chỉ làm giàu cho bản thân mà còn làm giàu cho xã hội... Đó không là lý tưởng ư? Tôi nghĩ lý tưởng vẫn còn tồn tại, vẫn gắn với những người trẻ.

Đề 80: Em có suy nghĩ gì về vẻ đẹp tâm hồn của một con người?

Bài làm

Một con người dù mang bên ngoài một vẻ đẹp đẽ, kiêu sa đến mấy cũng khó có thể được coi là "người đẹp" nếu như không có một tâm hồn đẹp đẽ, trong sáng. Vẻ đẹp tâm hồn không phải là thứ trang sức bên ngoài mà đó chính là yếu tố làm nên nét đẹp chân chính ở mỗi con người.

Vẻ đẹp tâm hồn sẽ được lý giải theo hai cách: một cách theo ngôn ngữ học, coi đẹp là thiện, người có tâm hồn đẹp tức là có tấm lòng lương thiện. Nếu lý giải theo kiểu này sẽ hoàn toàn là vấn đề luân lý, đạo đức. Cách lý giải thứ hai mang ý nghĩa Mĩ học, người có tâm hồn đẹp phải mang một lý tưởng cao đẹp. Hai cách lý giải trên sẽ dẫn đến hai tiêu chuẩn, yêu cầu khác nhau, khi thực thi sẽ có hai phương pháp, con đường khác nhau. Ý nghĩa thứ nhất, vẻ đẹp tâm hồn là một quy phạm đạo đức phổ biến. Nó yêu cầu mọi người đều phải đạt tới. Ý nghĩa thứ hai chỉ là một lý tưởng mê hoặc người ta. Nếu coi nó là một quy phạm đạo đức phổ biến, sẽ bị xa rời thực tế. Nếu trong nhận thức không chuẩn xác thì hành động dễ bị lẫn lộn.

Tâm hồn chính là ý thức tư tưởng nội tại của con người, giống như nhận thức, quan niệm, động cơ lý tưởng... Tâm hồn của một con người tốt đẹp hay xấu xa là điều vô cùng quan trọng. Tấm lòng lương thiện, chính nghĩa mới có thể đồng tình thương cảm, vì việc công không vì tư lợi, coi việc giúp người là niềm vui, lập trường kiên định, lý tưởng cao đẹp, vì nước vì dân, có chí vươn lên trong cuộc sống. Chính từ những biểu hiện tốt đẹp của mỗi con người ta mới có thể nhận ra vẻ đẹp tâm hồn của họ. Vì vậy không chỉ nói tầm quan trọng của tâm hồn một cách cô lập. Bởi tâm hồn vốn là một từ vô hình, nếu không thông qua các hoạt động cảm tính như ngôn ngữ, hành động, tình cảm, thực tiễn xã hội... sẽ không thể hiểu nó một cách chính xác. Đồng thời, biểu hiện tâm hồn của con người không phải lúc nào cũng đồng nhất với nhau, có kẻ bề ngoài đường hoàng chững chạc nhưng đầu óc đen tối, có người có những ước mơ tốt đẹp, nhưng lại không có đủ nghị lực để thực hiện nó. Nếu nhìn một cách cô lập, trên phương diện nào đó có thể phù hợp với đẹp hoặc thiện nhưng thực tế không phải thế, thậm chí hoàn toàn ngược lại. Vẻ đẹp và cái thiện chân chính phải hài hoà giữa biểu hiện bề ngoài với nội tâm, lời nói và việc làm phải nhất trí cao độ, lý luận phải đi đôi với thực tiễn. Một biểu hiện bề ngoài tao nhã tương ứng với bản chất nội tại chân thật không thể tự nhiên mà có được mà là kết quả của sự tu dưỡng của cá nhân cộng với ảnh hưởng của môi trường xã hội, giáo dục. Ví dụ một vận động viên biểu diễn thể dục, hoặc bằng nghệ thuật cao siêu, hoặc bằng những tư thế đẹp, hoặc bằng động tác linh lợi cương cường khiến khán giả nhìn thấy được sức sống vẻ đẹp trí tuệ, cơ bắp, tình cảm của mình và khán giả được hưởng thụ cái đẹp. Vẻ khoẻ đẹp này, nếu không có sự nghiêm túc học hỏi của cá nhân, sự khổ công rèn luyện, sự giúp đỡ của thầy, của bạn thì liệu có đạt được chăng?

Đề 81: Viết một bài văn nghị luận bày tỏ ý kiến về một vấn đề đang đặt ra trong đời sống văn hoá – tinh thần của con người.

Bài làm

Trên những đường phố lớn của nước ta hiện nay có nhiều vấn đề khiến không ít người nặng lòng với văn hoá nước nhà sửng sốt và lo nghĩ. Không còn là chuyện của những dòng chữ in phun "Khoan cắt bê tông", không còn là chuyện những tấm giấy A4 nhoè nhoẹt quảng cáo nhà cho thuê, cửa hàng thuốc... Mà đó là chuyện ăn mặc, trang điểm của nhiều bạn học trò tuổi me tuổi sấu. Rõ ràng một trong những vấn đề đặt ra trong đời sống văn hoá giới trẻ hiện nay là việc sử dụng trang phục, cách trang điểm sao cho phù hợp với nền văn hoá xã hội.

Không đặt ra vấn đề đó sao được khi giới trẻ ngày nay có nhiều bạn đang bị cuốn vào cơn lốc thời trang như những con thiêu thân bị cuốn vào vòng xoáy của những bóng đèn. Trong khoảng năm năm trở lại đây, trào lưu thời trang của giới trẻ thay đổi như cơm ăn, nước uống. Nào là thời trang "cosplay", nào là thời trang "unisex",... Từ những kiểu quần bò cắt rách te tua, những kiểu tóc vuốt keo dựng đứng đến kiểu trang phục không rõ giới tính, cách trang điểm cầu kì, màu mè, khó hiểu. Đó là chưa nói đến hệ thống "phụ tùng" đi kèm như những chiếc vòng, xích, giày, .. hay các phương tiện đi lại như xe đạp, dây trang trí,... Nhiều bạn tuổi "teen" hiện nay khi ra đường có thể khiến tất cả mọi người ngước nhìn một cách khó hiểu. Nhưng đáng tiếc thay, các bạn ấy lại cho đó là cách thể hiện cá tính, cách làm bản thân nổi bật trước đám đông!

Quả là các bạn có nổi bật! Nổi bật bởi các bạn đang đi ngược lại quan niệm thẩm mĩ của người Việt cũng như tạo ra sự thiếu phù hợp giữa cách ăn mặc với đời sống văn hoá, xã hội. Người Việt Nam thường sử dụng các điều kiện vật chất rất giản dị trong khi những bộ trang phục các bạn đó mang trên mình lại khá tốn kém. Thêm nữa, điều kiện kinh tế nước ta còn hạn chế, sự phô trương trong cách ăn mặc như vậy liệu có nên chăng? Chưa hết. Đang ở lứa tuổi đi học, tiêu tốn tiền bạc của cha mẹ vào những chuyện như vậy chính là cách thể hiện sự phụ công lớn nhất của các bạn đối với những bậc phụ huynh đáng kính của mình.

Các bạn nguỵ biện rằng mình sử dụng trang phục như vậy là hợp "mốt" bởi giới trẻ Mĩ, Nhật cũng ăn mặc như vậy đó thôi. Các bạn lại nhầm thêm lần nữa. Không kể đến việc điều kiện kinh tế – xã hội của những quốc gia đó đặc biệt phát triển (là những cường quốc đứng đầu thế giới về kinh tế) thì chúng ta cũng cần lưu ý rằng giới trẻ Mĩ và Nhật khác chúng ta ở rất nhiều điểm. Người Mĩ không có được nền văn hoá với bề dày mấy nghìn năm như dân tộc ta, tổ tiên người Mĩ là những người di cư từ nơi khác đến, truyền thống văn hoá, cách ăn mặc của họ khác ta. Họ không có những ràng buộc đạo đức về cách ăn mặc, vì vậy họ ăn mặc "tự do" hơn chúng ta. Giới trẻ Nhật thì khác. Nhật Bản cũng là một quốc gia có bề dày truyền thống văn

hoá. Nhưng sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản đã có sự chuyển mình dữ dội, đổi lấy sự khôi phục và phát triển về kinh tế, họ chấp nhận để văn hoá Mĩ du nhập một cách ồ ạt, chính khi ấy, nhiều giá trị văn hoá truyền thống của Nhật Bản đã mất đi. Giới trẻ Nhật Bản hôm nay đã mất đi ít nhiều sự định hướng về giá trị văn hoá, họ nương mình theo cái gọi là "tự do kiểu Mĩ". Nhìn nhận như vậy để giới trẻ Việt Nam có sự so sánh đúng đắn với nền văn hoá Việt Nam, từ đó, có sự lựa chọn đúng đắn trong cách suy nghĩ và hành động của bản thân mình.

Hiện đại là điều đáng hoan nghênh. Biết mở cửa để giao lưu văn hoá trong thời hội nhập là điều nên làm. Nhưng hiện đại không có nghĩa là xoá bỏ hoàn toàn những điều thuộc về truyền thống. Giao lưu không có nghĩa là bắt chước, bất chấp những quan niệm truyền thống của dân tộc; không có nghĩa là đón nhận rồi hoà tan cái tôi của mình trong đó. Nếu giới trẻ Việt Nam tự lao mình vào vòng xoáy thời trang của nước ngoài như vậy thì một ngày nào đó, thật khó nhận ra những chàng trai, cô gái Việt Nam trên chính đất nước của họ. Tôi đang tự hỏi: Tại sao không thay vì bắt chước dòng thời trang nước ngoài, chúng ta tự tạo nên một dòng thời trang mang nhãn hiệu riêng "Made in Viet Nam"?.

Đề 82: Lớp em tổ chức một buổi thảo luận về chuyên đề "Hạnh phúc". Em hãy viết bài văn thể hiện quan niệm về hạnh phúc của thế hệ trẻ ngày hôm nay.

Bài làm

Trong cuộc sống của mình, tất cả mọi người đều cố gắng sống và làm việc mong đạt được những niềm hạnh phúc trọn vẹn. Quan niệm về hạnh phúc của mỗi người hoàn toàn khác nhau nhưng đều có một mẫu số chung nào đó xuất phát từ tâm lí chung của con người. Vậy quan niệm về hạnh phúc của tuổi trẻ trong xã hội ngày nay là gì?

Hạnh phúc là cảm giác sung sướng do hoàn toàn đạt được ý nguyện của mình. Vậy, với tuổi trẻ, họ mong ước điều gì thì việc đạt được những điều đó sẽ khiến họ hạnh phúc.

Có ai không mong ước có một gia đình hạnh phúc, có một tình bạn lâu bền đằm thắm,... Vì vậy, tuổi trẻ khao khát được sống giữa tình yêu thương, sự hoà thuận của tình thân ái, bao dung giữa những người thân, những người bè bạn. Tình yêu thương chính là động lực giúp vươn lên khỏi khó khăn, thoát ra khỏi cám dỗ, động viên tuổi trẻ vững những bước đi trong cuộc sống còn nhiều gian nan và thử thách. Hạnh phúc là khi được yêu thương và có những người để ta thương yêu.

Đặc biệt, có lẽ chẳng lứa tuổi nào giàu ước mơ, hoài bão thậm chí là tham vọng như tuổi trẻ. Chúng ta mới bước vào cuộc sống, đứng trước sự sôi động của đời sống xã hội, chúng ta có những ấp ủ, dự định của riêng mình về nghề nghiệp, công việc trong tương lai. Chúng ta khao khát được thể

hiện mình, được thành công và được xã hội thừa nhận năng lực. Hạnh phúc là khi dám ước mơ, biết ước mơ và hành động để đạt được mơ ước.

Vậy là, với tuổi trẻ, hạnh phúc chính là tình yêu thương chân chính giữa người với người; hạnh phúc là được sống với những ước mơ hoài bão lớn lao của tuổi đang căng tràn nhựa sống. Hạnh phúc không phải là những thứ tình ái thoáng qua "Cơn choáng qua đi tình yêu cũng chết – Chia tay rồi cũng chẳng hiểu vì sao" (Phạm Công Trứ) mà nhiều bạn trẻ vẫn cố sức lao vào. Hạnh phúc cũng không phải những thứ vật chất tầm thường bạn có được từ việc ngửa tay cầm của cha mẹ mình. Bản chất của hạnh phúc tuổi trẻ chúng ta là sống hết mình để được cống hiến và đón nhận những tình cảm chân thành, vô tư; những ước mơ và hoài bão lớn lao, trong trẻo.

Hạnh phúc chân chính là niềm hạnh phúc giúp tuổi trẻ có được động lực để trở thành những con người tự tin, năng động và sống có ích với cuộc đời.

Đề 83: Trong ngành Giáo dục đang phát động phong trào "Chống bệnh thành tích trong giáo dục". Em hãy viết đoạn văn nêu cách hiểu của mình về vấn đề "bệnh thành tích trong giáo dục".

Bài làm

"Bệnh thành tích trong giáo dục" là việc chạy theo những danh hiệu mà cố tình vi phạm những quy định về kiểm tra, đánh giá tạo ra thành tích ảo, không đúng với thực chất và làm cản trở sự phát triển của giáo dục. Trong một thời gian dài, chúng ta quá coi trọng những bản báo cáo thành tích, những con số "trăm phần trăm" (100%) đầy ma lực, những bằng khen, những lời tuyên dương,... Cần hiểu rằng thành tích không phải là xấu, ngược lại đó là điều tốt đẹp. Thừa nhận thành tích là ghi nhận những cố gắng nỗ lực và kết quả tốt đẹp trong giáo dục. Điều đó có tác dụng động viên các cá nhân, đơn vị tiếp tục phát huy năng lực, sở trường để đạt kết quả tốt hơn nữa. Nhưng nếu không phải là thành tích mà là "bệnh thành tích" thì cần hiểu rằng đó đã trở thành một vấn đề nhức nhối trong xã hội. "Bệnh thành tích" được biểu hiện ở những báo cáo sai sự thật, ở những lời khen ngợi, tuyên dương sai người, sai đơn vị. Và hậu quả của nó thật khôn lường: sự thật đã có hàng trăm học sinh ngồi nhầm lớp, nhầm trường ; đã có hàng chục giáo viên được ghi nhận là giáo viên dạy giỏi nhưng không nhận được sự tin tưởng của học sinh,... Rõ ràng, cần chữa trị triệt để căn bệnh này.

Đề 84: Nhà thơ Tố Hữu từng viết: "Ôi sống đẹp là thế nào hỡi bạn?". Em hãy viết bài văn thể hiện những suy nghĩ của mình về vấn đề mà nhà thơ đã nêu ra.

Bài làm

Mới bước vào ngưỡng cửa cuộc đời, tuổi trẻ có nhiều băn khoăn về lẽ sống. Nhà thơ Tố Hữu trong những năm tháng tuổi trẻ đã từng cất lên tiếng thơ đầy trăn trở:

"Ôi sống đẹp là thế nào hỡi bạn?"

(*Một khúc ca* – Tố Hữu)

Tuổi trẻ hôm nay nghĩ gì về câu hỏi ấy và sẽ trả lời nó như thế nào?

"Sống đẹp" là khao khát đầy lí tưởng của nhiều bạn trẻ. Chúng ta mơ ước đến sự sống được xã hội thừa nhận và tôn vinh. Vậy thế nào là "sống đẹp"?

Đó là một câu hỏi lớn và thật khó để trả lời cụ thể. Nhà thơ Tố Hữu từng tâm niệm: "Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình", "Con người muốn sống con ơi – Phải yêu đồng chí yêu người anh em",... Các Mác từng khẳng định rằng, đối với con người "Hạnh phúc là đấu tranh",... Vậy đâu là bản chất của lối sống "đẹp"?

Năm tháng dẫu qua đi, cuộc đời hôm nay dầu đổi khác nhưng những quan niệm mang tính khái quát về sự sống, về cách "sống đẹp" vẫn còn đó nhắc nhở chúng ta hướng đến cuộc sống dám ước mơ, biết vươn lên, sống cống hiến, sống hoà nhập để trở thành người có ích đối với cộng đồng.

Cuộc sống riêng của mỗi người đều có những khó khăn và gian khổ. Một cô bé mồ côi sống với người bà già cả, phải tự lao động kiếm sống nuôi thân. Một thanh niên bị liệt đôi tay phải sống nhờ vào sự giúp đỡ của gia đình, người thân. Một cậu bé sống trong sự giàu sang, sung sướng của gia đình nhưng thiếu vắng đi tình yêu thương, sự quan tâm săn sóc của cha mẹ. Hay thậm chí có những bạn trẻ đang sống trong những gia đình bình thường, có một cuộc sống bình thường, việc học tập cũng bình thường,... Cuộc đời những con người ấy có thể đã bị những gian khổ, bế tắc, cám dỗ hay sự tầm thường dìm xuống, cuốn đi. Cô bé tội nghiệp kia có thể suốt đời lam lũ với miếng cơm manh áo nuôi thân. Người thanh niên có thể suốt đời sống bám vào người khác. Cậu bé đáng thương có thể đã bị sự vô trách nhiệm của cha mẹ và sự dư thừa của tiền bạc cuốn vào những tệ nạn. Và hầu hết những bạn trẻ chúng ta có thể bị sự bình thường của cuộc sống cuốn đi những năm tháng tuổi trẻ. Nhưng điều gì đã làm cho cuộc sống tưởng như đầy sắc màu đơn điệu của họ trở lên tươi tắn đẹp đẽ? Không cam chịu với hiện thực phũ phàng, họ đã biết ước mơ và dám mơ ước. Đó là điều vô cùng kì diệu của sự sống. Sống đẹp là gì nếu không phải là cuộc sống dám ước mơ, dám ngẩng cao đầu hướng đến những điều kì diệu sẽ xảy ra?

Sống đẹp, đó còn là lối sống biết cống hiến, biết hoà nhập với cộng đồng. Sẽ thật ích kỉ nếu "chỉ nhận riêng mình" mọi điều tốt đẹp trong cuộc sống. Chia sẻ để nhận về nhiều hơn những điều mình có là bản chất của cuộc đời này và đó là chất kết dính con người thành một cộng đồng vững mạnh. Những giọt máu nóng hổi cho đi có thể cứu lấy sự sống cho ít nhất một người. Một bàn tay tình nguyện vươn đến vùng cao có thể mang đến hạnh phúc cho rất nhiều người. Gần gũi hơn, trong cuộc sống hàng ngày, một lời động viên, an ủi bạn bè, hàng xóm có thể mang đến những động lực để họ vượt qua gian khó; một ánh mắt sẻ chia, một bàn tay nắm lấy có thể giúp người bạn trong phút sa ngã vượt qua cám dỗ, mặc cảm,...

Cuộc sống muôn màu, muôn vẻ luôn đợi chờ sự góp sức, chung tay của mỗi chúng ta.

Các Mác từng nói: "Hạnh phúc là đấu tranh". Điều đó mang rất nhiều ý nghĩa. Sống không đơn giản là âm thầm bước đi theo con đường mình đã chọn. Sống cũng không chỉ là trồng cây, ươm trái trên con đường ấy. Sống đẹp còn là biết dẹp đi những chướng ngại, những chông gai trên con đường nhiều thác ghềnh, cám dỗ. Đó là biết đấu tranh với cái xấu, cái ác ở đời để góp phần làm trong lành sự sống. "Hạnh phúc là đấu tranh" – hạnh phúc là được chiến đấu cho lí tưởng, cho ước mơ của bản thân; cho sự an lành của những người ta yêu quý; cho cuộc sống tươi đẹp của toàn xã hội. Phải là những người bản lĩnh, biết yêu thương và cũng biết căm thù dám tránh được thói a dua ở đời và hơn thế là đấu tranh để loại bỏ những điều sai trái quanh mình. Hãy nhìn thế giới quanh bạn. Đã bao giờ bạn lên tiếng để một người hạ điếu thuốc lá xuống? Đã bao giờ bạn lên tiếng trước vấn đề bạo lực học đường? Đã bao giờ bạn lên tiếng trước hành vi cóp bài của một người bạn cùng lớp?,... Chỉ cần tỏ thái độ không đồng tình, chỉ cần lên tiếng để ngăn cản những việc làm đi ngược lại lợi ích của cộng đồng là bạn đã thể hiện bản lĩnh sống, khẳng định lối sống "đẹp" của bản thân mình.

Bồi hồi trước ngưỡng cửa cuộc đời, tuổi trẻ có bao dự định và ước vọng trong tương lai. Với sức trẻ, với tiềm năng tri thức chúng ta khát khao được góp phần vào sự phát triển chung của xã hội. Vậy thì nếu bạn, nếu tôi cùng chung mơ ước ấy, tại sao chúng ta không cùng nhau chung tay để "sống đẹp"?!

Đề 85: Nhà văn Nga Lép Tôn–xtôi từng nói: "Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường. Không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng thì không có cuộc sống". Em hiểu câu nói trên của nhà văn như thế nào?

Bài làm

Nhà văn Nga Lép Tôn–xtôi từng nói: "Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường. Không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng thì không có cuộc sống". Câu nói của "Con sư tử" khổng lồ trong nền văn học Nga là một bài học lớn về vai trò của lí tưởng trong cuộc sống con người.

Lí tưởng, đó là mục đích cao nhất, tốt đẹp nhất mà con người phấn đấu để đạt tới, đó là niềm tin, là điều con người tôn thờ, khao khát. Có một niềm tin vững chắc vào lí tưởng, con người sống trong những niềm vui tột cùng như nhà thơ Tố Hữu từng hân hoan:

"Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lí chói qua tim".

(*Từ ấy* – Tố Hữu)

Tố Hữu cũng như bao thanh niên Việt Nam yêu nước trong những tháng năm đất nước bị đô hộ, lí tưởng của nhà thơ là lí tưởng cộng sản, lí tưởng cách mạng, sống và chiến đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Hôm nay đây, khi nước nhà đã trọn niềm vui độc lập, lí tưởng của mỗi cá nhân rất khác nhau song đều chung nhau ở khát khao được khẳng định bản thân, được đóng góp cho gia đình và cộng đồng xã hội.

Trong câu nói của nhà văn Lép Tôn–xtôi chứa đựng những tư tưởng có tính chất kim chỉ nam cho vấn đề lí tưởng sống của mỗi con người. "Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường. Không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng thì không có cuộc sống".

Cuộc sống con người nhiều khó khăn, gian nan và vất vả. Nếu không có ánh sáng soi đường, không có sức mạnh cổ vũ, tiếp sức thì nhiều người đã gục ngã, bỏ cuộc. Vậy đâu là ánh sáng và sức mạnh của con người? Đó là lí tưởng. "Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường" vì nó chỉ cho con người con đường họ phải đi để đạt được mục đích, và đó là con đường sáng – con đường thiện. "Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường" còn bởi nó tạo ra động lực, thúc đẩy, động viên con người hành động để đạt được mục đích. Con người sống có lí tưởng luôn biết rõ con đường mình phải đi, không bị cám dỗ, níu kéo bởi những lợi ích tầm thường, hèn kém: "Không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định". Trong tình cảnh nước nhà có giặc ngoại xâm, lí tưởng của con người Việt Nam là giết giặc cứu nước, lí tưởng ấy soi rọi con đường mỗi người dân nước Nam đang đi, họ hiểu rõ "Thà làm ma nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc" (Trần Bình Trọng) và "Thanh niên Việt Nam chỉ có một con đương duy nhất là làm cách mạng chứ không còn con đường nào khác" (Lí Tự Trọng). Người sống không có lí tưởng luôn bị dao động, không ổn định về lập trường, là đề tài bàn tán, chê bai của dư luận. Đó là trường hợp của những kẻ bán nước hại dân trước Cách mạng tháng Tám – 1945. Nhiều kẻ đã quy hàng thực dân Pháp nhưng khi Pháp hai lần bán nước ta cho Nhật thì lại đớn hèn lê gối làm tôi tớ cho Nhật tiếp tục phản bội giống nòi.

Người sống có lí tưởng luôn có sức mạnh để vượt qua muôn vàn gian khó, nguy hiểm trên đời. Các chiến sĩ cách mạng vì sự nghiệp giải phóng dân tộc mà không nề hiểm nguy, họ sống thiếu thốn, nghèo khổ, lam lũ, lẩn trốn sự truy đuổi kẻ thù, thậm chí phải chịu lao tù, tra tấn "điện giật, dùi đâm", "dao cắt", bị bỏ đói,... Nhưng tất cả mọi thử thách dù nhọc nhằn gian khổ đến đâu đều không quật ngã được ý chí sắt đá, sự kiên cường bất khuất của những con người được tôi rèn bằng lí tưởng cách mạng. Vậy nếu như con người sống mà không có lí tưởng? Khi ấy, điều đó đồng nghĩa với việc "không có phương hướng thì không có cuộc sống". Gọi là cuộc sống sao được nếu như những vị anh hùng của thời đại chấp nhận "đốt cháy những gì mình đã tôn thờ và tôn thờ những gì mình đã đốt cháy", phản bội lí tưởng, phản bội niềm tin để quay lưng với lợi ích dân tộc, chấp nhận cuộc đời nhung lụa trong tư thế cúi đầu đầy tủi nhục? Cũng chẳng thể gọi là cuộc sống nếu như mục đích của đời

người trở thành một chiếc chong chóng đặt xuôi chiều con gió, bởi khi ấy, bạn đã trở thành một thứ đồ chơi trong tay kẻ khác.

Lí tưởng cao đẹp là phương hướng nhưng đồng thời đó còn là động lực giúp nhiều bạn trẻ hiện nay vượt qua những khó khăn, cám dỗ của cuộc sống hiện đại để học tốt, sống tốt. Sống không lí tưởng, gặp khó khăn sẽ mau chóng nản chí, bỏ cuộc dù đó chỉ là một cơn buồn ngủ lúc canh khuya học bài. Thế hệ thanh niên chúng ta ngày nay đang cần lắm những con đường sáng, những sức mạnh diệu kì để vượt qua khó khăn của thế hệ. Vì vậy, việc tự xây dựng cho mình một lí tưởng cao đẹp là điều ai cũng cần làm và phải làm ngay, làm gấp.

Đề 86: Thế nào là một tình bạn đẹp?

Bài làm

"Ra đi vừa gặp bạn hiền
Cũng bằng ăn quả đào tiên trên chùa".

Từ cổ chí kim, tình bạn là thứ tình cảm cao đẹp luôn được con người trân trọng và gắng công gìn giữ, bồi đắp. Vậy thế nào là một tình bạn đẹp?

Tình bạn là thứ tình cảm được gây dựng trên cơ sở những đặc điểm chung giữa người này và người khác. Đó có thể là sở thích, năng khiếu, công việc,... nhưng thường tình đó là độ tuổi cùng những đặc điểm tương đồng về tâm lí, tính cách,...

Một tình bạn đẹp trước hết phải là một tình bạn được xây dựng trên cơ sở là sự đồng cảm, vô tư, không vụ lợi, tính toán. Điều đó có nghĩa là những người bạn đến với nhau vì những yếu tố khách quan: cùng giống nhau về tính cách, sở thích, tâm lí,... nên tìm đến nhau để sẻ chia, tâm sự. Một tình bạn xuất phát từ sự tính toán, vụ lợi đồng nghĩa với một tình bạn chết. Bởi vì khi người ta đến với nhau sau khi tính toán xem được gì từ nhau thì có nghĩa họ đang lợi dụng mối quan hệ của mình, và vì thế khi mối quan hệ lợi ích mất đi thì cái gọi là tình bạn giữa họ cũng tan thành hư ảo.

Trong một tình bạn đẹp, bạn bè đối xử với nhau chân thành, thân ái, có thiện ý, biết hi sinh cho nhau. Xuất phát từ sự vô tư khi đến với nhau, trong những hành động, cử chỉ của mình những người bạn luôn thể hiện thiện ý, tình thân ái đối với nhau, mong những điều tốt đẹp sẽ đến với bạn của mình. Đó có thể là một lời khen tặng hay một lời động viên dành cho bạn giúp bạn có động lực để phấn đấu. Đó cũng có thể là những ý kiến bênh vực bạn trước sự gièm pha, nghi ngờ sai của những người khác,... Hơn thế, thể hiện tình bạn cao đẹp, chân thành còn có những người bạn sẵn sàng hi sinh cho lợi ích của nhau.

Tuy vậy, bạn bè không có nghĩa là a dua theo những thói xấu của bạn. Ngược lại, cần phải biết đấu tranh với những cái xấu của nhau hướng nhau đến những điều tốt đẹp. Thấy bạn có những cách ứng xử thiếu văn hoá: nói năng thiếu lễ độ, văng tục, đánh cãi nhau,... hay có những biểu hiện tiêu cực như hút thuốc, trốn tiết, bỏ giờ,... một người bạn tốt phải là người biết

tránh những sai lầm ấy và hơn thế là đấu tranh, khuyên giải giúp bạn mình sửa chữa sai lầm.

Tình bạn là một trong những thứ tình cảm tự nhiên, thiêng liêng nhất của con người. Đặc biệt, những người học sinh càng cần xây dựng cho mình một tình bạn trong sáng, vô tư và cao đẹp.

Đề 87: Ngày nay, rất nhiều bạn trẻ thích sống "sành điệu". Em hiểu thế nào là "sành điệu"? "Sành điệu" có phải là hư hỏng? Hãy viết bài văn ngắn bày tỏ suy nghĩ của bản thân.

Bài làm

Sành điệu là từ ngữ dùng để chỉ những người rất sành sỏi, biết thưởng thức, đánh giá về một số phương diện của đời sống. Vậy là, bản thân những người được coi là sành điệu rất đáng hoan nghênh; một người được gọi là "sành điệu" nghĩa là họ đã được khẳng định khiếu thẩm mĩ, khả năng thưởng thức những cái hay, cái đẹp trong cuộc sống.

Thật vậy, người sành điệu biết lựa chọn những điều tốt đẹp nhất của cuộc sống để thưởng thức. Đó là cách nấu một món ăn ngon. Đó là cách dùng một món ăn cho đúng kiểu. Đó là cách mặc những bộ trang phục đẹp. Đó là cách trang trí, làm đẹp cho nơi ở, nơi làm việc,... Nhưng thật điều đáng tiếc cho những người sành điệu bởi đôi khi họ bị đánh đồng với những kẻ lố lăng nhưng khoác trên mình cái mác "sành điệu".

Đó là những người hiểu nhầm ý nghĩa của hai từ này. Họ cho rằng sành điệu phải là sự ăn chơi phung phí, dùng những thứ đắt nhất, lạ nhất, mới nhất, nổi trội nhất. Điều đó tất yếu dẫn đến một lớp người luôn luôn đua đòi, chạy theo sự xa hoa trong đời sống. Cách nghĩ ấy thể hiện sự tiêu cực, hạn chế trong tầm nhìn và vốn sống.

Vậy là, sành điệu đâu phải là hư hỏng. Chỉ có những người hiểu sai, nghĩ sai về ý nghĩa của từ này nên có những hành động, việc làm tiêu cực và tự mình bước đến con đường tha hoá, hư hỏng mà thôi.

Đề 88: Em có suy nghĩ gì về việc học môn Lịch sử? Hãy viết bài văn ngắn nêu lên suy nghĩ của bản thân.

Bài làm

Lịch sử là môn học mang lại nhiều tri thức và ích lợi. Đó chẳng những là môn học "ôn cố tri tân" mà còn giúp người học phát triển tư duy biện chứng.

Tuy nhiên, có một thực tế đáng buồn: Lịch sử không phải là môn học được coi là "thời thượng". Thứ nhất đó không phải là những "môn chính" như Văn, Toán hay Anh. Thứ hai, đó chỉ là môn học thi trong khối C – khối thi cũng không được các bạn học sinh lựa chọn nhiều. Hay nói một cách khác, trong thời đại phần lớn các bậc phụ huynh và các bạn học sinh đang hướng đến việc học một cách thực dụng: chỉ học tập trung vào những môn chính, những môn thi tốt nghiệp, những môn thi đại học thì môn Lịch sử –

dù có nhiều ích lợi cũng mang một số phận hẩm hiu như nhiều môn học "phụ" khác: không được nhiều học sinh quan tâm yêu thích. Và thậm chí, có quan tâm yêu thích, nhiều người cũng không đủ dũng cảm để đi theo vì cơ hội mở ra cho môn học này quá ít ỏi.

Không chỉ vậy, phương pháp dạy và học môn Lịch sử còn nhiều hạn chế chưa gợi được hứng thú của học sinh đối với môn học. Tư liệu hình ảnh còn nghèo nàn, việc lên lớp của thầy cô còn thiếu sinh động do hạn chế về đồ dùng dạy học,... Vậy nên chăng, cần có sự đổi mới mạnh mẽ về phương pháp dạy – học bộ môn này?

Đề 89: Việc ăn mặc có nói lên tính cách con người? Em hãy viết bài văn ngắn nói lên quan điểm của mình.

Bài làm

Ăn mặc là cách nói về việc mặc nói chung của mỗi người. Nói đến ăn mặc là nói đến trang phục, trang sức với những kiểu dáng, màu sắc, chất liệu,... riêng.

Cần khẳng định rằng, mỗi màu sắc, kiểu dáng, chất liệu của trang phục, đồ trang sức lại có ý nghĩa riêng của nó. Chẳng hạn màu đỏ thể hiện sự năng động, màu trắng thể hiện sự trong trẻo, vô tư,... Những trang phục bó sát người thể hiện sự năng động. Những loại vải lanh, lụa... biểu hiện sự duyên dáng, tha thướt,... Không chỉ vậy, cách phối hợp các loại trang phục, trang sức cũng có ý nghĩa riêng. Vì vậy, có thể khẳng định rằng, cách ăn mặc cũng là một yếu tố quan trọng nói lên cá tính của mỗi người.

Tuy nhiên, với những bạn có điều kiện vật chất ổn định, được ăn mặc theo sở thích của mình thì cá tính thể hiện qua trang phục được biểu hiện rất rõ ràng. Song, lại có những bạn khiêm nhường, ít thể hiện cá tính qua cách ăn mặc. Hoặc có bạn hạn chế về điều kiện vật chất thì trang phục lại không phải là yếu tố quan trọng để nói lên cá tính của người bạn đó.

Trong cuộc sống hàng ngày, tuỳ theo điều kiện riêng của mỗi người mà chúng ta có cách ăn mặc hợp lí. Tuy nhiên, ăn mặc giản dị, sống chân thành là những điều xã hội luôn hướng con người vươn đến.

Đề 90: Bàn về đọc sách, nhất là đọc các tác phẩm văn học lớn, người xưa nói: "Tuổi trẻ đọc sách như nhìn trăng qua kẽ lá, lớn tuổi đọc sách như ngắm trăng ngoài sân, tuổi già đọc sách như thưởng trăng trên đài" (Dẫn theo Lâm Ngữ Đường, *Sống đẹp*, Nguyễn Hiến Lê dịch, NXB Tao Đàn, Sài Gòn, 1965). Em hãy viết đoạn văn nêu cách hiểu của bản thân về câu nói trên.

Bài làm

Câu nói của Lâm Ngữ Đường là một cách nói hình ảnh đậm chất phương Đông về việc đọc sách của con người. Nếu như nội dung tư tưởng và

nghệ thuật của một cuốn sách là vẻ đẹp êm ái, chan hoà của vầng trăng thì "Tuổi trẻ đọc sách như nhìn trăng qua kẽ lá, lớn tuổi đọc sách như ngắm trăng ngoài sân, tuổi già đọc sách như thưởng trăng trên đài". "Trăng qua kẽ lá" lấp ló, tinh nghịch chưa để ta thấy được trọn vẹn dáng hình, chỉ biết đó là thứ ánh sáng dịu dàng, tinh tế đầy mê hoặc. Tuổi trẻ đọc sách cũng giống như việc "nhìn trăng qua kẽ lá" vậy. Ta thấy cuốn sách thật hay, thật hấp dẫn, nó khơi gợi cho ta biết bao điều về cuộc sống. Nhưng để cảm, để hiểu hoàn toàn những điều sách viết thì ta thấy mình còn bé nhỏ biết bao nhiêu. "Ngắm trăng ngoài sân" là khi ấy, ta đã thấy được trọn vẹn hình hài của vầng trăng và cũng là những giá trị sâu sắc của tác phẩm. "Lớn tuổi đọc sách như ngắm trăng ngoài sân" bởi người lớn tuổi đã có được vốn sống của một người từng trải, đã hiểu được nhiều việc trong cuộc đời, việc đọc sách giống như việc giải một mật mã mà mọi kí hiệu của nó ta đều đã biết. Và đến tuổi già, việc đọc sách mới đạt đến độ chín mùi. Việc "thưởng trăng trên đài" khác hoàn toàn với việc ngắm trăng qua kẽ lá hay ngắm trăng ngoài sân. Thưởng trăng trên đài là tư thế của những người ung dung, thanh thản chiêm ngưỡng trọn vẹn cái đẹp của vầng trăng. Họ đón nhận vẻ đẹp ấy như một thú vui trong cuộc sống. Họ hiểu những biến cố của số phận nhân vật, của cảm xúc con người như một điều tất yếu trong cuộc đời. Không tò mò thích thú như chú bé "ngắm trăng qua kẽ lá"; không ngỡ ngàng, vui sướng như những người thấy được sự tròn vẹn của mặt trăng khi "ngắm trăng ngoài sân", người già đọc sách có cái bình thản, ung dung của một người thấm trải lẽ đời trước những trang sách về những cuộc sống mà họ đã đi qua.

Đề 91: Trò chơi điện tử là món tiêu khiển hấp dẫn. Nhiều bạn vì quá mải chơi mà sao nhãng việc học tập và còn phạm những sai lầm khác. Hãy nêu ý kiến của em về hiện tượng đó.

Bài làm

Cuộc sống hiện đại ngày nay đã khiến con người nhìn vào cuộc sống của mình bằng một con mắt khác. Họ đòi hỏi ở cuộc sống nhiều hơn, và một trong những nhu cầu lớn nhất là giải trí. Bàn về vấn đề này có người nói "Trò chơi điện tử là món tiêu khiển hấp dẫn. Nhiều bạn vì quá mải chơi mà sao nhãng việc học tập và còn phạm nhiều sai lầm khác?" Theo bạn, bạn có đồng tình với ý kiến trên không?

Đã xa rồi những trò chơi dân gian xưa: chọi gà, chọi dế, đánh trận giả... Tất cả dường như bị lãng quên, nó đã lùi vào cổ tích. Thay vào đó là những trò chơi tiêu khiển mới lạ, hấp dẫn. Một trong những trò chơi được liệt kê vào loại trò tiêu khiển hấp dẫn là điện tử. Bước chân vào các quán game ta mới thấy được có rất nhiều trò chơi thu hút mọi người đặc biệt là các bạn nam như: đá bóng, đua xe, đế chế... Tất cả đều được gọi cái tên chung là điện tử. Các trò chơi điện tử muốn chinh phục được nó đòi hỏi người chơi phải có óc sáng tạo, sự kiên trì, một chút khéo léo và đặc biệt nó kích thích

tính tò mò. Có lẽ vì vậy mà điện tử được gọi là "món tiêu khiển hấp dẫn". Nhưng trò chơi nào cũng có ít nhiều điều tiêu cực. Xã hội ngày càng phát triển đòi hỏi thế hệ trẻ phải có trí thức nên việc quan trọng nhất của chúng ta là học tập. Nhưng thực tế hiện nay không ít bạn vì quá đam mê "món tiêu khiển hấp dẫn – điện tử" mà đã sao nhãng việc học tập, quên đi mất nhiệm vụ chính của mình. Kết quả học tập giảm sút, gia đình phiền lòng. Việc làm ấy làm mất đi sự tự tin của chính bản thân và còn biết bao những sai lầm khác không đáng có nữa mà chúng ta không thể ngờ tới được... Nói về vấn đề kinh tế: chơi điện tử tác hại vô cùng ngay cả với gia đình kinh tế được xem là dư dật. Lại còn khi quá đam mê không có tiền để chơi, lúc đó họ sẽ làm gì? Nói dối bố mẹ để lấy tiền đi chơi, vay tiền người khác hay trộm cắp? Đó là một thực trạng đang nổi lên trong xã hội hiện nay. Vậy tại sao chúng ta không biết chọn lựa những trò chơi giải trí phù hợp và bổ ích cho mình thay vào việc đi chơi điện tử, tại sao chúng không tham gia ở các câu lạc bộ thể thao, đọc sách, tham gia chiến dịch mùa hè xanh, thanh niên tình nguyện và còn biết bao hình thức giải trí khác. Tại sao chúng ta không tham gia? Vì nó không là món tiêu khiển hấp dẫn hay vì chúng ta chưa quan tâm tới?

Còn rất nhiều sai lầm của người chơi điện tử mà ta không thể không nêu ra được hết nhưng tôi xin chắc rằng chỉ khi người chơi tự nhận ra tác hại của việc chơi điện tử thì lúc ấy họ mới thực sự thấy thấm thía. Sự thất bại lúc ấy mới thực sự là hồi chuông cảnh tỉnh cho họ. Biết đến bao giờ tất cả bố mẹ chúng ta mới có thể rạng rỡ nụ cười trên khuôn mặt dãi nắng dầm sương vì có những đứa con ngoan ngoãn. Điều đó là tuỳ thuộc vào chính chúng ta đấy các bạn an!

Xã hội càng văn minh thì tệ nạn xã hội càng hay rình rập. Nó đòi hỏi ở chúng ta sự tự chủ và kiên cường. Đừng để lúc nào chúng ta bị sa đà vào các trò tiêu khiển không bổ ích. Hãy nhớ một điều: điện tử là trò tiêu khiển hấp dẫn nhưng đừng vì nó mà làm bản thân phải sai lầm không đáng có để cha mẹ, thầy cô phải phiền lòng, để bạn bè xa lánh.

Đề 92: Từ một tấm gương vượt khó học tốt trong tập thể (lớp, trường), hãy nêu những suy nghĩ của em về ý chí và nghị lực của những con người biết vượt lên hoàn cảnh.

Bài làm

Giải nhất môn Toán cấp tỉnh thuộc về một học sinh lớp 9A của chúng tôi khiến cả trường xôn xao còn chúng tôi thì tự hào lắm. Chủ nhân của thành tích ấy – bạn Lê Thu Trang – cười rạng rỡ khi nhận được một lời khen tặng. Nhưng chúng tôi hiểu, đằng sau nụ cười ấy là một sự nỗ lực rất phi thường.

Khác với bạn bè, Trang sớm đã bị thiếu đi sự quan tâm chăm sóc của người cha. Bạn lớn lên nhờ đôi bàn tay chăm sóc của mẹ và ông bà ngoại. Ba mẹ

Trang đã sống ly thân khi Trang còn quá nhỏ. Mẹ lại ốm yếu hay phát bệnh vào mỗi buổi chiều nắng gắt. Căn bệnh quái ác mà người ta gọi là "bệnh tâm thần" đeo đẳng mẹ khiến Trang có cha có mẹ nhưng đâu có được cái quyền vui chơi, được nô đùa, được sống trong vòng tay yêu thương của cha mẹ.

Những tưởng với ngần ấy gian nan, tâm hồn nhỏ bé kia sẽ không còn đủ niềm tin để bước vào đời. Nhưng thật bất ngờ Trang đã vượt qua. Thiếu đi tình cảm của cha, sự mặc cảm về nỗi đau của mẹ, Trang dồn hết niềm khát khao vào tri thức mong muốn tìm trong sách vở một sự sẻ chia. Nhìn vào Trang tôi bỗng thấy rằng: cuộc đời nhiều lúc quá gian nan nhưng cuộc đời vẫn rất công bằng. Vượt lên trên số phận bằng lòng ham học hỏi, cô bạn nhỏ bé đã có được những thành công ban đầu chắp cánh cho những ước mơ để bay cao, bay xa hơn. Chín năm liền Trang đều đạt danh hiệu học sinh giỏi toàn diện, đặc biệt trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh bạn đều đạt giải cao.

Ý chí và nghị lực cùng với lòng say mê tri thức là bàn đạp vững chắc, là cánh cửa dẫn đến thành công dù bước khởi đầu còn gian nan, trắc trở. Câu chuyện của Trang khiến tôi không khỏi xúc động và mong muốn được cảm thông, được chia sẻ với những gì mà Trang đã và đang phải trải qua. Mong rằng con đường thành công sẽ mở rộng hơn, lớn hơn để đón chào những con người biết vượt khó, vượt khổ và vượt lên trên số phận nữa. Trang như một tấm gương sáng đáng để cho mỗi chúng ta, những người luôn được chăm sóc và yêu thương noi theo. Nghĩ về chuyện của bạn, tôi lại nhớ đến câu nói của một nhà văn: "Ở đời người này không có con đường cùng, chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải có sức mạnh để bước qua những ranh giới ấy.

Đề 93: Một hiện tượng phổ biến trong xã hội hiện nay đó là việc xả rác bừa bãi. Em có suy nghĩ gì trước hiện tượng này?

Bài làm

Thế giới của chúng ta đang bị đe doạ. Nguồn đất, nguồn nước, nguồn không khí đang bị ô nhiễm rất nặng nề. Một trong những nguyên nhân gây ra hiện tượng đó là hành động xả rác bừa bãi của con người. Là những công dân của thế kỉ XXI, bạn nghĩ gì về hành động đó? Chúng ta cần phải làm gì để trong sạch hoá hành tinh của chúng ta? Đó là vấn đề mà chúng ta phải giải quyết trước nhất để cứu vãn sự sống này.

Con người sinh sống trên Trái Đất này, quá trình sinh hoạt và sản xuất tạo ra vô vàn các loại rác thải. Nếu không có quy trình xử lý kịp thời và hợp lý sẽ gây tác hại đến môi trường sống. Nhưng làm thế nào để kiểm soát được lượng rác thải? Đó là cả một vấn đề. Thực tế cho thấy ý thức giữ gìn vệ sinh chung của một bộ phận dân cư còn kém. Nhà cửa của mỗi người thường được quét dọn sạch sẽ. Họ không bao giờ vứt rác bừa bãi trong gia đình mà luôn có ý thức thu gọn lại để... xả ra ngoài đường miễn sao cho gia đình mình được sạch sẽ. Hiện tượng này phổ biến ở những thành phố nhỏ,

thị xã và thị trấn... Có lẽ vì thế mà trên những đoạn đường vắng, chúng ta thường thấy những túi rác, bao rác, đống rác vứt ngổn ngang ở ven đường, ở vỉa hè, thậm chí là ngay trên mặt đường, gây khó khăn cho việc đi lại. Có những vụ tai nạn thương tâm đã xảy ra chỉ vì một bao rác mà ai đó đã cố ý "đánh rơi" trên đường. Có lẽ chẳng ai ngờ một bao rác lại có thể gây chết người, nhưng trớ trêu thay đó lại là sự thật.

Không chỉ riêng gì nơi đô thị đông dân mới ô nhiễm mà ngay trên những miền quê thuần phác, tôi cũng đã nhận ra dấu hiệu của sự ô nhiễm. Quanh nhà tôi ở có mấy cái ao khá rộng. Ngày trước nước ao rất trong mát, là nơi bơi lội thoả thích của lũ trẻ con làng trong những ngày nóng nực. Vậy mà nay không ai còn dám ngâm mình xuống đó nữa. Mặt nước ao giờ là nơi sinh sống của những đám bèo và cỏ dại. Vẫn những túi ni lông, những bao tải to chứa đầy rác bẩn nổi lềnh bềnh cùng với những con cá chết trắng cả mặt nước đen sánh. Tôi thiết nghĩ, một miền quê thuần phác như quê tôi mà còn bị rác thải làm ô nhiễm đến thế này thì những thành phố lớn, những khu công nghiệp khói bụi suốt ngày đêm thì còn đáng sợ đến mức nào?

Trong những năm gần đây, các phương tiện thông tin đại chúng liên tục đưa tin về nạn ô nhiễm và cảnh báo hiện tượng Trái Đất đang bị huỷ hoại dần. Là một phần của sự sống, chúng ta hãy cùng nhau giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp. Hãy tích cực tham gia các hoạt động vì môi trường, tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân để mọi người hiểu được vai trò to lớn của môi trường sống. Tích cực đóng góp ý kiến, sáng kiến cải tạo và giữ gìn sự trong lành của tự nhiên, làm cho cuộc sống của chúng ta ngày càng thêm sạch đẹp, văn minh và tiến bộ.

Đề 94: Em hãy nêu những suy nghĩ của mình về một đức tính cần có ở con người.

Bài làm

Trên khắp mọi nơi ở đất nước ta, từ xưa đến nay bất kể thời đại nào, nhân dân luôn đề cao những chuẩn mực đạo đức của con người. Điều đó lại càng đặc biệt cần thiết trong xã hội hiện đại ngày nay. Trong những chuẩn mực, đó trung thực là đức tính đầu tiên con người cần phải có.

Đức tính trung thực có những biểu hiện vô cùng đa dạng. Riêng đối với người học sinh, trung thực được thể hiện trong nhà trường, trong gia đình. Một học sinh có đức tính trung thực thì không bao giờ chép bài, hỏi bài bạn trong giờ kiểm tra, làm bài với đúng khả năng của mình. Khi bị điểm kém, hay lỡ làm điều gì không phải thì thẳng thắn nói ra, nhận lỗi với thầy cô, cha mẹ. Hay như đơn giản hơn là ở ngoài chợ. Người bán trả lại thừa tiền cho ta thì với người trung thực, ta luôn trả lại số tiền thừa ra đó. Ra ngoài đường, thấy người khác đánh rơi đồ thì luôn tìm cách trả lại. Còn trong kinh doanh thì trung thực lại được thể hiện ra ở chỗ người làm kinh doanh đem lại cho khách hàng của mình những sản phẩm có chất lượng, đúng giá,

không làm giả, nâng giá lên một cách bất hợp pháp.

Trung thực vốn là một đức tính truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta. Vậy nên trong xã hội ngày nay thì những cái lợi mà trung thực đem lại không phải là nhỏ. Với người học sinh thì trung thực sẽ giúp hoàn thiện nhân cách, không những vậy còn nâng cao được vốn kiến thức. Bởi đã là học sinh thì bất cứ ai cũng có những điểm kém, điểm xấu, bị phê bình. Nhưng trung thực, thẳng thắn nhận ra những khuyết điểm đó thì thầy cô, bạn bè, cha mẹ mới có thể giúp đỡ ta vươn lên, học tốt hơn, kiến thức dần đầy đủ. Trung thực trong kinh doanh thì sẽ đem lại uy tín, sự tín nhiệm của khách hàng, việc làm ăn sẽ ngày càng thuận lợi. Hay bất cứ ở đâu, có đức tính trung thực thì con người ta sẽ được mọi người nhìn lại với con mắt thiện cảm, kính trọng. Nói tóm lại, một xã hội mà mỗi con người đều có đức tính trung thực thì xã hội sẽ trở nên trong sạch, văn minh, ngày càng phát triển.

Chỉ đáng tiếc rằng, trong cuộc sống, đức tính trung thực ta lại không thường thấy ở một số con người. Gian lận trong học tập, trong các kỳ thi, nạn học giả, bằng thật vẫn còn phổ biến trong xã hội. Không thể tưởng tượng ra được những con người như vậy sẽ làm việc, xây dựng đất nước ra sao, sẽ đưa đất nước "phát triển" đến thế nào? Sự thiếu trung thực ở một số cán bộ lãnh đạo các cơ quan đã "rút ruột" các công trình, tham ô, tham nhũng làm thiệt hại của Nhà nước hàng trăm tỷ đồng trong suốt những năm gần đây đã trở thành một vấn đề nổi cộm. Không thể kể hết những hậu quả, ảnh hưởng từ nhỏ tới lớn của sự thiếu trung thực trong đời sống.

Cũng may mắn rắng đó chỉ là những "con sâu làm rầu nồi canh", chỉ là một bộ phận nhỏ trong xã hội. Đức tính trung thực còn có ở ngày nay chính là do bề dày truyền thống lâu đời của dân tộc ta. Rồi nhờ có sự tuyên truyền, giáo dục sâu sắc trong nhà trường mà đức tính trung thực vẫn còn được gìn giữ. Có đức tính trung thực trong mỗi một con người thì xã hội ngày càng trở nên văn minh, con người càng phát triển; còn thiếu sự trung thực sẽ chỉ làm cho xã hội thụt lùi đi so với sự phát triển của nhân loại cùng với những hậu quả khôn lường.

Có lẽ cũng chính vì vậy mà từ lâu, nhân dân ta đã đặt đức tính trung thực là một trong những đức tính cơ bản, hàng đầu. Chúng ta cần ngày càng phát huy đức tính truyền thống này ở mọi lúc, mọi nơi. Đồng thời phải đẩy lùi, ngăn chặn những biểu hiện tiêu cực của việc thiếu trung thực trong đời sống.

Gìn giữ, phát huy truyền thống vốn có của dân tộc là trách nhiệm của mỗi người, mỗi học sinh trong chúng ta và đặc biệt là đức tính trung thực. Đó là điều vô cùng quan trọng. Tin rằng, nếu làm được như vậy thì chúng ta sẽ nhận lại được những kết quả đáng mừng cho bản thân chúng ta và cả xã hội.

Đề 95: Nhân dịp ngày 20 tháng 11, lớp em có tổ chức cuộc thi viết báo tường. Em hãy viết một bài văn nghị luận với chủ đề: Nhớ ơn thầy cô.

Bài làm

Trong xã hội mà nền kinh tế tri thức phát triển mạnh mẽ như ngày nay thì việc học tập càng trở nên quan trọng. Khi đó, vai trò trách nhiệm của những người thầy, người cô càng trở nên khó khăn, nặng nề hơn bao giờ hết. Và nhớ đến công ơn của các thầy, các cô là một tình cảm đẹp để cần có ở bất kì người học trò nào.

Thời xưa, cụ Chu Văn An đã từng mở lớp dạy học tại quê nhà. Và nhiều người trong số những học trò của cụ đã làm đến những chức quan quan trọng trong triều đình. Phạm Sư Mạnh là một học trò như thế, tuy đã là quan đầu triều nhưng ông vẫn tỏ thái độ vô cùng kính trọng người thầy cũ của mình. Đến nhà thăm cụ, ông chỉ đứng từ xa vái chào, vào trong nhà cũng không dám ngồi cùng sập với cụ, chỉ xin ngồi ở bậc dưới. Ông trả lời đầy đủ những câu hỏi của thầy, hỏi thăm sức khỏe của thầy như một người học trò bình thường. Tấm lòng thật đáng quý biết bao!

Thời nay, học sinh chúng ta cũng có vô vàn cách để biểu lộ lòng biết ơn của mình đối với thầy cô giáo: tham gia văn nghệ chào mừng 20–11; thi đua giành nhiều hoa điểm tốt; đến thăm, chúc sức khỏe các thầy các cô.

Biết ơn những người đã dạy dỗ mình là một hành động đẹp rất nên làm. Đó là việc làm của một người học sinh ngoan, biết phát huy tốt truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây
Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng.

Nếu không có các thầy, các cô dạy dỗ chúng ta, truyền cho chúng ta những kiến thức bổ ích thì chắc gì chúng ta đã đạt được thành công như ngày hôm nay; chắc gì chúng ta đã thành đạt, kiếm nhiều tiền để nuôi sống gia đình và làm lợi cho đất nước. Do vậy ai ai cũng cần phải có lòng biết ơn thầy cô giáo.

Ấy thế mà lại có những học sinh vô ý thức, vô văn hóa, chẳng coi thầy cô ra gì. Những học sinh đó học thì kém lại hay nghịch dại, làm thầy cô và bố mẹ phiền lòng. Thậm chí còn mắng, chửi thầy cô khi bị điểm kém hay bị hạ hạnh kiểm. Đáng trách thay!

Chúng ta có rất nhiều cách để tỏ lòng biết ơn những người đã có công dạy dỗ mình: ngồi trong lớp chỉ cần các bạn chú ý nghe giảng tức là đã tỏ lòng biết ơn rồi đấy. Học thật giỏi, giành được nhiều điểm chín, mười chính là cách đền ơn các thầy các cô tốt nhất của chúng ta. Ngoài ra, vào ngày 20–11, 8–3 Tết cổ truyền, học sinh có thể họp nhau lại cùng đến nhà thầy cô, thầy cô vui mà chúng ta cũng được coi là học sinh ngoan, có nghĩa, biết đền ơn.

Người ta nói:

Qua sông thì bắc cầu kiều
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.

Thật vậy! Cứ giả sử xã hội này mà không có nghề dạy học thì không biết nó sẽ trì trệ và kém phát triển đến thế nào! Vậy thì ngay từ bây giờ, chúng ta hãy tỏ ra là những người học trò ngoan bằng cách tỏ lòng biết ơn các thầy, các cô của mình. Họ xứng đáng được chúng ta nhớ ơn và kính trọng!

Đề 96: Em có suy nghĩ gì về hiện tượng "nghiện" ka-ra-ô-kê và in-tơ-nét trong giới trẻ hiện nay?

Bài làm

Sinh động, mới mẻ, hấp dẫn,... đó là những gì mà công nghệ thông tin, công nghệ kĩ thuật số... đã mang đến cho đời sống con người. Nhưng bên cạnh đó, không ít những thành quả của khoa học kĩ thuật đang bị lạm dụng gây ra những hiện tượng "nghiện" đầy nguy hiểm. Hiện tượng nhiều học sinh, sinh viên hiện nay "nghiện" ka-ra-ô-kê và in-tơ-nét cũng là một trong số những trường hợp đó.

Về bản chất, chúng ta không thể phủ nhận những tác dụng to lớn của ka-ra-ô-kê và in-tơ-nét. Ka-ra-ô-kê là một loại hình giải trí lành mạnh. Mỗi khi có dịp vui, bạn bè có thể cùng nhau đi hát ka-ra-ô-kê; âm nhạc, lời ca, tiếng hát có thể trở thành nguồn vui, tiếng cười giúp chúng ta giải toả căng thẳng, gắn bó thêm tình bạn bè bằng hữu,... In-tơ-nét lại là một phương tiện thông tin vô cùng hữu ích. Sử dụng in-tơ-nét, chúng ta có thể nắm bắt nhanh chóng, cập nhật, sinh động nhiều thông tin trên nhiều lĩnh vực: y tế, giáo dục, khoa học, âm nhạc... Bạn muốn biết thông tin mới nhất về việc tuyển sinh vào lớp 10, vào các trường chuyên,...? Bạn muốn biết những thông tin nổi bật về mọi mặt đời sống kinh tế – xã hội trong ngày?... Bạn chỉ cần "click" vào biểu tượng In-tơ-nét trên màn hình máy tính. Từ đây, có thể áp dụng những tri thức quý báu ấy vào cuộc sống: vào bài học trên lớp, vào việc nghiên cứu, vào việc thực hành,... Mặt khác, in-tơ-nét cũng là phương tiện thông tin liên lạc tiện lợi: chỉ bằng một số tiền rất nhỏ chúng ta có thể trao đổi thông tin trực tiếp với bạn bè, người thân (qua Yahoo), nhìn rõ nhau (qua Webcam),... bất kể là đang ở xa nhau nửa vòng Trái Đất...

Tuy nhiên, cũng giống như một số thành tựu khoa học kĩ thuật khác, ở nhiều bạn trẻ, ka-ra-ô-kê và in-tơ-nét bị lạm dụng và gây ra nhiều tác hại.

Ở nhiều thành phố, thị trấn, thị xã,... có những dãy phố ka-ra-ô-kê dài hút mắt, có những cửa hàng ka-ra-ô-kê quy mô lớn chứng tỏ sự chuyên nghiệp của loại hình giải trí này càng cao, nhiều ngôi nhà mặt đường gần khu dân cư không bỏ qua cơ hội kinh doanh cũng mở hàng ka-ra-ô-kê,... Nếu chỉ đơn thuần là phục vụ nhu cầu giải trí lành mạnh, phục vụ những cuộc gặp gỡ bạn bè xả "stress"... thì đâu cần đến nhiều quán ka-ra-ô-kê như vậy? Mặt khác, những quán ka-ra-ô-kê dường như hoạt động cả ngày, đặc biệt là vào những buổi tối. Một câu hỏi đặt ra: giới trẻ có thực sự cần đến nhiều quán ka-ra-ô-kê như vậy để phục vụ cuộc sống của mình không?

Sự thật đã trả lời cho chúng ta. Nhiều bạn trẻ đến với ka–ra–ô–kê như một nhu cầu thiết yếu của cuộc sống. Bất kì một sự việc gì cũng là lí do để họ "đi ka–ra–ô–kê". Sinh nhật, cuối tuần, quần áo mới,... Thực chất của những cuộc ka–ra–ô–kê như vậy là dịp để họ tụ tập, hò hét và ... say xỉn! Có những cuộc hát thâu đêm, có những giọng hét–nhiều–hơn–hát, có những nhóm ra khỏi phòng hát không còn được một người tỉnh táo, họ thậm chí gây sự với ngay chủ cửa hàng,... Giá của những cuộc ka–ra–ô–kê như vậy lại không hề "mềm" chút nào. Nó liên tục tăng lên chóng mặt, giá cụ thể tuỳ thuộc vào chất lượng phòng hát, chất lượng âm thanh nhưng có lẽ không dưới bốn mươi ngàn đồng một tiếng. Vậy là đã rõ, những cuộc hát hò vô bổ như vậy chỉ là sản phẩm của những bạn trẻ không biết trân trọng sức lao động, không biết trân trọng đồng tiền, thậm chí coi những cuộc hát hò ấy như một thứ trang sức cho sự giàu có của cha mẹ mình. Đó là mục đích của họ sau mỗi cuộc ka–ra–ô–kê chăng? Lúc ấy, ka–ra–ô–kê đã trở thành kẻ đồng phạm của thói ăn chơi, đua đòi đáng lên án.

Với in–tơ–nét, số bạn trẻ biết sử dụng những tính năng của chúng sao cho mang lại hiệu quả lớn nhất cũng chỉ chiếm thiểu số. Đến với những "quán nét", một cảnh tượng không thể nào khác được là những những gương mặt trẻ tuổi đang căng thẳng, hồi hộp với bao trò game (trò chơi điện tử). Có thể kể đến vô số trò chơi như đế chế, MU,... Có những bạn ngồi lì trước máy quên cả ăn uống, ngủ nghỉ (đừng nói chi đến việc học hành!). Lại có những bậc mà phụ huynh không thấy con về nhà, đã tốn bao công sức "truy lùng" rồi bất ngờ phát hiện cậu ấm "mai danh ẩn tích" ở một quán "nét" và đang hào hứng với trò chơi điện tử! Không chỉ vậy, "ôm ấp" chiếc máy tính và mạng in–tơ–nét còn có những "đệ tử" trung thành của Yahoo. Họ lạm dụng chức năng của hệ điều hành này để ngày đêm chát chít với bạn bè, dĩ nhiên, câu chuyện của họ chỉ đơn giản là: "ăn cơm chưa? ăn rồi à? đang làm gì đấy?" rất vui vẻ! Nhưng điều nguy hiểm nhất là qua đây, nhiều bạn trẻ có thể "kết bạn" dễ dàng, yêu nhau dễ dàng và mắc bẫy cũng dễ dàng. Hàng trăm câu chuyện bị "lừa tình", "lừa tiền" qua Yahoo không còn là chuyện lạ. Đó là những lời cảnh tỉnh nghiêm khắc đối với những ai còn đang mù quáng với những câu chuyện, những lời tán gẫu qua một kênh ảo như vậy. Có những bạn đến với in–tơ–nét đơn thuần chỉ là để ... tải nhạc và "down" ảnh. Những đối tượng như vậy tưởng chừng vô hại nhưng kì thực trong hành động của họ lại tiềm ẩn những hiểm hoạ rất lớn. Chưa kể đến việc mất thời gian, tiền bạc và sức lực. Hãy xem đến những loại nhạc và loại ảnh họ tải về: "Em yêu! Nhớ anh không? Nhớ à? Đang làm gì đấy?"... những tấm ảnh ngoài luồng, những đoạn "clip" đen,... Chẳng phải chúng đang tiềm ẩn những hiểm hoạ làm suy thoái cả một thế hệ người hay sao? Giới trẻ sẽ yêu như thế nào, sống như thế nào khi lớn lên trong môi trường những ngôn từ nhạt nhẽo, thậm chí ngớ ngẩn; những tấm ảnh nhơ nhớp, nhầy nhụa như vậy?

Việc "nghiện" ka–ra–ô–kê và in–tơ–nét đang lấy đi sức lực, thời gian, tiền bạc và hơn hết là sự vô tư, trong sáng của tuổi trẻ.

Sa đà vào những hoạt động như vậy, một điều dễ hiểu là những bạn trẻ ấy không có thời gian cho việc học hành, cho những hoạt động ngoại khoá bổ ích, hiển nhiên không có cả thời gian cho gia đình, người thân. Vậy rồi tương lai những người bạn ấy sẽ ra sao?

Nguyên nhân của lối sống ấy bắt nguồn từ việc những bạn trẻ ấy chưa xác định được lí tưởng sống đúng đắn, họ ham vui chơi, đua đòi, lười biếng, và chỉ quen thói hưởng thụ. Sinh ra trong sự nuông chiều của gia đình, không biết trân trọng những giá trị chân thực của đồng tiền và quan trọng là không chịu học tập, rèn luyện đã biến họ trở thành những người Việt trẻ hư hỏng, đáng chê trách. Vậy thì trước lối sống sai lầm ấy của những bạn trẻ này, trách nhiệm thuộc về việc giáo dục của gia đình họ nhưng phần lớn là do việc tự nhận thức và quá trình tự rèn luyện của bản thân mỗi con người mà thôi.

Ka–ra–ô–kê và in–tơ–nét là những phát minh có ích cho cuộc sống con người nhưng nếu không biết sử dụng đúng cách thì chúng sẽ gây những tác hại vô cùng to lớn. "Nghiện" ka–ra–ô–kê và in–tơ–nét là biểu hiện của sự tiêu cực khi sử dụng những thành tựu khoa học kĩ thuật này. Tuổi trẻ chúng ta – thế hệ tiên phong trong nhiều lĩnh vực khoa học công nghệ – không thể là những con nghiện, là những nô lệ cho ka–ra–ô–kê, in–tơ–nét hay bất kì phương tiện máy móc nào khác. Các bạn trẻ, chúng la hãy là những chủ nhân thông minh của những thành quả khoa học kĩ thuật!

Đề 97: Trong chương trình Giáo dục và Đào tạo lớp 9 Trung học cơ sở, các em đang theo học một số nghề phổ thông. Em hãy nêu những suy nghĩ của mình về việc lựa chọn nghề nghiệp của thanh niên hiện nay.

Bài làm

Đứng trước ngưỡng cửa cuộc đời, các bạn trẻ ai cũng mong muốn có một nghề nghiệp ổn định, trước hết là để kiếm sống, rồi để thể hiện năng lực, khẳng định vị trí của bản thân. Song, có rất nhiều người vẫn đang băn khoăn lo nghĩ không biết nên chọn nghề như thế nào: Chọn nghề phù hợp với năng lực thực tế của bản thân, chọn nghề đang được ưa chuộng trong đời sống xã hội hay nhất quyết theo đuổi nghề bản thân thiết tha yêu thích?

Vấn đề này thật khó khăn đối với thế hệ chúng ta bởi tuổi trẻ còn thiếu kinh nghiệm, bồng bột, nông nổi dễ đưa ra những quyết định thiếu chín chắn, làm phí đi nhiều thời gian, sức lực. Nghề nghiệp là vấn đề gắn bó lâu dài với đời sống mỗi cá nhân, chỉ cần chọn sai nghề ta sẽ phải trả giá.

Vậy phải lựa chọn nghề nghiệp như thế nào?

Thực ra, chỉ cần làm một vài phép suy luận nhỏ ta sẽ có một câu trả lời.

Nghề nghiệp trước hết đòi hỏi con người phải có khả năng làm công việc đó. Tức là phải có hệ thống tri thức, kĩ năng kĩ xảo về công việc bạn lựa chọn. Có như vậy bạn mới làm việc có sản phẩm (vật chất hay phi vật

chất). Hơn nữa, nghề nghiệp đòi hỏi sự ổn định. Bạn khó có thể nay làm nghề này mai làm nghề khác. Đặc biệt ngày nay, khi vấn đề chuyên môn hoá đang được chú trọng thì việc ổn định việc làm đi sâu tìm tòi, sáng tạo trong lao động càng được khuyến khích. Thay đổi việc làm, bạn sẽ bắt đầu lại những kiến thức mới, kĩ năng kĩ xảo mới, những quan hệ mới,... Chừng ấy việc tiêu hao quá nhiều thời gian sức lực của bạn. Chưa kể những khả năng ấy sẽ giảm dần theo tuổi tác, bạn cũng sẽ không có nhiều thời gian để lao động, hoặc lao động không có hiệu quả. Bên cạnh đó, tình cảm nghề nghiệp cũng là yếu tố quan trọng. Nó trở thành động lực để bạn say mê với việc làm của mình.

Như vậy, nếu chọn nghề dựa vào tiêu chí nghề nghiệp đang được ưa chuộng trong đời sống thì ta tưởng tượng xem? Ta biết rằng xã hội ngày nay đang vận động biến đổi không ngừng. Yêu cầu xã hội mỗi ngày mỗi khác. Mới cách đây khoảng hai chục năm, công nghiệp nặng còn thu hút sự tập trung khai thác của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng thì ngày nay xã hội đem thành quả và tiềm năng công nghệ thông tin, dịch vụ xã hội, khoa học công nghệ,... làm tiêu chí đánh giá sự phát triển của mỗi quốc gia, khu vực. Nói như vậy để thấy được sự lựa chọn này quá mạo hiểm! Bạn có chắc rằng mình sẵn sàng thay đổi nghề nghiệp theo chu kì 20 năm, 15 năm, 10 năm,... hay thậm chí là 5 năm, 4 năm,... không? Đó là chưa kể đến việc liệu bạn có khả năng hoàn thành tốt công việc đó? Bạn có thực sự say mê với lựa chọn của mình? Thực tế, không ít người chạy theo nhu cầu của xã hội, thay đổi công việc cho hợp với thời thế. Hậu quả là việc cũ chưa đem về tiền bạc đã mất rất nhiều thời gian, sức lực, tiền bạc cho công việc mới. Mong bạn nhớ rằng: Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh!

Còn nếu bạn nhất quyết theo đuổi nghề mà mình thiết tha yêu thích thì phải tính đến năng lực của bản thân mình. Tình cảm nghề nghiệp là yếu tố không thể thiếu song năng lực lại là yếu tố cần cho mọi công việc. Bạn yêu thích thơ văn, bạn mong muốn trở thành nhà văn nhưng những gì bạn viết ra người đọc không thể hiểu nổi một phần; hay nó nhạt nhẽo vô vị người ta đọc rồi quên ngay sau đó. Khi ấy, bạn bị lạc lõng, bất lực bên bờ cát dài của con chữ. Bạn bế tắc hoàn toàn. Lựa chọn con đường này, bạn sa vào tình cảnh "lực bất tòng tâm" đau khổ vô cùng. Chẳng những đời sống kinh tế bị khốn cùng, mà tâm hồn bạn cũng bị chất vấn day dứt không yên. Lúc đó, tình yêu nghề nghiệp trở thành gánh nặng ghìm bước chân bạn trên đường đời.

Chốt lại mọi con đường, hướng lựa chọn nghề phù hợp với năng lực thực tế, hợp lí và khả thi hơn cả.

Có năng lực, điều đó hứa hẹn thành công trong công việc của bạn. Cũng có nghĩa nó mở ra khả năng đạt mức cao trong đời sống vật chất. Hội tụ lại mọi điều, bạn được xã hội tôn vinh và trở thành người thành đạt. Một chút nhạy bén với thị trường, một chút khả năng tính toán, ngoại giao, quan hệ,... bấy nhiêu điều đủ tạo nên năng lực một nhà kinh doanh có tài. Năng động, sắc sảo, tinh tế, thẳng thắn cộng với khả năng "viết lách" và vốn

sông phong phú – đó là những gì cần có ở một nhà báo tài ba,... Nhắc đến nghề nghiệp là nhắc đến công việc; nhắc đến công việc là nhắc đến khả năng làm việc. Vậy là gì nếu không phải là yếu tố năng lực khi lựa chọn nghề nghiệp cho tương lai?

Cũng có thể nghề nghiệp bạn có khả năng không "thịnh hành" lắm trong xã hội. Giới sinh viên từng "lưu truyền" một câu (không biết nên gọi là câu gì!): nhất Y, nhì Dược, tạm được Bách khoa, bỏ qua Sư phạm. Như vậy không có nghĩa xã hội không cần đến nghề của bạn cũng như cuộc sống không thể thiếu những người thầy. Quan trọng là bạn biết nỗ lực giành lấy những thành công trong lĩnh vực của mình. Xã hội có thể "bỏ qua" nhưng là bỏ qua những kẻ bất tài, kém chí. Thực tế, mỗi ngành nghề đóng một vai trò khác nhau trong đời sống, thiếu đi một trong số đó xã hội sẽ khủng hoảng rối loạn. Vậy bạn cần khẳng định mình là ai trong giới của mình.

Tình cảm là thứ không thể gò ép, bắt buộc. Song cũng cần nhìn nhận rằng bất cứ nghề nào cũng có cái hay, cái đẹp, cái cao quý riêng của mình. Chẳng có nghề nghiệp chân chính nào hèn kém cả. Bất cứ nghề nào ta bỏ ra mồ hôi, công sức thì đều đáng trân trọng. Bỏ ra một chút thời gian để tìm hiểu về nghề ta sẽ thấy được vẻ đẹp và tầm quan trọng của nó. Từ đó sẽ nảy sinh tình cảm mến yêu quý trọng. Có ai không tự hào khi mình là giáo viên – là những kĩ sư tâm hồn đi gieo những mầm sống cho đời? Có ai không tự hào khi mình là người công nhân xây cầu, đi bắc những nhịp yêu thương, đi nối những bờ ánh sáng?.... Và ai ai cũng tự hào khi mình lao động, kiếm sống bằng đôi bàn tay chân chính, bằng khối óc trong sạch của bản thân mình.

Cũng cần nói rằng, trong thực tế có rất nhiều bạn khi lựa chọn nghề nghiệp phải chịu những sức ép từ phía gia đình. Lại có bạn lựa chọn mà không hề suy nghĩ hay suy nghĩ viển vông, vượt quá tầm khả năng,... Những điều ấy cũng chẳng khác gì lựa chọn theo yêu cầu của xã hội hay chạy theo ham muốn cá nhân. Chúng chỉ khiến ta thoả mãn tâm lí trong một thời gian ngắn để rồi phải trả giá cả cuộc đời lao động của mình.

Công việc, nghề nghiệp cần được định hướng sớm để mỗi cá nhân có hướng chuẩn bị hành trang về tri thức, kĩ năng kĩ xảo. Những yếu tố sẽ tạo nên những thành công bứt phá trong sự nghiệp mỗi con người. Lựa chọn nghề mghiệp cần dựa trên sự kết hợp hài hoà giữa năng lực và sở thích trong đó năng lực đóng vai trò quyết định.

Đề 98: Một số bạn trẻ hiện nay cho rằng: "Trước hết phải là sống cho mình". Theo em, sống có trách nhiệm với bản thân khác với tính vị kỉ như thế nào?

Bài làm

Cổ nhân xưa có câu: Người không vì mình, trời tru đất diệt. Quan niệm ấy thể hiện tinh thần có trách nhiệm đối với bản thân, nhắc nhở mọi người hãy biết tự chăm lo, gìn giữ bản thân mình về mọi mặt. Song, lại có người

lạm dụng quan điểm ấy là nguỵ biện cho lối sống ích kỉ của mình, bởi ích kỉ cũng là sống "vì mình". Vậy, sống "có trách nhiệm với bản thân" và sống "ích kỉ" khác nhau như thế nào?

Con người là sản phẩm hoàn hảo nhất của tạo hoá: Đó là sinh vật duy nhất trên Trái Đất biết tư duy và biết yêu thương. Con người cũng là sản phẩm hoàn hảo nhất của xã hội: đó là sự tổng hoà các mối quan hệ xã hội. Đứa con được hình thành từ tình yêu thương của cha và của mẹ, đứa con được sinh ra từ khúc ruột cắt đôi của người mẹ sau chín tháng mười ngày mang nặng, sau giây phút "vượt cạn" đớn đau tột bậc,... Với tất cả những ý nghĩa ấy, con người là thứ đẹp đẽ, tuyệt diệu nhất của sự sống. Làm bất kì điều gì có hại cho chính bản thân mình con người đều mang tội với cuộc đời: cha mẹ, họ hàng, tổ tiên,... và chính bản thân mình nữa. Lối sống có trách nhiệm với bản thân nhắc nhở mỗi người phải biết chăm lo đến sự an toàn và phát triển của cá nhân mình về mọi mặt: sức khoẻ, tri thức, nhân cách,... Biểu hiện rõ ràng nhất của lối sống ấy là biết giữ gìn sức khoẻ, làm việc – lao động có chừng mực; trau dồi đạo đức, lối sống, tri thức,...

Ích kỉ là chỉ biết mình, chỉ vì lợi ích cho riêng mình mà không biết đến người khác. Tính ích kỉ bộc lộ bản chất hẹp hòi, nhỏ mọn của kẻ tiểu nhân. Người ích kỉ có những hành động, việc làm chỉ chăm chăm nhằm mang lại lợi ích cho cá nhân mình, thậm chí bất chấp thủ đoạn giày xéo lên công bằng, đạo lí và lợi ích của người khác để có được mối lợi ấy. Đó là những kẻ trong nguy nan một mình trốn chạy bỏ mặc bạn bè, là những kẻ làm ngơ trước nỗi đau của đồng loại mà ăn chặn từng gói mì cứu trợ đồng bào lũ lụt, mà buôn bán phụ nữ, buôn bán ma tuý, hêrôin,... Gần gũi hơn trong đời sống học sinh, sự ích kỉ bộc lộ ngay trong hành vi cóp bài, gian lận khi kiểm tra thi cử. Những hành động sai trái ấy làm lợi cho một người nhưng tạo ra sự bất công đối với những nỗ lực của bao nhiêu người khác.

Rõ ràng, sống có trách nhiệm với bản thân ngược lại hoàn toàn với lối sống ích kỉ. Sống có trách nhiệm với bản thân giúp thể lực và đặc biệt giúp nhân cách cá nhân phát triển, sống hoà nhập và có ích với cộng đồng. Nhưng lối sống ích kỉ thì tách cá nhân ra khỏi cộng đồng, biến con người trở thành một ốc đảo cô độc. Mặt khác, lối sống hẹp hòi ấy còn gây hại cho đời sống xã hội. Chính bởi vậy, trong quá trình tập cho mình lối sống có trách nhiệm với bản thân, mỗi người còn cần dẹp bỏ mầm mống của tính ích kỉ trong chính con người mình.

"Trước hết cần phải sống cho mình", quan niệm ấy không sai nếu được hiểu đúng. Thật sai lầm khi cho rằng trước hết cần phải dành cho mình mọi điều tốt đẹp, "sống cho mình" nghĩa là bất chấp mọi cách thức để mang lại quyền lợi cho bản thân. Nên hiểu rằng, "sống cho mình" là sống cho sự hoàn thiện của cái tôi bản ngã. Mục tiêu đầu tiên của cuộc đời là sống để giúp bản thân mình phát triển toàn diện, đúng hướng, được xã hội thừa nhận những giá trị trong nhân cách của bản thân.

"Sống trên đời cần một tấm lòng. Để làm gì em biết không? Để gió cuốn bay đi...". Tấm lòng mà cuộc đời cần đến ấy, tấm lòng mà gió muốn cuốn bay đi để ươm mầm gieo hạt trên mảnh đất quê hương chính là sự vị tha, bác ái giữa con người... Cuộc đời cần đến những con người biết sống có trách nhiệm với bản thân, với cộng đồng; cuộc đời phủ nhận sự ích kỉ đang từng ngày từng giờ huỷ hoại những tâm hồn trẻ tuổi...

Đề 99: "Giá trị của con người không ở chân lí người đó sở hữu hoặc cho rằng mình sở hữu, mà ở chỗ gian khó chân thành người đó nhận lãnh trong khi đi tìm chân lí" (Lét–xinh). Em hiểu ý kiến trên như thế nào?

Bài làm

"Giá trị của con người không ở chân lí người đó sở hữu hoặc cho rằng mình sở hữu, mà ở chỗ gian khó chân thành người đó nhận lãnh trong khi đi tìm chân lí". Câu nói của Lét–xinh gợi cho ta nhiều suy nghĩ về những thành công và thất bại trong hành trình kiếm tìm những giá trị cao đẹp của đời sống con người.

Trong cuộc sống, con người luôn khao khát khám phá những giá trị của bản thân mình: Mình đang đứng ở đâu? Mình là ai trong mắt mọi người, trong đời sống xã hội? Xác định được vị trí, hiểu được giá trị của bản thân là nhu cầu tất yếu, chính đáng của mỗi người. Song, không phải ai cũng có được nhận thức đúng đắn về điều đó. Có những kẻ luôn ngộ nhận về khả năng của mình, họ cho rằng mình là số một, là chân lí của cuộc sống. Đó là tư tưởng của những kẻ độc tài, tự kiêu và tự phụ. Lại có người nhút nhát, sợ sệt mọi thứ, không bao giờ nghĩ rằng mình có thể làm được điều gì có ích. Đó lại là những người tự ti. Rõ ràng "Giá trị của con người không ở chân lí người đó sở hữu hoặc cho rằng mình sở hữu", tức là giá trị của con người không nằm ở những gì tốt đẹp, đúng đắn mà bản thân họ có hay họ nghĩ rằng mình có. Vậy giá trị ấy nằm ở đâu? Nó nằm ở những "gian khó chân thành người đó nhận lãnh trong khi đi tìm chân lí".

Vậy là, điều được ghi nhận trong giá trị của con người là những nỗ lực, những cố gắng trong hành trình đi tìm, vươn tới cái đẹp, cái thiện ở đời.

Tại sao vậy?

Cuộc sống là hành trình con người đi tìm mình và tự khẳng định mình. Ai cũng khao khát vươn tới cái hoàn mĩ của sự sống. Nếu con người đạt được một điều nào đó, một chân lí trong cuộc sống thì chân lí đó đã được con người chiếm lĩnh. Nhưng bất hạnh nằm ở việc chân lí cũng có tính tương đối, nó có thể đúng trong nhiều trường hợp nhưng lại sai trong một số trường hợp. Vậy nếu con người bằng lòng với chân lí mình có, dừng lại cuộc hành trình tìm kiếm vẻ đẹp cuộc sống thì khi ấy con người thất bại. Vậy kết quả của mọi công việc chưa phải là điều lớn nhất chúng ta đòi hỏi ở một con người. Quan trọng là con người ấy đã vượt khó, vượt khổ để đi tới thành công. Chính trong quá trình vượt qua những gian khó mà con người

nhận lãnh trên đường đi tìm chân lí đã giúp con người bộc lộ nhiều phẩm chất, đức tính của mình. Đó có thể là sự chăm chỉ cũng có thể là lười nhác. Đó có thể là can đảm cũng có thể là hèn nhát. Đó có thể là sáng tạo, năng động nhưng cũng có thể là thụ động, máy móc. Đó có thể là sự chân thành nhưng cũng có thể là dối trá,... Hành trình đi tìm cái đẹp là hành trình chạy đua trong một đường hầm kín. Kẻ về đích sớm nhất, ló dạng ra khỏi đường hầm sớm nhất chưa chắc đã là kẻ nhanh nhất, giỏi nhất, tốt nhất,... Chính bởi những điều ấy, giá trị đích thực của một con người phải là những "gian khó chân thành người đó nhận lãnh trong khi đi tìm chân lí ". Qua quá trình vượt qua những điều khó khăn ấy, con người bộc lộ những phẩm chất, giá trị của mình.

Trong cuộc đời này, mọi người đang cùng đứng trên một quả đất nhưng mặt đất ta đang đứng không bằng phẳng mà chỗ cao, chỗ thấp. Ấy bởi mỗi người một hoàn cảnh, một điều kiện khác nhau. Còn chân lí lại là một độ cao nhất định mà tất cả chúng ta phải vươn tới mới đạt được. Vậy thì, giá trị của mỗi người không nằm ở việc ai chạm tay vào chân lí sớm hơn mà nằm ở việc đã nhảy như thế nào từ vị trí của mình để đến được với chân lí.

Đề 100: Nhân vật Nhĩ và những suy nghĩ về cuộc đời, về con người trong truyện ngắn *Bến quê* của Nguyễn Minh Châu.

Bài làm

Nguyễn Minh Châu là một trong số ít những nhà văn khai phá và thành công với công cuộc “tìm kiếm những hạt ngọc ẩn giấu trong tâm hồn con người”. Những tác phẩm của ông giàu chất chiêm nghiệm và tính triết lí khái quát. Nhân vật trong những truyện ngắn của ông thường mang đầy tâm trạng và rất nặng lòng với cuộc đời, với con người sống quanh mình. Nhân vật Nhĩ trong truyện ngắn “Bến quê” cũng nằm trong số ấy.

“Bến quê” là một truyện ngắn được rút trong tập truyện cùng tên của Nguyễn Minh Châu. Tác phẩm được xuất bản năm 1985 tiêu biểu cho sự đổi mới về tư tưởng và nghệ thuật của tác giả. Cốt truyện “Bến quê” rất bình dị, thậm chí “bằng phẳng” nhưng lại mang hàm nghĩa triết lí sâu sắc. Tác phẩm ghi lại những gì mắt thấy tai nghe, những gì cảm nhận suy ngẫm của nhân vật Nhĩ khi nằm trên giường bệnh. Nhĩ được người vợ tần tảo chăm sóc, được các cháu hàng xóm sang giúp đỡ, được ông giáo hàng xóm hỏi han. Nhĩ nhờ cậu con trai đi sang bên kia bờ sông giúp bố...

Qua tất cả những điều đó, Nguyễn Minh Châu nói lên những suy nghĩ về con người, về cuộc đời về cách sống. Ông nhắc nhở con người phải biết nâng niu, trân trọng những vẻ đẹp bình dị của quê hương xứ sở, của nơi chôn rau cắt rốn...

Nhĩ là một người từng đi nhiều nơi trên thế giới: “suốt đời Nhĩ đã từng đi tới không sót một xó xỉnh nào trên Trái Đất”. Vậy nên, có thể hiểu rằng, trong anh luôn tràn ngập những cảnh lộng lẫy, nhộn nhịp của bao cảnh

phồn hoa, đô hội. Không chỉ thế, chẳng có vẻ đẹp nào tồn tại trên đời nay anh chưa được thưởng thức. Nhưng trớ trêu thay, anh lại một rơi vào một bi kịch của sự sống: anh bị một căn bệnh quái ác hoành hành, phải nằm liệt giường hàng tháng trời nay. Trong nghịch cảnh bi đát ấy, anh chợt phát hiện ra vẻ đẹp chốn quê hương bình dị, đẹp đẽ của mình. Nhĩ đã phát hiện ra vùng đất bên kia sông, nơi bến quê thân thuộc nghèo khó của mình lại có một vẻ đẹp bình dị mà quyến rũ. Người vợ tảo tần lam lũ, những người hàng xóm truân chuyên mộc mạc,... ở họ toát lên một vẻ đẹp cao quý đáng trân trọng của tình cảm vợ chồng, tình làng nghĩa xóm ân tình thắm thiết. Hoàn cảnh nhân vật khẽ nhắc nhở bạn đọc rằng: cuộc sống và số phận con người chứa đầy những điều bất thường, những nghịch lý, ngẫu nhiên, vượt ra ngoài những dự định và ước muốn, cả những hiểu biết và toan tính của con người.

Qua những suy nghĩ của nhân vật, Nguyễn Minh Châu còn muốn mang đến cho bạn đọc một chiêm nghiệm khác: "con người ta trên đường đời thật khó tránh khỏi những điều vòng vèo hoặc chùng chình". Ta rời xa gia đình, quê hương bản quán để lên đường mải mê tìm kiếm những điều kì vĩ đâu đâu mà để đến cuối đời hiểu ra rằng ta đã rời bỏ những điều ta hằng tìm kiếm. Chính sự giàu có lẫn một vẻ đẹp rất gần gũi như cái bãi bồi bên kia sông hay người vợ tảo tần, giàu tình yêu và đức hi sinh thì phải đến lúc này, khi sắp giã biệt cuộc đời, Nhĩ mới cảm nhận, thấm thía được.

Trong buổi sáng đầu thu, khi sắp từ giã cõi đời, Nhĩ bỗng phát hiện ra những vẻ đẹp mà trước đây, dù có điều kiện đi khắp thế giới, anh đã không thể nhận thấy được. Đó là một không gian có chiều sâu và bề rộng: từ những bông bằng lăng ngay phía ngoài cửa sổ đến con sông Hồng với màu đỏ nhạt lúc đã vào thu, vòm trời và bãi bồi bên kia sông. Đó là một cảnh đẹp chỉ có thể cảm nhận được bằng những cảm xúc tinh tế: những chùm hoa thưa thớt nhưng lại đậm sắc hơn, mặt sông Hồng như rộng thêm ra, vòm trời như cao hơn, "những tia nắng sớm đang từ từ di chuyển từ mặt nước lên những khoảng bờ bãi bên kia sông...". Những cảnh sắc ấy vốn rất quen thuộc, gần gũi nhưng lại như rất mới mẻ với Nhĩ, tưởng chừng như lần đầu tiên anh mới gặp.

Nhĩ khao khát được đặt chân lên bãi bồi bên kia sông. Điều ước muốn ấy chính là sự thức tỉnh về những giá trị bền vững, bình thường và sâu xa của cuộc sống, những giá trị thường bị người ta bỏ qua hay lãng quên khi những ham muốn xa vời đang lôi cuốn, đang lấn át. Trong hoàn cảnh của Nhĩ, đó là sự thức tỉnh xen lẫn với niềm ân hận và nỗi xót xa.

Khi miêu tả tâm lý của nhân vật Nhĩ, Nguyễn Minh Châu rất tinh tế và thấm đượm tinh thần nhân đạo. Điều đó được thể hiện ngay từ cách lựa chọn và xử lý tình huống. Trong văn học, nhiều tác giả cũng đã đặt nhân vật vào hoàn cảnh hiểm nghèo để làm nổi bật lên khát vọng sống và sức sống mạnh mẽ của con người hay về lòng nhân ái, sự hi sinh cao thượng... Nguyễn Minh Châu đã khai thác tình huống này theo một hướng khác.

Trong hoàn cảnh ngặt nghèo ấy, nhân vật suy ngẫm, tự trải nghiệm về cuộc đời với những suy nghĩ sâu sắc.

Những suy nghĩ của nhân vật Nhĩ về lẽ sống, về cuộc đời, về những con người hết sức cụ thể như người vợ, đứa con và về chính cuộc đời mình. Trong con mắt của một người sắp từ giã cõi đời, cảnh vật trước mắt bỗng đẹp và đáng yêu kỳ lạ. Hôm nay Nhĩ mới chợt phát hiện ra những vết sờn, những đường vá trên tấm áo của Liên. Và chính hình ảnh người vợ gầy guộc với bàn tay chan chứa yêu thương đã trở thành "nơi nương tựa là gia đình trong những ngày này". Sự thức nhận của Nhĩ về vẻ đẹp của bãi bồi bên kia sông được tô đậm thêm qua hình ảnh của đứa con – trong hoàn cảnh bình thường – còn mải chơi và thấy bãi bồi bên kia sông chẳng có gì hấp dẫn. Đó chính là tình yêu đối với cuộc sống đã được trải nghiệm qua một cuộc đời nhiều thăng trầm, đang trải qua những giây phút hiểm nghèo.

Ở đoạn kết truyện, tác giả đã tập trung miêu tả chân dung và cử chỉ của nhân vật với vẻ rất khác thường: "Anh cố thu nhặt hết mọi chút sức lực cuối cùng còn sót lại để đu mình nhô người ra ngoài, giơ một cánh tay gầy guộc ra phía ngoài cửa sổ khoát khoát – y như đang khẩn thiết ra hiệu cho một người nào đó". Hành động này của Nhĩ có thể hiểu là anh đang nôn nóng thúc giục cậu con trai hãy mau kẻo lỡ chuyến đò duy nhất trong ngày, thế nhưng qua suy nghĩ của Nhĩ trước đó, ta lại nhận ra một ý nghĩa khác: đó là ý muốn thức tỉnh mọi người về những cái "vòng vèo, chùng chình" để hướng tới những giá trị đích thực vốn rất giản dị, gần gũi và bền vững.

Nhân vật Nhĩ mang đến cho người đọc nhiều điều suy nghĩ về cuộc đời và số phận con người. Và với mỗi độ tuổi lại tìm được ở Nhĩ một bài học riêng cho mình. Riêng với thế hệ những người trẻ tuổi, nhờ nhân vật này chúng ta biết sống gắn bó hơn với quê hương, đất nước vẫn còn lam lũ nhưng chất phác, hồn hậu và dào dạt yêu thương của bản thân mình.

Đề 101: Trong đoạn kết của truyện ngắn *Bến quê*, nhà văn Nguyễn Minh Châu đã tập trung miêu tả chân dung và cử chỉ của nhân vật Nhĩ với vẻ rất khác thường: "Anh cố thu nhặt hết mọi chút sức lực cuối cùng còn sót lại để đu mình nhô người ra ngoài, giơ một cánh tay gầy guộc ra phía ngoài cửa sổ khoát khoát – y như đang khẩn thiết ra hiệu cho một người nào đó".

Viết đoạn văn ngắn (8 – 10 câu) nêu ý nghĩa hành động trên của nhân vật này.

Bài làm

"Bến quê" của Nguyễn Minh Châu là một truyện ngắn giàu tính chiêm nghiệm và triết lí; tư tưởng của tác phẩm được thể hiện rõ qua nhân vật chính – Nhĩ – một con người từng "đi không sót một xó xỉnh nào trên thế giới" nhưng về cuối đời lại phải nằm lặng lẽ trên chiếc giường của mình. Ở đoạn kết truyện, tác giả đã tập trung miêu tả chân dung và cử chỉ của

nhân vật với vẻ rất khác thường: "Anh cố thu nhặt hết mọi chút sức lực cuối cùng còn sót lại để đu mình nhô người ra ngoài, giơ một cánh tay gầy guộc ra phía ngoài cửa sổ khoát khoát – y như đang khẩn thiết ra hiệu cho một người nào đó". Sau những năm tháng lang thang rong ruổi nơi đất khách quê người, giờ đây, nằm lặng lẽ trong ngôi nhà đơn sơ mộc mạc của gia đình, anh chợt nhận ra vẻ đẹp của quê hương xứ sở mình – làng quê nghèo khó nằm ven con sông Nhị Hà quanh năm phù sa sóng cuộn. Khao khát được đến với cái bãi bồi bên kia sông nhưng không thể tự mình đi được, Nhĩ đã nhờ con trai mình sang sông để coi như chính mình đã đặt chân sang cái bến bờ xa lạ mà thân thuộc, gắn bó ấy. Tiếc rằng đứa con đã trót sa vào một ván cờ mà lỡ chuyến đò sang sông cuối cùng trong ngày. Hành động này của Nhĩ có thể hiểu là anh đang nôn nóng thúc giục cậu con trai hãy mau kẻo lỡ chuyến đò đặc biệt ấy. Không chỉ vậy, qua suy nghĩ của Nhĩ trước đó về cuộc đời, ta lại nhận ra một ý nghĩa khác, đó là ý muốn thức tỉnh mọi người chú ý để tránh những cái "vòng vèo, chùng chình" trong cuộc sống mà chính mình tự mắc phải. Như cậu con trai Nhĩ trên đường sang sông lại sa vào ván cờ có thể làm lỡ công việc chính. Tránh những cái "vòng vèo chùng chình" ấy trên đường đời để mỗi chúng ta hướng tới những giá trị đích thực vốn rất giản dị, gần gũi và bền vững trong cuộc đời tươi đẹp này.

Đề 102: Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về nhan đề *Bến quê* trong truyện ngắn *Bến quê* của Nguyễn Minh Châu?

Bài làm

Nhan đề "Bến quê" là một hình ảnh ẩn dụ đầy sức gợi. "Bến" là bến bờ, nơi những con thuyền ra đi và cũng là nơi chúng trở về. Nhan đề được gợi cảm hứng từ việc quê của nhân vật chính – nhân vật Nhĩ – là một vùng bãi bồi nằm bên bờ sông Hồng quanh năm sóng nước. Viết "Bến quê" để gợi đến suy tưởng: quê hương là nơi nuôi dưỡng, là nơi chuẩn bị hành trang cho những đứa con thân yêu của mình giúp chúng đi đến những nơi xa hoà mình vào biển lớn. Nhưng dù đi đến nơi đâu, quê hương vẫn là chốn neo đậu bình an, là nơi trở về của mọi con thuyền xuôi ngược. Đọc sâu vào thiên truyện, ta thấy nhân vật Nhĩ đã ý thức được những giá trị bền vững và sâu sắc của quê hương mình. Đó không chỉ là cái bãi bồi bên kia sông, là những rặng cây, con sóng... Hơn tất cả, đó là những con người giản dị và đáng trân trọng hơn hết thảy – Đó là người vợ nghèo tần tảo, là người hàng xóm già, là những đứa trẻ con hàng xóm,... Họ đang từng ngày từng giờ yêu thương và lo lắng cho anh.

Đề 103: Phân tích tình cảm cha con của ông Sáu và bé Thu trong đoạn trích tác phẩm *Chiếc lược ngà* (Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục, 2005). Từ câu chuyện, em rút ra được cho mình bài học gì?

Bài làm

"Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng là một truyện ngắn hay viết về đề tài tình phụ tử. Đọc tác phẩm, điều khiến người đọc cảm động nhất chính là tình cảm mà cha con ông Sáu và bé Thu dành cho nhau. Câu chuyện về tình cảm gia đình thiêng liêng, sâu sắc trong kháng chiến đã đọng lại trong lòng người những suy nghĩ những bài học bổ ích.

Tác phẩm ra đời năm 1966, lấy bối cảnh là cuộc kháng chiến chống Mĩ của đồng bào Nam Bộ. Chính trong hoàn cảnh bom rơi, đạn nổ, kẻ thù không chỉ chia lìa đất nước mà còn chia lìa từng gia đình ấy, tình cảm gia đình lại được thể hiện đậm nét, cảm động hơn bao giờ hết.

Ông Sáu khi đi kháng chiến có một đứa con gái đầu lòng chưa đầy một tuổi. Trong những năm tháng kháng chiến, vì cô bé còn nhỏ nên đi thăm chồng, vợ của ông không mang theo con. Bởi vậy, ông chỉ được nhìn con qua những tấm ảnh nhỏ mà thôi. Và giờ đây, khi trở về thì tình cha con ấy lại trỗi dậy trong lòng, ông cảm thấy nôn nao. Ngay lập tức, khi xuống thuyền, thấy một đứa bé chừng bảy, tám tuổi, tóc ngang vai thì ông Sáu biết ngay đó là con mình. Không chờ xuồng cập bến, ông đã nhún chân nhảy thót lên bờ, vội vàng bước những bước dài rồi kêu: "Thu! Con!". Điều đó thể hiện một tình cảm của người cha một cách tự nhiên, quá xúc động. Dường như chính lúc này đây, trái tim của người cha tội nghiệp reo lên đầy sung sướng khi sau tám năm trời mới được nhìn thấy mặt con và dường như ông cũng mong sự đáp lại tình cảm của con. Nhưng con bé lại đầy ngơ ngác, lạ lùng, không biết đó là ai. Còn ông Sáu thì vẫn đầy xúc động miệng nói không thành lời, giọng lặp bặp: "Ba đây con"! Lúc đó chính là lúc cái tình của người cha lên đến đỉnh điểm và không thể toát ra bằng lời vì ông đã quá xúc động. Việc bé Thu sợ hãi chạy ào đi như một gáo nước lạnh dội mạnh vào trái tim đang nóng bỏng của ông Sáu. Ông đứng sững lại đầy sững sờ, thảng thốt.

Những ngày sau đó, ông Sáu vẫn cố gắng để con nhận ra mình là cha. Cả ngày ông chẳng đi đâu xa, suốt ngày ở bên con, săn sóc, vỗ về con. Song càng vỗ về bao nhiêu con bé lại càng đẩy ông ra bấy nhiêu. Ông chỉ mong có một điều là được gọi mình một tiếng "ba". Chỉ một tiếng "ba" mà thôi! Nhưng chẳng có điều gì khác ở con gái ông ngoài sự thờ ơ, lạnh lùng thậm chí thù ghét. Những hành động của ông Sáu giúp đỡ con hay vỗ về nó đều bị con bé phản ứng lại. Chỉ có tình cha sâu nặng mới giúp ông kiên trì vượt qua điều đó. Đến một bữa cơm, khi ông gắp cái trứng cá to, vàng bỏ vào bát nó thì bất thần con bé hất ra, cơm văng tung toé và không kịp suy nghĩ gì ông đã đánh một cái vào mông nó. Ông Sáu hẳn đã vô cùng ân hận vì giây phút nóng nảy đó của mình.

Trong ba ngày nghỉ ngắn ngủi, ông đã ở bên con nhưng con không nhận. Giờ đây ngày chia tay bà con làng xóm ông định mang theo nỗi buồn đó. Nhưng trong lúc không ai ngờ đến đó, một tiếng kêu đã xé lòng ông: "Ba... a...a.. ba". Tiếng "Ba" đó là sự dồn nén trong Thu tám năm nay và bây giờ nó vỡ tung ra từ ngay trong sâu thẳm đáy lòng con bé. Tiếng "Ba" với nó là điều khát khao hơn mọi đứa trẻ khác vì ngay từ nhỏ nó đã không có tình yêu thương của cha. Giờ đây tiếng "Ba" vang lên đầy tự nhiên, ngỡ ngàng trong giây phút cuối cha con chia tay. Và bây giờ nó muốn có ba, nó bật khóc vì hạnh phúc, nó hôn tóc, hôn cổ và hôn với vết theo dài trên má của ba nó nữa. Hoá ra, lí do nó không nhận ba là do vết thẹo oan nghiệt đó – vết thẹo do kẻ thù của gia đình đó, của đất nước đất nước đau thương này gây ra. Nhưng vừa nhận ra thì cũng là lúc phải chia tay. Sung sướng và có lẫn sự xúc động ông ôm con và tạm biệt nhưng con bé không muốn ba phải đi. Cho đến khi ông hứa mua cho nó một chiếc lược thì nó mới để cho ba nó đi.

Ở chiến trường tuy chiến tranh đầy ác liệt nhưng ông vẫn cố công làm bằng được chiếc lược ngà. Trong khi làm, ông Sáu cảm thấy vui vui như đứa trẻ nhận được quà. Ông cố gắng làm tỉ mỉ, thận trọng cố công như người thợ bạc. Khi chiếc lược được làm xong ông cảm thấy sung sướng vì mình như đã thực hiện được phần nào lời hứa. Sau đó ông lại khắc trên sống lưng chiếc lược "Yêu nhớ tặng con Thu của ba". Hàng đêm nhớ con ông lại đem lược ra ngắm chải lên đầu cho lược thêm bóng, mượt... Trong giờ phút cuối cùng, tuy không đủ sức trăng trối, nhưng tình cha con vẫn sống và trỗi dậy trong con người ông. Ông đưa chiếc lược cho Ba – một người đồng đội thân thiết và nhìn Ba hồi lâu như trăng trối rằng: "Hãy đưa chiếc lược này đến cho Thu". Cái nhìn đó có thể nói rằng đó là cái nhìn của sự nhờ cậy, tin cậy, gửi gắm cả tâm hồn ông qua đó. Tình cha con đầy thiêng liêng, cao quý trỗi dậy ngay cả khi con người ta đang đối mặt giữa sự sống và cái chết. Khi Ba nhận lời thì ông mới nhắm mắt.

Sau này, bác Ba đã gặp Thu – giờ đây là cô gái giao liên dũng cảm và bác đã trao lại kỉ vật đó cho Thu.

Tình cảm ông Sáu dành cho con sâu nặng bao nhiêu, tình cảm Thu dành cho ba cũng nồng nàn bỏng cháy bấy nhiêu.

Cô bé không nhận ba bởi cô hiểu nhầm về vết sẹo trên mặt ba. Bức ảnh cha cô mà cô khắc ghi bấy lâu trong tâm khảm không có vết thẹo trên mặt như ông Sáu – người cứ nhận mình là cha bé! Và vì thế, Thu càng phản đối quyết liệt con người ấy bao nhiêu càng thể hiện cô bé yêu ba mình bấy nhiêu. Cái tình yêu ấy thật sâu sắc: nó chỉ có một, không thể chia sẻ cho bất kì ai khác, ngay cả khi đó là người được tất cả mọi người thừa nhận là ba của nó, là người yêu thương và quan tâm đến nó rất chân thành.

Đến lượt mình, Thu cũng đáp lại tình cảm của ba một cách cảm động. Khi biết rằng ông Sáu là ba thật của mình, và vết sẹo trên mặt ông là do thằng Mĩ gây nên, buổi sáng cuối cùng trong những ngày phép của ba "Con bé như bị bỏ rơi, lúc đứng vào góc nhà, lúc đứng tựa cửa và cứ nhìn mọi người đang

vây quanh ba nó. Vẻ mặt của nó có cái gì hơi khác, nó không bướng bỉnh hay nhăn mày cau có nữa, vẻ mặt nó sầm lại buồn rầu, cái vẻ buồn trên gương mặt ngây thơ của con bé trông rất dễ thương. Với đôi mi dài uốn cong, và như không bao giờ chớp, đôi mắt nó như to hơn, cái nhìn của nó không ngơ ngác, không lạ lùng, nó nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa." Không hiểu con bé "nghĩ ngợi sâu xa" điều gì, chỉ biết rằng khi ông Sáu buồn rầu quay lại nhìn nó – không dám lại gần sợ nó lại bỏ chạy như lần trước – nói: "Ba đi nghe con" thì nó bất ngờ lao đến thét lên: "– Ba.. a... a...ba!". Rồi ôm chặt lấy ông nức nở "Con không cho ba đi". Đến đây, người đọc mới vỡ lẽ ra rằng Thu thèm được gọi ba như thế nào. "Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng "ba" mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng "ba" như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó.". Bé Thu là đứa trẻ giàu tình cảm. Thái độ của bé Thu với ba bây giờ trái ngược trong những ngày đầu khi ông Sáu về thăm nhà. Song, trái ngược mà vẫn nhất quán. Vì quá yêu ba, quá khao khát được có ba nên khi nhận định không phải ba nó thì nó nhất định không chịu nhận, nhất định không gọi "ba" lấy một tiếng. Cho nên, khi tiếng gọi như xé kia cất lên ta thấy nó thiêng liêng vô cùng. Tiếng gọi ấy càng trở nên thiêng liêng, quý giá bởi đón chờ nó là cả tấm lòng cao đẹp, thương yêu con vô hạn của người cha.

Sau này, thấu hiểu sâu sắc nguyên nhân gây ra vết thẹo trên mặt cha, Thu đã trở thành một nữ giao liên dũng cảm, can đảm. Cô quyết tâm tiếp bước con đường cha cô đã đi để đánh đuổi kẻ thù của gia đình, kẻ thù của dân tộc.

Nguyễn Quang Sáng đã rất thành công khi xây dựng tình cảm cha con giữa ông Sáu và bé Thu. Đọc thiên truyện, người đọc hẳn đã có lần rơi lệ vì cảm động. Và còn vì thấy trong đó thấp thoáng đâu đây bóng dáng bản thân, của người cha thân yêu của mình nữa. Tình phụ tử đó chính là một trong những thứ tình cảm thiêng liêng nhất trong cõi đời này. Và bởi thế, đọc "Chiếc lược ngà" để ta trân trọng hơn những người thân yêu ruột thịt quanh mình, trân trọng hơn những tình cảm sâu sắc ta đang được nhận. Và hơn hết, đọc thiên truyện ngắn này, ta biết yêu thương, sẻ chia và sống xứng đáng với những đấng sinh thành của bản thân.

Không chỉ gợi những tình cảm trong sáng, cao quý, "Chiếc lược ngà" còn mang đến cho người đọc những bài học nhân sinh đầy nhân ái. Và vì thế, đây thực sự là một thiên truyện hay trong hành trang của những người Việt trẻ!

Đề 104: Tóm tắt cốt truyện của văn bản *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng. Phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật ông Sáu trong truyện.

Bài làm

"Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng là một truyện ngắn cảm động viết về đề tài tình phụ tử. Nhân vật ông Sáu trong tác phẩm – một người lính yêu nước, dũng cảm, một người cha yêu thương con hết mực – đã để lại trong lòng người đọc niềm xúc động sâu sắc.

"Chiếc lược ngà" được viết trong những năm tháng mà miền Nam ruột thịt đang oằn mình trong cuộc chiến tranh chống Mĩ – năm 1966. Những tác phẩm viết về đề tài tình cảm gia đình thời kì này không khiến lòng người mềm yếu đi mà ngược lại, nó tiếp thêm sức mạnh để mỗi đồng bào miền Nam cầm chắc hơn cây súng, vững hơn cây gậy để đánh đuổi giặc Mĩ vì những người thân yêu của mình. "Chiếc lược ngà" với ý nghĩa nhân văn đẹp đẽ cũng được đời sống văn học của nhân dân đón nhận nồng nhiệt.

Tác phẩm viết về tình cha con của ông Sáu và bé Thu. Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến đã lâu. Vì lửa đạn ác liệt, vợ ông đi thăm chồng không mang được con theo, ông chỉ được nhìn con qua những bức ảnh. Mãi đến khi con gái lên tám tuổi, ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Vừa về nơi, ông đã nhận ra con và sung sướng gọi nó. Bé Thu không nhận ba vì sẹo trên mặt làm ông Sáu không còn giống với người trong bức ảnh chụp mà em đã biết. Em đã đối xử với cha như người xa lạ. Ông Sáu vô cùng buồn rầu, đau khổ tìm mọi cách săn sóc con mà không được. Đến lúc Thu nhận ra ba, tình ba con thức dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải ra đi. Ở khu căn cứ, người cha dồn hết tình cảm yêu quý, nhớ thương đứa con vào việc làm chiếc lược bằng ngà voi để tặng cô con gái bé bỏng. Trong một trận càn, ông hi sinh. Trước lúc nhắm mắt ông còn kịp trao cây lược cho người bạn. Thu lớn lên trở thành một cô giao liên dũng cảm và xinh đẹp. Trong một chuyến công tác, người bạn năm xưa của ông Sáu đã gặp được Thu và trao cho cô chiếc lược ngà.

Xuyên suốt câu chuyện, ông Sáu hiện lên là một người chiến sĩ yêu nước, dũng cảm và đồng thời là một người cha yêu con tha thiết. Điều đó khiến người đọc vô cùng trân trọng và yêu mến.

Khi tham gia kháng chiến, vì sự nghiệp chung của Tổ quốc, ông Sáu đã chấp nhận hi sinh những tình cảm riêng. Để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng, dù nhớ gia đình, nhớ con cháy bỏng, ông vẫn giữ vững kỉ luật bảy tám năm không về. Khi về phép, hết ba ngày hạn, khi ấy ông đã khao khát nán lại biết bao dù chỉ một chút thôi để tận hưởng tình cảm cha con mà ông vừa mới nhận được sau bao đợi chờ, mong mỏi. Nhưng chấp hành nhiệm vụ, ông vẫn gạt đi niềm riêng để chia tay con gái. Trong những năm tháng ở chiến trường, ông đã chiến đấu dũng cảm và rồi hi sinh anh dũng.

Lòng yêu nước của ông Sáu cũng như bao người chiến sĩ khác trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Hàng ngàn hàng triệu người con đất Việt

đã bước vào chiến trường gạt đi những niềm riêng. Chiến trường vẫy gọi, Tổ quốc đang cần, họ sẵn sàng lên đường vì những cuộc đời chung trong tương lai. Đó là những cống hiến, những hi sinh vô cùng cao thượng.

Ở ông Sáu còn có một điều vô cùng đáng quý khác là tình yêu thương con tha thiết.

Suốt những năm tháng ở chiến trường, ông đã ấp ủ hình bóng của con. Có lẽ ông đã tưởng tượng từng ngày từng giờ về sự lớn lên của nó. Bởi thế, về đến nhà, không cần hỏi thăm ông đã nhận ra con mình. Tình cha con nôn nao, không chờ xuồng cập bến, ông nhảy lên bước vội những bước dài, miệng lập bập:

– Thu con!

Trái tim ông có lẽ đang run rẩy. Ông đang chờ đợi giây phút con bé lao vào lòng mình mà ôm mà hôn miệng la lên "Ba! Ba!" sung sướng... Nhưng bất hạnh thay, Thu lại sợ hãi chạy đi miệng la "Má! Má!". Ông đứng sững lại đầy sững sờ, thảng thốt.

Trong những ngày nghỉ phép, ông buồn rầu chỉ nghĩ cách gần con. Đáng thương thay cho người cha ấy. Ngày phải đi càng ngày càng gần lại mà niềm riêng trăn trở của ông vẫn chưa thỏa lòng. Ông chắc hẳn đã nghĩ đến những ngày phép ngắn ngủi mà lo lắng lắm. Vậy nên, ông tranh thủ từng giây từng phút để mà săn sóc cho nó. Khi thì chờ nó gọi "ba" nhờ ông chắt nước, khi thì chờ nó gọi "Ba vô ăn cơm", lúc lại lựa cho nó miếng trứng cá ngon vàng nhất đĩa... Nhưng mọi việc đều vô ích. Nỗi lo lắng về thời gian nghỉ phép cộng với nỗi đau vì tình thương không được đáp trả đã khiến ông trót đánh con một cái: "Sao mày ương quá vậy!". Chính cái đánh ấy đã khiến ông ân hận biết bao. Nỗi ân hận đã theo ông cả vào chiến trường sau đó.

Ngày ra đi, ông Sáu rất muốn ôm hôn con tạm biệt. Nhưng lo con bỏ chạy như lần trước, người cha tội nghiệp chỉ dám đứng từ xa mà nhắn nhủ: "Ba đi nghe con". Nhưng chính lúc ấy, bé Thu lao đến ôm chầm lấy ông: "Ba! Ba!", "Con không cho ba đi". Tiếng gọi ấy như cơn mưa mát lành trải xuống cánh rừng khô hạn. Ông Sáu đã vui sướng biết nhường nào. Chắc hẳn, ông đã muốn nán lại để ôm hôn con cho thỏa nhưng vì nhiệm vụ ông phải ra đi.

Ở khu căn cứ, ông Sáu dồn cả tình yêu thương và nhung nhớ đứa con vào việc làm cây lược ngà để tặng con. Trong khi làm, ông cảm thấy vui vui như đứa trẻ nhận được quà. Ông cố gắng làm tỉ mỉ, thận trọng cố công như người thợ bạc. Khi chiếc lược được làm xong ông cảm thấy sung sướng vì mình như đã thực hiện được phần nào lời hứa. Sau đó ông lại khắc trên sống lưng chiếc lược "Yêu nhớ tặng con Thu của ba". Hàng đêm nhớ con ông lại đem lược ra ngắm chải lên đầu cho lược thêm bóng, mượt... Chiếc lược ngà đã trở thành kỉ vật quý giá, thiêng liêng với ông Sáu, nó làm dịu nỗi ân hận chứa đựng tình cảm yêu mến nhớ thương của người cha với đứa con xa cách. Tình yêu con của ông Sáu không phải được đếm theo ngày, theo giờ mà là theo phút, theo giây. Trong giờ phút cuối cùng, tuy không đủ sức

trăng trối, nhưng tình cha con vẫn sống và trỗi dậy trong con người ông. Hành động trao lại cây lược cho người đồng đội, ông Sáu như muốn nhắn nhủ: "Hãy giúp tôi trao lại cây lược cho con gái". Tình cha nơi ông khi ấy cảm động và thiêng liêng làm sao!

Chiếc lược ngà đã trở thành biểu tượng của tình cha cảm động. Có phải vì vậy mà Nguyễn Quang Sáng đã lấy tên kỉ vật ấy đặt tên cho tác phẩm của mình?

"Chiếc lược ngà" có một cốt truyện hấp dẫn, xoay quanh tình huống bất ngờ nhưng tự nhiên hợp lí. Nghệ thuật kể chuyện, dẫn chuyện thường thoải mái tự nhiên, giọng kể chuyện thân mật, dân dã. Ngôn ngữ nhà văn sử dụng mang đậm mà sắc Nam Bộ... Những điều đó đã góp phần không nhỏ vào việc xây dựng nhân vật và thể hiện chủ đề tác phẩm.

Nhân vật ông Sáu trong truyện ngắn "Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng để lại trong lòng người đọc niềm cảm động về một người chiến sĩ – một người cha đẹp đẽ. Hình ảnh nhân vật gợi cho người đọc nhớ đến tình cảm của những người thân yêu trong gia đình để ta biết yêu, biết trân trọng hơn hạnh phúc thiêng liêng mà mình đang có được.

Đề 105: Phân tích nhân vật bé Thu trong đoạn trích truyện ngắn *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng.

Bài làm

Tình cảm gia đình là một đề tài quan trọng của văn học Việt Nam thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Khai thác mảng đề tài này, Nguyễn Quang Sáng đã có một số tác phẩm đặc sắc như "Chiếc lược ngà", "Bông cẩm thạch",... Trong đó, "Chiếc lược ngà" tạo được nhiều ấn tượng hơn cả. Một trong những yếu tố làm nên thành công của tác phẩm là nhà văn đã xây dựng thành công nhân vật chính – nhân vật bé Thu – một cô bé cá tính, đáng yêu và có tình yêu ba tha thiết.

"Chiếc lược ngà" ra đời năm 1966 rồi được đưa vào tập truyện cùng tên (*Chiếc lược ngà*) của Nguyễn Quang Sáng. Câu chuyện được xây dựng trên một tình huống hiểu lầm tạo nhiều bất ngờ cảm động: Anh Sáu đi kháng chiến chống Pháp từ khi đứa con duy nhất của anh cha đầy một tuổi. Từ đó hai ba con chưa hề gặp lại nhau, cho đến khi kháng chiến kết thúc, anh trở về, đứa con gái tám tuổi không chịu nhận ba. Trong ba ngày ở nhà, bằng đủ mọi cách mà con bé vẫn không chịu gọi lấy một tiếng *ba*. Đến lúc phải ra đi nhận nhiệm vụ mới, bé Thu mới gọi anh bằng *ba*. Thật bất ngờ. Thì ra, nó không chịu nhận ba là vì vết thẹo trên má đã khiến anh không còn giống như trong bức ảnh chụp ngày cưới. Con bé chỉ gọi ba khi bà ngoại giải thích cho nó rõ điều này. Giây phút anh nghe được tiếng gọi mà anh chờ đợi đã bao năm ấy cũng là lúc cha con xa nhau. Anh Sáu hứa sẽ mang về tặng con một cây lược. Những ngày chiến đấu trong rừng, anh Sáu cặm cụi làm chiếc lược bằng ngà cho con gái. Chiếc lược đã làm xong nhưng chưa kịp trao cho con gái thì anh hi sinh.

Nhân vật cô bé tám tuổi ấy là Thu, mới có tám tuổi nhưng cô đã bướng bỉnh, gan góc và rất có cá tính. Trong tâm hồn trẻ thơ của bé Thu, chỉ có duy nhất hình ảnh một người ba mà nó biết qua bức ảnh chụp với má ngày cưới. Nó nhất quyết không chịu nhận ông Sáu là ba dù cả nhà – trong đó có bà nội – thừa nhận điều đó. Họ đón ông với tất cả tấm lòng chân thành, yêu thương của con người Nam Bộ. Chẳng những thế, ông còn vô cùng xúc động khi gặp nó. Nhưng bỏ qua tất cả, Thu vẫn hét lên sợ hãi khi ông Sáu lập cập đến với nó và lắp bắp gọi: "Thu! Ba đây con...". Có điều đó bởi Thu thấy ba nó trong bức ảnh không hề có vết thẹo trên má còn người cứ gọi nó là con, bắt nó gọi bằng ba bây giờ lại có vết thẹo dài trên má.

Không chỉ vậy, qua nhiều chi tiết miêu tả hành động của bé Thu Nguyễn Quang Sáng vừa thể hiện được tính cách đặc biệt của cô bé vừa tỏ ra rất am hiểu tâm lí trẻ thơ. Khi mẹ yêu cầu "mời ba vô ăn cơm", Thu gọi "trổng" "vô ăn cơm". Nồi cơm sôi, không tự chắt được con bé nhất quyết không chịu gọi ba để được giúp đỡ. Nó tìm mọi cách chắt nước không cần nhờ vả. Đặc biệt, tính cách rắn rỏi, ngang bướng vô cùng trẻ con của Thu được thể hiện qua chi tiết bé hất đổ cả chén cơm khi anh Sáu gắp cho nó cái trứng cá. Bị ba đánh, tưởng đâu "con bé sẽ lăn ra khóc, sẽ giẫy sẽ đạp đổ cả mâm cơm, hoặc sẽ chạy vụt đi. Nhưng không, nó ngồi im, đầu cúi gằm xuống. Nghĩ thế nào nó cầm đũa, gắp lại cái trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm.". Đành rằng trẻ con chỉ tin vào những gì chúng thấy, đành rằng bé Thu không thể biết được sự ác nghiệt của bom đạn là thế nào, và nó có cách suy nghĩ theo kiểu trẻ con của nó, nhưng phải thừa nhận rằng cô bé này có một cá tính mạnh mẽ. Sự bướng bỉnh, gan góc đến kì lạ của bé Thu đã trở thành tiền đề để sau này trở thành lòng dũng cảm, sự lanh lợi của cô giao liên Thu.

Nhưng nếu chỉ dừng lại ở đó, Thu cùng "Chiếc lược ngà" sẽ nằm lẫn vào vô vàn tác phẩm khác viết cho thiếu nhi. Điều khiến nhân vật cùng tác phẩm đi xa hơn trong lòng người đọc là ở chỗ bé Thu có một tình yêu ba nồng nàn, tha thiết.

Cô bé không nhận ba bởi cô hiểu nhầm về vết sẹo trên mặt ba. Cô đã nghĩ rằng "người ta" mang đến cho mình một người "ba giả"! Và vì thế, Thu càng phản đối quyết liệt người "ba giả" ấy bao nhiêu càng thể hiện cô bé yêu ba mình bấy nhiêu. Cái tình yêu ấy thật sâu sắc: nó chỉ có một, không thể chia sẻ cho bất kì ai khác, ngay cả khi đó là người được tất cả mọi người thừa nhận là ba của nó, là người yêu thương và quan tâm đến nó rất chân thành.

Khi biết rằng ông Sáu là ba thật của mình, và vết sẹo trên mặt ông là do thằng Mĩ gây nên, buổi sáng cuối cùng trong những ngày phép của ba *"Con bé như bị bỏ rơi, lúc đứng vào góc nhà, lúc đứng tựa cửa và cứ nhìn mọi người đang vây quanh ba nó. Vẻ mặt của nó có cái gì hơi khác, nó không bướng bỉnh hay nhăn mày cau có nữa, vẻ mặt nó sầm lại buồn rầu, cái vẻ buồn trên gương mặt ngây thơ của con bé trông rất dễ thương. Với*

đôi mi dài uốn cong, và như không bao giờ chớp, đôi mắt nó như to hơn, cái nhìn của nó không ngơ ngác, không lạ lùng, nó nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa." Không hiểu con bé "nghĩ ngợi sâu xa" điều gì, chỉ biết rằng khi ông Sáu buồn rầu quay lại nhìn nó – không dám lại gần sợ nó lại bỏ chạy như lần trước – nói: "Ba đi nghe con" thì nó bất ngờ lao đến thét lên: "– Ba.. a... a...ba!". Rồi ôm chặt lấy ông nức nở "Con không cho ba đi". Đến đây, người đọc mới vỡ lẽ ra rằng Thu thèm được gọi ba như thế nào. "Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng "ba" mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng "ba" như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó.". Bé Thu là đứa trẻ giàu tình cảm. Thái độ của bé Thu với ba bây giờ trái ngược trong những ngày đầu khi ông Sáu về thăm nhà. Song, trái ngược mà vẫn nhất quán. Vì quá yêu ba, quá khao khát được có ba nên khi nhận định không phải ba nó thì nó nhất định không chịu nhận, nhất định không gọi "ba" lấy một tiếng. Cho nên, khi tiếng gọi như xé kia cất lên ta thấy nó thiêng liêng vô cùng. Tiếng gọi ấy càng trở nên thiêng liêng, quý giá bởi đón chờ nó là cả tấm lòng cao đẹp, thương yêu con vô hạn của người cha.

Trong quá trình thể hiện diễn biến tâm lí nhân vật bé Thu có một chi tiết vô cùng quan trọng: chi tiết cái thẹo. Chính cái thẹo là nguyên nhân gây ra những hiểu lầm trong tình cảm của cha con mà Thu dành cho ba. Cái thẹo là vết thương mà giặc Mĩ gây ra cho ba Thu. Sự chia cắt gia đình không chỉ riêng gia đình bé Thu mà còn hàng triệu gia đình người Việt cũng là do giặc Mĩ gây ra. Thấu hiểu sâu sắc điều đó, sau này, Thu đã trở thành một nữ giao liên dũng cảm, can đảm. Cô đã quyết tâm tiếp bước con đường cha cô đã đi để đánh đuổi kẻ thù của gia đình, kẻ thù của dân tộc.

Xây dựng nhân vật bé Thu – một cô bé bướng bỉnh, cá tính nhưng có tình cảm yêu ba tha thiết cảm động – Nguyễn Quang Sáng đã tỏ ra rất am hiểu tâm lí trẻ thơ bởi vậy nhà văn đã tạo nên được một nhân vật trẻ thơ thực sự sống động gây nhiều niềm xúc động sâu xa trong lòng người đọc. Bên cạnh đó, tác phẩm đã tạo nên một tình huống hiểu lầm độc đáo mà chi tiết quan trọng nhất là chi tiết cái thẹo. Chi tiết này có giá trị giống như một "cái bóng" trong "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ hay "chiếc lá cuối cùng" trong truyện ngắn cùng tên của O.Hen–ri,...

Nhân vật bé Thu trong "Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng đã để lại trong lòng người đọc những ấn tượng sâu sắc bởi một tính cách đặc biệt khó có thể nhầm lẫn. Nhân vật này đã góp phần tạo nên giá trị nhân văn sâu sắc cho tác phẩm. Và vì vậy, cùng với tác phẩm, nhân vật bé Thu đã giành được một vị trí riêng trong lòng độc giả yêu truyện ngắn Việt Nam.

Đề 106: Phân tích tình cảm của cha con ông Sáu dành cho nhau trong truyện ngắn *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng. Qua đó, em có suy nghĩ gì về đời sống tình cảm của những gia đình Việt Nam trong chiến tranh?

Bài làm

Trong những năm tháng khốc liệt của cuộc chiến tranh chống Mĩ đầy gian khổ, gương mặt người tưởng chỉ còn ám đầy bụi đường và khói thuốc súng. Nhưng không, ở đó vẫn luôn ánh lên ngọn lửa của yêu thương ấm áp. Con người Việt Nam như nhà thơ Tố Hữu từng ngợi ca: "...những con người Việt Nam đẹp nhất / Biết căm thù và cũng biết yêu thương".

Và một trong những tình cảm yêu thương thiêng liêng nhất là tình phụ tử. Viết về đề tài này, Nguyễn Quang Sáng đã có một "Chiếc lược ngà" thật cảm động. Tình cảm của cha con ông Sáu dành cho nhau trong truyện ngắn này đã giúp người đọc hiểu thêm nhiều điều quý bàu về đời sống tình cảm của những gia đình Việt Nam trong chiến tranh.

Tác phẩm ra đời năm 1966, lấy bối cảnh là cuộc kháng chiến chống Mĩ của đồng bào Nam Bộ. Khi đi kháng chiến, ông Sáu có một đứa con gái đầu lòng chưa đầy một tuổi. Chiến trường ác liệt, ông chỉ được nhìn con qua những tấm ảnh nhỏ mà thôi. Tình cảm của ông dành cho con dồn nén, ấp ủ bấy nhiêu năm chỉ chờ dịp là bùng lên mạnh mẽ. Và giờ đây, khi trở về, vừa xuống thuyền, thấy một đứa bé chừng bảy, tám tuổi, tóc ngang vai thì ông Sáu biết ngay đó là con mình. Chưa chờ xuồng cập bến, ông đã nhún chân nhảy thót lên bờ, vội vàng bước những bước dài rồi kêu: "Thu! Con!". Dường như chính lúc này đây, trái tim của người cha tội nghiệp reo lên đầy sung sướng và ông khao khát sự đáp lại nồng nàn của con: nó cũng sẽ lao đến ôm ông và la lên "Ba! Ba!" chẳng hạn...! Nhưng con bé lại đầy ngơ ngác, lạ lùng, không biết đó là ai. Còn ông Sáu thì vẫn đầy xúc động miệng nói không thành lời, giọng lặp bặp: "Ba đây con"! Lúc đó chính là lúc cái tình của người cha lên đến đỉnh điểm và không thể toát ra bằng lời vì ông đã quá xúc động. Việc bé Thu sợ hãi chạy ào đi như một gáo nước lạnh dội mạnh vào trái tim đang nóng bỏng của ông Sáu. Ông đứng sững lại đầy sững sờ, thảng thốt.

Những ngày sau đó, ông Sáu vẫn cố gắng để con nhận ra mình là cha. Cả ngày ông chẳng đi đâu xa, suốt ngày ở bên con, săn sóc, vỗ về con. Song càng vỗ về bao nhiêu con bé lại càng đẩy ông ra bấy nhiêu. Ông chỉ mong có một điều là được gọi mình một tiếng "Ba". Chỉ một tiếng "Ba" mà thôi! Nhưng chẳng có điều gì khác ở con gái ông ngoài sự thờ ơ, lạnh lùng thậm chí là thù ghét. Những hành động của ông Sáu giúp đỡ con hay vỗ về nó đều bị con bé phản ứng lại. Chỉ có tình cha sâu nặng mới giúp ông kiên trì vượt qua điều đó. Đến một bữa cơm, khi ông gắp trứng cá to, vàng bỏ vào bát nó thì bất thần con bé hất ra, cơm văng tung toé và không kịp suy nghĩ gì ông đã đánh một cái vào mông nó. Ông Sáu hẳn đã vô cùng ân hận vì giây phút nóng nảy đó của mình.

Trong ba ngày nghỉ ngắn ngủi, ông đã ở bên con nhưng con không nhận. Giờ đây ngày chia tay bà con làng xóm ông định mang theo nỗi buồn đó. Nhưng trong lúc không ai ngờ đến đó, một tiếng kêu đã xé lòng ông: "Ba... a...a... ba". Tiếng "Ba" đó là sự dồn nén trong Thu tám năm nay và bây giờ nó vỡ tung ra từ ngay trong sâu thẳm đáy lòng con bé. Tiếng "Ba" với nó là điều khát khao hơn mọi đứa trẻ khác vì ngay từ nhỏ nó đã không có tình yêu thương của cha. Giờ đây tiếng "Ba" vang lên đầy tự nhiên, ngỡ ngàng trong giây phút cuối cha con chia tay. Và bây giờ nó muốn có ba, nó bật khóc vì hạnh phúc, nó hôn tóc, hôn cổ và hôn với vết thẹo dài trên má của ba nó nữa. Hoá ra, lí do nó không nhận ba là do vết thẹo oan nghiệt đó – vết thẹo do kẻ thù của gia đình nó, của đất nước đau thương này gây ra. Nhưng vừa nhận ra thì cũng là lúc phải chia tay. Sung sướng xen lẫn xúc động, ông ôm con và tạm biệt nhưng con bé không muốn ba phải đi. Cho đến khi ông hứa mua cho nó một chiếc lược thì nó mới để cho ba nó đi.

Ở chiến trường tuy chiến tranh đầy ác liệt nhưng ông vẫn cố công làm bằng được chiếc lược ngà. Trong khi làm, ông Sáu cảm thấy vui vui như đứa trẻ nhận được quà. Ông cố gắng làm tỉ mỉ, thận trọng cố công như người thợ bạc. Khi chiếc lược được làm xong ông cảm thấy sung sướng vì mình như đã thực hiện được phần nào lời hứa. Sau đó ông lại khắc trên sống lưng chiếc lược "Yêu nhớ tặng con Thu của ba". Hàng đêm nhớ con ông lại đem lược ra ngắm chải lên đầu cho lược thêm bóng, mượt... Trong giờ phút cuối cùng, tuy không đủ sức trăng trối, nhưng tình cha con vẫn sống và trỗi dậy trong con người ông. Ông đưa chiếc lược cho Ba – một người đồng đội thân thiết và nhìn Ba hồi lâu như trăng trối rằng: "Hãy đưa chiếc lược này đến cho Thu". Cái nhìn đó có thể nói rằng đó là cái nhìn của sự nhờ cậy, tin cậy, gửi gắm cả tâm hồn ông qua đó. Tình cha con đầy thiêng liêng, cao quý trỗi dậy ngay cả khi con người ta đang đối mặt giữa sự sống và cái chết. Khi Ba nhận lời thì ông mới nhắm mắt.

Sau này, bác Ba đã gặp Thu – giờ đây là cô gái giao liên đầy dũng cảm và bác đã trao lại kỉ vật đó cho Thu.

Tình cảm ông Sáu dành cho con sâu nặng bao nhiêu, tình cảm Thu dành cho ba cũng nồng nàn bùng cháy bấy nhiêu.

Cô bé không nhận ba bởi cô hiểu nhầm về vết thẹo trên mặt ba. Bức ảnh cha cô mà cô khắc ghi bấy lâu trong tâm khảm không có vết thẹo trên mặt như ông Sáu – người cứ nhận mình là cha bé! Và vì thế, Thu càng phản đối quyết liệt con người ấy bao nhiêu càng thể hiện cô bé yêu ba mình bấy nhiêu. Cái tình yêu ấy thật sâu sắc: nó chỉ có một, không thể chia sẻ cho bất kì ai khác, ngay cả khi đó là người được tất cả mọi người thừa nhận là ba của nó, là người yêu thương và quan tâm đến nó rất chân thành.

Đến lượt mình, Thu cũng đáp lại tình cảm của ba một cách cảm động. Khi biết rằng ông Sáu là ba thật của mình, và vết thẹo trên mặt ông là do thằng Mĩ gây nên, buổi sáng cuối cùng trong những ngày phép của ba *"con bé như bị bỏ rơi, lúc đứng vào góc nhà, lúc đứng tựa cửa và cứ nhìn mọi người đang*

vây quanh ba nó. Vẻ mặt của nó có cái gì hơi khác, nó không bướng bỉnh hay nhăn mày cau có nữa, vẻ mặt nó sầm lại buồn rầu, cái vẻ buồn trên gương mặt ngây thơ của con bé trông rất dễ thương. Với đôi mi dài uốn cong, và như không bao giờ chớp, đôi mắt nó như to hơn, cái nhìn của nó không ngơ ngác, không lạ lùng, nó nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa." Không hiểu con bé "nghĩ ngợi sâu xa" điều gì, chỉ biết rằng khi ông Sáu buồn rầu quay lại nhìn nó – không dám lại gần sợ nó lại bỏ chạy như lần trước – nói: "Ba đi nghe con" thì nó bất ngờ lao đến thét lên: "– Ba.. a... a...ba!". Rồi ôm chặt lấy ông nức nở "Con không cho ba đi". Đến đây, người đọc mới vỡ lẽ ra rằng Thu thèm được gọi ba như thế nào. "Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng "ba" mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng "ba" như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó.". Bé Thu là đứa trẻ giàu tình cảm. Thái độ của bé Thu với ba bây giờ trái ngược trong những ngày đầu khi ông Sáu về thăm nhà. Song, trái ngược mà vẫn nhất quán. Vì quá yêu ba, quá khao khát được có ba nên khi nhận định không phải ba nó thì nó nhất định không chịu nhận, nhất định không gọi "ba" lấy một tiếng. Cho nên, khi tiếng gọi như xé kia cất lên ta thấy nó thiêng liêng vô cùng. Tiếng gọi ấy càng trở nên thiêng liêng, quý giá bởi đón chờ nó là cả tấm lòng cao đẹp, thương yêu con vô hạn của người cha.

Sau này, thấu hiểu sâu sắc nguyên nhân gây ra vết thẹo trên mặt cha, Thu đã trở thành một nữ giao liên dũng cảm, can đảm. Cô quyết tâm tiếp bước con đường cha cô đã đi để đánh đuổi kẻ thù của gia đình, kẻ thù của dân tộc

Viết "Chiếc lược ngà", Nguyễn Quang Sáng đã không chỉ thành công khi thể hiện tình cảm cha con sâu sắc của những nhân vật trong tác phẩm. Truyện ngắn này còn giúp độc giả hiểu thêm về đời sống tình cảm của những gia đình Việt Nam trong kháng chiến.

Chiến tranh đã chia lìa hầu như tất cả những gia đình người Việt: người miền Bắc có con em vào Nam đánh Mĩ, người miền Nam có chồng con ra trận... Và vì thế, thời gian họ gặp gỡ nhau được tính bằng đơn vị là số lần trong một năm thậm chí là hàng chục năm. Nhưng không vì thế mà tình cảm nhạt phai, họ không bị thời gian làm cho "xa mặt cách lòng". Ngược lại, thời gian như lửa thử những tấm lòng vàng để sương khói qua đi chỉ còn những tấm lòng trung trinh son sắt. Sau bao nhiêu năm, tình cảm vợ chồng của ông Sáu vẫn mặn mà, lưu luyến. Đặc biệt, tình cảm cha con của ông nồng nàn, bỏng cháy. Bé Thu luôn ghi sâu vào tâm hồn thơ ngây bé bỏng của mình hình ảnh người cha trong tấm ảnh nhỏ nên kiên quyết gạt bỏ người "cha giả" mà cả gia đình, làng xóm thừa nhận cũng là người yêu thương chăm chút cho nó. Ông Sáu hẳn cũng luôn nghĩ về con, tưởng tượng về con thế nên sau gần chục năm không gặp lại vừa nhìn thấy bé Thu đã nhận ngay ra đó là con mình. Đặc biệt, giây phút hai cha con ôm siết lấy nhau lần cuối trong đời hẳn khiến không ít người rơi lệ... Tình cảm gia đình là vậy. Đó là sợi dây thiêng liêng mỏng manh mà bền chặt. Bom đạn

chiến trường có thể phá vỡ những toà nhà, huỷ diệt những thành phố; gian khổ có thể hành hạ, có thể bào mòn từng tế bào, từng mạch máu nhưng chúng không thể phá huỷ dù chỉ là xây xước sợi dây long lanh kì diệu kia.

Đời sống tình cảm những gia đình Việt Nam trong chiến tranh phải chịu nhiều thử thách, hiểm nguy nhưng vẫn ấm áp, nồng nàn và cảm động. Điều đó khiến người đọc biết phải nâng niu hơn hạnh phúc gia đình mình đang có...

"Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng đi vào lòng người trước hết không phải vì những biện pháp nghệ thuật đặc sắc, tinh tế mà bởi sự giản dị, mộc mạc và rất chân thật, tự nhiên của tình phụ tử. Cảm nhận sâu sắc tư tưởng của thiên truyện, ta đã hiểu thêm những điều thiêng liêng, cảm động trong đời sống tình cảm của những gia đình Việt Nam trong chiến tranh hiểm nguy và gian khổ.

Đề 107: Nét đẹp chuyển thu trong bài thơ *Sang thu* của Hữu Thỉnh.

Bài làm

Khoảnh khắc giao mùa giữa "Nàng Hạ" và "Nàng Thu" có lẽ là khoảnh khắc lạ lùng, xốn xang nhất của tự nhiên. Và bởi thế, nó gieo vào lòng người những xôn xao rung động khiến ta cũng như giao hoà, đồng điệu. Những nét đẹp tinh tế, êm ái ấy thơ ca nào mà cưỡng lại được! Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Hàn Mặc Tử,... từng có bao áng thơ rung rinh về thời khắc đặc biệt ấy. Và Hữu Thỉnh cũng nhè nhẹ góp "một chút này" cho thi đề giao mùa: bài thơ "Sang thu".

Nét đẹp chuyển thu của bài thơ là vẻ đẹp tinh tế, dịu dàng. Mở đầu bài thơ là sự chuyển động rất tinh vi của sự sống khi hạ dần qua và thu đang đến. Không như những nhà thơ khác cảm nhận màu thu qua sắc vàng của hoa cúc, của lá ngô đồng hay qua tiếng lá khô xào xạc:

"Ô hay! Buồn vương cây ngô đồng
Vàng rơi... vàng rơi... Thu mênh mông"

(Bích Khê)

"Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô"

(Lưu Trọng Lư),...

Cũng không day dứt, run rẩy như những câu thơ Xuân Diệu:

"Những luồng run rẩy rung rinh lá
Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh",...

Hữu Thỉnh đón nhận mùa thu từ những dấu hiệu đời thường, gần gũi:

Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se

Giữa những âm thanh, màu sắc và hương vị đặc trưng của mùa thu đang lan toả, chỉ có "hương ổi" làm nhà thơ bất chợt xao lòng. Đó là thứ hương vị

thật dễ dàng để nhận ra ở chốn làng quê thôn dã. Nhưng có phải bởi quen thuộc quá nên đôi khi ta lãng đãng bỏ quên? Để đến khi nhận ra hết thảy chúng ta đều không khỏi bất ngờ: "Bỗng nhận ra hương ổi". "Hương ổi" không chỉ lan toả mà còn vận động rất mạnh trong không gian: "phả vào trong gió se" như muốn quyện vào để giao hòa với gió. Có lẽ đó là sức sống dạt dào mà Hạ muốn tặng cho Thu chăng? Cơn gió se cũng là hình ảnh rất giản dị, quen thuộc. Đó là chút gió heo may se se lành lạnh mỗi độ đầu thu rất đặc trưng của miền Bắc Việt Nam. Trước Cách mạng, Xuân Diệu từng bị ám ảnh khôn nguôi bởi những làn gió ấy:

"Đã nghe rét mướt luồn trong gió"
"Những luồng run rẩy rung rinh lá",...

Có điều đó có lẽ bởi nhà thơ của những cảm xúc cảm giác đang độ tuổi thanh xuân rạo rực đang khao khát uống trọn những rung động thiên nhiên. Hữu Thỉnh thì khác, không chỉ bởi đây là khoảng khắc đầu thu dìu dịu mà còn bởi tuổi tác đã vững vàng, ông có đủ cái "tĩnh" để lặng lẽ quan sát những chuyển động của tự nhiên. Và như thế, "Sang thu" sẽ còn mang vẻ đẹp của một tâm hồn nhạy cảm mà điềm đạm, sâu sắc.

Màn sương thu hình như cũng muốn tận hưởng trọn vẹn hương thơm ngọt ngào và cái lạnh tinh vi đó mà "chùng chình" chưa muốn tan đi

Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về

Không gian có sự hoà hợp giữa hương ổi dịu dàng, gió thu nhẹ nhẹ và sương thu mơ màng tạo nên một ấn tượng đặc biệt mà ta khó lòng quên được. "Chùng chình" là sự cố ý muốn làm chậm lại, rung rinh, lay động (sự rung rinh lay động của làn sương hay là sự rung động trong tâm hồn nhà thơ Hữu Thỉnh?). Vạn vật trong thời khắc chuyển mùa vì thế càng trở nên duyên dáng, nhịp nhàng. Cảm quan tinh tế của nhà thơ đã phát hiện ra vẻ đẹp rất riêng, rất duyên đó để rồi xao xuyến: "Hình như thu đã về". Lời reo vui cũng thì thầm nhỏ nhẹ, bâng khuâng vang lên trong lòng Hữu Thỉnh như bước đi của mùa thu.

Sau giây phút ngỡ ngàng và khe khẽ mừng vui, tác giả lấy lại được cái điềm đạm vốn có để tiếp tục ngắm nhìn thiên nhiên đất trời:

Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu".

"Thu đã về" để sông không phải lo cuồn cuộn cuốn đi con lũ mùa hạ mà "được lúc" nghỉ ngơi "dềnh dàng". Nhưng đàn chim cũng vì thế mà "bắt đầu" lo cho cái rét đang đến gần mà "vội vã" bay đi. Hai câu thơ đối nhau rất nhịp nhàng cân đối đồng thời dựng lên hai hình ảnh đối lập nhau: Sông dưới mặt đất, chim ở trên trời; sông "dềnh dàng" chậm rãi, chim "vội vã" lo lắng,... Hai hình ảnh xinh xắn đó được đặt cạnh nhau để khái quát không

gian mặt đất và bầu trời. Đọc đến đây, ta nhớ đến hai câu thơ của Huy Cận cũng có sức bao quát như thế:

"Lớp lớp mây cao đùn núi bạc
Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa."

Nhưng hai câu thơ của nhà thơ "Tràng giang" gợi nỗi rợn ngợp, bơ vơ thoáng chút thảng thốt, hãi hùng: mây liên tiếp nở bung ra "đùn núi bạc" như muốn phủ lấp tất thảy, cánh chim cô đơn mỏng manh như đang sa xuống mặt đất cùng ráng chiều. Còn ở đây, trong câu thơ Hữu Thỉnh, mặt đất êm đềm như dòng sông đang lắng mình suy tư; bầu trời cũng như nhỏ lại, ấm áp hơn theo nhịp vận động "vội vàng" của cánh chim chăm chỉ. Huống chi, trên nền trời ấy còn có hình ảnh một "đám mây mùa hạ / Vắt nửa mình sang thu" diệu kì như chiếc cầu vồng rực rỡ sắc màu. Hình ảnh ấy khiến lòng ta rung động, không phải là "lớp lớp mây cao đùn núi bạc" hay "mây biếc về đâu bay gấp gấp" mà lại là "đám mây mùa hạ, vắt nửa mình sang thu". Có thể là một đám, hai đám hay nhiều hơn nữa nhưng có lẽ trong *Sang thu* mây không thể nào "lớp lớp mây cao" được. Vì mùa thu mới bắt đầu chưa thể nhuốm đượm lên "lớp lớp" sự vật được. Hình ảnh đám mây là một phát hiện rất mới lạ và độc đáo của Hữu Thỉnh. Bức tranh chuyển mùa vì thế càng trở nên sinh động, giàu sắc gợi cảm.

Không chỉ cảnh vật mà cả những dấu hiệu của thiên nhiên thời tiết cũng đang ngả dần sang mùa thu dịu mát:

Vẫn còn bao nhiêu nắng
Đã vơi dần trong mưa
Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi.

Nắng, mưa, sấm đã là của cuối mùa nắng lửa. Ánh nắng chói chang ngày nào nay đã "vơi dần trong mưa" trở nên mát mẻ, dễ chịu hơn nhiều. Hai câu thơ cuối cùng gợi cho ta nhiều suy nghĩ, liên tưởng thú vị.

Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi

Câu thơ không đơn thuần chỉ là giọng kể, là sự cảm nhận mà còn là sự suy nghĩ chiêm nghiệm về đời người. Nhìn cảnh vật biến chuyển khi thu mới bắt đầu, Hữu Thỉnh nghĩ đến cuộc đời khi đã "đứng tuổi". Phải chăng mùa thu của đời người là sự khép lại những tháng ngày sôi nổi với những bất thường của tuổi trẻ và mở ra một mùa mới, một không gian mới, yên tĩnh, trầm lắng hơn. Hai hình ảnh "sấm" và "hàng cây đứng tuổi" vừa có ý nghĩa tả thực vừa có ý nghĩa tượng trưng cho thấy một Hữu Thỉnh rất đỗi tinh tế, nhạy bén trong cảm nhận và liên tưởng. Thu không đánh thức ta bằng những âm thanh vang động, màu sắc lộng lẫy, hương vị ngạt ngào mà gieo vào lòng ta những thoáng xao động, mơ màng, gợi trong ta những suy nghĩ sâu xa về cuộc sống. Có lẽ vì thế mà thơ thu, trong đó có *Sang thu* của Hữu Thỉnh rất giàu ý nghĩa.

Thời khắc "Sang thu" trong bài thơ của Hữu Thỉnh mang một vẻ đẹp tinh tế, trong sáng và dịu nhẹ. Đó là mùa thu của những rung động hồn nhiên, giản dị trong tâm hồn một người thơ đã "đứng tuổi". Và cũng bởi vậy, bài thơ không chỉ đẹp bởi những hình ảnh thơ xinh xắn, đáng yêu mà còn bởi một tâm hồn nhạy cảm, giàu chất suy tư và rất đỗi nhân hậu với cuộc đời.

Đề 108: Phân tích khổ thơ đầu tiên trong bài thơ *Sang thu* của Hữu Thỉnh.

Bài làm

"Sang thu" là một áng thơ xinh xắn dâng tặng Nàng Thu của một thi nhân – một thi nhân yêu quý mùa thu như bao thi nhân khác – Hữu Thỉnh. Bài thơ có khổ thơ mở đầu thật hay:

"Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về".

Những câu thơ mở đầu bài thơ giản dị đến bất ngờ:

"Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se".

"Bỗng" là bỗng nhiên, là bất ngờ, bất chợt. Đặt chữ "bỗng" ở đầu khổ thơ, đầu bài thơ để tất cả giác quan của ta được đánh động, phải giật mình mà chú ý đón nhận mọi biến đổi của đất trời. Biến đổi đầu tiên thu hút sự chú ý của nhà thơ là mùi hương nồng nàn của trái ổi chín thơm lừng. Ổi đã bắt đầu ủ mình để chín tự bao giờ và cũng lặng lẽ toả hương tự bao giờ nhưng vào khoảnh khắc này hương ổi mới đủ nồng nàn đánh thức giác quan của thi nhân. Hương thơm ấy rất mạnh, rất nồng nàn, ngào ngạt có vậy mới "phả vào trong gió se". Ổi phải chín đến nhường nào, thơm ngon đến nhường nào hương thơm của nó mới đủ mạnh để tạo ra một sự lan toả như vậy trong không gian. Thứ hương thơm ấy lại lan toả trong làn gió se nhè nhẹ ren rét. "Gió se" là gió heo may, chúng đến với nhân gian vào mỗi dịp đầu thu làm tê tê, gai gai những cánh tay trần mềm mại. Trước Cách mạng, Xuân Diệu đã từng mang gió se đến cho người đọc với những thoáng rùng mình ớn lạnh: "Những luồng run rẩy rung rinh lá". Nhưng câu thơ của Hữu Thỉnh lại dắt mùa thu đến bên ta êm ái, dịu dàng biết bao. Viết về những làn sương mùa thu, nhà thơ cũng có cách viết thật duyên dáng: "Sương chùng chình qua ngõ". "Chùng chình" là cố ý làm chậm lại. Thủ pháp nhân hoá đã biến sương thành những cô bé, cậu bé nghịch ngợm đung đưa náu mình trong ngõ xóm, chùng chình chẳng muốn tan đi.

Làng quê yêu mến dìu bước chân thi nhân đi từ hương ổi đến gió se... Rồi khi lạc giữa làn mây sớm chùng chình thì nhà thơ không nén nổi niềm xúc động, ông khe khẽ thì thầm: "Hình như thu đã về". Từ "hình như" diễn

tả tâm trạng ngỡ ngàng băn khoăn rất tinh tế của nhà thơ khi ngỡ ngàng nhận ra "thu đã về".

Khổ thơ đầu tiên của bài thơ "Sang thu" đặc biệt dịu dàng tinh tế, nó diễn tả những biến đổi tinh vi của đất trời và lòng người trong thời khắc giao mùa được chờ đợi rất nhiều trong năm: từ hạ chuyển sang thu. Khổ thơ đã góp phần quan trọng tạo nên bài thơ "Sang thu", một áng thơ thu duyên dáng và tài tình trong thi đề mùa thu quen thuộc của văn học Việt Nam.

Đề 109: Hai câu thơ cuối trong thơ *Sang thu* của Hữu Thỉnh đã để lại trong lòng người đọc nhiều liên tưởng khá thú vị. Em hãy viết đoạn văn để làm rõ nhận định đó.

Bài làm

Hai câu thơ cuối cùng trong bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh gợi cho ta nhiều suy nghĩ, liên tưởng thú vị. *"Sấm cũng bớt bất ngờ. Trên hàng cây đứng tuổi"*. Giọng thơ trầm hẳn xuống, câu thơ không đơn thuần chỉ là giọng kể, là sự cảm nhận mà còn là sự suy nghĩ chiêm nghiệm về đời người. Mùa thu của thiên nhiên hay "mùa thu" của mỗi con người? Nhìn cảnh vật biến chuyển khi thu mới bắt đầu, Hữu Thỉnh nghĩ đến cuộc đời khi đã "đứng tuổi". Phải chăng mùa thu của đời người là sự khép lại những tháng ngày sôi nổi với những bất thường của tuổi trẻ và mở ra một mùa mới, một không gian mới, yên tĩnh, trầm lắng hơn. Hai hình ảnh "sấm" và "hàng cây đứng tuổi" vừa có ý nghĩa tả thực vừa có ý nghĩa tượng trưng cho thấy một Hữu Thỉnh rất đỗi tinh tế, nhạy bén trong cảm nhận và liên tưởng. Mùa thu thường không rạo rực, ấm áp như mùa xuân, không sôi động rộn ràng như mùa hạ, hay lạnh lẽ, thê lương như mùa đông. Thu đến rất nhẹ nhàng và đi rất lặng lẽ. Thu không đánh thức ta bằng những âm thanh vang động, màu sắc lộng lẫy, hương vị ngạt ngào mà gieo vào lòng ta những thoáng xao động, mơ màng, gợi trong ta những suy nghĩ sâu xa về cuộc sống. Có lẽ vì thế mà thơ thu, trong đó có *Sang thu* của Hữu Thỉnh rất giàu ý nghĩa.

Đề 110: Sự biến đổi của đất trời sang thu (bài thơ *Sang thu* – Hữu Thỉnh) được tác giả cảm nhận bắt đầu từ đâu và gợi tả qua những hình ảnh, hiện tượng gì? Tâm trạng của nhà thơ được bộc lộ như thế nào?

Bài làm

Sự biến đổi của đất trời sang thu được cảm nhận qua những hình ảnh hiện tượng thật quen thuộc, giản dị. Những cảm nhận tinh tế về thiên nhiên đã thể hiện rất rõ tâm trạng của nhà thơ. Những cảm nhận đó bắt đầu từ "hương ổi" nồng nàn quyến rũ:

"Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se".

Câu thơ được đảo trật tự từ để từ "bỗng" được đưa lên đầu nhấn mạnh sự ngạc nhiên, bất ngờ đầy thú vị của tác giả khi ông nhận ra hương ổi đầu thu. Hương thơm ấy rất đậm, rất nồng nàn có vậy mới tạo ra sức lan toả mạnh mẽ đến mức có thể "phả" vào không gian. Làn hương ấy ào vào làn gió se buổi sớm. Đây là loại gió đặc trưng của mùa thu: gió heo may se se lành lạnh. Cái "se" của gió càng làm nổi bật mùi hương nồng nàn ấm áp của ổi chín. Cùng với "hương ổi", "gió se" nhà thơ còn khẽ nhận ra bao nhiêu là thay đổi quanh mình:

"Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về".

Sương cũng là một hiện tượng quen thuộc mỗi khi thu về. Sương "chùng chình" qua ngõ như muốn cố ý chầm chậm lưu trong ngõ xóm chẳng muốn về trời. Vậy là sao nhỉ! "Hình như thu đã về" rồi thì phải. Từ "hình như" diễn tả tâm trạng ngỡ ngàng, băn khoăn rất tinh tế của nhà thơ khi "bỗng" nhận ra cái tin lành mà thiên nhiên mang tới: "thu đã về"...

Đề 111: Phân tích nhân vật Phương Định trong tác phẩm *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê. Qua nhân vật này, em có suy nghĩ gì về thế hệ tuổi trẻ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước?

Bài làm

Thế hệ trẻ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước bước vào thơ ca đã có nhiều chân dung quen thuộc và đáng yêu, đáng cảm phục: những chiến sĩ lái xe trong "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật, những cô gái mở đường trong "Khoảng trời hố bom" của Lâm Thị Mĩ Dạ,... Và Lê Minh Khuê – một nhà văn thuộc thế hệ những tác giả bắt đầu sáng tác trong thời kì kháng chiến chống Mĩ – cũng đóng góp một chân dung như thế cho văn học nước nhà: cô gái Phương Định trong truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi". Đó là một nữ chiến sĩ thanh niên xung phong xinh đẹp, trong sáng, giàu tình cảm và dũng cảm, ngoan cường.

Là một cô gái thanh niên xung phong có nhiệm vụ cùng đồng đội san lấp những hố bom trên tuyến đường Trường Sơn lửa đạn, ngày đêm đối mặt với đất bụi, khói bom nhưng Phương Định không hề mất đi vẻ trẻ trung, xinh đẹp của một cô gái mới lớn. Chị là người nhạy cảm và luôn quan tâm đến hình thức của mình. Chị tự đánh giá: "Tôi là con gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Còn mắt tôi thì các lái xe bảo: Cô có cái nhìn sao mà xa xăm". Vẻ đẹp ấy của chị đã hấp dẫn bao chàng trai: "các anh pháo thủ và lái xe hay hỏi thăm tôi".

Nhưng điều đặc biệt ở Phương Định là không bị "cái nết đánh chết cái đẹp"; ngược lại, chị đã để sự dũng cảm, ngoan cường và vẻ đẹp tâm hồn trong sáng, giàu tình thương tôn thêm vẻ đẹp cho mình.

Phương Định cùng những người bạn của mình sống và chiến đấu trên

một cao điểm, giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn. Chị phải chạy trên cao điểm đánh phá của máy bay địch. Sau mỗi trận bom, chị cùng đồng đội phải lao ra trọng điểm, đo và ước tính khối lượng đất đá bị bom địch đào xới, đếm những quả bom chưa nổ và dùng những khối thuốc nổ đặt vào cạnh nó để phá. Đó là công việc mạo hiểm với cái chết luôn gần kề tạo áp lực khiến thần kinh vô cùng căng thẳng. Thực hiện công việc đó, Phương Định và đồng đội phải vô cùng bình tĩnh và họ đã thực sự bình tĩnh, ung dung một cách lạ thường. Thậm chí, với họ, công việc ấy đã trở thành bình thường: "Có ở đâu như thế này không: đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ì xa dần. Thần kinh căng như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn biết rằng có nhiều quả bom chưa nổ, nhưng nhất định sẽ nổ... Rồi khi xong việc, quay lại nhìn đoạn đường một lần nữa, thở phào, chạy về hang".

Mặc dù đã quen với công việc nguy hiểm này, thậm chí một ngày có thể phải phá tới năm quả bom nhưng mỗi lần vẫn là một thử thách tột độ với thần kinh của Phương Định. Từ khung cảnh và không khí chứa đầy căng thẳng đến cảm giác là các anh cao xạ ở trên kia cũng đang theo dõi từng động tác cử chỉ của mình để lòng dũng cảm ở cô như được kích thích bởi sự tự trọng: "Tôi đến gần quả bom... đàng hoàng mà bước tới". Ở bên quả bom, kề sát với cái chết im lìm và bất ngờ, từng cảm giác của con người như cũng trở nên sắc nhọn hơn: "Thỉnh thoảng lưỡi xẻng... dấu hiệu chẳng lành".

Sống giữa nơi sự sống và cái chết tranh giành nhau từng li một như thế nhưng Phương Định không để tâm hồn mình sắt lại, mòn đi. Chị rất giàu tình cảm với đồng chí, đồng đội, quê hương và vô cùng lạc quan yêu đời.

Giống như hai người đồng đội trong tổ trinh sát, Phương Định yêu mến những người đồng đội trong tổ và cả đơn vị của mình. Đặc biệt, cô yêu mến và cảm phục tất cả những người chiến sĩ mà hằng đêm cô gặp trên trọng điểm của những con đường vào mặt trận. Phương Định đã lo lắng, sốt ruột khi đồng đội lên cao điểm chưa về. Chị yêu thương và gắn bó với bạn bè nên có những nhận xét tốt đẹp đầy thiện cảm về Nho, phát hiện ra vẻ đẹp dễ thương "nhẹ, mát như một que kem trắng" của bạn. Chị còn hiểu và đồng cảm sâu sắc với những sở thích và tâm trạng của chị Thao.

Phương Định cũng là người con gái có một thời học sinh hồn nhiên, vô tư bên người mẹ thân thương trong một căn buồng nhỏ nằm trên một đường phố yên tĩnh hồi Hà Nội còn thanh bình trước chiến tranh. Những kỉ niệm ấy luôn sống lại trong cô giữa chiến trường dữ dội. Nó là niềm khao khát làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh căng thẳng, khốc liệt của chiến trường.

Vào chiến trường đã ba năm, làm quen với những thử thách hiểm nguy, giáp mặt hàng ngày với cái chết nhưng ở Phương Định không mất đi sự hồn nhiên trong sáng và cả những mơ ước về tương lai: "Tôi thích nhiều bài hát, dân ca quan họ dịu dàng, dân ca Ý trữ tình giàu có".

"Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê đã miêu tả chân thực và

sinh động tâm lí nhân vật. Tác phẩm được kể từ ngôi thứ nhất tạo thuận lợi để tác giả miêu tả thế giới nội tâm qua việc để nhân vật tự sự về mình.

Phương Định là cô thanh niên xung phong trên tuyến đường huyết mạch Trường Sơn những ngày kháng chiến chống Mĩ. Qua nhân vật này, chúng ta hiểu hơn thế hệ trẻ Việt Nam trong những năm tháng hào hùng ấy.

Bước chân lên đường đánh Mĩ, những chàng trai, cô gái thanh niên xung phong tuổi đời còn rất trẻ, có những người vừa rời ghế nhà trường. Tâm hồn các anh, các chị trong trẻo, đầy ước mơ, khao khát và đặc biệt là giàu lí tưởng. Chính những kỉ niệm êm đẹp về gia đình như kỉ niệm về người mẹ trên căn gác nhỏ của Phương Định hay những những kỉ niệm về bàn bè, mái trường,... là hành trang để các anh, các chị mang vào trận chiến. Sống giữa nơi đầu tên mũi đạn họ chiến đấu và hoàn thành nhiệm vụ một cách ngoan cường, dũng cảm. Ai bảo không có những phút giây yếu lòng, lo lắng? Ai bảo tâm hồn họ là thép là đá? Không. Con tim họ cũng biết run lên khi tiếng súng phát nổ. Thần kinh họ cũng căng ra khi quan sát trái bom... Nhưng điều đáng quý và điều làm nên sự khác biệt ở họ là các anh các chị đã giữ được tâm hồn trong trẻo, giàu yêu thương đối với gia đìnhf, đồng đội, đất nước. Và rồi, chính những tình cảm cao đẹp đó đã trở thành động lực để họ chiến thắng những phút giây hiểm nguy, nao núng. Các anh các chị thực sự là "... những con người Việt Nam đẹp nhất / Biết căm thù và cũng biết yêu thương" như nhà thơ Tố Hữu từng ca ngợi. Không tiếc tuổi thanh xuân, họ hiến dâng trọn vẹn cho Tổ quốc những gì quý giá nhất:

"Xẻ dọc Trường Sơn đi đánh Mĩ
Mà lòng phơi phới dậy tương lai".

Đọc "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê, người đọc thấy khâm phục và yêu mến Phương Định trước hết bởi những nét tính cách đáng quý của cô. Nhưng không chỉ vậy, qua nhân vật này chúng ta còn cảm nhận được hình ảnh, tâm hồn thế hệ trẻ Việt Nam trong những năm kháng chiến chống Mĩ hào hùng gian khổ. Và đây cũng là thành công quan trọng nhất của tác phẩm giàu chất nhân văn này.

Đề 112: Cảm nhận của em về nhân vật Phương Định trong truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* của nhà văn nữ Lê Minh Khuê (SGK *Ngữ văn 9*, tập hai – NXB Giáo dục, 2005).

Bài làm

Lê Minh Khuê là nhà văn thuộc thế hệ những tác giả bắt đầu sáng tác trong thời kì kháng chiến chống Mĩ. Với tài năng và sự tìm tòi, khám phá của mình, bà sớm gặt hái được nhiều thành công về mảng đề tài là cuộc sống chiến đấu của những thanh niên xung phong và bộ đội trên tuyến đường Trường Sơn. "Những ngôi sao xa xôi" là một trong những truyện ngắn tiêu biểu của Lê Minh Khuê. Nhân vật chính trong tác phẩm – Phương Định – là nhân vật giành được nhiều sự yêu mến, cảm phục của

người đọc bởi vẻ đẹp ngoại hình, tâm hồn và sự dũng cảm, ngoan cường, bình tĩnh ung dung trước hiểm nguy.

Phương Định gây cảm tình đầu tiên cho người đọc bởi vẻ trẻ trung, xinh đẹp của một cô gái mới lớn. Cô là người nhạy cảm và luôn quan tâm đến hình thức của mình. Cô tự đánh giá: "Tôi là con gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Còn mắt tôi thì các lái xe bảo: Cô có cái nhìn sao mà xa xăm". Vẻ đẹp ấy của cô đã hấp dẫn bao chàng trai: "các anh pháo thủ và lái xe hay hỏi thăm tôi". Điều đó làm Phương Định tự hào nhưng điều đặc biệt là cô chưa dành riêng tình cảm cho ai.

Nhân vật chính của tác phẩm còn khiến người đọc khâm phục bởi sự dũng cảm ngoan cường, bình tĩnh ung dung vượt lên khó khăn nguy hiểm.

Phương Định cùng những người bạn của mình sống và chiến đấu trên một cao điểm, giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn. Chị phải chạy trên cao điểm đánh phá của máy bay địch. Sau mỗi trận bom, chị cùng đồng đội phải lao ra trọng điểm, đo và ước tính khối lượng đất đá bị bom địch đào xới, đếm những quả bom chưa nổ và dùng những khối thuốc nổ đặt vào cạnh nó để phá. Đó là công việc mạo hiểm với cái chết luôn gần kề tạo áp lực khiến thần kinh vô cùng căng thẳng. Thực hiện công việc đó, Phương Định và đồng đội phải rất bình tĩnh và họ đã thực sự bình tĩnh, ung dung một cách lạ thường. Thậm chí, với họ, công việc ấy đã trở thành bình thường: "Công việc của chúng tôi là ngồi đây. Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bam, đếm bom chưa nổ và khi cần thì phá bom".

Mặc dù đã quen với công việc nguy hiểm này, thậm chí một ngày có thể phải phá tới năm quả bom nhưng mỗi lần vẫn là một thử thách tột độ với thần kinh của Phương Định. Từ khung cảnh và không khí chứa đầy căng thẳng đến cảm giác là các anh cao xạ ở trên kia cũng đang theo dõi từng động tác cử chỉ của mình để lòng dũng cảm ở cô như được kích thích bởi sự tự trọng: "Tôi đến gần quả bom... đàng hoàng mà bước tới" ở bên quả bom kề sát với cái chết im lìm và bất ngờ, từng cảm giác của con người như cũng trở nên sắc nhọn hơn: "Thỉnh thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người cứa vào da thịt tôi. Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành".

Đặc biệt, Phương Định càng khiến người đọc yêu mến, trân trọng hơn bởi tâm hồn trong sáng, tinh tế. Chị rất giàu tình cảm với đồng chí, đồng đội, quê hương và vô cùng lạc quan yêu đời.

Giống như hai người đồng đội trong tổ trinh sát, Phương Định yêu mến những người đồng đội trong tổ và cả đơn vị của mình. Đặc biệt, cô yêu mến và cảm phục tất cả những người chiến sĩ mà hằng đêm cô gặp trên trọng điểm của những con đường vào mặt trận. Phương Định đã lo lắng, sốt ruột khi đồng đội lên cao điểm chưa về. Chị yêu thương và gắn bó với bạn bè nên có những nhận xét tốt đẹp đầy thiện cảm về Nho, phát hiện ra vẻ đẹp

dễ thương "nhẹ, mát như một que kem trắng" của bạn. Chị còn hiểu và đồng cảm sâu sắc với những sở thích và tâm trạng của chị Thao.

Phương Định cũng là người con gái có một thời học sinh hồn nhiên, vô tư bên người mẹ thân thương trong một căn buồng nhỏ nằm trên một đường phố yên tĩnh hồi Hà Nội còn thanh bình trước chiến tranh. Những kỉ niệm ấy luôn sống lại trong cô giữa chiến trường dữ dội. Nó là niềm khao khát làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh căng thẳng, khốc liệt của chiến trường.

Vào chiến trường đã ba năm, làm quen với những thử thách hiểm nguy, giáp mặt hàng ngày với cái chết nhưng ở Phương Định không mất đi sự hồn nhiên trong sáng và cả những mơ ước về tương lai: "Tôi mê hát" "thích nhiều bài".

Phương Định là cô thanh niên xung phong trên tuyến đường huyết mạch Trường Sơn những ngày kháng chiến chống Mĩ. Chị tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam trong những năm tháng hào hùng ấy. Họ là những người không tiếc tuổi thanh xuân, hiến dâng trọn vẹn cho Tổ quốc những gì quý giá nhất:

Xẻ dọc Trường Sơn đi đánh Mĩ
Mà lòng phơi phới dậy tương lai.

Trong "Những ngôi sao xa xôi", Lê Minh Khuê đã miêu tả chân thực và sinh động tâm lí nhân vật. Tác phẩm được kể từ ngôi thứ nhất tạo thuận lợi cho tác giả miêu tả thế giới nội tâm qua việc để nhân vật tự sự về mình.

Nhân vật Phương Định trong "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê mang những đặc điểm tốt đẹp tiêu biểu cho tâm hồn những chàng trai, cô gái thanh niên xung phong lên đường chống Mĩ trong những năm tháng vất vả mà hào hùng của dân tộc. Phương Định để lại trong lòng độc giả niềm yêu mến, cảm phục đối với thế hệ trẻ Việt Nam trong những ngày tháng bom rơi đạn nổ ấy. Và hơn thế, điều đó trở thành động lực để thế hệ trẻ Việt Nam hôm nay viết tiếp nét son trong trang sử của thời đại mình.

Đề 113: Viết đoạn văn (khoảng 8 – 10 câu) nêu cảm nhận của em về nhan đề truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê trong đó có sử dụng hai phép liên kết câu (chỉ ra hai phép liên kết câu đó).

Bài làm

Truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê có một nhan đề thật thơ mộng và thật hay. Tác phẩm viết về những cô gái tuổi mới lớn làm nhiệm vụ san lấp hố bom trên tuyến đường Trường Sơn máu lửa. Cuộc sống chiến đấu gian lao và nguy hiểm nhưng không làm họ tắt đi niềm yêu đời, yêu sống. "Những ngôi sao xa xôi" trên bầu thời đêm sâu thẳm là hình ảnh thực mà các cô gái thường ngắm nhìn mỗi khi có thời gian. Họ gửi vào đó những mộng mơ, những khao khát thời thiếu nữ. "Những ngôi sao xa xôi" có lẽ cũng là hình ảnh mà những người chiến sĩ trên tuyến đường thần thánh ấy đã cảm nhận được khi nhìn vào đôi mắt những cô gái ấy: "Cô có

cái nhìn sao mà xa xăm"... Nhan đề rất gợi ấy đã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn trong sáng, bay bổng của những người nữ thanh niên xung phong ngay cả khi họ cận kề với sự chết chóc, hiểm nghèo. Đó thực sự là một nhan đề đầy tính nhân văn.

* Tác phẩm: Phép thế (thế cho cụm từ *truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê*).

"Những ngôi sao xa xôi": phép lặp.

Đề 114: Cảm nhận của em về bài thơ *Nói với con* của Y Phương. Bài thơ gợi cho em những suy nghĩ gì về trách nhiệm của người làm con?

Bài làm

Ca dao từng có câu: "Công cha như núi Thái Sơn". Có phải vì vậy mà người cha luôn khao khát những đứa con có được sự vững vàng, rắn rỏi mạnh mẽ trên đường đời. Qua bài thơ *Nói với con* của Y Phương, người đọc nhận thấy tình cảm và mong ước của một người cha như vậy dành cho con, một thứ tình cảm nồng ấm và thiêng liêng, giản dị. Bài thơ đồng thời cũng gợi cho người đọc những suy nghĩ sâu sắc về trách nhiệm của người làm con.

Mượn lời một người cha nói với con, bài thơ gợi về cội nguồn của mỗi con người, đồng thời bộc lộ niềm tự hào trước sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của quê hương mình. Nhà thơ đã mở rộng từ tình cảm gia đình đến tình cảm quê hương, từ những kỷ niệm gần gũi, thiết tha mà nâng lên thành lẽ sống.

Mở đầu bài thơ bằng những hình ảnh cụ thể, Y Phương đã tạo được không khí gia đình đầm ấm, quấn quýt. Từng bước đi, từng tiếng nói tiếng cười của con được cha mẹ mừng vui đón nhận:

Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước tới tiếng cười.

Những câu thơ có cách diễn đạt thật độc đáo đã cho thấy tình yêu thương của cha mẹ đối với con. Con lớn lên hàng ngày trong tình yêu thương ấy, trong sự nâng niu, mong chờ của cha mẹ.

Không chỉ có tình yêu thương của cha mẹ, thời gian trôi qua, con trưởng thành trong cuộc sống lao động, trong thiên nhiên thơ mộng và nghĩa tình của quê hương. Đó là cuộc sống của những "người đồng mình", rất cần cù và tươi vui:

"Người đồng mình thương lắm con ơi
Đan lờ cài nan hoa, vách nhà ken câu hát
Rừng cho hoa, con đường cho những tấm lòng
Cha mẹ nhớ mãi về ngày cưới
Ngày đầu tiên đẹp nhất trong đời".

Những từ ngữ giàu sắc thái biểu hiện: *cài nan hoa, ken câu hát*,... đã miêu tả cụ thể cuộc sống ấy đồng thời thể hiện tình cảm gắn bó, quấn quýt của con người quê hương. Rừng núi quê hương thơ mộng và trữ tình cũng là một trong những yếu tố nuôi con khôn lớn, nâng đỡ tâm hồn con. Thiên nhiên với những sông, suối, ghềnh, thác... đã nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn và lối sống: "Rừng cho hoa, con đường cho những tấm lòng". Cách gọi "người đồng mình" đặc biệt gần gũi, thân thiết và gắn bó như gợi niềm ruột thịt yêu thương.

Không chỉ gợi cho con về nguồn sinh dưỡng, cha còn nói với con về những đức tính cao đẹp của "người đồng mình". Đó là lòng yêu lao động, hăng say lao động với cả tấm lòng. Đó là sức sống bền bỉ, mạnh mẽ, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ:

Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn.

Dùng những từ ngữ rất mạnh mẽ như "cao", "xa", "lớn", tác giả muốn nhấn mạnh cuộc sống khoáng đạt, mạnh mẽ của những "người đồng mình". Dù khó khăn, đói nghèo còn nhiều nhưng họ không nhụt chí, ý chí của họ vẫn rất vững chắc, kiên cường:

Người đồng mình thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con
Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì là phong tục.

Những "người đồng mình" vượt qua vất vả để bám trụ lấy quê hương. Bằng cuộc sống lao động không mệt mỏi, họ xây dựng quê hương với những truyền thống cao đẹp. Những "người đồng mình" mộc mạc, thẳng thắn nhưng giàu chí khí, niềm tin... Người cha đã kể với con về quê hương với cảm xúc rất tự hào.

Tình cảm của người cha dành cho con rất thiết tha, trìu mến. Tình cảm này bộc lộ tự nhiên, chân thực qua những lời nhắn gửi của cha cho con. Người cha muốn con sống phải có nghĩa tình, thuỷ chung với quê hương, biết chấp nhận những khó khăn, vất vả để có thể:

Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc.

Người cha mong cho con mình sống ngay thẳng, trong sạch, sống với ý chí, niềm tin để vững vàng vượt qua mọi thử thách khó khăn. Người cha mong cho con sống phải luôn tin vào khả năng của mình, tin tưởng vào bản thân. Có như vậy, con mới có thể thành công, mới không thua kém ai cả. Người cha đã nói với con bằng tất cả lòng yêu thương của mình, nói với con

những điều từ đáy lòng mình. Điều lớn nhất người cha đã truyền dạy cho con chính là niềm tự tin vào bản thân và lòng tự hào với sức sống mạnh mẽ, bền bỉ, với truyền thống của quê hương.

Qua những lời người cha nói với con, có thể thấy tình cảm của người cha đối với con thật trìu mến, thiết tha và tin tưởng. Điều lớn lao nhất mà người cha muốn nói với con chính là niềm tự hào với sức sống mạnh mẽ bền bỉ của quê hương và niềm tin khi bước vào đời.

Bài thơ đã gợi cho người đọc những niềm cảm động sâu xa và những suy nghĩ sâu sắc. Thì ra, đằng sau những lặng lẽ, thâm trầm của cha là biết bao yêu thương, biết bao mong mỏi, biết bao hi vọng, biết bao đợi chờ... Con lớn lên như hôm nay không chỉ nhờ vào cơm ăn và áo mặc mà còn mang nặng ân tình của những lời dạy dỗ ân cần thấm thía. Quả là:

"Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra".

Vậy thì, là người làm con, con xin nguyện:

"Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con".

Chẳng những vậy, con sẽ bước theo những bước chân vững chắc mà cha để lại – trên con đường cha bước đến đỉnh Thái Sơn – nguyện "sống như sông như suối", nguyện ngẩng cao đầu "lên đường" mà không "thô sơ da thịt". Và trên con đường ấy, con sẽ mang theo hình ảnh quê hương để tiếp tục nối tiếp cha anh "tự đục đá kê cao quê hương" thân thiết của mình...

Bài thơ có nhiều nét đặc sắc về nghệ thuật, tuy nhiên, độc đáo nhất và đặc sắc nhất là cách thể hiện, diễn tả tình cảm. Những từ ngữ, hình ảnh trong bài rất mộc mạc nhưng đồng thời cũng rất giàu hình ảnh gợi tả, vừa cụ thể vừa có sức khái quát cao.

Bài thơ nhắc nhở chúng ta về tình cảm gia đình ấm cúng, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương, của dân tộc. Qua lời nói với con, ta phần nào hiểu rõ hơn, cảm nhận sâu sắc hơn những tình cảm của người cha dành cho con. Những bài học mà người cha trong bài thơ *Nói với con* có lẽ là những bài học mà bất kỳ người cha nào cũng muốn dạy cho con mình. Và những bài học giản dị, mộc mạc đó có lẽ sẽ theo con suốt trên chặng đường đời, bài học của cha – bài học đầy ý nghĩa sâu sắc.

Đề 115: Cho đoạn thơ sau:

"Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước tới tiếng cười
Người đồng mình yêu lắm con ơi
Đan lờ cài nan hoa
Vách nhà ken câu hát
Rừng cho hoa
Con đường cho những tấm lòng"

(*Nói với con* – Y Phương)

Em hãy viết đoạn văn cho biết vài nét về tác giả của đoạn thơ trên. Những yếu tố đó có ảnh hưởng như thế nào đến cách thể hiện của đoạn thơ nói riêng và bài thơ nói chung?

Bài làm

Tác giả của đoạn thơ trên, nhà thơ Y Phương, sinh năm 1948, quê ở huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Ông là một nhà thơ dân tộc Tày và từng có thời gian trong quân ngũ từ 1968 đến 1981. Từ năm 1993, Y Phương là Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Cao Bằng. Những yếu tố riêng về quê quán và dân tộc đó đã có những ảnh hưởng lớn đến cách thể hiện của đoạn thơ trên nói riêng và bài thơ "Nói với con" nói chung. Những từ ngữ, hình ảnh thơ rất mộc mạc nhưng đồng thời cũng rất giàu hình ảnh gợi tả, vừa cụ thể vừa có sức khái quát cao: "Một bước chạm tiếng nói / Hai bước tới tiếng cười", "Đan lờ cài nan hoa / Vách nhà ken câu hát",... Cách dẫn dắt ý thơ rất tự nhiên. Và đặc biệt, tiếng thơ đã thể hiện tiếng lòng của một tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng.

Đề 116: Hãy viết đoạn văn từ 8 đến 10 câu theo kiểu diễn dịch để nêu cảm nhận của em về khổ thơ trên. Trong đoạn văn, em hãy sử dụng ít nhất hai phép liên kết câu (gạch dưới những từ ngữ này).

Bài làm

Trong những câu thơ trên, bằng những hình ảnh cụ thể, Y Phương đã tạo được không khí gia đình đầm ấm, quấn quýt đồng thời ngợi ca những phẩm chất cao đẹp của con người và rừng núi quê hương. Từng bước đi, từng tiếng nói tiếng cười của con được cha mẹ mừng vui đón nhận:

Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước tới tiếng cười.

Những câu thơ có cách diễn đạt thật độc đáo đã cho thấy tình yêu

thương của cha mẹ đối với con. Con lớn lên hàng ngày trong tình yêu thương ấy, trong sự nâng niu, mong chờ của cha mẹ. Và không chỉ có vậy, thời gian trôi qua, con còn dần trưởng thành trong vòng tay ấm áp của quê hương. Đó là những "người đồng mình" rất cần cù và lạc quan. Các từ ngữ giàu sắc thái biểu hiện: *cài nan hoa, ken câu hát* đã miêu tả cụ thể những đức tính quý báu ấy của bà con làng bản. Rừng núi quê hương không chỉ thơ mộng, trữ tình mà còn vô cùng khoáng đạt: "cho hoa", "cho những tấm lòng". Thiên nhiên vĩ đại đã góp phần nuôi con khôn lớn, nâng đỡ con về cả tâm hồn và lối sống.

* "Và": phép liên kết câu dùng quan hệ từ;

"Đó": phép thế.

Đề 117: Phân tích những chuyển biến mới trong tình cảm của người nông dân Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống Pháp qua nhân vật ông Hai trong truyện ngắn *Làng* của nhà văn Kim Lân.

Bài làm

Nhà văn Kim Lân sinh ra, lớn lên ở vùng đất Kinh Bắc. Ông sống gắn bó với đời sống người nông dân từ nhỏ nên có những cảm nhận tinh tế, đầy đủ về đời sống tinh thần của họ. Chính điều này đã tạo nên thành công trong việc miêu tả những chuyển biến mới trong tình cảm của người nông dân Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Điều đó được thể hiện qua tấm lòng yêu nước rất đặc biệt của nhân vật chính trong tác phẩm – nhân vật ông Hai.

Tác phẩm ra đời năm 1948 lấy bối cảnh là cuộc tản cư kháng chiến của dân tộc. Cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, hưởng ứng lời kêu gọi của Bác Hồ, nhiều thành phố, làng mạc gần Thủ đô hoặc các địa phương trọng yếu tản đi nơi khác. Nằm trong vùng kháng chiến, làng Chợ Dầu của ông Hai phải tản cư. Phải rời làng ra đi nhưng tình cảm của ông Hai luôn gắn chặt với làng.

Tình cảm ấy được thể hiện trước hết ở cái tính hay khoe làng, lấy làm hãnh diện về làng của mình. Đối với ông, cái gì ở làng ông cũng đáng tự hào: "Ông nói chuyện về cái làng ấy một cách say mê và náo nức lạ thường. Hai con mắt ông sáng hẳn lên, cái mặt chuyển biến hoạt động". Sự hãnh diện về "bộ mặt" của làng cũng không có gì lạ lắm bởi nó xuất phát từ tình yêu của ông đối với quê hương. Nhưng đôi khi tình yêu ấy khiến ông thái quá. Ông hãnh diện cho làng có được "cái sinh phần" của viên tổng đốc làng ông. Khi có khách lên chơi ông dắt ra xem cho kỳ được cái sinh phần ấy.

Nhưng sau Cách mạng tháng Tám ông mới nhận ra sai lầm của mình vì chính cái lăng ấy nó làm khổ ông, làm khổ bao nhiêu người trong làng. Cái chân khập khiễng của ông bây giờ cũng vì cái lăng ấy. Ông thù nó lắm, nó không đáng để ông hãnh diện nữa.

Từ ngày kháng chiến, ông không chỉ tự hào vì đẹp "đường trong làng lát

toàn đá xanh" mà còn vì làng ông tham gia kháng chiến. Ông hãnh diện về cái làng kháng chiến của mình trong những buổi tập quân sự, có nhiều hố, nhiều ụ, nhiều giao thông hào để chuẩn bị cho kháng chiến. Ông khoe làng ông có phòng thông tin rộng rãi nhất vùng, có chòi phát thanh, có nhà ngói san sát, sầm uất nhất tỉnh.

Khi nghe anh dân quân đọc báo về tin kháng chiến, ông mừng rỡ trước những chiến thắng của ta, ông hả hê trước thất bại của địch khiến "ruột gan ông lão cứ múa cả lên, vui quá!". Nhưng đau khổ thay cho ông là tin làng Chợ Dầu của ông theo giặc. Ông lão trở nên sững sờ "cổ ông lão nghẹn ắng lại, da mặt tê rân rân". Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Về tới nhà, ông nằm bẹp trên giường suy nghĩ, lũ trẻ thấy vậy nên lầm lũi bước ra ngoài chơi sậm chơi sụi với nhau. Khi vợ ông về, bà hỏi "Ông đã biết chuyện gì chưa?" và qua những câu hỏi ân cần của bà, ông Hai trả lời một cách cộc lốc và gắt gỏng, khác với mọi ngày. Trong tâm trí ông đang diễn ra một cuộc đấu tranh nội tâm gay gắt. Một bên là làng, một bên là kháng chiến. Rồi mỗi khi nghe người ta nói đến "cam – nhông" hay cái gì gì thì ông lại tưởng tượng ra rằng người ta đang nói đến chuyện đó. Khi bà chủ nhà đến có ý đuổi gia đình ông đi vì làng của họ bảo không cho những người của làng Chợ Dầu đi tản cư sống ở đây nữa, vì làng Chợ Dầu theo giặc, nhưng bà ta lại làm ra ra vẻ như không muốn đuổi đi. Một lúc sau, ông gọi đứa út ra và ôm nó vào lòng và tâm sự. Ông hỏi đứa con rằng làng của con là gì? Đứa con ngây thơ trả lời là làng Chợ Dầu. Rồi ông lại hỏi:

– Con có muốn về làng Chợ Dầu không?

– Có.

– Con là con của ai?

– Là con thầy mấy lị con u...

Ông Hai hỏi đứa con xem gia đình mình sẽ theo kháng chiến như thế nào? Đứa con giơ tay cao lên trời trả lời to tất cả sẽ theo Cụ Hồ... Những câu nói ngây thơ của con trẻ chỉ biết nói thật đã làm sáng rõ tấm lòng của ông Hai. Cuộc đối thoại giữa đứa con và ông Hai như cuộc đối thoại nội tâm trong lòng của ông: "Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù". Tác giả đã cho ta thấy sự tinh tế khi diễn tả tâm trạng nhân vật ông Hai qua cuộc đối thoại đó: "Cái lòng của ông nó là vậy, có bao giờ dám đơn sai".

Nhưng cuối cùng cái điều mà ông Hai chờ đợi cũng đã đến: ông Chủ tịch làng lên thông báo làng Chợ Dầu không đi theo Việt gian. Ông vui mừng không tả xiết. Ông đi đến sẩm tối mới về với vẻ mặt rạng rỡ và còn chia quà cho bọn trẻ, rồi ông sang nhà bác Thứ, đi hết nơi này đến nơi khác thông báo làng ông không phải Việt gian cho mọi người.

Trong ông Hai luôn cháy bỏng tình yêu tha thiết với làng. Nhưng trước hết, tấm lòng yêu làng ấy gắn bó chặt chẽ với tình yêu kháng chiến, tình yêu đất nước. Và khi cần thiết, ông có thể hi sinh tình yêu máu thịt với làng để sống trọn vẹn đủ đầy với đất nước. Đó chính là những chuyển biến mới trong tình cảm của người dân Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống

Pháp. Người nông dân đã ý thức rõ hơn vai trò, nghĩa vụ của mình trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Và điều đáng quý, đáng trân trọng là ý thức ấy đã chuyển thành những hành động cao cả, tốt đẹp phục vụ có hiệu quả trong công cuộc chống xâm lăng của toàn dân tộc.

Đề 118: Phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai trong truyện ngắn *Làng* của Kim Lân.

Bài làm

Với người nông dân Việt Nam, có lẽ không có thứ tình cảm nào tự nhiên hơn tình yêu đất nước. Tình yêu ấy nhẹ nhàng thấm vào máu thịt qua tình cảm dành cho người thân, làng xóm, quê hương. Nó tưởng như xa xôi nhưng lại thật gần gũi, giản dị. Thấu hiểu những điều đó, nhà văn Kim Lân đã có một thiên truyện thật hay viết về tình yêu quê hương đất nước của người nông dân: "Làng". Diễn biến tâm trạng nhân vật chính của tác phẩm – nhân vật ông Hai – là một thành công lớn của tác giả khi viết về đề tài tình yêu đất nước.

Tin làng Chợ Dầu theo giặc làm ông Hai khổ tâm là vì nó đã động chạm đến điều thiêng liêng, nhạy cảm nhất trong con người ông. Cái làng đối với người nông dân quan trọng lắm. Nó là ngôi nhà chung cho cộng đồng, họ mạc. Đời này qua đời khác, người nông dân gắn bó với cái làng như máu thịt, ruột rà. Nó là nhà cửa, đất đai, là tổ tiên, là hiện thân cho đất nước đối với họ. Trước Cách mạng tháng Tám, ông Hai thuộc loại "khố rách áo ôm", từng bị "bọn hương lí trong làng truất ngôi trừ ngoại xiêu dạt đi, lang thang hết nơi này đến nơi khác, lần mò vào đến tận đất Sài Gòn, Chợ Lớn kiếm ăn. Ba chìm bảy nổi mười mấy năm trời mới lại được trở về quê hương bản quán". Nên ông thấm thía lắm cái cảnh tha hương cầu thực. Ông yêu cái làng của mình như đứa con yêu mẹ, tự hào về mẹ, tôn thờ mẹ, một tình yêu hồn nhiên như trẻ thơ. Cứ xem cái cách ông Hai náo nức, say mê khoe về làng mình thì sẽ thấy. Trước Cách mạng tháng Tám, ông khoe cái sinh phần của viên tổng đốc làng ông: "Chết! Chết, tôi chưa thấy cái dinh cơ nào mà lại được như cái dinh cơ cụ thượng làng tôi.". Và mặc dù chẳng họ hàng gì nhưng ông cứ gọi viên tổng đốc là "cụ tôi" một cách rất hả hê! Sau Cách mạng, "người ta không còn thấy ông đả động gì đến cái lăng ấy nữa", vì ông nhận thức được nó làm khổ mình, làm khổ mọi người, là kẻ thù của cả làng: "Xây cái lăng ấy cả làng phục dịch, cả làng gánh gạch, đập đá, làm phu hồ cho nó. [...] Cái chân ông đi tập tễnh cũng vì cái lăng ấy". Bây giờ ông khoe làng ông khởi nghĩa, khoe "ông gia nhập phong trào từ hồi kì còn trong bóng tối", rồi những buổi tập quân sự, khoe những hố, những ụ, những giao thông hào của làng ông,... Cũng vì yêu làng quá như thế mà ông nhất quyết không chịu rời làng đi tản cư. Đến khi buộc phải cùng gia đình đi tản cư ông buồn khổ lắm, sinh ra hay bực bội, "ít nói, ít cười, cái mặt lúc nào cũng lầm lầm". Ở nơi tản cư, ông nhớ cái làng của ông, nhớ những ngày làm việc cùng với anh em, "Ô, sao mà độ ấy vui thế.

Ông thấy mình như trẻ ra.[...] Trong lòng ông lão lại thấy náo nức hẳn lên". Lúc này, niềm vui của ông chỉ là hàng ngày đi nghe tin tức thời sự kháng chiến và khoe về cái làng Chợ Dầu của ông đánh Tây. Thế mà, đùng một cái ông nghe được cái tin làng Chợ Dầu của ông theo Tây làm Việt gian. Càng yêu làng, hãnh diện, tự hào về làng bao nhiêu thì bây giờ ông Hai lại càng thấy đau đớn, tủi hổ bấy nhiêu. Nhà văn Kim Lân đã chứng tỏ bút lực dồi dào, khả năng phân tích sắc sảo, tái hiện sinh động trạng thái tình cảm, hành động của con người khi miêu tả diễn biến tâm trạng và hành động của nhân vật ông Hai trong biến cố này.

Ông lão đang náo nức, "ruột gan ông lão cứ múa cả lên, vui quá!" vì những tin kháng chiến thì biến cố bất ngờ xảy ra. Cái tin làng Chợ Dầu theo giặc đã làm ông điếng người: "Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới rặng è è, nuốt một cái gì vướng ở cổ [...] giọng lạc hẳn đi", "Ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi" và nghĩ đến sự dè bỉu của bà chủ nhà. Ông lão như vừa bị mất một cái gì quý giá, thiêng liêng lắm. Những câu văn diễn tả tâm trạng thật xúc động: "Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ tràn ra... Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu...". Nỗi nhục nhã, mặc cảm phản bội hành hạ ông lão đến khổ sở. "Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn buôn bán ra sao? Ai người ta chứa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước...". Cả nhà ông Hai sống trong bầu không khí ảm đạm: "Gian nhà lặng đi, hiu hắt, ánh lửa vàng nhờ nhờ ở ngọn đèn dầu lạc vờn trên nét mặt lo âu của bà lão. Tiếng thở của ba đứa trẻ chụm đầu vào nhau ngủ nhẹ nhàng nổi lên, nghe như tiếng thở của gian nhà." Ông Hai ăn không ngon, ngủ không yên, lúc nào cũng nơm nớp, bất ổn trong nỗi tủi nhục ê chề. Thậm chí ông không dám nhắc tới, phải gọi tên cái chuyện phản bội là "chuyện ấy". Ông tuyệt giao với tất cả mọi người, "không dám bước chân ra đến ngoài" vì xấu hổ. Và cái chuyện vợ chồng ông lo nhất cũng đã đến. Bà chủ nhà bóng gió đuổi gia đình ông, chỉ vì họ là người của làng theo Tây. Gia đình ông Hai ở vào tình thế căng thẳng. Ông Hai phải đối mặt với tình cảnh khó khăn nhất : "Thật là tuyệt đường sinh sống! [...] đâu đâu có người Chợ Dầu người ta cũng đuổi như đuổi hủi. Mà cho dẫu vì chính sách của Cụ Hồ người ta chẳng đuổi đi nữa, thì mình cũng chẳng còn mặt mũi nào đi đến đâu".

Từ chỗ yêu tha thiết cái làng của mình, ông Hai đâm ra thù làng: "Về làm gì cái làng ấy nữa. Chúng nó theo Tây cả rồi. Về làng tức là bỏ kháng chiến. Bỏ Cụ Hồ...". Và "nước mắt ông giàn ra". Ông lại nghĩ đến cảnh sống nô lệ tăm tối, lầm than trước kia. Bao nỗi niềm của ông không biết giải bày cùng ai đành trút cả vào những lời trò chuyện cùng đứa con thơ dại:

– *Húc kia! Thầy hỏi con nhé, con là con của ai?*

– *Là con thầy mấy lị con u.*

- Thế nhà con ở đâu?

- Nhà ta ở làng Chợ Dầu.

- Thế con có thích về làng Chợ Dầu không?

Thằng bé nép đầu vào ngực bố trả lời khe khẽ:

- Có.

Ông lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu lại hỏi:

- À, thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai?

Thằng bé giơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt:

- Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!

Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thỉ:

- Ừ đúng rồi, ủng hộ Cụ Hồ con nhỉ.

Những lời đáp của con trẻ cũng là tâm huyết, gan ruột của ông Hai, một người lấy danh dự của làng quê làm danh dự của chính mình, một người son sắt một lòng với kháng chiến, với Cụ Hồ. Những lời thốt ra từ miệng con trẻ như minh oan cho ông, chân thành và thiêng liêng như lời thề đinh ninh vang lên từ đáy lòng ông:

Anh em đồng chí biết cho bố con ông

Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông.

Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai.

Nhà văn đã nhìn thấy những nét đáng trân trọng bên trong người nông dân chân lấm tay bùn. Nhân vật ông Hai hiện ra chân thực từ cái tính hay khoe làng, thích nói về làng bất kể người nghe có thích hay không ; chân thực ở đặc điểm tâm lí vì cộng đồng, vui cái vui của làng, buồn cái buồn của làng và chân thực ở những diễn biến của trạng thái tâm lí hết sức đặc trưng của một người nông dân tủi nhục, đau đớn vì cái tin làng mình phản bội. Nếu như trong biến cố ấy tâm trạng của ông Hai đau đớn, tủi cực bao nhiêu thì khi vỡ lẽ ra rằng đó chỉ là tin đồn không đúng, làng Chợ Dầu của ông không hề theo giặc, sự vui sướng càng tưng bừng, hả hê bấy nhiêu. Ông Hai như người vừa được hồi sinh. Một lần nữa, những thay đổi của trạng thái tâm lí lại được khắc hoạ sinh động, tài tình: "Cái mặt buồn thỉu mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên. Mồm bỏm bẻm nhai trầu, cặp mắt hung hung đỏ hấp háy...". Ông khoe khắp nơi: "Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhẵn! [...] Láo! Láo hết! Toàn là *sai sự mục đích* cả.", "Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn.[...] Ra láo! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là *sai sự mục đích* cả!". Đáng lẽ ra ông phải buồn vì cái tin bị đốt nhà chứ? Nhưng ông đang tràn ngập trong niềm vui vì thoát khỏi cái ách "người làng Việt gian". Cái tin ấy xác nhận làng ông vẫn nhất quyết đứng về phía kháng chiến. Cái tin ấy khiến ông lại được sống như một người yêu nước, lại có thể tiếp tục sự khoe khoang đáng yêu của mình, ... Mâu thuẫn mà vẫn hết sức hợp lí, điểm này cũng là sự sắc sảo, độc đáo của ngòi bút miêu tả tâm lí nhân vật của nhà văn Kim Lân.

Người đọc sẽ không thể quên được một ông Hai quá yêu cái làng của mình như thế. Mặt khác, cũng như các nhân vật quần chúng (chị cho con bú loan tin làng Chợ Dầu theo giặc), bà chủ nhà, ... cái khó quên ở nhân vật này còn là nét cá thể hoá rất đậm về ngôn ngữ. Lúc ông Hai nói thành lời hay khi ông nghĩ, người đọc vẫn nhận thấy rất rõ đặc điểm ngôn ngữ của vùng quê Bắc Bộ, của một làng Bắc Bộ: "Nắng này là bỏ mẹ chúng nó", "không đọc thành tiếng cho người khác nghe nhờ mấy", "Thì vườn", "có bao giờ dám đơn sai", ... Đặc biệt là nhà văn cố ý thể hiện những từ ngữ dùng sai trong lúc quá hưng phấn của ông Hai. Những từ ngữ "*sai sự mục đích cả*" là dấu ấn ngôn ngữ của người nông dân ở thời điểm nhận thức đang chuyển biến, muốn nói cái mới nhưng từ ngữ chưa hiểu hết. Sự sinh động, chân thực, thú vị của câu chuyện phần nào cũng nhờ vào đặc điểm ngôn ngữ này.

Xây dựng thành công diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai là thành công lớn nhất của truyện ngắn "Làng". Điều đó đã thể hiện được tài năng của nhà văn Kim Lân trong việc khám phá chiều sâu tâm lí nhân vật. Và hơn hết, điều đó đã xây dựng trong lòng độc giả một chân dung sống động, chân thực về một tấm lòng yêu quê hương, đất nước thiết tha cảm động của người nông dân Việt Nam chất phác, thật thà.

Đề 119: Phân tích nhân vật ông Hai trong truyện ngắn *Làng* của Kim Lân.

Bài làm

"Làng" của nhà văn Kim Lân là một truyện ngắn đặc sắc về chủ đề tình yêu quê hương đất nước của người nông dân Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp. Nhân vật chính của tác phẩm – ông Hai – chẳng những là một người nông dân chất phác, hồn hậu như bao người nông dân khác mà còn là một người có tình yêu làng quê, đất nước thật đặc biệt.

Tác phẩm ra đời năm 1948 lấy bối cảnh là cuộc tản cư kháng chiến của nhân dân. Ông Hai là người dân làng Dầu nhưng để phục vụ kháng chiến ông cùng gia đình tản cư đến một nơi khác. Chính tại nơi đây ông luôn trăn trở về cái làng thân yêu của mình với bao tình cảm, suy nghĩ vô cùng cảm động...

Trước hết, ông là một người nông dân chất phác, nồng hậu, chân chất... như bao người nông dân khác. Đến nơi tản cư mới, ông thường đến nhà hàng xóm để cởi mở giãi bày những suy nghĩ tình cảm của mình về cái làng Dầu thân yêu, về cuộc kháng chiến của dân tộc. Ông đi nghe báo, ông đi nghe nói chuyện, ông bàn tán về những sự kiện nổi bật của cuộc kháng chiến,... Ông Hai không biết chữ, ông rất ghét những anh nào "ra vẻ ta đây" biết chữ đọc báo mà chỉ đọc thầm không đọc to lên cho người khác còn biết. Ông ít học nhưng lại rất thích nói chữ, đi đính chính tin làng mình theo giặc ông sung sướng nói to với mọi người: "Toàn là sai sự *mục đích* cả!".... Tất cả những điều đó không làm ông Hai xấu đi trong mắt người đọc mà chỉ càng khiến ông đáng yêu, đáng mến hơn lên.

Không chỉ vậy, điều đáng quý nhất ở ông Hai chính là tấm lòng yêu làng tha thiết. Và biểu hiện của tấm lòng ấy cũng thật đặc biệt.

Cái làng đối với người nông dân quan trọng lắm. Nó là ngôi nhà chung cho cộng đồng, họ mạc. Đời này qua đời khác, người nông dân gắn bó với cái làng như máu thịt, ruột rà. Nó là nhà cửa, đất đai, là tổ tiên, là hiện thân cho đất nước đối với họ. Trước Cách mạng tháng Tám, ông Hai thuộc loại "khố rách áo ôm", từng bị "bọn hương lí trong làng truất ngôi trừ ngoại xiêu dạt đi, lang thang hết nơi này đến nơi khác, lần mò vào đến tận đất Sài Gòn, Chợ Lớn kiếm ăn. Ba chìm bảy nổi mười mấy năm trời mới lại được trở về quê hương bản quán.". Nên ông thấm thía lắm cái cảnh tha hương cầu thực. Ông yêu cái làng của mình như đứa con yêu mẹ, tự hào về mẹ, tôn thờ mẹ, một tình yêu hồn nhiên như trẻ thơ. Cứ xem cái cách ông Hai náo nức, say mê khoe về làng mình thì sẽ thấy. Trước Cách mạng tháng Tám, ông khoe cái sinh phần của viên tổng đốc làng ông: "Chết! Chết, tôi chưa thấy cái dinh cơ nào mà lại được như cái dinh cơ cụ thượng làng tôi.". Và mặc dù chẳng họ hàng gì nhưng ông cứ gọi viên tổng đốc là "cụ tôi" một cách rất hả hê! Sau Cách mạng, "người ta không còn thấy ông đả động gì đến cái lăng ấy nữa", vì ông nhận thức được nó làm khổ mình, làm khổ mọi người, là kẻ thù của cả làng: "Xây cái lăng ấy cả làng phục dịch, cả làng gánh gạch, đập đá, làm phu hồ cho nó. [...] Cái chân ông đi tập tễnh cũng vì cái lăng ấy". Bây giờ ông khoe làng ông khởi nghĩa, khoe "ông gia nhập phong trào từ hồi kì còn trong bóng tối", rồi những buổi tập quân sự, khoe những hố, những ụ, những giao thông hào của làng ông,... Cũng vì yêu làng quá như thế mà ông nhất quyết không chịu rời làng đi tản cư. Đến khi buộc phải cùng gia đình đi tản cư ông buồn khổ lắm, sinh ra hay bực bội, "ít nói, ít cười, cái mặt lúc nào cũng lầm lầm". Ở nơi tản cư, ông nhớ cái làng của ông, nhớ những ngày làm việc cùng với anh em: "Ô, sao mà độ ấy vui thế. Ông thấy mình như trẻ ra.[...] Trong lòng ông lão lại thấy náo nức hẳn lên.". Lúc này, niềm vui của ông chỉ là hàng ngày đi nghe tin tức thời sự kháng chiến và khoe về cái làng Chợ Dầu của ông đánh Tây.

Ông lão đang náo nức, "ruột gan ông lão cứ múa cả lên, vui quá!" vì những tin kháng chiến thì biến cố bất ngờ xảy ra. Một người đàn bà tản cư vừa cho con bú vừa ngấm nguýt khi nhắc đến làng Dầu. Cô ta cho biết làng Dầu đã theo giặc chẳng "tinh thần" gì đâu. Ông Hai nhận cái tin ấy như bị sét đánh ngang tai. Càng yêu làng, hãnh diện, tự hào về làng bao nhiêu thì bây giờ ông Hai lại càng thấy đau đớn, tủi hổ bấy nhiêu. Nhà văn Kim Lân đã chứng tỏ bút lực dồi dào, khả năng phân tích sắc sảo, tái hiện sinh động trạng thái tình cảm, hành động của con người khi miêu tả diễn biến tâm trạng và hành động của nhân vật ông Hai trong biến cố này.

Cái tin làng Chợ Dầu theo giặc đã làm ông điếng người: "Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới rặng è è, nuốt một cái gì vướng ở cổ [...] giọng lạc hẳn đi", "Ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi" và nghĩ đến sự

dè bỉu của bà chủ nhà. Ông lão như vừa bị mất một cái gì quý giá, thiêng liêng lắm. Những câu văn diễn tả tâm trạng thật xúc động: "Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ tràn ra... Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu...". Nỗi nhục nhã, mặc cảm phản bội hành hạ ông lão đến khổ sở: "Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn buôn bán ra sao? Ai người ta chứa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước...". Cả nhà ông Hai sống trong bầu không khí ảm đạm: "Gian nhà lặng đi, hiu hắt, ánh lửa vàng nhờ nhờ ở ngọn đèn dầu lạc vờn trên nét mặt lo âu của bà lão. Tiếng thở của ba đứa trẻ chụm đầu vào nhau ngủ nhẹ nhàng nổi lên, nghe như tiếng thở của gian nhà." Ông Hai ăn không ngon, ngủ không yên, lúc nào cũng nơm nớp, bất ổn trong nỗi tủi nhục ê chề. Thậm chí ông không dám nhắc tới, phải gọi tên cái chuyện phản bội là "chuyện ấy". Ông tuyệt giao với tất cả mọi người, "không dám bước chân ra đến ngoài" vì xấu hổ. Và cái chuyện vợ chồng ông lo nhất cũng đã đến. Bà chủ nhà bóng gió đuổi gia đình ông, chỉ vì họ là người của làng theo Tây. Gia đình ông Hai ở vào tình thế căng thẳng. Ông Hai phải đối mặt với tình cảnh khó khăn nhất: "Thật là tuyệt đường sinh sống! [...] đâu đâu có người Chợ Dầu người ta cũng đuổi như đuổi hủi. Mà cho dẫu vì chính sách của Cụ Hồ người ta chẳng đuổi đi nữa, thì mình cũng chẳng còn mặt mũi nào đi đến đâu.".

Từ chỗ yêu tha thiết cái làng của mình, ông Hai đâm ra thù làng: "Về làm gì cái làng ấy nữa. Chúng nó theo Tây cả rồi. Về làng tức là bỏ kháng chiến. Bỏ Cụ Hồ...". Và "nước mắt ông giàn ra". Ông lại nghĩ đến cảnh sống nô lệ tăm tối, lầm than trước kia. Bao nỗi niềm của ông không biết giãi bày cùng ai đành trút cả vào những lời trò chuyện cùng đứa con thơ dại:

– Húc kia! Thầy hỏi con nhé, con là con của ai?

– Là con thầy mấy lị con u.

– Thế nhà con ở đâu?

– Nhà ta ở làng Chợ Dầu.

– Thế con có thích về làng Chợ Dầu không?

Thằng bé nép đầu vào ngực bố trả lời khe khẽ:

– Có.

Ông lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu lại hỏi:

– À, thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai?

Thằng bé giơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt:

– Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!

Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thỉ:

– Ừ đúng rồi, ủng hộ Cụ Hồ con nhỉ.

Những lời đáp của con trẻ cũng là tâm huyết, gan ruột của ông Hai, một người lấy danh dự của làng quê làm danh dự của chính mình, một người son

sắt một lòng với kháng chiến, với Cụ Hồ. Những lời thốt ra từ miệng con trẻ như minh oan cho ông, chân thành và thiêng liêng như lời thề đinh ninh vang lên từ đáy lòng ông:

Anh em đồng chí biết cho bố con ông

Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông.

Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai.

Nhà văn đã nhìn thấy những nét đáng trân trọng bên trong người nông dân chân lấm tay bùn. Nhân vật ông Hai hiện ra chân thực từ cái tính hay khoe làng, thích nói về làng bất kể người nghe có thích hay không; chân thực ở đặc điểm tâm lí vì cộng đồng, vui cái vui của làng, buồn cái buồn của làng và chân thực ở những diễn biến của trạng thái tâm lí hết sức đặc trưng của một người nông dân tủi nhục, đau đớn vì cái tin làng mình phản bội. Nếu như trong biến cố ấy tâm trạng của ông Hai đau đớn, tủi cực bao nhiêu thì khi vỡ lẽ ra rằng đó chỉ là tin đồn không đúng, làng Chợ Dầu của ông không hề theo giặc, sự vui sướng càng tưng bừng, hả hê bấy nhiêu. Ông Hai như người vừa được hồi sinh. Một lần nữa, những thay đổi của trạng thái tâm lí lại được khắc hoạ sinh động, tài tình: "Cái mặt buồn thiu mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên. Mồm bỏm bẻm nhai trầu, cặp mắt hung hung đỏ hấp háy...". Ông khoe khắp nơi: "Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhẵn![...] Láo! Láo hết! Toàn là *sai sự mục đích* cả.", "Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn.[...] Ra láo! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là *sai sự mục đích* cả!". Đáng lẽ ra ông phải buồn vì cái tin ấy chứ? Nhưng ông đang tràn ngập trong niềm vui vì thoát khỏi cái ách "người làng Việt gian". Cái tin ấy xác nhận làng ông vẫn nhất quyết đứng về phía kháng chiến. Cái tin ấy khiến ông lại được sống như một người yêu nước, lại có thể tiếp tục sự khoe khoang đáng yêu của mình,... Mâu thuẫn mà vẫn hết sức hợp lí, điểm này cũng là sự sắc sảo, độc đáo của ngòi bút miêu tả tâm lí nhân vật của nhà văn Kim Lân.

Người đọc sẽ không thể quên được một ông Hai quá yêu cái làng của mình như thế. Lúc ông nói thành lời hay khi ông nghĩ, người đọc vẫn nhận thấy rất rõ đặc điểm ngôn ngữ của vùng quê Bắc Bộ, của một làng Bắc Bộ: "Nắng này là bỏ mẹ chúng nó", "không đọc thành tiếng cho người khác nghe nhờ mấy", "Thì vườn", "có bao giờ dám đơn sai",... Đặc biệt là nhà văn cố ý thể hiện những từ ngữ dùng sai trong lúc quá hưng phấn của ông Hai. Những từ ngữ "*sai sự mục đích cả*" là dấu ấn ngôn ngữ của người nông dân ở thời điểm nhận thức đang chuyển biến, muốn nói cái mới nhưng từ ngữ chưa hiểu hết. Sự sinh động, chân thực, thú vị của câu chuyện phần nào cũng nhờ vào đặc điểm ngôn ngữ này. Trong tác phẩm, nhà văn cũng thể hiện rõ sự thông hiểu về lề thói, phong tục của làng quê. Kim Lân đã vận dụng những hiểu biết đó hết sức khéo léo vào việc xây dựng tâm lí, hành động, ngôn ngữ nhân vật. Cốt truyện đơn giản, sức nặng lại dồn cả vào mạch diễn biến tâm trạng, vào lời thoại của nhân vật nên câu chuyện có

sức hấp dẫn riêng, ấn tượng riêng, độc đáo.

Tình yêu làng của ông Hai không đơn giản, hẹp hòi là tình yêu chỉ riêng đối với nơi ông sinh ra và lớn lên. I.Ê–ren–bua từng tâm đắc: "Tình yêu làng xóm trở nên tình yêu quê hương đất nước". Và bởi thế, tình yêu làng của ông Hai gắn bó chặt chẽ với tình yêu nước với tinh thần kháng chiến đang lên cao của cả dân tộc. Đó cũng chính là biểu hiện chung của tình yêu đất nước của người nông dân Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp.

Trong số rất nhiều những nhân vật nông dân khác, người đọc khó có thể quên một ông Hai yêu làng quê, yêu đất nước, thuỷ chung với kháng chiến, với sự nghiệp chung của dân tộc. Một ông Hai thích khoe làng, một ông Hai sốt sắng nghe tin tức chính trị, một ông Hai tủi nhục, đau đớn khi nghe tin làng mình theo giặc, một ông Hai vui mừng như trẻ thơ khi biết tin làng mình không theo giặc,... Ai đó đã một lần thấy nhà văn Kim Lân, nghe ông nói chuyện còn thú vị hơn nữa: hình như ta gặp ông đâu đó trong *Làng* rồi thì phải.

Ông Hai là một nhân vật độc đáo mang nhiều đặc điểm chung tiêu biểu cho người nông dân Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp nhưng đồng thời cũng mang những đặc điểm tính cách rất riêng, rất thú vị. Ông đã trở thành linh hồn của *Làng* và thể hiện trọn vẹn tư tưởng của nhà văn và tác phẩm.

Đề 120: Trong truyện ngắn *Làng*, nhà văn Kim Lân đã thể hiện một cách sinh động tinh tế diễn biến tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng Dầu theo giặc.

Dựa vào truyện ngắn *Làng* của nhà văn Kim Lân, em hãy phân tích để làm rõ điều đó.

Bài làm

Truyện ngắn "Làng" của Kim Lân là một tác phẩm đặc sắc thể hiện tình yêu của người nông dân đối với quê hương, đất nước mình trong kháng chiến chống Pháp một cách cảm động. Làm nên thành công của tác phẩm không thể không nhắc đến nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật của nhà văn. Diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Hai trong tác phẩm khi nghe tin làng Dầu của mình theo giặc được thể hiện một cách sinh động đã thể hiện điều đó.

"Làng" ra đời năm 1948. Tác phẩm lấy bối cảnh là cuộc tản cư kháng chiến của nhân dân. Ông Hai là nhân vật chính của tác phẩm, có lẽ phần vì tuổi cao, phần vì chân ông vẫn bị thương "đi tập tễnh" nên ông được vận động tản cư kháng chiến cùng gia đình. Nhưng trong thâm tâm, ông rất muốn ở lại làng để cùng anh em chiến đấu. Và chính ở nơi tản cư, ông đã bộc lộ sâu sắc tình yêu cái làng của mình.

Ông yêu cái làng của mình như đứa con yêu mẹ, tự hào về mẹ, tôn thờ mẹ, một tình yêu hồn nhiên như trẻ thơ. Ngày ngày, ông sang nhà hàng

xóm chơi hoặc đi nghe tin, đi nói chuyện,... Đến đâu ông cũng khoe về cái làng của mình. Trước Cách mạng tháng Tám, ông khoe cái sinh phần của viên tổng đốc làng ông: "Chết! Chết, tôi chưa thấy cái dinh cơ nào mà lại được như cái dinh cơ cụ thượng làng tôi.". Và mặc dù chẳng họ hàng gì nhưng ông cứ gọi viên tổng đốc là "cụ tôi" một cách rất hả hê! Sau Cách mạng, "người ta không còn thấy ông đả động gì đến cái lăng ấy nữa", vì ông nhận thức được nó làm khổ mình, làm khổ mọi người, là kẻ thù của cả làng: "Xây cái lăng ấy cả làng phục dịch, cả làng gánh gạch, đập đá, làm phu hồ cho nó. [...] Cái chân ông đi tập tễnh cũng vì cái lăng ấy". Bây giờ ông khoe làng ông khởi nghĩa, khoe "ông gia nhập phong trào từ hồi kì còn trong bóng tối", rồi những buổi tập quân sự, khoe những hố, những ụ, những giao thông hào của làng ông,... Cũng vì yêu làng quá như thế mà ông nhất quyết không chịu rời làng đi tản cư. Đến khi buộc phải cùng gia đình đi tản cư ông buồn khổ lắm, sinh ra hay bực bội, "ít nói, ít cười, cái mặt lúc nào cũng lầm lầm". Ở nơi tản cư, ông nhớ cái làng của ông, nhớ những ngày làm việc cùng với anh em: "Ô, sao mà độ ấy vui thế. Ông thấy mình như trẻ ra.[...] Trong lòng ông lão lại thấy náo nức hẳn lên.". Lúc này, niềm vui của ông chỉ là hàng ngày đi nghe tin tức thời sự kháng chiến và khoe về cái làng Chợ Dầu của ông đánh Tây.

Thế mà, đùng một cái ông nghe được cái tin làng Chợ Dầu của ông theo Tây làm Việt gian. Càng yêu làng, hãnh diện, tự hào về làng bao nhiêu thì bây giờ ông Hai lại càng thấy đau đớn, tủi hổ bấy nhiêu. Nhà văn Kim Lân đã chứng tỏ bút lực dồi dào, khả năng phân tích sắc sảo, tái hiện sinh động trạng thái tình cảm, hành động của con người khi miêu tả diễn biến tâm trạng và hành động của nhân vật ông Hai trong biến cố này.

Ông lão đang náo nức, "ruột gan ông lão cứ múa cả lên, vui quá!" vì những tin kháng chiến thì biến cố bất ngờ xảy ra. Cái tin làng Chợ Dầu theo giặc đã làm ông điếng người: "Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới rặng è è, nuốt một cái gì vướng ở cổ [...] giọng lạc hẳn đi", "Ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi" và nghĩ đến sự dè bỉu của bà chủ nhà. Ông lão như vừa bị mất một cái gì quý giá, thiêng liêng lắm. Những câu văn diễn tả tâm trạng thật xúc động: "Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ tràn ra... Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu...". Nỗi nhục nhã, mặc cảm phản bội hành hạ ông lão đến khổ sở. "Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn buôn bán ra sao? Ai người ta chứa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước...". Cả nhà ông Hai sống trong bầu không khí ảm đạm: "Gian nhà lặng đi, hiu hắt, ánh lửa vàng nhờ nhờ ở ngọn đèn dầu lạc vờn trên nét mặt lo âu của bà lão. Tiếng thở của ba đứa trẻ chụm đầu vào nhau ngủ nhẹ nhàng nổi lên, nghe như tiếng thở của gian nhà." Ông Hai ăn không ngon, ngủ không yên, lúc nào cũng nơm nớp, bất

ổn trong nỗi tủi nhục ê chề. Thậm chí ông không dám nhắc tới, phải gọi tên cái chuyện phản bội là "chuyện ấy". Ông tuyệt giao với tất cả mọi người, "không dám bước chân ra đến ngoài" vì xấu hổ. Và cái chuyện vợ chồng ông lo nhất cũng đã đến. Bà chủ nhà bóng gió đuổi gia đình ông, chỉ vì họ là người của làng theo Tây. Gia đình ông Hai ở vào tình thế căng thẳng. Ông Hai phải đối mặt với tình cảnh khó khăn nhất : "Thật là tuyệt đường sinh sống! [...] đâu đâu có người Chợ Dầu người ta cũng đuổi như đuổi hủi. Mà cho dẫu vì chính sách của Cụ Hồ người ta chẳng đuổi đi nữa, thì mình cũng chẳng còn mặt mũi nào đi đến đâu".

Từ chỗ yêu tha thiết cái làng của mình, ông Hai đâm ra thù làng: "Về làm gì cái làng ấy nữa. Chúng nó theo Tây cả rồi. Về làng tức là bỏ kháng chiến. Bỏ Cụ Hồ...". Và "Nước mắt ông giàn ra". Ông lại nghĩ đến cảnh sống nô lệ tăm tối, lầm than trước kia. Bao nỗi niềm của ông không biết giãi bày cùng ai đành trút cả vào những lời trò chuyện cùng đứa con thơ dại:

– Húc kia! Thầy hỏi con nhé, con là con của ai?

– Là con thầy mấy lị con u.

– Thế nhà con ở đâu?

– Nhà ta ở làng Chợ Dầu.

– Thế con có thích về làng Chợ Dầu không?

Thằng bé nép đầu vào ngực bố trả lời khe khẽ:

– Có.

Ông lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu lại hỏi:

– À, thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai?

Thằng bé giơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt:

– Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!

Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thỉ:

– Ừ đúng rồi, ủng hộ Cụ Hồ con nhỉ.

Những lời đáp của con trẻ cũng là tâm huyết, gan ruột của ông Hai, một người lấy danh dự của làng quê làm danh dự của chính mình, một người son sắt một lòng với kháng chiến, với Cụ Hồ. Những lời thốt ra từ miệng con trẻ như minh oan cho ông, chân thành và thiêng liêng như lời thề đinh ninh vang lên từ đáy lòng ông:

Anh em đồng chí biết cho bố con ông

Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông.

Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai.

Nhà văn đã nhìn thấy những nét đáng trân trọng bên trong người nông dân chân lấm tay bùn. Nhân vật ông Hai hiện ra chân thực từ cái tính hay khoe làng, thích nói về làng bất kể người nghe có thích hay không; chân thực ở đặc điểm tâm lí vì cộng đồng, vui cái vui của làng, buồn cái buồn của làng và chân thực ở những diễn biến của trạng thái tâm lí hết sức đặc trưng của một

người nông dân tủi nhục, đau đớn vì cái tin làng mình phản bội. Nếu như trong biến cố ấy tâm trạng của ông Hai đau đớn, tủi cực bao nhiêu thì khi vỡ lẽ ra rằng đó chỉ là tin đồn không đúng, làng Chợ Dầu của ông không hề theo giặc, sự vui sướng càng tưng bừng, hả hê bấy nhiêu. Ông Hai như người vừa được hồi sinh. Một lần nữa, những thay đổi của trạng thái tâm lí lại được khắc hoạ sinh động, tài tình: "Cái mặt buồn thỉu mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên. Mồm bỏm bẻm nhai trầu, cặp mắt hung hung đỏ hấp háy...". Ông khoe khắp nơi: "Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhẵn! [...] Láo! Láo hết! Toàn là *sai sự mục đích cả*.", "Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn.[...] Ra láo! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là *sai sự mục đích* cả!". Đáng lẽ ra ông phải buồn vì cái tin ấy chứ? Nhưng ông đang tràn ngập trong niềm vui vì thoát khỏi cái ách "người làng Việt gian". Cái tin ấy xác nhận làng ông vẫn nhất quyết đứng về phía kháng chiến. Cái tin ấy khiến ông lại được sống như một người yêu nước, lại có thể tiếp tục sự khoe khoang đáng yêu của mình, ... Mâu thuẫn mà vẫn hết sức hợp lí, điểm này cũng là sự sắc sảo, độc đáo của ngòi bút miêu tả tâm lí nhân vật của nhà văn Kim Lân.

Người đọc sẽ không thể quên được một ông Hai quá yêu cái làng của mình như thế. Mặt khác, cũng như các nhân vật quần chúng (chị cho con bú loan tin làng Chợ Dầu theo giặc), bà chủ nhà, ... cái khó quên ở nhân vật này còn là nét cá thể hoá rất đậm về ngôn ngữ. Lúc ông hai nói thành lời hay khi ông nghĩ, người đọc vẫn nhận thấy rất rõ đặc điểm ngôn ngữ của vùng quê Bắc Bộ, của một làng Bắc Bộ: "Nắng này là bỏ mẹ chúng nó", "không đọc thành tiếng cho người khác nghe nhờ mấy", "thì vưỡn", "có bao giờ dám đơn sai", ... Đặc biệt là nhà văn cố ý thể hiện những từ ngữ dùng sai trong lúc quá hưng phấn của ông Hai. Những từ ngữ "*sai sự mục đích cả*" là dấu ấn ngôn ngữ của người nông dân ở thời điểm nhận thức đang chuyển biến, muốn nói cái mới nhưng từ ngữ chưa hiểu hết. Sự sinh động, chân thực, thú vị của câu chuyện phần nào cũng nhờ vào đặc điểm ngôn ngữ này.

Xây dựng thành công diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai là thành công lớn nhất của truyện ngắn *Làng*. Điều đó đã thể hiện được tài năng của nhà văn Kim Lân trong việc khám phá chiều sâu tâm lí nhân vật. Và hơn hết, điều đó đã xây dựng trong lòng độc giả một chân dung sống động, chân thực về một tấm lòng yêu quê hương, đất nước thiết tha cảm động của người nông dân Việt Nam chất phác, thật thà.

Đề 121: Viết đoạn văn phân tích ý nghĩa tình huống truyện trong truyện ngắn *Làng* của Kim Lân.

Bài làm

Trong tác phẩm *Làng*, nhà văn Kim Lân đã xây dựng được một tình huống truyện giàu kịch tính: *Hiểu lầm* rồi *vỡ lẽ* về việc làng Dầu của mình theo giặc. Đây là dạng tình huống thường được các nhà văn sử dụng và trong tác phẩm này nó đã khiến nhân vật bộc lộ tính cách của mình. Việc

rời làng đi tản cư là sự việc có ý nghĩa tạo khung cho câu chuyện. Đó chưa phải là tình huống. Phải đến khi ông Hai nghe tin đồn làng của ông theo Tây làm Việt gian thì tình huống mới thực sự bắt đầu. Ông Hai vốn là người yêu làng tha thiết, ông rất tự hào cái làng thân yêu của mình. Và đặc biệt là đi đâu ông cũng khoe về nó, khoe về sự giàu đẹp, khoe về tinh thần chiến đấu anh hùng. Ấy vậy mà bây giờ lại có tin làng Dầu của ông theo Tây! Cái tin ấy là một cái tin chết người, nó chẳng những làm mất hết niềm tin, sụp đổ niềm tự hào về làng của ông mà còn khiến ông tủi hổ vì đã khoe khoang những điều hay về nó. Tình huống truyện kết thúc khi ông Hai biết được sự thực làng của ông không theo giặc. Qua tình huống này, hình ảnh một lão nông dân tha thiết yêu làng quê của mình, một lòng một dạ theo kháng chiến hiện ra sắc nét, với chiều sâu tâm lí, ngôn ngữ mang đậm màu sắc cá thể hoá.

Đề 122: Phân tích vẻ đẹp và bi kịch của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến được thể hiện qua văn bản *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ.

Bài làm

"Truyền kì mạn lục" của Nguyễn Dữ nhìn thoáng qua ngỡ là những câu chuyện ma quái, hoang đường nhưng ngẫm kĩ đó lại là bức tranh đời sống của xã hội thực tại. Chỉ qua truyện ngắn "Chuyện người con gái Nam Xương", đặc biệt là qua số phận của nhân vật chính trong tác phẩm – nàng Vũ Nương – ta đã phần nào hiểu thêm về số phận những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Họ đẹp đẽ, tiết hạnh nhưng phải chịu một số phận khổ đau bất hạnh khiến người đọc vừa yêu mến, trân trọng lại vừa đồng cảm, xót thương.

Nàng Vũ Nương trong tác phẩm có một nét đẹp vẹn toàn, hài hoà giữa vẻ đẹp ngoại hình và vẻ đẹp tâm hồn "vừa đẹp người vừa đẹp nết". Và đó cũng chính là vẻ đẹp tiêu biểu cho những người phụ nữ Việt Nam. Điều đó khiến người đọc luôn dành cho Vũ Nương một niềm yêu mến, trân trọng lớn lao.

Là người vợ, người mẹ hay người con dâu Vũ Nương luôn làm tròn bổn phận của mình. Trong mối quan hệ vợ hằng ngày, biết chồng "có tính đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức." Vũ Nương đã "giữ gìn khuôn phép, không từng lần nào vợ chồng phải đến thất hoà.". Hai vợ chồng chia li Vũ Nương một lòng nghĩ đến sự an nguy của chồng "Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi. [...] Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trông liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng, cũng sợ không có cánh hồng bay bổng". Xa chồng, Vũ Nương thuỷ chung, tấm lòng luôn tha thiết hướng về chồng: "Ngày qua tháng lại, thoắt đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi, thì nỗi

buồn gọc bể chân trời không thể nào ngăn được." Ngay cả khi bị chồng nghi oan, Vũ Nương vẫn nói năng đúng mực, tha thiết bày tỏ nỗi niềm và ước mong về cuộc sống gia đình hạnh phúc.

Trong mối quan hệ với mẹ chồng, nàng hết lòng chăm sóc mẹ chồng lúc ốm đau: "Nàng hết sức thuốc thang lễ bái thần phật và lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn.", thương yêu, lo lắng chu toàn: khi mẹ chồng mất "Nàng hết lời thương xót, phàm việc ma chay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình.". Đặc biệt, tấm lòng nàng dành cho mẹ chồng khiến bà cảm động: khi mất, những lời cuối cùng của cuộc đời bà dành để chúc phúc cho con dâu.

Bị chồng hiểu lầm, bị hàm oan tức tưởi, Vũ Nương đã chọn cái chết để chứng minh phẩm tiết. Hành động này cho thấy lòng tự trọng, ý thức giữ gìn danh dự, tiết hạnh ở người phụ nữ này.

Nhưng càng yêu quý, trân trọng những người phụ nữ như vậy bao nhiêu ta càng xót thương cho số phận của họ bấy nhiêu. Thật là những tấm lụa đào phất phơ giữa chợ, những trái bần trôi bị gió dập sóng dồi, những hạt mưa sa tan tác...

Xinh đẹp, tiết hạnh như vậy nhưng nàng có một cuộc hôn nhân không được lựa chọn: Trương Sinh là một kẻ vô học nhưng giàu có "xin với mẹ đem trăm lạng vàng" lấy nàng về làm vợ. Người phụ nữ vẹn toàn này không có quyền lựa chọn cho mình một người chồng tương xứng. Cuộc hôn nhân của nàng chẳng khác nào một cuộc trao đổi bán mua.

Về nhà Trương Sinh, êm thấm được một thời gian rồi chiến tranh phong kiến cũng cướp đi cái hạnh phúc gia đình nàng đã cố công gìn giữ. Không chỉ vậy, những khuôn phép cũ xưa lỗi thời được chiến tranh tiếp tay một lần nữa hại đời Vũ Nương. Và lần này đã giập vùi đời nàng vĩnh viễn. Quen theo nếp nghĩ, nếp sống trưởng giả, Trương Sinh nghi ngờ cho tấm lòng sắt son của vợ, không cho nàng thanh minh lấy nửa lời. Sự lựa chọn của Vũ Nương: trầm mình tự vẫn đã phản ánh một thực tế: xã hội phong kiến xưa không có chỗ cho những con người đẹp đẽ như nàng, nàng không thể thuộc chốn ấy. Nhưng như thế cũng có nghĩa nàng phải từ giã hạnh phúc trần gian, từ bỏ gia đình, con cái...

Người đọc nhẹ lòng khi Vũ Nương được minh oan chiêu tuyết nhưng vẫn nhói lòng bởi cái chết đã khiến nàng một đi không trở lại, để dở dang cả quãng đời đương độ viên mãn tròn đầy nhất.

Yêu mến và xót thương, hai dòng cảm xúc không khi nào nguôi khỏi tấm lòng người đọc đối với thân phận người phụ nữ xưa qua hình ảnh nàng Vũ Nương. Càng yêu thương những viên ngọc bị giập vùi ấy ta càng căm phẫn trước những thế lực phong kiến đen tối, hủ lậu chà đạp lên quyền hưởng hạnh phúc, quyền được sống của con người. Nguyễn Dữ và bao nhà thơ, nhà văn khác hẳn đã nhân đạo biết bao khi viết về những con người như thế, khơi dậy trong lòng người những cảm xúc thẩm mĩ nhân đạo hướng đến cái thiện cái mĩ của cuộc đời này... Và vì thế, ta càng trân trọng hơn hình ảnh người phụ nữ trong xã hội xưa mà nàng Vũ Nương, nàng Kiều, ...là những hiện thân sống động.

Đề 123: Viết đoạn văn ngắn (8 – 10 câu) phân tích ý nghĩa của việc Vũ Nương không trở về nhân gian nữa (trong tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ)

Bài làm

Việc nhân vật chính trong tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ – nàng Vũ Nương – không trở lại nhân gian nữa sau khi trầm mình xuống sông vì nỗi oan không gì tháo gỡ được là một chi tiết đầy ý nghĩa. Trước hết, điều đó khẳng định nhân cách tốt đẹp, lòng tự trọng của Vũ Nương. Nàng dù vẫn còn lưu luyến và khao khát hạnh phúc trần gian nhưng nàng thà lìa bỏ những khao khát của mình chứ không trở lại nơi đã ruồng rẫy nàng một cách cay nghiệt. Sự việc này đồng thời là một lời nhắc nhở nghiêm khắc thói đa nghi ghen tuông hồ đồ của Trương Sinh. Chính Trương Sinh đã vội vã kết tội đẩy Vũ Nương đến cái chết thì nay, dù chàng có ăn năn hối lỗi thế nào Vũ Nương cũng không quay lại. Điều đó cảnh tỉnh người đọc rằng: hạnh phúc đã mất đi thì không bao giờ lấy lại được, bởi vậy mỗi chúng ta cần biết nâng niu trân trọng những hạnh phúc của đời mình. Mặt khác, đây cũng là một chi tiết mang giá trị hiện thực sâu sắc. Nó tố cáo xã hội phong kiến thối nát, mục ruỗng: đó là nơi không có chỗ dung thân cho những tâm hồn đẹp đẽ, cao thượng như Vũ Nương.

Đề 124: Viết đoạn văn so sánh đặc điểm của thể *tuỳ bút* với thể *truyện* qua *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh* của Phạm Đình Hổ và *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ.

Bài làm

Tuỳ bút là thể văn dùng để ghi chép những con người và sự việc cụ thể, có thực, qua đó người viết chú trọng bộc lộ thái độ, cảm xúc, suy tư, nhận thức đánh giá của mình về con người và cuộc sống. Sự ghi chép trong tuỳ bút rất tuỳ hứng, có khi tản mạn, không theo một cốt truyện nào mà chủ yếu nhằm bộc lộ tình cảm, thái độ của tác giả. *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh* trích trong tập *Vũ trung tuỳ bút* (Tuỳ bút viết trong những ngày mưa) – tác phẩm gồm 88 câu chuyện nhỏ ghi lại phong tục, tập quán, những sự việc xảy ra trong xã hội bấy giờ,... Đoạn trích đã ghi chép lại những thói ăn chơi xa xỉ, vô độ của chúa Trịnh và các quan lại hầu cận trong phủ qua đó kín đáo bày tỏ sự bất bình và căm ghét đối với bọn chúng. Truyện là thể văn phản ánh hiện thực qua bức tranh mở rộng của đời sống qua các sự kiện, biến cố xảy ra trong cuộc đời con người. Truyện thường phải có cốt truyện và nhân vật; cốt truyện được trình bày có mở đầu, diễn biến, kết thúc; nhân vật được xây dựng có đặc điểm ngoại hình, chi tiết miêu tả nội tâm, diễn biến tâm lí,... *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ được xây dựng từ một cốt truyện hoàn chỉnh với những nhân vật, chi tiết,... cụ thể: Vũ Thị Thiết là người con gái đẹp người đẹp nết lấy chàng Trương Sinh có tính đa nghi; Trương Sinh đi lính, Vũ Nương ở nhà sinh con thường

chỉ bóng mình trên tường mà bảo con đó là cha nó; Trương Sinh trở về thấy con không nhận cha mà bảo rằng cha nó ban đêm mới đến, chàng nổi lòng ghen mắng nhiếc vợ; Vũ Nương bị hàm oan bèn trầm mình tự vẫn; Trương Sinh hiểu ra thì đã muộn,...

Đề 125: Phân tích giá trị nhân đạo trong tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ.

Bài làm

Tinh thần nhân đạo đã trở thành linh hồn của nhiều tác phẩm văn học. Nội dung ấy được thể hiện dưới nhiều màu vẻ, hình thức. Trong văn học trung đại, một trong những biểu hiện của tinh thần nhân đạo là tấm lòng nhân ái đối với số phận mong manh, nhiều bất hạnh của người phụ nữ. Qua tác phẩm "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ, nội dung đó được thể hiện qua tấm lòng trân trọng của tác giả đối với những vẻ đẹp dung dị, cao cả của người phụ nữ cũng như đồng cảm với những bất hạnh mà cuộc đời họ phải hứng chịu.

Người phụ nữ Việt Nam muôn đời nay được ngợi ca bởi vẻ đẹp dịu dàng, kín đáo và tâm hồn đôn hậu bao dung. Người phụ nữ hiện lên trong "Chuyện người con gái Nam Xương" cũng vậy. Nàng Vũ Nương đẹp nết đẹp người và là một con người đầy tự trọng.

Nàng có một "tư dung tốt đẹp" nức tiếng xa gần. Chẳng vậy mà Trương Sinh một người "con nhà hào phú" phải xin mẹ trăm lạng vàng rước nàng về làm vợ. Chẳng những vậy, nàng còn là người phụ nữ hiền hậu nết na, người vợ hiền, dâu thảo, người mẹ thương con.

Trong mối quan hệ vợ hằng ngày, biết chồng "có tính đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức." Vũ Nương đã "giữ gìn khuôn phép, không từng lần nào vợ chồng phải đến nỗi thất hoà.".

Hai vợ chồng chia li, Vũ Nương một lòng nghĩ đến sự an nguy của chồng "Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi. [...] Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trông liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng, cũng sợ không có cánh hồng bay bổng.". Như vậy là nàng không hề nghĩ đến vinh hoa phú quý, chân thành với tình vợ chồng keo sơn. Xa chồng, Vũ Nương thuỷ chung, tấm lòng luôn tha thiết hướng về chồng: "Ngày qua tháng lại, thoắt đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi, thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được".

Trương Sinh trở về, nghi cho Vũ Nương một cái oan thảm khốc; dùng những lời lẽ tàn nhẫn mà nhiếc móc nàng. Nhưng ngay cả khi ấy, Vũ Nương vẫn nói năng đúng mực, tha thiết bày tỏ nỗi niềm và ước mong về cuộc sống gia đình hạnh phúc.

Trong mối quan hệ với mẹ chồng, nàng hết lòng chăm sóc mẹ chồng lúc ốm đau: "Nàng hết sức thuốc thang lễ bái thần phật và lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn". Khi mẹ chồng mất, nàng thương yêu, lo lắng chu toàn: "Nàng hết lời thương xót, phàm việc ma chay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình.". Tấm lòng nàng dành cho mẹ chồng khiến bà cảm động để khi mất, những lời cuối cùng thiêng liêng của cuộc đời bà dành để chúc phúc cho con dâu. Xưa nay, trong dân gian vẫn lưu truyền câu nói "mẹ chồng con dâu" để chỉ mối quan hệ vốn không yên ấm giữa hai đối tượng này nhưng qua thái độ của người mẹ chồng đối với Vũ Nương người đọc thấu hiểu tấm lòng chân thành, sâu sắc đối với mẹ chồng của nàng.

Với con, Vũ Nương đã hết sức nuôi dạy, bảo ban, thương yêu và chiều chuộng con (để đến nỗi một trong những hành động vô tư của nàng đã trở thành nguyên nhân buộc nàng tự vẫn...).

Không chỉ vậy, với tư cách là một cá nhân trong xã hội, ở Vũ Nương còn nổi bật lên lòng tự trọng đầy cảm động. Bị chồng hiểu lầm, bị hàm oan tức tưởi, dẫu vẫn còn khao khát hạnh phúc trần gian nhưng Vũ Nương đã chọn cái chết để chứng minh phẩm tiết trong sạch của mình. Hành động này cho thấy lòng tự trọng, ý thức giữ gìn danh dự, tiết hạnh ở người phụ nữ đáng trân trọng này.

Ngợi ca vẻ đẹp của "người con gái Nam Xương", Nguyễn Dữ đã góp tiếng nói chung vào cảm hứng ngợi ca người phụ nữ đầy nhân văn của văn học trung đại. Bên cạnh Vũ Nương của Nguyễn Dữ ta còn có thể kể đến chị em Thúy Kiều, Thúy Vân của Nguyễn Du, người chinh phụ của Đặng Trần Côn và Đoàn Thị Điểm,...

Nhưng trong xã hội phong kiến thời kì suy sụp, thối nát cái đẹp thường đi liền với nỗi bất hạnh và những tai họa khôn lường: "Chữ tài liền với chữ tai một vần". Khi ấy, văn học lại cất lên tiếng nói đồng cảm với những thân phận bị "gió dập sóng vùi" chẳng biết "tấp vào đâu".

Nàng Vũ Nương của Nguyễn Dữ cũng phải hứng chịu nhiều bất hạnh.

Trước hết, nàng có một cuộc hôn nhân không được lựa chọn. Với vẻ đẹp vốn có, đáng ra nàng phải được kén một tấm chồng đức tài tương xứng. Nhưng đáng tiếc thay, cuộc đời lại chỉ dành cho nàng một gã Trương Sinh. Đó là một kẻ vô học nhưng giàu có "con nhà hào phú" "xin mẹ trăm lạng vàng" lấy nàng về làm vợ. Người phụ nữ vẹn toàn này không có quyền lựa chọn cho mình một người chồng tương xứng. Cuộc hôn nhân của nàng do vàng bạc mở đường, đó như một cuộc trao đổi, mua bán đầy tính thương mại.

Về đến nhà chồng, Vũ Nương phải hết sức giữ gìn, lựa con người rất mực đa nghi của Trương Sinh: "đối với vợ phòng ngừa quá sức". Nhưng hạnh phúc phải do cả hai bên vợ chồng cùng đắp vun gìn giữ. Sau mấy năm dằng dặc mong ngóng chồng về, cái giá Vũ Nương nhận được thật quá chua xót.

Khi chồng đi lính, đêm đêm để con đỡ tủi và lòng mình đỡ nhớ, Vũ Nương chỉ bóng mình trên vách rồi bảo con đó là cha nó. Nhưng thiện ý của

nàng đã bị hiểu lầm. Nghe con nói kể về người cha đêm đêm vẫn đến của nó, Trương Sinh với tính đa nghi sẵn có đã hiểu oan cho tấm lòng thủy chung của Vũ Nương. Chàng ta vội nghe lời con trẻ mà không suy xét đúng sai: "Tính chàng hay ghen, nghe con nói vậy, đinh ninh là vợ hư, mối nghi ngờ ngày càng sâu, không có gì gỡ ra được". Rồi hồ đồ, độc đoán không đếm xỉa đến những lời thanh minh của vợ, đối xử tệ bạc, vũ phu với Vũ Nương: "chỉ lấy chuyện bóng gió này nọ mà mắng nhiếc nàng, và đánh đuổi đi".

Trước nỗi oan không gì giãi bày được (vì Trương Sinh không nói rõ nguyên cớ việc nổi giận của mình), cuộc đời Vũ Nương bế tắc: nếu sống thì phải mang cái tiếng phản chồng đầy ô nhục. Bởi vậy, dẫu vẫn còn khao khát vương vấn hạnh phúc trần gian, nàng đành chấp nhận cái chết trầm mình xuống Hoàng Giang.

Thân phận nhỏ nhoi, bèo bọt của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến là vậy, họ không được làm chủ cuộc sống của mình, luôn luôn là kẻ bị động, hứng chịu những oan khiên, cay đắng. Số phận bất hạnh của Vũ Nương gợi đến bao phong ba bão táp đã đi qua cuộc đời của những Đạm Tiên, Thúy Kiều, Tiểu Thanh, người cung nữ, người chinh phụ,... trong văn học trung đại.

Nhưng nếu chỉ dừng lại ở đó, tác phẩm của Nguyễn Dữ không tiến xa hơn câu chuyện dân gian là mấy. Nguyễn Dữ đã vô cùng trăn trở với số phận của người con gái đa đoan trong tác phẩm của mình. Tin tưởng và yêu mến nhân vật, nhà văn đã để nàng gửi mình chốn cung mây mặt nước của Linh Phi. Chốn ấy dẫu chẳng được sum vầy cùng con trẻ, người thân song vẫn là nơi biết trọng những tâm hồn trong đẹp. Vũ Nương trở về nhân gian trong ánh sáng lung linh kì ảo của ánh nến, mặt nước diệu kì.

"Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ đã góp một tiếng nói nhân ái, nhân đạo để đòi quyền được sống, được hưởng hạnh phúc của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến suy tàn. Chính cảm hứng nhân đạo trong tác phẩm đã giúp "Chuyện người con gái Nam Xương" của ông đi suốt những năm tháng lịch sử thăng trầm của dân tộc.

Đề 126: Dựa vào tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ, em hãy hãy viết một đoạn văn nghị luận có câu chủ đề: "Vũ Nương là một người phụ nữ đáng thương".

Bài làm

Đáng thương thay cho nàng Vũ Nương. *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ đã cho người đọc thấy hình ảnh của một người vợ phải sống xa chồng khi bụng mang dạ chửa. Đó có lẽ là một sự khó khăn lớn. Ở bất kỳ thời đại nào, những người phụ nữ luôn cần có người chồng của mình ở bên cạnh để cùng sẻ chia và gánh vác công việc gia đình. Nhưng ở Vũ Nương, người đọc thấy rõ trên đôi vai nàng là gia đình, mẹ già và con nhỏ. Nhưng, dường như để phải đặt mình vào vị trí của Vũ Nương mà cảm nhận nỗi đau thì phải nói tới cái tủi khổ mà nàng phải chịu đựng dưới xã

hội phong kiến đầy bất công. Trong xã hội đó, người chồng là người nắm quyền, người quyết định tất thảy mọi việc, nơi chế độ đa thê tồn tại. Dưới chế độ phong kiến ấy, người đọc thực sự cảm thấy xót xa cho Vũ Nương khi nàng cất tiếng than bên bến Hoàng Giang: "Thiếp nay trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu Mĩ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho tôm cá, trên xin làm cơm cho diều quạ, và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ". Nếu như lời than làm cho mọi người thương xót thì cái chết đã chứng minh tấm lòng trinh bạch của Vũ Nương. Qua tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương*, Nguyễn Dữ đã thực sự để lại trong người đọc sự thương cảm sâu sắc đối với thân phận người phụ nữ dưới chế độ phong kiến.

Đề 127: Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về nhân vật Trương Sinh trong tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ.

Bài làm

Trong tác phẩm "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ, nhân vật Trương Sinh là người đàn ông gia trưởng, vốn tính đa nghi và hoàn toàn có cái thế của người chồng trong xã hội phong kiến. Cuộc hôn nhân của Trương Sinh và Vũ Nương là cuộc hôn nhân không có tình yêu, Trương Sinh "mến vì dung hạnh" nên đem trăm lạng vàng cưới về. Và khi Trương Sinh đi lính về, tâm trạng lại nặng nề vì tin mẹ mất. Sự nặng nề đó, kết hợp với thói đa nghi và lời nói của đứa con nhỏ đã kích động thói ghen tuông của Trương. Anh ta đinh ninh là vợ hư: "mối nghi ngờ ngày càng sâu, không có gì gỡ ra được". Trương Sinh đã xử sự hồ đồ, độc đoán, la mắng, đánh đuổi vợ, không bình tĩnh phán đoán, phân tích sự việc, cũng không tin hàng xóm bênh vực Vũ Nương và những lời phân trần của nàng. Đó là thái độ độc đoán, vũ phu, hồ đồ, đẩy người vợ đến cái chết.

Đề 128: Viết đoạn văn phân tích ý nghĩa của yếu tố kì ảo trong tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ.

Bài làm

Yếu tố kỳ ảo trong tác phẩm "Chuyện người con gái Nam Xương" đã được tác giả Nguyễn Dữ thể hiện thật nhiều ở phần kết với những yếu tố trong truyện cổ tích. Đó là chi tiết Phan Lang – người cùng làng với Vũ Nương nằm mộng thả rùa và khi Phan Lang chạy nạn bị chết đuối đã được thần rùa Linh Phi cho uống thuốc tiên sống lại, cho trở về trần gian. Đó là chi tiết Vũ Nương được Trương Sinh lập đàn giải oan trên bờ Hoàng Giang và trở về trên chiếc kiệu hoa lấp lánh giữa dòng lúc ẩn... lúc hiện. Đây cũng là những chi tiết làm hoàn thiện nét đẹp tâm hồn của Vũ Nương: vẫn luôn khát khao được phục hồi danh dự, vẫn mong muốn được chăm lo cho chồng con, nhà cửa. Và đồng thời đây cũng là một kết thúc có hậu, thể hiện được ước mơ ngàn đời của nhân dân ta về sự công bằng trong cuộc đời: người tốt

dù có bị nghi oan rồi cũng được đền trả xứng đáng và cái thiện luôn luôn chiến thắng cái ác.

Đề 129: Viếng lăng Bác là bài ca ân tình cảm động, đẹp đẽ của nhà thơ Viễn Phương và đồng bào miền Nam đối với Bác Hồ vô vàn kính yêu. Phân tích bài thơ Viếng lăng Bác của Viễn Phương để làm sáng tỏ nhận xét trên.

Bài làm

Chủ tịch Hồ Chí Minh là đề tài ngợi ca của biết bao thi nhân trong và ngoài nước. Có thể kể đến Tố Hữu, Xuân Diệu, Chế Lan Viên,... Và trong số rất nhiều những tên tuổi nổi tiếng, Viễn Phương vẫn giành được một vị trí riêng cho mình với bài thơ "Viếng lăng Bác". Bài thơ là bài ca ân tình cảm động, đẹp đẽ của nhà thơ Viễn Phương và đồng bào miền Nam đối với Bác Hồ vô cùng kính yêu.

Bài thơ ra đời năm 1976 – một năm sau ngày đất nước thống nhất. Được ra miền Bắc thăm Bác Hồ là niềm mong mỏi của biết bao người con miền Nam. Viễn Phương may mắn là thế hệ đồng bào miền Nam đầu tiên được ra viếng lăng Bác. Nhà thơ đón nhận niềm may mắn ấy bằng một tâm trạng xúc động vô bờ:

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.

Nhà thơ xưng "con" gọi "Bác", cách xưng hô ấy vừa yêu thương, thân thiết lại vừa thể hiện được tấm lòng kính yêu của tác giả hướng về Bác Hồ. Viễn Phương đến với lăng Bác vào buổi sớm mai khi sương còn giăng mờ những hàng tre quanh lăng. Có phải nhà thơ đã đợi chờ, mong mỏi giây phút này từ lâu lắm... Không nén nổi mong chờ, thi nhân đã đến lăng Người từ rất sớm. Từ xa, nhà thơ hướng về lăng Bác đã thấy hình ảnh hàng tre ngà gần gũi, thân quen: " Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát". Không nén được xúc động, Viễn Phương như thốt lên:

"Ôi hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa vẫn thẳng hàng".

Hình ảnh hàng tre có người Việt Nam nào không thấy gắn bó. Tre bao quanh làng cho bóng mát. Tre làm rá, rổ, giần sàng... Tre làm chông, làm gậy đặng đánh giặc thù giữ nước. Và tre còn là biểu tượng cho bao đức tính tốt đẹp của người dân Việt Nam chịu thương, chịu khó, cần cù, chăm chỉ... Và hơn hết, qua bao gian khó, hiểm nguy tre vẫn kiên trì bám đất, bám làng sống hiên ngang như dân tộc Việt Nam vững vàng đi qua những sóng gió của thời đại. Trong câu thơ "Bão táp mưa sa vẫn thẳng hàng", nhà thơ đã vận dụng thành công thành ngữ "bão táp mưa sa" để thể hiện những khó khăn, vất vả mà cây tre phải đương đầu cũng như những vất vả, truân

chuyên mà bao thế hệ người Việt đã chiến đấu để chiến thắng. Đến với lăng Bác, bắt gặp hình ảnh hàng tre xanh xanh thắm tươi, nhà thơ dâng trào những cảm xúc yêu thương, tự hào về nhân dân, về Tổ quốc thân yêu của mình.

Qua những hàng tre, nhà thơ bồi hồi tiến về lăng Bác. Khung cảnh gần lăng càng khiến Viễn Phương xúc động hơn nữa:

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...

Mặt trời trong câu "*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*" là hình ảnh nhân hoá. Từ sự nhân hoá này để tạo ra liên hệ với mặt trời trong câu sau: *mặt trời trong lăng*. *Mặt trời* trong lăng là hình ảnh ẩn dụ, tượng trưng cho Bác Hồ. Viết như vậy, nhà thơ muốn khẳng định: nếu mặt trời mang lại ánh sáng cho trái đất thì Bác Hồ mang lại ánh sáng cho dân tộc Việt Nam và rồi Bác cũng sẽ bất tử như vầng thái dương rực sáng. Không chỉ vậy, "mặt trời" của thiên nhiên đi qua lăng còn phải nghiêng mình trước "mặt trời" của dân tộc: "Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ". Hình ảnh dòng người xếp hàng vào lăng viếng Bác được ví với tràng hoa cũng là một liên tưởng độc đáo vừa mang tính tả thực vừa mang ý nghĩa biểu tượng. Đoàn người đi từ bên lăng lên trước lăng, vào trong lăng rồi lại đi ra bên lăng giống như một tràng hoa. Bảy mươi chín mùa xuân, bảy mươi chín năm của cuộc đời Bác dành trọn cho dân tộc, vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân. Tràng hoa viếng Người được kết bằng những tấm lòng thành kính, nhớ thương của triệu triệu người con hướng về vị cha già dân tộc. Điệp từ "*ngày ngày*" tạo ấn tượng về thời gian vĩnh viễn, vô tận, mặt trời kia là vĩnh viễn, tình cảm nhớ thương của nhân dân đối với Bác cũng là vĩnh viễn. Lòng tiếc thương khôn nguôi đối với Bác tiếp tục được khắc sâu trong khổ thơ tiếp theo:

Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim!

Không gian trong lăng được cảm nhận là không gian của giấc ngủ, nơi Bác nằm được cảm nhận là vầng trăng toả sáng dịu hiền. "*Nằm trong giấc ngủ*" cũng là cách nói nhằm giảm cảm giác mất mát, gợi vẻ ung dung, tự tại của Bác. Vầng sáng như vầng trăng bao quanh hình hài Người một không gian yên bình tuyệt đối. Tuy nhiên, mặc dù vẫn biết trong tình cảm mọi người, Bác sẽ sống mãi cùng thời gian, vĩnh viễn như trời xanh, nhưng không thể không đau lòng trước một sự thật: Người đã vĩnh viễn ra đi.

Khổ thơ cuối cùng là những lời ước nguyện nghẹn ngào:

Mai về miền Nam thương trào nước mắt

Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.

Điệp ngữ "*Muốn làm*" diễn tả trạng thái xúc động mãnh liệt đang dâng lên trong lòng người con sắp trở về miền Nam, từ biệt nơi có người cha già yên nghỉ. Lời thơ giản dị mà giàu sức truyền cảm. Muốn gắn bó với lăng Bác, dường như tác giả còn muốn thể hiện tình cảm của cả miền Nam với Bác Hồ, với miền Bắc ruột thịt. Bài thơ mở đầu bằng hình ảnh hàng tre xanh và khép lại cũng bằng hình ảnh cây tre như sự khẳng định về lòng trung kiên, son sắt, bộc lộ tâm nguyện hướng về Bác Hồ, như một lời hứa về tinh thần bền bỉ gìn giữ nước non thống nhất.

Trong bài thơ "Viếng lăng Bác", Viễn Phương đã sử dụng thành công nhiều biện pháp nghệ thuật đặc biệt là thủ pháp ẩn dụ, nhân hoá... Điều đó đã tạo nên nét độc đáo cho bài thơ.

Trong nhiều bài thơ rất hay viết về Bác Hồ, "Viếng lăng Bác" của Viễn Phương đã tự dành cho mình một vị trí rất riêng bởi sự kết hợp nhuần nhị giữa tình cảm chân thành sâu lắng và những thủ pháp nghệ thuật sáng tạo, độc đáo.

Đề 130: Em hãy phân tích đoạn thơ sau đây (Trích trong bài thơ *Viếng lăng Bác* của nhà thơ Viễn Phương):

"Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa, đứng thẳng hàng.

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.

Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim..."

(Theo Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục, HN 2008)

Bài làm

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại là đề tài ngợi ca của bao áng thơ ca, nhạc hoạ. Đã có rất nhiều nhà thơ viết về Bác: Tố Hữu, Chế Lan, Viên, Xuân Diệu,... Đến lượt mình, nhà thơ Viễn Phương cũng lặng lẽ dâng lên hương hồn người Cha già kính yêu của toàn dân tộc một "Viếng lăng Bác" làm xúc động lòng người. Đoạn thơ sau đây đã thể hiện rõ điều đó:

"Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa, đứng thẳng hàng.

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.

Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim..."

(Theo Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục, HN 2008)

Bài thơ ra đời vào tháng 4 năm 1976. Đây là một hoàn cảnh lịch sử thật đặc biệt: là một năm sau ngày thống nhất đất nước, lăng Bác vừa được khánh thành và Viễn Phương là một trong những người con miền Nam đầu tiên được ra thăm miền Bắc để vào lăng viếng Bác.

Câu thơ đầu tiên cũng đã nêu ra hoàn cảnh đó: "Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác". Nhà thơ xưng "Con" gọi "Bác" rất thân mật, gần gũi đồng thời thể hiện lòng tin yêu đối với Người. Phải rồi, Bác là vị Cha già của toàn dân tộc nhưng với riêng miền Nam Bác còn nhiều nỗi nặng lòng. Sinh thời, Bác "nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà" bởi Bác thương miền Nam "đi trước về sau" sau năm 1954 vẫn chưa được độc lập. Người từng có mong muốn được vào miền Nam để thăm hỏi và động viên đồng bào chiến sĩ. Và trước ân tình của Bác, cũng "mong Bác nỗi mong cha" bởi thế, hôm nay đây, khi Viễn Phương đến với lăng Bác, đó thực sự là một viếng thăm đầy cảm động.

Đến với lăng Bác, hình ảnh đầu tiên mà nhà thơ bắt là "Hàng tre bát ngát". Những bụi tre ngà duyên dáng được trồng bên lăng Bác vươn mình lên cao là điểm nhìn của bao người đến với lăng Người. Nhưng nhà thơ nhắc đến hình ảnh hàng tre còn có một ngụ ý khác:

"Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng".

Viễn Phương đã vô cùng xúc động khi gặp hình ảnh hàng tre bởi cả cuộc đời Bác đã hiến dâng cho dân tộc. Mà hình ảnh những tre đã trở thành biểu tượng cho dân tộc Việt Nam mình bất khuất, kiên trung. "Hàng tre xanh" và đó là sắc "xanh Việt Nam" đầy kiêu hãnh. Trong câu thơ tiếp, nhà thơ đã vận dụng có hiệu quả thành ngữ "bão táp mưa sa" để chỉ những giông tố của thời đại mà đất nước ta từng phải hứng chịu. Nhưng qua bao nhiêu chông gai, thử thách tre vẫn "đứng thẳng hàng" như non sông này vẫn ngẩng cao đầu tiến bước.

Bước gần đến lăng hơn nữa, nhà thơ cùng đoàn người chầm chậm vào lăng viếng Bác:

"Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân".

Trong những câu thơ trên, Viễn Phương thật tài hoa khi sử dụng phép tu từ nhân hoá và ẩn dụ. "Mặt trời trong lăng" chính là Bác Hồ vô cùng kính yêu và vĩ đại. Ngầm so sánh với mặt trời, nhà thơ đã thầm ngợi ca sự vĩ đại của Bác. Nếu như mặt trời của tự nhiên mang ánh sáng đến cho nhân loại thì Bác là người mang ánh sáng tự do đến cho dân tộc. Không chỉ vậy, nếu như mặt trời bất tử cùng tự nhiên vũ trụ thì Bác Hồ cũng sẽ bất tử cùng non nước Việt Nam tươi đẹp. Câu thơ thể hiện niềm tin yêu thành kính vô bờ đối với Bác Hồ của nhà thơ. Đặc biệt, được kết hợp với phép nhân hoá "Mặt trời đi qua... thấy...mặt trời trong lăng rất đỏ" ta còn có cảm giác như mặt trời của tự nhiên cũng phải ngắm nhìn, chiêm ngưỡng mặt trời của dân tộc – chính là Bác Hồ kính yêu... Không chỉ Viễn Phương mà cả non sông đang tụ họp về đây "đi trong thương nhớ" tưởng niệm anh linh của Bác. Và đặc biệt, dòng người tuôn trào, bất tận ấy đang "kết tràng hoa" tươi thắm để kính dâng lên "bảy mươi chín mùa xuân" trong sáng – bảy mươi chín năm Bác sống cùng non sông gấm vóc. Những liên tưởng kì diệu ấy của nhà thơ hoàn toàn dựa trên những hình ảnh có thực. Dòng người vào lăng viếng Bác chẳng những có muôn vàn sắc áo mà còn mang nhiều màu da, đến từ nhiều vùng miền khác nhau của đất nước, của thế giới. Tất cả đến lăng Bác với niềm tin yêu, sự tôn kính vô bờ. Vậy mỗi con người là một tấm lòng, là một bông hoa để dòng người kết thành tràng hoa tươi thắm. Điệp từ "ngày ngày" được lặp lại đến hai lần để sự bất tử của Bác, lòng thành kính của nhân loại đối với Bác sẽ trường tồn cùng thời gian. Đồng thời câu thơ cuối cùng là một câu thơ 9 tiếng – câu thơ phá luật khiến nhịp thơ như dài ra, theo đó, tràng hoa dâng lên Bác cũng như kéo dài ra bất tận, niềm xúc động tuôn trào không sao kìm giữ được.

Bước vào lăng Bác, niềm xúc động và những suy tưởng thiêng liêng càng trào dâng hơn nữa:

"Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền".

Bác đã đi xa nhưng nhà thơ không dám nhìn vào cũng không dám nhắc đến sự thật đau đớn ấy. Viễn Phương viết "giấc ngủ bình yên" để làm dịu vợi đi nỗi đau mất Bác. "Vầng trăng sáng dịu hiền" vừa thể hiện sự bình yên trong giấc ngủ của Bác vừa khẳng định: Bác thật gần chúng ta, giống như vầng trăng hiền hoà, dịu mát vậy. Trong đoạn thơ trên, nhà thơ ví Bác với mặt trời, trong khổ thơ này, Bác lại nằm giữa "vầng trăng sáng dịu hiền", điều này có mâu thuẫn với nhau không? Câu trả lời là không bởi Bác

vĩ đại như mặt trời nhưng cũng gần gũi và giản dị biết bao nhiêu "Người là Cha, là Bác, là Anh" của lớp lớp các thế hệ người Việt. Nhìn hình ảnh Bác "trong giấc ngủ bình yên" như vậy, nhà thơ không nén nổi niềm xúc động:

"Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim".

Vẫn biết trời xanh thuộc về tự nhiên và trời xanh được quyền bất tử nhưng vẫn thấy đau xót vẫn "nhói" ở trong tim bởi so với trời xanh đời người sao mà ngắn ngủi. Bác là vầng dương của xã hội nhưng Bác vẫn phải đi xa... Không chỉ vậy, một lần nữa, nhà thơ sử dụng biện pháp ẩn dụ trong câu thơ "trời xanh là mãi mãi". Trời xanh và cũng là Bác Hồ. Vẫn biết Người bất tử cùng non nước nhưng có một sự thật là bác đã mãi mãi đi xa, dân tộc Việt Nam không thể có Bác lần thứ hai trong đời...

Đoạn thơ đã diễn tả những cảm xúc nghẹn ngào, tình yêu mến chân thành của nhà thơ Viễn Phương dành cho Bác. Nhà thơ cũng đã sử dụng thành công nhiều biện pháp tu từ: nhân hoá, ẩn dụ, điệp từ,...

Với tình cảm chân thành tha thiết và sự tài hoa trong việc sáng tạo những hình ảnh thơ, giữa rất nhiều những bài thơ hay viết về Bác, "Viếng lăng Bác" của Viễn Phương vẫn tìm được cho mình một vị trí trang trọng trong lòng người yêu thơ cả nước.

Đề 131: Nêu cảm nhận của em về hình ảnh hàng tre trong khổ thơ đầu bài thơ *Viếng lăng Bác* của Viễn Phương.

Bài làm

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát

Đến với lăng Bác trong buổi sớm mai, vẻ đẹp đầu tiên nhà thơ nhận ra là hình ảnh "hàng tre bát ngát", hình ảnh tượng trưng cho ý chí và sức mạnh quật cường của dân tộc. Niềm xúc động đã cất lên thành lời:

Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng

"Hàng tre" quanh lăng Bác phải chăng là biểu tượng của cây cỏ mang màu sắc quê hương về đây hội tụ. Tre là một loài cây luôn vươn cao, đứng thẳng, hiên ngang trong "bão táp mưa sa". Vì thế tre mang nhiều đặc điểm giống như đức tính của người Việt Nam ta: cần cù, chịu khó, hiên ngang, luôn hướng về cội nguồn. Hàng tre lăng Bác tượng trưng cho thế đứng vững vàng của toàn dân tộc. Giọng thơ bồi hồi tha thiết mà rạo rực, tự hào, kiêu hãnh.

Đề 132: Cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh là nguồn cảm hứng vô tận cho sáng tạo nghệ thuật. Mở đầu tác phẩm của mình, một nhà thơ viết:

"Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác...

Và sau đó, tác giả thấy:

"...Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim!..."

Những câu thơ trên trích trong tác phẩm nào? Viết đoạn văn nêu vài nét về tác giả và hoàn cảnh ra đời của bài thơ ấy.

Bài làm

Những câu thơ trên trích trong bài thơ "Viếng lăng Bác" của Viễn Phương. Nhà thơ Viễn Phương tên thật là Phan Thanh Viễn, ông sinh năm 1928, quê ở tỉnh An Giang. Nhà thơ là một trong những cây bút có mặt sớm nhất của lực lượng văn nghệ giải phóng ở miền Nam thời kỳ chống Mĩ cứu nước. Thơ Viễn Phương thường nhỏ nhẹ, giàu tình cảm, khá quen thuộc với bạn đọc thời kháng chiến chống đế quốc Mĩ. Bài thơ "Viếng lăng Bác" của ông ra đời năm 1976. Đó là thời điểm một năm sau ngày đất nước thống nhất, lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh được xây dựng xong, đồng bào miền Nam đã có thể thực hiện được mong ước ra viếng Bác. Nhà thơ Viễn Phương là một trong những người miền Nam đầu tiên được thỏa nguyện mong ước thiêng liêng ấy. Trong niềm xúc động vô bờ của đoàn người vào lăng viếng Bác, ông đã viết bài thơ này.

Đề 133: Từ những câu đã dẫn kết hợp với những hiểu biết của em về bài thơ, hãy viết đoạn văn cho biết cảm xúc trong bài được biểu hiện theo trình tự nào?

Bài làm

Cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh là nguồn cảm hứng vô tận cho sáng tạo nghệ thuật. Bài thơ "Viếng lăng Bác" của Viễn Phương cũng bắt nguồn từ nguồn cảm hứng ấy. Cảm xúc bao trùm trong bài thơ là niềm xúc động thiêng liêng, thành kính, lòng biết ơn và tự hào xen lẫn nỗi xót đau khi tác giả vào lăng viếng Bác. Điều đó được thể hiện theo trình tự cuộc vào lăng viếng Bác. Mở đầu là niềm xúc động vô bờ của nhà thơ khi ngắm nhìn cảnh bên ngoài lăng: từ xa nhìn về phía lăng đã thấy hình ảnh hàng tre xanh đầy sức gợi; đến gần hơn là hình ảnh mặt trời ngày ngày đi qua trên lăng và dòng người bất tận cũng đang ngày ngày vào lăng viếng Bác. Nỗi xúc động thiêng liêng xen lẫn cảm giác đau xót trào dâng khi nhà thơ bước vào lăng được đến gần hơn với hình hài của Bác. Giây phút rời lăng Bác cũng được thể hiện trong khổ thơ cuối cùng, tác giả bộc lộ niềm mong ước thiết tha muốn tấm lòng mình mãi mãi ở lại bên lăng Bác.

Đề 134: Trong đoạn thơ trên, sự thật là Bác Hồ đã ra đi nhưng vì sao nhà thơ vẫn dùng từ *thăm* và cụm từ *giấc ngủ bình yên*? Hãy viết đoạn văn nêu ý kiến của em.

Bài làm

Trong bài thơ, nhà thơ thể hiện rất rõ ý thức của bản thân về việc Bác đã ra đi (điều đó trước hết thể hiện ở tiêu đề bài thơ: "Viếng lăng Bác" – nhà thơ dùng từ "viếng" không phải từ "thăm" hay "đến", "vào",...). Nhưng sau đó, ông lại dùng từ "thăm" và cụm từ "giấc ngủ bình yên". Điều đó không hề mâu thuẫn với nhau, nó đã phản ánh đúng quy luật tâm lí tình cảm của nhà thơ nói riêng và mỗi người dân Việt Nam cũng như bạn bè quốc tế nói chung: dù biết Bác đã mãi mãi đi xa nhưng không ai có thể nhìn thẳng vào sự thật đau đớn ấy. Nhà thơ dùng từ "thăm", "giấc ngủ" để làm vơi đi nỗi đau mất mát. Không chỉ vậy, từ "thăm" vẫn thể hiện được tình cảm chân thành, yêu kính đối với Bác. Và cụm từ "giấc ngủ bình yên" đã làm đẹp thêm cho hình ảnh tuyệt vời của Bác trong lăng.

Đề 135: Dựa vào khổ thơ trên, hãy viết một đoạn văn khoảng 10 câu theo phép lập luận quy nạp (có sử dụng phép lặp và có một câu chứa thành phần phụ chú) để làm rõ lòng kính yêu và niềm xót thương vô hạn của tác giả đối với Bác khi vào trong lăng.

Bài làm

"Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền"

Bác đã vĩnh viễn đi xa nhưng Viễn Phương vẫn viết "giấc ngủ bình yên" để làm dịu vợi đi nỗi đau mất Bác. Nhà thơ không dám nhìn vào và cũng không dám nhắc đến sự thật đau đớn ấy. Cụm từ "giấc ngủ bình yên" đồng thời thể hiện được vẻ đẹp yên bình, thánh thiện của hình hài Bác nằm trong lăng. Đó là cơ sở để nhà thơ tiếp tục thể hiện tấm lòng thương yêu của mình đối với Bác: "Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền". Hình ảnh thơ vừa thể hiện sự êm đềm, thanh thản trong "giấc ngủ" của Bác vừa khẳng định một chân lí: Bác thật gần chúng ta, như vầng trăng hiền hoà, dịu mát vậy. Cùng với việc ngầm so sánh Bác với hình ảnh mặt trời trong khổ thơ trước đó (trong câu thơ "Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ") hai câu thơ trên còn khẳng định một điều Bác thật thiêng liêng: Bác vĩ đại như mặt trời nhưng cũng gần gũi và giản dị biết bao nhiêu, "Người là Cha, là Bác, là Anh" của lớp lớp các thế hệ người Việt. Nhưng hình ảnh Bác càng lớn lao, càng "dịu hiền" bao nhiêu, nhà thơ càng không nén nổi cảm xúc bấy nhiêu:

"Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim".

Trời xanh và cũng là Bác Hồ vô vàn yêu kính. Vẫn biết Người bất tử cùng non nước nhưng có một sự thật là Bác đã mãi mãi đi xa, dân tộc Việt

Nam không thể có Bác lần thứ hai trong đời... Khổ thơ tuy ngắn ngủi nhưng đã thay lời tác giả diễn tả cảm động tình yêu mến Bác chân thành, sự nghẹn ngào đau xót trước sự ra đi mãi mãi của Người.

Đề 136: Trong đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* (*Truyện Kiều* – Nguyễn Du) có tám câu cuối nhà thơ đã rất tài hoa trong nghệ thuật tả cảnh ngụ tình. Mỗi cảnh vật như nói với ta một nỗi buồn khác nhau và nỗi buồn đó ngày càng mãnh liệt hơn, ghê gớm hơn.

Phân tích đoạn trích để làm rõ nội dung đó.

Bài làm

Tuyệt tác "Truyện Kiều" của đại thi hào Nguyễn Du thành công trước hết ở những đoạn thơ tả cảnh tả tình tuyệt bút. Đó là những đoạn thơ "tả cảnh ngụ tình" đầy sức gợi. Trong đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* (*Truyện Kiều*), Nguyễn Du đã có tám câu thơ cuối rất tài hoa trong nghệ thuật tả cảnh ngụ tình. Mỗi cảnh vật như nói với ta một nỗi buồn khác nhau và nỗi buồn đó ngày càng mãnh liệt hơn, ghê gớm hơn:

"Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ rầu rầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi".

Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình là mượn cảnh vật để gửi gắm (ngụ) tâm trạng. Cảnh được miêu tả không đơn thuần là bức tranh thiên nhiên mà còn là bức tranh tâm trạng. Cảnh là phương tiện miêu tả còn tình là đích của sự miêu tả. Đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* là một trong những đoạn trích tiêu biểu cho nghệ thuật ấy, nhất là sự vận dụng thành công trong tám câu thơ cuối đoạn Trong sáu câu thơ đầu, khung cảnh thiên nhiên trước lầu Ngưng Bích với không gian, thời gian được nhìn qua con mắt của nhân vật, bộc lộ hoàn cảnh tâm trạng cô đơn, tội nghiệp của Thuý Kiều:

Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung
Bốn bề bát ngát xa trông
Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia
Bẽ bàng mây sớm đèn khuya
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng

Lầu Ngưng Bích nơi Kiều bị giam lỏng được gọi là nơi *khoá xuân*. Đó có nghĩa là nơi khoá giữ tuổi trẻ, ước mơ và hoài bão của đời thiếu nữ. Không gian nơi ấy mênh mông, chống chếnh làm sao: *non xa, trăng gần, bốn bề*

bát ngát xa trông, ... Vẻ xa xôi, mênh mông của thiên nhiên càng tô đậm tình cảnh cô đơn, trơ trọi của Kiều. "Mây sớm đèn khuya" chỉ một mình nàng "bẽ bàng" vào ra hôm sớm. Hình ảnh *trăng, mây sớm đèn khuya* biểu đạt sự quay vòng của thời gian. Cùng với những hình ảnh gợi tả không gian, sự tuần hoàn đều đặn của thời gian càng nhấn đậm thêm tình cảnh cô đơn, buồn bã của Kiều. Đúng là *nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng*.

Bơ vơ nơi chân trời góc bể ấy, tấm lòng Kiều hướng cả về quê hương xứ sở cùng những người thân yêu nhất của mình.

"Tưởng người dưới nguyệt chén đồng
Tin sương luống những rày trông mai chờ
Chân trời góc bể bơ vơ
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai
Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh biết ai đó giờ
Sân Lai cách mấy nắng mưa
Có khi gốc tử đã vừa người ôm".

Trước hết, nàng nhớ tới Kim Trọng – mối tình đầu trong trẻo, say đắm của mình. Kiều tưởng tượng ra cảnh chàng Kim cũng đang nhớ về mình, mong ngóng mà vẫn bặt tin:

"Tưởng người dưới nguyệt chén đồng
Tin sương luống những rày trông mai chờ".

Nghĩ đến đó, tâm trạng Kiều đau đớn, xót xa, tủi phận:

"Bên trời góc bể bơ vơ
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai".

Nàng nhớ đến cha mẹ, thương cha mẹ ngày ngày tựa cửa ngóng tin con "*xót người tựa cửa hôm mai*", ngậm ngùi vì tuổi già trước sự khắc nghiệt của thời gian "*sân Lai cách mấy nắng mưa – Có khi gốc tử đã vừa người ôm*", day dứt vì mình không được ở bên để báo đáp công ơn sinh thành "*quạt nồng ấp lạnh biết ai đó giờ*".

Nguyễn Du để Kiều nhớ tới Kim Trọng trước là hoàn toàn phù hợp với diễn biến tâm lí của nhân vật trong cảnh ngộ cụ thể, đảm bảo tính chân thực cho hình tượng. Trong tình cảnh bị Mã Giám Sinh làm nhục, lại ép tiếp khách làng chơi nên hiện trạng tâm lí Kiều là nỗi đau đớn về "tấm son gột rửa bao giờ cho phai", là nỗi buồn nhớ người yêu, nuối tiếc mối tình đầu đẹp đẽ. Kiều đã hi sinh thân mình vì đạo hiếu, khi lâm vào tình cảnh đáng thương, nàng lại một lòng nhớ đến Kim Trọng, nhớ thương cha mẹ, quên cả cảnh ngộ của mình. Trong đoạn trích này, Kiều hiện ra với đức vị tha cao đẹp.

Càng nhớ người yêu, càng nhớ cha mẹ, Kiều càng đau xót cho số phận và hoàn cảnh buồn khổ của mình. Tâm trạng ấy của nàng tập trung vào tám câu thơ cuối đoạn trích. Tại đó, Nguyễn Du đã cho thấy

một bút pháp tả cảnh ngụ tình đặc sắc. Cảnh vật được miêu tả qua tâm trạng, tâm trạng nhuốm lên cảnh vật, cảnh vật thể hiện tâm trạng. Sắc thái của bức tranh thiên nhiên thể hiện từng trạng thái tình cảm của Thuý Kiều.

Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.

Buổi chiều tà thường gợi nỗi nhớ về quê hương xứ sở. Ca dao từng có câu:

"Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều".

Huống gì cảnh chiều hôm lại đứng trước biển trời bao la. Khung cảnh rợn ngợp ấy gọi nỗi cô đơn không gì khoả lấp. Kiều thấy cả những cánh buồm "thấp thoáng", những cánh buồm chợt ẩn, chợt hiện không rõ ràng phía chân trời chứng tỏ nàng đã ngóng trông đau đáu đến nhường nào. Trong những cánh buồm đi về nơi tổ ấm nơi xa kia, liệu có cánh buồm nào đưa Kiều về với quê mẹ của nàng?

Lại đây nữa, thêm cảnh là lại thêm buồn:

Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu.

Nhìn cánh hoa rơi bị cuốn theo dòng nước, nàng nghĩ đến thân phận trôi dạt, vô định của mình, chẳng biết rồi mình sẽ đi đâu về đâu. Những động từ, tính từ trong câu thơ tất thảy đều gợi sự dạt trôi, vô định đến vô tình của tạo hoá: "sa", "man mác". Điều đó khiến cho không phải bản thân cánh hoa mà trong sự "trôi" của cánh hoa đã phảng phất nỗi buồn "man mác" tủi hờn. Nó cùng giống như những chuỗi ngày nhạt nhẽo vô vị Kiều phải giam mình nơi lầu xanh ô nhục và đơn độc này:

Buồn trông nội cỏ rầu rầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh

"Rầu rầu" gợi dáng vẻ rũ xuống, lả đi. Nếu như "nội cỏ rầu rầu" thì cái sắc "xanh xanh" liền chân mây mặt đất kia hẳn không phải sắc xanh của tuổi trẻ, hi vọng và tình yêu. Nó là màu xanh cỏ úa héo hon rầu rĩ. Nó chẳng khác nào nỗi lòng đang tan ra vì buồn tủi của Thuý Kiều.

Đáng sợ hơn, nơi lầu Ngưng Bích bơ vơ tứ bề biển cả, Kiều còn mang một dự cảm hãi hùng về tương lai đầy sóng gió:

Buồn trông gió cuốn mặt duyềnh,
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

"Gió cuốn mặt duềnh" để báo trước một đợt giông bão của biển cả và cũng là báo trước những giông bão của cuộc đời. Vậy là bi kịch của đời Kiều chưa dừng lại. Con Tạo còn muốn đánh ghen đến "dập liễu vùi hoa tơi bời" mới thoả. Nghe trong tiếng "ầm ầm" của sóng bể có tiếng bước chân của những bầy Khuyển Ưng hung hãn và vô nhân tính.

Từng chi tiết, hình ảnh khung cảnh thiên nhiên đều mang đậm trạng

thái tình cảm của Thuý Kiều. Mỗi cảnh là mỗi tình, song tất cả đều buồn thương, đúng là: "Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ". Đặc biệt, cụm từ *buồn trông* lặp lại bốn lần trong tám câu thơ như những đợt sóng lòng trùng điệp, càng khiến nỗi buồn dằng dặc, mênh mông, kết hợp với cái nhìn từ xa đến gần, thu hẹp dần vào nội cảm con người để đến cuối đoạn thì tâm trạng cô đơn, sầu nhớ, cảm giác đau đớn trào lên. Sóng gió nổi lên như sự báo về những đau khổ ê chề rồi đây sẽ xảy ra đối với Kiều, là dự cảm cho một đoạn đời "thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần.".

Đoạn trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích" (trích "Truyện Kiều") đã thể hiện tâm trạng cô đơn, buồn nhớ và đặc biệt là những biến động dữ dội trong tâm trạng Thuý Kiều khi ở nơi "góc bể chân trời" bơ vơ, buồn tủi. Đoạn trích đã khẳng sự kì tài của Nguyễn Du trong việc miêu tả nội tâm nhân vật bằng bút pháp "tả cảnh ngụ tình" đặc sắc.

Đề 137: Viết đoạn văn phân tích vẻ đẹp của người con gái Thuý Vân trong đoạn trích *Chị em Thuý Kiều (Truyện Kiều)* của Nguyễn Du.

Bài làm

Sau những câu thơ giới thiệu về hai chị em, ngòi bút Nguyễn Du lại có chiều hướng cụ thể hơn trong bức chân dung quí phái của Thuý Vân: "Vân xem trang trọng khác vời". Hai chữ "trang trọng" trong câu thơ đã nói lên vẻ đẹp đài các, cao sang của Vân. Vẻ đẹp ấy của thiếu nữ được so sánh với những thứ cao đẹp trên đời:

Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang
Hoa cười ngọc thốt đoan trang
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da

Chân dung của Vân được miêu tả một cách khá toàn vẹn từ khuôn mặt, nét mày, làn da, mái tóc đến nụ cười, tiếng nói. Vân có khuôn mặt đầy đặn, phúc hậu như vầng trăng, có đôi lông mày sắc nét như con ngài, có miệng cười tươi thắm như hoa, giọng nói trong trẻo thốt ra từ hàm răng ngà ngọc và mái tóc của nàng đen hơn mây, làn da của nàng trắng hơn tuyết. Sắc đẹp của Vân sánh với những nét kiều diễm, sáng trong của những báu vật tinh khôi đất trời. Tất cả toát lên vẻ đẹp trung hậu, êm dịu, đoan trang, quí phái. Vân đẹp hơn những gì mĩ lệ của thiên nhiên nhưng tạo sự hoà hợp, êm dịu "mây thua", "tuyết nhường". Với vẻ đẹp như thế, Vân sẽ có một cuộc đời bình lặng, suôn sẻ và một tính cách thông dung, điềm đạm. Qua bức chân dung này, Nguyễn Du đã gửi tới những thông điệp về tương lai, cuộc đời chính bởi vậy mà bức chân dung Thúy Vân là chân dung mang tính cách số phận..

Đề 138: Cho câu chủ đề: "Văn chương có một sức mạnh tố cáo rất mãnh liệt". Dựa vào tác phẩm *Truyện Kiều* của Nguyễn Du em hãy viết đoạn văn làm rõ nhận định trên.

Bài làm

Văn chương có một sức mạnh tố cáo rất mãnh liệt. Nó lên án những hiện thực giả dối, tầm thường và nhơ bẩn. Người đọc không thể quên được cái xã hội đen tối, lật lọng trong "Truyện Kiều" của Nguyễn Du. Về bề ngoài, đó là một xã hội bình yên thời thịnh trị:

"Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh
Bốn phương phẳng lặng hai kinh vững vàng".

Nhưng dưới cái vỏ bọc đẹp đẽ đó, thực tế xã hội là gì?

Nguyễn Du đã bóc trần sự thật, điểm mặt chỉ tên từ những bậc quan lớn đến gã quan nhỏ; từ phường nhà chứa đến lớp Ưng Khuyển tay sai. Này gã bán tơ và đám quan lại địa phương "làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền" khiến gia đình Kiều tan nát. Này phường buôn phấn bán hương Mã Giám Sinh cùng Bạc Bà, Bạc Hạnh, Sở Khanh,... đã vào hùa để dìm đời Kiều xuống bùn đen nhơ nhớp. Này gã "tổng đốc trọng thần" Hồ Tôn Hiến bỉ ổi, dâm ô khiến Kiều trở thành người thiếu phụ giết chồng và buộc người anh hùng Từ Hải trân trân chết đứng. Rồi nữa, bầy Ưng Khuyển, lũ tay chân của Hoạn Thư cũng đã khiến Kiều bao phen điêu đứng,...

Đề 139:

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.

(*Truyện Kiều* – Nguyễn Du)

Giải thích ngắn gọn cách hiểu của em về hai câu thơ trên, từ đó phân tích tám câu thơ cuối cùng của đoạn *Kiều ở lầu Ngưng Bích* (trích *Truyện Kiều, SGK Văn học 9,* tập 1) để làm nổi bật bút pháp tả cảnh ngụ tình đã đạt đến thành công tuyệt vời của thiên tài Nguyễn Du.

Bài làm

Một trong những yếu tố làm nên thành công cho kiệt tác "Truyện Kiều" của Nguyễn Du là bút pháp tả cảnh ngụ tình đặc sắc. Đại thi hào đã có hai câu thơ thật hay để khái quát về bút pháp nghệ thuật tài tình này:

"Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ".

(Truyện Kiều – Nguyễn Du)

Đạt đến thành công tuyệt vời của thiên tài Nguyễn Du trong bút pháp này là tám câu thơ cuối trong đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* (trích *Truyện Kiều*, SGK Văn học 9, tập 1):

"Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ rầu rầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi".

Bản thân tên gọi của bút pháp đã hàm chứa phương thức biểu đạt "tả cảnh" nhưng "ngụ tình". Nghĩa hiển ngôn của câu chữ là tả thiên nhiên, cảnh vật nhưng qua đó nhà thơ muốn gửi gắm cái tình, cái ý của nhân vật trữ tình. Như trong hai câu thơ dưới đây:

"Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ".

nhà thơ đã khẳng định mối quan hệ mật thiết giữa cảnh và tình: cảnh theo tình, tình buồn cảnh cũng buồn theo. Và như thế, bức tranh phong cảnh đã trở thành bức tranh tâm cảnh.

Trong tám câu thơ cuối của đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích,* Nguyễn Du đã vận dụng thành công bút pháp tả cảnh ngụ tình ấy.

Cảnh được miêu tả theo kiểu tứ bình trong con mắt trông bốn bề và từ xa tới gần. Cảnh đầu tiên mà Kiều trông là cảnh cửa bể lúc chiều hôm:

Buồn trông cửa biển chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa

Không gian mênh mông rợn ngợp và thời gian khi chiều tà muôn thuở luôn gợi nỗi buồn trống vắng bơ vơ. Giữa khung cảnh ấy cánh buồm "thấp thoáng" vô định hiện hữu như một ảo ảnh. Hình ảnh cánh buồm dễ khiến ta liên tưởng đến những chuyến đò ngược xuôi về bến bờ của quê hương xứ sở. Cảnh đã gợi trong lòng người tha hương nỗi nhớ buồn về cha mẹ, quê nhà cách xa, nỗi cô đơn và khát khao sum họp.

Trên mặt nước mênh mông của chốn biển cả lênh đênh, cánh hoa trôi man mác trên ngọn nước mới sa gợi trong lòng Kiều nỗi buồn về thân phận trôi nổi, không biết rồi sẽ bị trôi dạt, bị vùi dập ra sao:

Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu

Cảnh làm Kiều xót xa cho duyên phận, số kiếp của mình. Sau một cửa biển một cánh hoa giữa dòng nước là cảnh của một nội cỏ:

Buồn trông nội cỏ rầu rầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh

Cả một nội cỏ trải ra mênh mông nhưng khác với cỏ trong ngày thanh minh: "cỏ non xanh rợn chân trời" là sắc cỏ "rầu rầu" – một màu vàng úa gợi tới sự héo tàn, buồn bã. Màu xanh nhàn nhạt trải dài từ mặt đất tới

chân mây không phải là màu xanh của sự sống của hy vọng mà chỉ gợi nỗi chán ngán vô vọng vì cuộc sống vô vị, tẻ nhạt, cô quạnh này không biết bao giờ mới kết thúc. Cảnh mờ mịt cũng giống như tương lai mờ mịt, thân phận nội cỏ hoa hèn của Thuý Kiều. Và cuối cùng là cảnh con sóng nổi lên ầm ầm sau cơn gió:

Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi

Tiếng sóng kêu như báo trước sóng gió dữ dội của cuộc đời hay cũng là tiếng kêu đau đớn của Kiều đồng vọng với thiên nhiên. Kiều không chỉ buồn mà còn lo sợ, kinh hãi như đang đứng trước sóng gió, bão táp của cuộc đời sắp đổ xuống đầu nàng. Cảnh được miêu tả từ xa đến gần, màu sắc từ nhạt đến đậm, âm thanh từ tĩnh đến động. Cảnh ngày một rõ hơn để diễn tả nỗi buồn từ man mác mông lung đến âu lo kinh sợ dồn đến bão táp nội tâm. Thiên nhiên chân thực, sinh động nhưng mờ ảo bởi nó được nhìn theo quy luật "cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu, người buồn cảnh có vui đâu bao giờ". Và đó cũng là hiện thân, là tang vật của quá khứ khổ đau, hiện tại lẻ loi bất hạnh và báo hiệu một tương lai khủng khiếp. Tất cả đều là hình ảnh về sự vô định, mong manh, vô vọng, sự trôi dạt, bế tắc.

Bên cạnh những từ láy, từ tượng thanh, tượng hình đầy sức gợi, đoạn thơ còn thành công ở việc dùng điệp ngữ "buồn trông". Điệp ngữ này Nguyễn Du mượn trong ca dao:

"Buồn trông con nhện giăng tơ...
Buồn trông chênh chếch sao mai..."

Bốn cặp câu lục bát cũng là bốn cảnh và các cặp câu được liên kết nhờ điệp ngữ giàu tính truyền thống này:

Buồn trông cửa biển chiều hôm
Buồn trông ngọn nước mới sa
Buồn trông nội cỏ dàu dàu
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh

"Buồn trông" là nhìn xa mà trông ngóng một cái gì mơ hồ sẽ đến làm thay đổi hiện tại nhưng trông mà vô vọng. "Buồn trông" có cái thảng thốt lo âu, có cái xa lạ cuốn hút tầm nhìn, có cả sự dự cảm hãi hùng của người con gái lần đầu lạc bước giữa cuộc đời. Điệp ngữ kết hợp với những hình ảnh đứng sau cùng các từ láy đã diễn tả nỗi buồn với nhiều sắc độ khác nhau, trào dâng lớp lớp như những con sóng lòng. Điệp ngữ tạo nên những vần bằng, gợi âm hưởng trầm buồn man mác, diễn tả nỗi buồn mênh mang sâu lắng, vô vọng đến vô tận. "Buồn trông" trở thành điệp khúc của đoạn thơ cũng như điệp khúc của tâm trạng. Bằng một gam màu nhạt và lạnh, Nguyễn Du đã vẽ lên một bộ tứ bình tâm trạng hết sức độc đáo và xúc động. Nguyễn Du đã chọn cách thể hiện "tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này" thật độc đáo tạo nên đoạn thơ tuyệt bút với bút pháp tả cảnh ngụ tình.

Bút pháp tả cảnh ngụ tình là một bút pháp nghệ thuật tinh tế và đặc sắc. Phải có sự đồng cảm đến tri âm tri kỉ với nhân vật trữ tình mới có thể đạt đến độ chín của bút pháp. Và bởi vậy, với việc vận dụng thành công thủ pháp nghệ thuật này trong việc diễn tả tâm trạng "Thúy Kiều ở lầu Ngưng Bích" Nguyễn Du đã bộc lộ một tâm hồn nhạy cảm, đa đoan và một tâm hồn nhân ái đến tuyệt vời.

Đề 140: Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về sắc đẹp của nhân vật Thuý Kiều trong những câu thơ dưới đây:

Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn
Làn thu thuỷ nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh

(*Truyện Kiều* – Nguyễn Du)

Bài làm

Những câu thơ trên tả vẻ đẹp của Thuý Kiều sau khi ngợi ca vẻ đẹp của Thuý Vân. Từ "càng" nhấn mạnh vẻ "sắc sảo mặn mà" ở Thuý Kiều hơn hẳn Thuý Vân. Vân là em nhưng được nói đến trước thì ra bởi tác giả muốn lấy Vân làm nền cho vẻ đẹp nổi bật của Kiều. "Sắc sảo" và "mặn mà" đều có tác dụng vừa gợi tả nhan sắc, vừa gợi tả tính cách, tài trí. Nhắc đến nét đẹp của mĩ nhân xưa, ta thường nghĩ đến vẻ liễu yêu đào tơ tha thướt. Bởi vậy, sự "sắc sảo mặn mà" của Thuý Kiều hẳn là điều đặc biệt. Sử dụng hai từ láy đầy sức gợi "sắc sảo", "mặn mà" tác giả như muốn khắc sâu vào tâm trí người đọc vẻ đẹp nổi bật "khác thường" này của người con gái Vương Thuý Kiều. Nhan sắc của nàng được gợi tả bằng các hình ảnh mang tính ước lệ: *thu thuỷ, xuân sơn, hoa, liễu*. Việc gợi tả vẻ đẹp của đôi mắt "làn thu thuỷ" ý chỉ đôi mắt trong sáng như nước mùa thu, gợi vẻ lanh lợi, sắc sảo hơn người. Nhưng làn nước mùa thu cũng gợi những thoáng buồn u ẩn nên điều đó còn thể hiện một tâm hồn tinh tế, có phần đa mang. Trong câu thơ "Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh", khác với Thuý Vân, chúng lại báo trước một cuộc đời dông bão bị ghen ghét, đố kị, vùi giập.

Đề 141: Cảm nhận của em về đoạn trích *Cảnh ngày xuân* (trích *Truyện Kiều*, sách *Ngữ văn 9, tập một* – NXB Giáo dục, 2008).

Bài làm

Tuyệt tác "Truyện Kiều" của Nguyễn Du không chỉ mang những giá trị xã hội sâu sắc mà còn làm say lòng người đọc ở những đoạn thơ tả cảnh tuyệt bút. Một trong số đó là đoạn trích "Cảnh ngày xuân" (trích *Truyện Kiều*, sách *Ngữ văn 9, tập một* – NXB Giáo dục, 2008).

Đoạn trích nằm ở phần đầu của tác phẩm. Vào ngày Tết Thanh minh, chị em Thúy Kiều đi tảo mộ. Thiên nhiên và con người ngày xuân hiện lên

tươi tắn, xinh đẹp đông vui nhộn nhịp dưới đôi mắt "xanh non biếc rờn" của những chàng trai, cô gái tuổi đôi tám.

Bốn câu thơ đầu gợi lên khung cảnh mùa xuân tươi đẹp, trong sáng:

Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

Không gian mùa xuân được gợi nên bởi những hình ảnh những cánh én đang bay lượn rập rờn như thoi đưa. Sự mạnh mẽ, khỏe khắn của những nhịp cánh bay cho thấy rằng mùa xuân đang độ viên mãn tròn đầy nhất. Quả có vậy: "Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi" có nghĩa là những ngày xuân tươi đẹp đã qua đi được sáu chục ngày rồi, như vậy bây giờ đang là thời điểm tháng ba.

Nền cảnh của bức tranh thiên nhiên được hoạ nên bởi màu xanh non, tươi mát của thảm cỏ trải ra bao la: "Cỏ non xanh tận chân trời". Sắc cỏ tháng ba là sắc xanh non, tơ nõn mềm mượt êm ái. Huống chi cái sắc ấy trải ra "tận chân trời" khiến ta như thấy cả một biển cỏ đang trải ra rập rờn, đẹp mắt. Có lẽ chính hình ảnh gợi cảm ấy đã gợi ý cho Hàn Mặc Tử hơn một thế kỉ sau viết nên câu thơ tuyệt bút này: "Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời". Trên nền xanh tươi, trong trẻo ấy điểm xuyết sắc trắng tinh khôi của vài bông hoa lê. Chỉ là "vài bông" bởi những bông hoa lê đang thì chúm chím chưa muốn nở hết. Hoa như xuân thì người thiếu nữ còn đang e ấp trong ngày xuân. Chữ *điểm* có tác dụng gợi vẻ sinh động, hài hoà. Ở đây, tác giả sử dụng bút pháp hội hoạ phương Đông, đó là bút pháp chấm phá.

Hai câu thơ tả thiên nhiên ngày xuân của Nguyễn Du có thể khiến ai đó liên tưởng đến hai câu thơ cổ của Trung Quốc: hương thơm của cỏ non, màu xanh mướt của cỏ tiếp nối với màu xanh ngọc của trời, cành lê có điểm một vài bông hoa. Nhưng cảnh trong hai câu thơ này đẹp mà tĩnh tại. Trong khi đó gam màu nền cho bức tranh mùa xuân trong hai câu thơ của Nguyễn Du là thảm cỏ non trải rộng tới tận chân trời. Trên cái màu xanh của cỏ non ấy điểm xuyết một vài bông lê trắng (câu thơ cổ Trung Quốc không nói tới màu sắc của hoa lê). Sắc trắng của hoa lê hoà hợp cùng màu xanh non mỡ màng của cỏ chính là nét riêng trong hai câu thơ của Nguyễn Du. Nói gợi được nhiều hơn về xuân: vừa mới mẻ, tinh khôi, giàu sức sống lại vừa khoáng đạt, trong trẻo, nhẹ nhàng và thanh khiết.

Thiên nhiên trong sáng, tươi tắn và đầy sức sống, con người cũng rộn ràng, nhộn nhịp để góp phần vào những chuyển biến kì diệu của đất trời.

Sáu câu thơ tiếp của bài thơ tái hiện phong tục tảo mộ (viếng mộ, sửa sang phần mộ của người thân) và du xuân (hội đạp thanh) trong tiết Thanh minh. Không khí rộn ràng của lễ hội mùa xuân được gợi lên bởi hàng loạt các từ ghép tính từ, danh từ, động từ: *yến anh, chị em, tài tử, giai nhân, sắm sửa, dập dìu, gần xa, nô nức*. Chúng được đặt cạnh nhau dồn dập gợi

nên không khí đông đúc, vui tươi sôi nổi. Đó không chỉ là không khí lễ hội mà còn mang đậm màu sắc tươi tắn, trẻ trung của tuổi trẻ:

"Gần xa nô nức yến anh
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân
Dập dìu tài tử giai nhân
Ngựa xe như nước áo quần như nêm".

Nhưng hội họp rồi hội phải tan. Sau những giây phút sôi nổi, chị em Thúy Kiều phải rời buổi du xuân trở về:

Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về.
Bước lần theo ngọn tiểu khê,
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.
Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.

Bên cạnh vẻ thanh thoát, dịu nhẹ của mùa xuân như ở những câu thơ trước, khung cảnh mùa xuân đến đây đã mang một sắc thái khác với bức tranh lễ hội rộn ràng, nhộn nhịp. Cảnh vật toát lên vẻ vương vấn khi cuộc du xuân đã hết. Các từ láy *tà tà, thơ thẩn, thanh thanh, nao nao, nho nhỏ* vừa gợi tả sắc thái cảnh vật vừa gợi ra tâm trạng con người. Dường như có cái gì đó đang mơ hồ xâm lấn, cảnh vật đã nhuốm sắc thái vương vấn, man mác của tâm trạng con người. Ở đây, Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình để mượn cảnh vật mà diễn tả những rung động tinh tế trong tâm hồn những người thiếu nữ. Những từ láy được sử dụng trong đoạn thơ đều là những từ láy có tính giảm nhẹ. "Tà tà" diễn tả bóng chiều đang từ từ nghiêng xuống; "thơ thẩn" lại diễn tả tâm trạng bâng khuâng dịu nhẹ không rõ nguyên nhân (nó gần với nỗi buồn "tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn" của Xuân Diệu sau này) "thanh thanh" vừa có ý nghĩa là sắc xanh nhẹ nhàng vừa có ý nghĩa là thanh thoát, thanh mảnh; từ "nao nao" trong câu thơ diễn tả thế chảy của dòng nước nhưng đồng thời diễn tả tâm trạng nao nao buồn và từ "nho nhỏ" gợi dáng nhỏ xinh xắn, vừa vặn với cảnh với tình. Khung cảnh thiên nhiên cũng theo đó mà nhỏ đi để phù hợp với tâm trạng con người: "ngọn tiểu khê" – dòng suối nhỏ, phong cảnh thanh thoát, dịp cầu "nho nhỏ" lại nằm ở "cuối ghềnh" ở phía xa xa,... Cảnh và người như có sự tương liên để giao hòa trong bầu không khí bâng khuâng, lưu luyến, khe khẽ sầu lay. Có thể mơ hồ cảm nhận được cảnh vật đang tạo ra dự cảm về những sự việc sắp xảy ra.

Đoạn trích *Cảnh ngày xuân* có bố cục cân đối, hợp lí. Mặc dù không thật rõ ràng nhưng cũng có thể nói đến kết cấu ba phần: mở đầu, diễn biến và kết thúc. Nguyễn Du đã cho thấy một nghệ thuật miêu tả thiên nhiên điêu luyện, sắc sảo. Trong đoạn trích, mặc dù chủ yếu là miêu tả cảnh ngày xuân nhưng vẫn thấy sự kết hợp với biểu cảm và tự sự (diễn biến cuộc tảo mộ, du xuân của chị em Thúy Kiều, dự báo sự việc sắp xảy ra).

"Cảnh ngày xuân" là một trong những đoạn thơ tả cảnh hay nhất trong "Truyện Kiều" của Nguyễn Du. Đọc đoạn trích, người đọc không chỉ trầm trở về bức tranh thiên nhiên trong sáng vô ngần mà còn cảm nhận được vẻ đẹp trong một lễ hội truyền thống đầy ý nghĩa của cha ông: tiết Thanh minh. Và qua đây, Nguyễn Du cũng thể hiện nét tài hòa trong việc dựng lên một bức tranh tả cảnh ngụ tình tinh tế,... Với những điều đó, "Cảnh ngày xuân" sẽ luôn sống lại trong lòng người yêu thơ vào mỗi dịp đầu năm khi chúa xuân về với đất trời.

Đề 142: Hãy sử dụng câu sau làm câu chủ đề để viết một đoạn văn hoàn chỉnh (khoảng 10 – 15 câu): "Từ thân phận bị đọa đày khốn cùng, Thúy Kiều đã trở thành vị quan tòa cầm cán cân công lí."

Bài làm

Từ thân phận bị đoạ đày khốn cùng, Thuý Kiều đã trở thành vị quan toà cầm cán cân công lí. Điều đó được thể hiện sâu sắc trong đoạn trích "Thuý Kiều báo ân báo oán" (*Truyện Kiều* – Nguyễn Du). Trước khi gặp Từ Hải, Kiều đau xót với thân phận gái lầu xanh "thanh lâu hai lượt thanh y hai lần". Nàng từng bị bao kẻ giày vò, lường gạt, đánh đập: Bạc Bà, Bạc Hạnh, Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Ưng Khuyển,... Nhưng sau khi đến với Từ Hải, nàng có được danh phận xứng đáng với tài đức của mình và "báo ân báo oán" trở thành vị quan toà cầm cán công lí. Nàng Kiều duyên dáng, thuỳ mị, "e lệ nép vào dưới hoa" ngày nào, giờ đây đối diện với những ân nhân và cừu nhân của mình , nàng dường như đã hoá ra một con người khác. Với Thúc Sinh, người đã nặng lòng với Thuý Kiều mà giấu cha mẹ, giấu vợ lén cứu nàng khỏi lầu xanh, Thuý Kiều đã trả ơn xứng đáng. Khi chàng Thúc được "gươm mời đến" "Mặt như chàm đổ, mình dường dẽ run" thì Thuý Kiều chân tình hỏi han "Lâm Tri người cũ, chàng còn nhớ không". Để rồi sau đó nàng "báo ân" cho xứng với những nghĩa tình của chàng ngày trước:

"Gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân.
Tạ lòng, dễ xứng báo ân gọi là...".

Với Hoạn Thư, vợ Thúc Sinh, người đàn bà "quỷ quái ranh ma" đã lặng lẽ cho người đến bắt nàng về, đã dựng cảnh trớ trêu: bắt nàng hầu rượu Thúc Sinh để mà hả hê sung sướng khi tận mắt chứng kiến nỗi cực nhục của cả hai người. Thuý Kiều hẳn không thể quên nỗi nhục hôm ấy, theo đó thì tội của Hoạn Thư đáng chết một trăm lần. Đối diện với người đàn bà ấy, Thuý Kiều dùng giọng điệu châm biếm để "rứt da rứt thịt" mụ theo đúng cách mà trước đây mụ ta đã đối xử với nàng:

"Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây!
Đàn bà dễ có mấy tay
Đời xưa mấy mặt, đời này mấy gan!".

Cùng với đó, nàng cẩn thận báo cho mụ ta biết về "luật nhân quả" ở đời: "Càng cay nghiệt lắm, càng oan trái nhiều". Nhưng sau khi nghe Hoạn Thư bào chữa một cách ranh ma nhưng cũng có tình có lí:

"Rằng: "Tôi chút phận đàn bà,
Ghen tuông thì cũng người ta thường tình..."".

Kiều đã rộng lòng mà tha bổng cho con người này.

Đề 143: Nhận xét về hình thức nghệ thuật của một tác phẩm văn học, sách *Văn học 9*, tập 2, NXB Giáo dục 1998 có viết:

"Hình thức hay là hình thức sáng tạo, sinh động, phù hợp nhất với nội dung, có sức biểu hiện nội dung hùng hồn nhất, gây được ấn tượng sâu sắc nhất"

(Sách đã dẫn – Trang 116)

Qua việc phân tích vẻ đẹp hình thức của bài thơ sau, em hãy bày tỏ cách hiểu của em về vấn đề trên?

Ánh trăng

– Nguyễn Duy –

Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể
hồi chiến tranh ở rừng
vầng trăng thành tri kỷ.

Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngỡ không bao giờ quên
cái vầng trăng tình nghĩa.
Từ hồi về thành phố
quen ánh điện, cửa gương
vầng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường.

Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn–đinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn.

Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng, là bể
như là sông, là rừng.

Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.

Thành phố Hồ Chí Minh, 1978

Bài làm

Mỗi tác phẩm văn học là một chỉnh thể của nội dung và hình thức. Hai yếu tố đó có mối quan hệ tương giao mật thiết và có những chuẩn mực đánh giá riêng. Nhận xét về yếu tố hình thức, *sách Văn học 9* tập 2 có viết: "Hình thức hay là hình thức sáng tạo, sinh động, phù hợp nhất với nội dung, có sức biểu hiện nội dung hùng hồn nhất, gây được ấn tượng sâu sắc nhất". Điều đó được thể hiện qua mỗi chỉnh thể tác phẩm văn học. Và với bài thơ sau cũng vậy:

Ánh trăng

– Nguyễn Duy –

Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể
hồi chiến tranh ở rừng
vầng trăng thành tri kỷ.
Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngỡ không bao giờ quên
cái vầng trăng tình nghĩa.

Từ hồi về thành phố
quen ánh điện, cửa gương
vầng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường.

Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-đinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn.

Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng, là bể
như là sông, là rừng.

Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình

ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.

Nội dung và hình thức là hai phương diện cơ bản thống nhất không thể tách rời của các tác phẩm văn học. Trong đó, nội dung tác phẩm là hiện thực cuộc sống được phản ánh trong sự cảm nhận, suy ngẫm và đánh giá của nhà văn. Hình thức là phương thức tồn tại của nội dung. Đó là cấu tạo gồm nhiều yếu tố phụ thuộc lẫn nhau và phụ thuộc vào nội dung tác phẩm như kết cấu, thể loại, các phương tiện tu từ, biện pháp tu từ,... Song cần lưu ý rằng hình thức không phải là số cộng đơn giản của các thủ pháp và phương tiện nghệ thuật. Trong tính chỉnh thể, hình thức của văn bản nghệ thuật có nghĩa là hình thức cảm nhận đời sống, là cách tự bộc lộ của nội dung tác phẩm. Bởi vậy với tư cách là hình thức của một tác phẩm văn học, một hình thức hay là hình thức có sự tinh tế, độc đáo trong việc vận dụng các yếu tố nội tại (kết cấu, thể loại, phương tiện – biện pháp tu từ,...) đồng thời thể hiện thành công nhất nội dung tư tưởng tác phẩm: "Hình thức hay là hình thức sáng tạo, sinh động, phù hợp nhất với nội dung, có sức biểu hiện nội dung hùng hồn nhất, gây được ấn tượng sâu sắc nhất".

Bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy có một hình thức biểu hiện hay và đẹp.

Bài thơ ra đời năm 1978, đất nước đã thống nhất được ba năm. Là một nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ, Nguyễn Duy đã đi qua những năm tháng gian lao nhất của dân tộc, đã sống với nhiều cuộc đời, nhiều cảm xúc... Chiến tranh đi qua, ông không vui vẻ, bằng lòng với những gì có được mà luôn trăn trở suy ngẫm về cuộc đời.

Cũng như Tố Hữu trong “Việt Bắc”, ngày rời Thủ đô gió ngàn về với Thủ đô cờ và hoa từng đau đáu:

“Nhà cao còn nhớ núi đồi nữa chăng?
...
Sáng đèn còn nhớ mảnh trăng cuối rừng?”

Với Nguyễn Duy, những ân tình xưa cũ trong kháng chiến là những điều không dễ gì quên được. Tình đồng đội gắn bó, tình quân dân cá nước “bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng” là những mảng kí ức thiêng liêng tưởng chẳng bao giờ quên được... Thế nhưng, hòa bình lập lại, về với đời thường, với những toan tính bon chen, những ấm cúng tiện nghi người ta dễ quên đi hôm qua gian khó. Cứ mải miết với vòng đời cuộn xoáy để chợt một ngày nhận ra, một ngày nhớ lại hôm qua ta khẽ rùng mình... Theo cảm xúc ấy, “Ánh trăng” ra đời như một lời nhắc nhở chính mình, nhắc nhở người đọc hãy biết sống trọn vẹn nghĩa tình với những kí ức thiêng liêng sâu thẳm của đời mình.

Bài thơ mang tên “Ánh trăng” và ánh trăng cũng là hình ảnh thơ độc đáo xuyên suốt bài thơ. Đó trở thành biểu tượng của những kỉ niệm chân thật, hồn nhiên:

Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể

hồi chiến tranh ở rừng
vầng trăng thành tri kỉ

Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngỡ không bao giờ quên
cái vầng trăng tình nghĩa

Trăng lẫn với "đồng" với "sông" với "bể" hòa mình vào thiên nhiên hiền lành, thân thiết trở thành người bạn của tuổi thơ. Rồi trong những năm tháng chiến tranh, trăng gắn bó với đời lính "vầng trăng thành tri kỉ". Tri kỉ lắm chứ khi đêm đêm ngắm trăng mà nhớ đến quê hương, nhớ cha nhớ mẹ, nhớ người bạn gái... Ngắm vầng trăng còn để sống với bao ước mơ tươi lai ngày chiến thắng. Những tình cảm ấy tất thảy đều chân thành, giản dị, tự nhiên "ngỡ không bao giờ quên" như vầng trăng đầy nghĩa tình thân thiết "cái vầng trăng tình nghĩa". Thế nhưng:

"Từ hồi về thành phố
quen ánh điện, cửa gương
vầng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường".

Cuộc sống kinh tế thị trường với những tiện nghi "ánh điện, cửa gương" chói lòa đã làm lu mờ ánh sáng êm dịu của vầng trăng. Vầng trăng "tri kỉ" "tình nghĩa" của quá khứ giờ đây đối lập với vầng trăng "người dưng qua đường" của hiện tại. Sự đối lập này diễn tả những đổi thay trong tình cảm của con người. Vầng trăng của hiện tại cũng mang ý nghĩa biểu tượng. Trăng thành "người dưng" cũng có nghĩa những ân tình xưa cũ đã trở thành nhạt nhòa, hư ảo. Nó đang dần bị những danh lợi phù hoa của đời thường che khuất mất.

Nhưng cuộc sống hiện đại luôn tồn tại những điều bất trắc. Và trong chính khoảnh khắc này, nó đã bộc lộ cái yếu và cái thiếu của mình:

Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn–đinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn

Đây là khổ thơ quan trọng trong cấu tứ của toàn bài, là sự chuyển biến có ý nghĩa bước ngoặt của mạch cảm xúc, bộc lộ rõ chủ đề tư tưởng của bài thơ. Đèn điện vụt tắt, không gian tối tăm ngột ngạt. Chính đó là lúc người ta nghĩ đến thiên nhiên như một lối thoát. "Vội bật tung cửa sổ" để mong được chút khí trời trong lành nhưng con người đã nhận được những điều hơn cả mong ước. Vầng trăng vẫn đứng đó thay thế đúng lúc cho những thứ ánh sáng bất thường. Sự bình dị của vầng trăng mang đến cho con người những cảm xúc mạnh mẽ. Các từ "bật tung", "đột ngột" diễn tả trạng thái

cảm xúc mạnh mẽ, bất ngờ. Có cái gì như thảng thốt, lo âu trong hình ảnh "vội bật tung cửa sổ". Vầng trăng tròn đâu phải khi "đèn điện tắt" mới có? Cũng như những tháng năm quá khứ, vẻ đẹp của đồng, sông, bể, rừng không hề mất đi. Chỉ có điều con người có nhận ra hay không mà thôi. Và thế là trong cái khoảnh khắc "thình lình" đối diện với trăng ấy, ân tình xưa "rưng rưng" sống dậy, thổn thức lòng người:

Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng

Đối diện với trăng là đối diện với chính mình, với con người hiện tại và cả với con người trong quá khứ. Vầng trăng mang ý nghĩa biểu tượng. Mặt trăng đối diện với mặt người, mặt trăng cũng là mặt người, là quá khứ đang sáng trong thực tại, trăng là tri kỉ, ân tình xưa,...

Trăng cứ tròn vành vạnh
Kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
Đủ cho ta giật mình

Câu thơ gợi đến vẻ đầy đặn, tròn trịa của vầng trăng và cũng là vẻ sáng tươi hiền dịu của thứ ánh sáng trong lành nhất vũ trụ. Nhưng vẻ "tròn vành vạnh" của vầng trăng còn gợi đến một suy tưởng khác: vầng trăng còn tròn đầy "vành vạnh" nghĩa là trăng vẫn còn trọn vẹn những ân nghĩa xưa với những người lính năm nào. Và điều đáng quý, đáng nghĩ là trăng vẫn tròn ngay cả khi người đã "vô tình": "Trăng cứ tròn vành vạnh / Kể chi người vô tình".

Ta càng thấy day dứt, băn khoăn hơn bởi khoảng lặng mênh mang của vầng trăng tròn cao thượng: "Ánh trăng im phăng phắc / Đủ cho ta giật mình"

"Ánh trăng im phăng phắc" để ngân mãi những dòng ánh sáng của bao dung, hiền từ và độ lượng. Cái đáng sợ là cái im lặng của kí ức. Ta đã quên đi quá khứ, ta đã có lỗi với người xưa để sống một cuộc đời ồn ào, náo nhiệt nhưng tất cả vẫn im lặng. Yếu tố tự sự và trữ tình tạo nên giọng điệu tâm tình sâu lắng. Nhịp thơ nhịp nhàng theo lời kể tự nhiên của nhân vật trữ tình, nhưng cũng có khi ngân nga, tha thiết hay có khi trầm lắng, suy tư. Kết cấu và giọng điệu đó đã làm nổi bật lên nội dung cảm xúc và ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm.

"Ánh trăng" là sự kết hợp hài hòa giữa hình thức và nghệ thuật. Đặc biệt, hình thức bài thơ với hình ảnh thơ đặc sắc giàu ý nghĩa biểu tượng "ánh trăng" cùng cấu từ, giọng điệu... đã thể hiện trọn vẹn nội dung tư tưởng giàu giá trị nhân văn của tác phẩm. Từ đây, hình ảnh vầng trăng trong thơ ca còn mang thêm một ý nghĩa nữa: những tình xưa nghĩa cũ, những kí ức thiêng liêng đẹp đẽ của con người. Và đây là một sự "sáng tạo, sinh động" trong hình thức nó "phù hợp nhất với nội dung, có sức

biểu hiện nội dung hùng hồn nhất" và "gây được ấn tượng sâu sắc nhất" trong lòng người.

Đề 144: Cảm nhận của em về đoạn thơ:

...Từ hồi về thành phố
quen ánh điện, cửa gương
vầng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường

Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-đinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn

Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng

Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình

(*Ánh trăng* – Nguyễn Duy – SGK *Ngữ văn 9 tập 1*, 2008)

Bài làm

Nguyễn Duy thuộc thế hệ nhà văn trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ. Bước ra từ cuộc chiến, hồn thơ Nguyễn Duy lại đau đáu, trăn trở với những miền kí ức xa xưa và ân nghĩa trong kháng chiến thuở nào. Bài thơ "Ánh trăng" thể hiện một phần tâm sự như thế của nhà thơ. Đoạn thơ sau đây thể hiện rất rõ điều đó:

...Từ hồi về thành phố
quen ánh điện, cửa gương
vầng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường

Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-đinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn

Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng

Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình

(*Ánh trăng* – Nguyễn Duy – SGK *Ngữ văn 9 tập 1*, 2008)

Bài thơ ra đời khi đất nước đã đi qua những cuộc chiến tranh gian khó. Nhà thơ rời những chiến trường để về với hoà bình, về với ấm êm. Cứ ngỡ rằng cuộc đời từ nay chỉ có phố phường, đèn điện; những năm tháng cũ đã qua rồi, tất cả một đi không trở lại...

Từ những năm tháng tuổi thơ bươn trải nhọc nhằn gắn bó với *đồng*, với *sông* rồi với *bể* cho đến những năm tháng chiến tranh gian khổ sống với *rừng*, bao giờ trăng cũng gần gũi, thân thiết. Giữa con người với thiên nhiên, với trăng là mối quan hệ chung sống, quan hệ thâm tình khăng khít. Trăng là người bạn đồng hành trên mỗi bước đường gian lao nên trăng hiện diện như là hình ảnh của quá khứ, là hiện thân của kí ức chan hoà tình nghĩa. Người ta cứ đinh ninh về sự bền chặt của mối giao tình ấy, nhưng:

Từ hồi về thành phố
quen ánh điện, cửa gương
vầng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường

Cuộc sống hiện đại với ánh sáng chói loà của ánh điện, cửa gương đã làm lu mờ ánh sáng của vầng trăng. Tác giả đã tạo ra sự đối lập giữa hình ảnh vầng trăng tri kỉ, tình nghĩa trong quá khứ và vầng trăng "như người dưng qua đường" trong hiện tại. Sự đối lập này diễn tả những đổi thay trong tình cảm của con người. Thủa trước, ta hồn nhiên sống với đồng, với sông, với bể, với gian lao "ở rừng", khi ấy trăng chan hoà tình nghĩa, thiên nhiên và con người gần gũi, hoà hợp. Bây giờ, thói quen cuộc sống phương tiện đủ đầy khiến ta không còn thấy trăng là tri kỉ, nghĩa tình nữa. Nhà thơ nói về trăng là để nói thế thái, nhân tình.

Tuy nhiên, cuộc sống hiện đại luôn có những bất trắc. Và chính trong những bất trắc ấy, ánh sáng của quá khứ, của ân tình lại bừng tỏ, là lúc người ta nhận thấy giá trị của quá khứ gian lao mà tình nghĩa, thiếu thốn mà đủ đầy:

Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn–đinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn

Đây là khổ thơ quan trọng trong cấu tứ của toàn bài, là sự chuyển biến có ý nghĩa bước ngoặt của mạch cảm xúc, bộc lộ rõ chủ đề tư tưởng của bài thơ.

Không chỉ là sự thay thế đúng lúc của ánh trăng cho ánh điện, ở đây còn là sự thức tỉnh, bừng ngộ về ý nghĩa của những ngày tháng đã qua, của những cái bình dị của cuộc sống, của tự nhiên, là sức sống vượt ra

ngoài không gian, thời gian của tri kỉ, nghĩa tình. Các từ "bật tung", "đột ngột" diễn tả trạng thái cảm xúc mạnh mẽ, bất ngờ. Có cái gì như thảng thốt, lo âu trong hình ảnh "vội bật tung cửa sổ". Vầng trăng tròn đâu phải khi "đèn điện tắt" mới có? Cũng như những tháng năm quá khứ, vẻ đẹp của đồng, sông, bể, rừng không hề mất đi. Chỉ có điều con người có nhận ra hay không mà thôi. Và thế là trong cái khoảnh khắc "thình lình" đối diện với trăng ấy, ân tình xưa "rưng rưng" sống dậy, thổn thức lòng người:

Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng

"Ngửa mặt lên nhìn mặt" viết như vậy để hai gương mặt – hai người bạn cũ nhìn thẳng vào nhau, để tự hỏi nhau rằng còn nhớ nhau chăng, để những kỉ niệm xưa chợt vụt về trong kí ức, để làm se thắt lòng người vì những vô tình hờ hững của chính mình. Quả có vậy, đối diện với trăng là đối diện với chính mình, với con người hiện tại và cả với con người trong quá khứ. Vầng trăng mang ý nghĩa biểu tượng. Mặt trăng đối diện với mặt người, mặt trăng cũng là mặt người, là quá khứ đang sáng trong thực tại, trăng là tri kỉ, ân tình xưa,...

Trăng cứ tròn vành vạnh
Kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
Đủ cho ta giật mình

Vầng trăng đột ngột hiện ra với một vẻ đẹp ám ảnh lòng người. "Trăng cứ tròn vành vạnh", thời điểm trăng tròn chính là vào ngày rằm hàng tháng. Câu thơ gợi đến vẻ đầy đặn, tròn trịa của vầng trăng và cũng là vẻ sáng tươi hiền dịu của thứ ánh sáng trong lành nhất vũ trụ. Đêm trăng tròn, trăng để khắp không gian tràn đi ánh sáng vàng dịu, sóng sánh như mật ngọt. Trăng như rải bạc trên mặt nước. Trăng như tưới sạch, làm đẹp, làm bóng lên những lùm cây. Trăng làm mặt người hớn hở vui cười. Và nói như nhà văn Nam Cao: trăng làm mọi thứ đẹp lên! Nhưng vẻ "tròn vành vạnh" của vầng trăng còn gợi đến một suy tưởng khác: vầng trăng còn tròn đầy "vành vạnh" nghĩa là trăng vẫn còn trọn vẹn những ân nghĩa xưa với những người lính năm nào. Và điều đáng quý, đáng nghĩ là trăng vẫn tròn ngay cả khi người đã "vô tình": "Trăng cứ tròn vành vạnh / Kể chi người vô tình".

Câu thơ gieo vào lòng người đọc một thoáng giật mình để rồi thấy ăn năn, day dứt. Vầng trăng kia cũng giống như bao con người, bao kí ức đẹp đẽ đã đi qua đời ta. Những con người của quá khứ, những kí ức xa xưa... tất thảy vẫn còn nguyên tấm lòng thuỷ chung trọn vẹn. Còn riêng ta, mới một chút phù hoa, danh lợi mà đã quên đi những ân tình, những thề

nguyền thiêng liêng xưa cũ. Và rồi, ta càng thấy day dứt, băn khoăn hơn bởi khoảng lặng mênh mang của vầng trăng tròn cao thượng: "Ánh trăng im phăng phắc / Đủ cho ta giật mình".

"Ánh trăng im phăng phắc" để ngân mãi những dòng ánh sáng toả đi khắp nhân gian. Điều đó cũng có nghĩa trăng mãi bao dung, hiền từ và độ lượng. Cái đáng sợ là cái im lặng của kí ức. Ta đã quên đi quá khứ, ta đã có lỗi với người xưa để sống một cuộc đời ồn ào, náo nhiệt nhưng tất cả vẫn im lặng dõi theo ta với cái nhìn bao dung, rộng mở. Và chính bởi sự cao thượng ấy đã khiến ta "giật mình". "Giật mình" để nhận ra sự cao đẹp của người xưa. "Giật mình" để nhận ra phần hờ hững, lãng quên đáng chê trách của mình. "Giật mình" còn để biết nhìn lại mình cho đúng. Tiền tài danh lợi, đó chưa phải là điều quý giá nhất ở đời. Phải biết sống có tình, có nghĩa, thuỷ chung trọn vẹn trước sau mới khiến lòng người sạch trong và thanh thản.

Không dùng nhiều thủ pháp nghệ thuật cầu kì, tinh xảo, đoạn thơ của Nguyễn Duy đi vào lòng người bởi sự giản dị của quy luật tình cảm rất con người. Đọc khổ thơ, người đọc thấy thấm thía triết lí sâu xa mà nhà thơ đã gửi gắm. Phải biết sống đủ đầy, trọn vẹn với những ân tình xưa cũ để chúng ta được sống đủ đầy, thanh thản trong cuộc đời.

Bài thơ giống như một câu chuyện riêng, một câu chuyện ân tình giữa người với trăng. Sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình tạo nên giọng điệu tâm tình cho cả bài thơ. Nhịp thơ nhịp nhàng theo lời kể tự nhiên của nhân vật trữ tình, nhưng cũng có khi ngân nga, tha thiết hay có khi trầm lắng, suy tư.

Đề 145: Trong bài thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Du có một khổ thơ như sau:

Trăng cứ tròn vành vạnh
Kể chi người vô tình
Ánh trăng im phăng phắc
Đủ cho ta giật mình.

Phút thoáng giật mình của tác giả có phải cũng là phút thoáng giật mình của người đọc? Viết đoạn văn phân tích khổ thơ để làm rõ ý kiến của em.

Bài làm

Trăng cứ tròn vành vạnh
Kể chi người vô tình
Ánh trăng im phăng phắc
Đủ cho ta giật mình

Không trách móc hờn giận sự tình của con người, ánh trăng vẫn lặng lẽ soi bước ta đi. Trăng hiền hoà và bao dung như chính đồng bào, dân tộc ta vậy. Nỗi mặc cảm khiến nhà thơ phủ nhận chính mình: "Kể chi người vô

tình" Không hẳn là con người vô tình, hờ hững với những gì của quá khứ. Có chăng là do cuộc sống còn đang trong quá trình xây dựng các những lo toan bộn bề chi phối nhiều suy nghĩ của chúng ta. Qua khứ chỉ đi vào tiềm thức lặng yên chứ nó đâu có mất đi. Vì thế mới có cái "giật mình" của Nguyễn Duy ở câu thơ cuối. Phải chăng đó cũng là cái "giật mình" của chính chúng ta khi nhận ra được sự đánh thức từ *ánh trăng* của Nguyễn Duy?

Đề 146: Trong bài thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Duy, khổ thơ nào để lại trong em nhiều ấn tượng nhất? Viết đoạn văn nêu rõ lí do?

Bài làm

Ngửa mặt nhìn lên mặt
Có cái gì rưng rưng
Như là đồng là bể
Như là sông là rừng

Không phải là "ngửa mặt nhìn lên trăng" mà là "ngửa mặt nhìn lên mặt" vì với Nguyễn Duy lúc này, trăng đích thực là một con người có gương mặt, có ánh nhìn và tâm trạng. Chính nhà thơ cũng không rõ mình đang nghĩ gì, chỉ biết rằng "có cái gì rưng rưng". Có thể là đôi mắt "rưng rưng" hay có thể là sự thức dậy của tâm hồn con người. Một cảm giác vừa như buồn vui, vừa như mừng tủi trào lên trong lòng đôi bạn. Khoảng trời xưa hồi sinh, đưa Nguyễn Duy trở về với năm tháng đã qua cùng với sông, với đồng, với rừng... Nhà thơ tiếc nuối quá khứ, khao khát mong gặp lại cảm giác thân thuộc ngày xưa.

Đề 147: Suy nghĩ của em về nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* của nhà văn Nguyễn Thành Long.

Bài làm

Nhắc đến Sa Pa, ta nghĩ ngay đến một khu du lịch nghỉ mát lớn của cả nước. Và vì thế, nhắc đến Sa Pa là nhắc đến sự nghỉ ngơi, hưởng thụ. Nhưng với "Lặng lẽ Sa Pa", Nguyễn Thành Long đã cho ta biết đến một Sa Pa hoàn toàn ngược lại: Sa Pa với những con người đang miệt mài lao động ngày đêm cống hiến cho đất nước. Nhân vật anh thanh niên trong tác phẩm là một người tiêu biểu trong số đó. Anh đã để lại trong lòng người đọc một niềm yêu mến và cảm phục sâu sắc.

Không yêu mến, cảm phục sao được một con người cởi mở, thân thiện, ngăn nắp... và đặc biệt là say mê, yêu quý và có trách nhiệm với công việc của mình như thế!

Mở đầu tác phẩm, anh hiện lên qua câu chuyện của bác lái xe với người họa sĩ già và cô kĩ sư trẻ. Đó là một thanh niên hai mươi bảy tuổi, một mình làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao hơn hai ngàn mét. Nhưng trước hết, điều gây ấn tượng mạnh cho độc giả là

chuyện "thèm người" của anh chàng "cô độc nhất thế gian" kia. Không phải anh ta "sợ người" mà lên làm việc ở đây, trái lại, anh ta từng chặt cây ngáng đường ngăn xe dừng lại để được gặp người "nhìn trông và nói chuyện một lát".

Lên đỉnh Yên Sơn, người họa sĩ và cô kĩ sư được gặp một con người "tầm vóc nhỏ bé, nét mặt rạng rỡ". Anh ta sống trong "một căn nhà ba gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm. Cuộc đời riêng của anh thanh niên thu gọn lại một góc trái gian với chiếc giường con, một chiếc bàn học, một giá sách". Sự cô độc không làm anh trở nên cộc cằn, cẩu thả. Trái lại, nó càng làm nổi bật những đức tính hiếm có ở chàng trai trẻ này. Một cuộc sống giản dị, ngăn nắp của một người yêu đời, say mê công việc và không có vẻ gì của sự buồn chán. Anh nồng nhiệt chào đón những người khách bất ngờ của mình; cởi mở giới thiệu về công việc, ngợi ca những người bạn cũng đang say mê miệt mài với công việc ở Sa Pa... Lòng yêu người của anh đã được thể hiện phần nào ở những chi tiết trước đó: đào củ tam thất biếu vợ bác lái xe, "thèm người" đến mức hạ cây ngang đường để xe dừng lại mà nói chuyện với mọi người dăm ba phút... nhưng những người khách mới vẫn không khỏi xúc động về những gì anh mang tới cho họ. Khi hai người khách trở về, ngoài những quả trứng "của nhà có được" anh còn tặng họ cả những bông hoa rực rỡ. Hoá ra anh cũng vô cùng mộng mơ và lãng mạn!

Nhưng không dừng lại ở đó, anh tiếp tục khiến người đọc cảm động, ngạc nhiên và khâm phục về những gì anh nghĩ về công việc và những gì anh đã làm đã hiến dâng cho cuộc sống.

Anh là một chàng thanh niên, đã hai mươi bảy tuổi nhưng chưa có người yêu. Anh chấp nhận rời xa cuộc sống đô thị ồn ào, rời xa gia đình để gắn bó với công việc. Một công việc phức tạp, vất vả: "đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu". Qua những lời tâm sự của anh về công việc ta đã phần nào hình dung được sự khó khăn, nguy hiểm của công việc. Chẳng những phải dậy đúng giờ "ốp" – vốn vẫn rất thất thường – mà phải đối mặt với những khắc nghiệt của thời tiết của thiên nhiên: gió, bão, tuyết, hoang thú,... Và đáng sợ hơn nữa là sự cô độc. Cùng với áp lực công việc, cái đó có thể giết chết con người bằng bệnh trầm cảm, tự kỉ nhưng anh thanh niên đã chiến thắng tất cả để giữ được một trái tim ấm áp, một tinh thần lạc quan, yêu đời. Anh triết lí về công việc của mình: "khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được?". Được làm việc có ích đối với anh thế là niềm vui. Hơn nữa công việc của anh gắn liền với công việc của bao anh em đồng chí khác ở những điểm cao hơn hoặc thấp hơn. Người hoạ sĩ đã thấy bối rối khi bất ngờ được chiêm ngưỡng một chân dung đẹp đẽ đến thế: "bắt gặp một con người như anh là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài". Còn cô kĩ sư, với cô cuộc sống của người thanh niên là "cuộc sống một mình

dũng cảm tuyệt đẹp", anh mang lại cho cô "bó hoa của những háo hức và mơ mộng ngẫu nhiên". Và người đọc, chắc hẳn cũng có những cảm nhận như thế về nhân vật đặc biệt này.

Cùng với những người kĩ sư trồng rau, nhà khoa học nghiên cứu sét,... anh thanh niên đã trở thành biểu tượng cho những con người đang hăng say lao động cống hiến sức mình cho Tổ quốc. Ra đời năm 1970, giữa lúc miền Bắc đang hăng say sản xuất để chi viện cho miền Nam đánh Mĩ, nhân vật anh thanh niên trong "Lặng lẽ Sa Pa" đã thực sự trở thành biểu tượng cho những anh hùng lao động đồng thời động viên, cổ vũ tinh thần lao động, sản xuất của nhân dân miền Bắc.

Nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn của Nguyễn Thành Long đã để lại trong lòng người đọc những tình cảm thật tốt đẹp. Hình ảnh của anh đã và đang động viên thế hệ trẻ hôm nay tiếp tục noi gương để đi theo bước chân dũng cảm, cao đẹp của cha anh ngày trước.

Đề 148: Phân tích nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* (Nguyễn Thành Long), từ đó nêu ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm này.

Bài làm

Trong mỗi tác phẩm văn học, nhân vật chính trở thành linh hồn thể hiện trọn vẹn nội dung tư tưởng mà tác giả muốn gửi gắm vào những đứa con tinh thần của mình. Với trường hợp anh thanh niên trong truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long cũng vậy. Anh là một người sống lạc quan, yêu đời, có tình có nghĩa với mọi người, đầy trách nhiệm với công việc và giàu lí tưởng sống. Xây dựng một nhân vật chính cho tác phẩm của mình như thế, Nguyễn Thành Long muốn thể hiện một tư tưởng giàu chất nhân văn về con người và cuộc đời.

Tác phẩm ra đời năm 1970 giữa lúc miền Bắc đang hăng say lao động sản xuất để xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa và chi viện cho miền Nam đánh Mĩ. Mỗi người dân miền Bắc ý thức sâu sắc vai trò của bản thân mình đối với sự nghiệp chung của đất nước: sống đẹp, sống có ích để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Và nhân vật anh thanh niên trở thành biểu tượng đẹp cho những con người tích cực, trách nhiệm như thế.

Anh thanh niên làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu, một mình sống trên đỉnh Yên Sơn cao hơn hai ngàn sáu trăm mét, quanh năm suốt tháng, giữa cỏ cây và mây núi Sa Pa. Vậy nhưng sự trống vắng không làm chai đi những cảm xúc, tình cảm rất đỗi con người nơi anh. Anh sống lạc quan, yêu quý tất thảy mọi người. Anh dọn dẹp nơi ở của mình gọn gàng sạch sẽ. Anh trồng hoa trong "vườn nhà". Anh nuôi gà để "tăng gia",... Tất cả những điều đó khẳng định rằng anh muốn tạo lập cho mình một cuộc sống bình thường như mọi người dưới xuôi, không điều gì khiến anh buồn chán hay có cảm giác cô độc. Nghe bác lái xe kể về người vợ mới ốm dậy, anh liền mang biếu bác củ tam thất. Có khách lên thăm (là ông họa sĩ và

cô kĩ sư) anh biếu họ một bó hoa to và những quả trứng gà... Hành động đó mang những thông điệp đầy nhân văn: hãy sống đẹp, hãy quan tâm đến nhau, hãy đến với nhau bằng tất cả tấm lòng và tình cảm nhân hậu.

Đó còn là một con người đầy trách nhiệm, say mê với công việc và khiêm tốn. Anh hiểu công việc của mình tuy gian khổ nhưng "thiếu nó anh buồn đến chết mất" vì công việc là niềm vui, là nguồn sống của anh. Anh đã tìm được hạnh phúc trong công việc. Anh quan niệm công việc là người bạn đồng hành với mình, chính vì thế cuộc sống của anh không bao giờ tẻ nhạt và buồn chán. Anh tâm sự "khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với bao anh em đồng chí dưới kia". Con người đó cũng có quan niệm về hạnh phúc thật giản dị nhưng hết sức cao đẹp – đó là được lao động, được cống hiến sức mình cho đất nước. Vì thế, khi biết tin nhờ mình phát hiện đám mây khô mà không quân ta hạ được nhiều máy bay Mĩ, anh thấy mình thật hạnh phúc. Tóm lại, được cống hiến cho khoa học là lí tưởng sống của anh. Suy nghĩ của anh về cuộc sống thật đẹp, thật sâu sắc.

Không chỉ là người có suy nghĩ đẹp, anh còn là người biết hành động đẹp. Trong hoàn cảnh hết sức gian khổ, một mình sống vắt vẻo trên đỉnh Yên Sơn, làm bạn với rừng xanh, mây trắng, bão tuyết, sương rơi để đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, tham gia vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. Dù không ai đôn đốc, kiểm tra, nhưng anh vẫn tự nguyện tự giác với tinh thần trách nhiệm cao. Công việc đòi hỏi phải thực hiện vào những thời khắc khó khăn như nửa đêm giữa mùa đông giá rét, nhưng bất kỳ trong hoàn cảnh nào, đến đúng thời điểm ấy là anh thức giấc, xách đèn "đi ốp", xách máy đi đo, không bỏ sót một ngày nào, không quên một buổi nào, âm thầm bền bỉ suốt nhiều năm trời. Nhưng khó khăn hơn tất cả đối với anh chính là vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng không một bóng người, và anh đã vượt qua được bằng sự miệt mài, say mê trong công việc. Anh đã dùng tất cả thời gian, nhiệt huyết, tâm trí, sức lực cho nhiệm vụ được giao, rảnh một chút là anh lại lấy sách ra để trò chuyện. Từ những công việc lặng lẽ âm thầm đó, anh đã góp phần trực tiếp vào chiến thắng chung của quân và dân miền Bắc. Đặc biệt, trong câu chuyện của mình với người họa sĩ, anh luôn gạt đi ý định vẽ mình của người họa sĩ. Anh giới thiệu với ông những người bạn của mình: anh kĩ sư vườn rau, anh kĩ sư "trông sét",... Anh khiêm nhường nhận định công việc của mình cũng chỉ là bình thường và trân trọng những đóng góp những hi sinh của bạn bè, đồng đội.

Nhan đề của truyện là "Lặng lẽ Sa Pa" nhưng Sa Pa có thật sự lặng lẽ không? Tác giả đã giải thích một cách hết sức đơn giản cho người đọc: "Trong cái lặng im của Sa Pa, dưới những dinh thự cũ của Sa Pa, một Sa Pa mà chỉ nghe tên người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi có những con người đang làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước". Qua cách đặt nhan đề của truyện và xây dựng nhân vật chính với những đặc điểm vô cùng đáng mến,

đáng trân trọng, tác giả muốn nêu bật chủ đề và cũng là ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm: ca ngợi những con người sống đẹp, lao động một cách say mê và quên mình cho đất nước, nhắn nhủ đến mỗi người đọc: "Hãy yêu thương nhau và sống đẹp hơn".

Đề 149: Hãy sử dụng câu sau đây làm câu chủ đề để viết một đoạn văn hoàn chỉnh (khoảng 10 – 15 câu): "Đọc truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* ta thấy cái lặng lẽ chỉ là bề ngoài giấu kín nhịp sống sôi động mà âm thầm trên núi cao chót vót của những người lao động hết lòng vì đất nước."

Bài làm

Đọc truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa" (của Nguyễn Thành Long) ta thấy cái lặng lẽ chỉ là bề ngoài giấu kín nhịp sống sôi động mà âm thầm trên núi cao chót vót của những người lao động hết lòng vì đất nước. Nhắc đến Sa Pa ta thường nghĩ đến những làn sương mù mỏng mảnh lặng lẽ giăng mắc ôm ấp lấy những biệt thự những vòm cây – hình ảnh đó gợi đến sự nghỉ ngơi, yên tĩnh. Nhưng đằng sau dáng vẻ nhàn hạ, chậm rãi đó là những con người như anh thanh niên, ông kĩ sư vườn rau, nhà nghiên cứu sét,... họ đang âm thầm miệt mài ngày đêm lao động hiến dâng cuộc đời mình cho Tổ quốc. Anh thanh niên đã hai mươi bảy tuổi, chưa người yêu, xa gia đình và một mình làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu phụ trách trạm khí tượng trên núi Yên Sơn cao chót vót đã mấy năm nay. Công việc của anh là "đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu". Công việc ấy không chỉ vĩ đại ở ý nghĩa của nó đối với đời sống mà còn ở việc con người phụ trách công việc ấy phải một mình đối mặt với những khó khăn vất vả của công việc, một mình đối với với sự cô độc, buồn tẻ. Nhưng anh thanh niên vui vẻ với cuộc sống trong hoàn cảnh đặc biệt đối với tuổi trẻ của mình để hăng hái hoàn thành tốt nhất công việc. Ông kĩ sư vườn rau qua lời kể của anh thanh niên thì "ngày này sang ngày khác... ngồi im trong vườn su hào, rình xem cách ong lấy phấn, thụ phấn cho hoa su hào...". Nhà nghiên cứu sét mười một năm không rời xa cơ quan một ngày vì sợ có sét lại vắng mặt,... Họ sống vui với triết lí "khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được?" để làm việc, nghiên cứu, cuộc sống không ồn ào nhưng rạo rực và say mê. Sa Pa đã và đang ngày đêm có những con người hăng hái như thế vì sự phát triển, đẹp giàu của đất nước.

Đề 150: "Qua hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ *Bếp lửa* thể hiện lòng kính yêu, trân trọng và biết ơn của người cháu đối với bà và cũng là đối với gia đình, quê hương đất nước."

Lấy câu văn trên làm câu chủ đề, em hãy viết tiếp thành một đoạn văn khoảng 25 câu theo kiểu tổng – phân – hợp.

Bài làm

Qua hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ *Bếp lửa* thể hiện lòng kính yêu, trân trọng và biết ơn của người cháu đối với bà và cũng là đối với gia đình, quê hương đất nước. Người cháu trong bài thơ: "*giờ đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu/Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả/Nhưng chẳng lúc nào quên nhắc nhở:/- Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?* Hạnh phúc đã đủ đầy nhưng đứa cháu bé nhỏ năm xưa không bao giờ quên đốm lửa đầu tiên bà nhen lên trong cháu. Đó là bếp lửa của yêu thương, của chở che hạnh phúc. Theo dòng hồi ức, hình ảnh bếp lửa hiện về thật ấm áp: "Ngọn lửa ấp iu nồng đượm". Ngọn lửa khơi nguồn để cháu nhớ về bà với bao kỉ niệm thân thiết. Bà đã hi sinh thầm lặng quãng đời già yếu để thêm một lần làm mẹ và hơn thế là thể hiện tình bà cháu thiêng liêng. Bố khi thì "đi đánh xe khô rạc ngựa gầy", khi thì "ở chiến khu bố còn việc bố". Bởi thế, nuôi dạy cháu thành người bà một tay chịu khó. Bà dìu cháu đi qua những năm tháng "đói mòn đói mỏi", "giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi" rồi "bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học",... Được bà yêu thương, che chở, đứa cháu ấy khi nghe tiếng tu hú "sao mà tha thiết thế" đã chạnh lòng thương "tu hú ơi chẳng đến ở cùng bà". Trong tâm hồn cháu, bà đã trở thành biểu tượng của yêu thương và đùm bọc, ấn tượng ấy sâu đậm đến mức cháu nghĩ rằng bà đủ sức chở che cho vạn vật trên đời. Rồi những năm tháng đói khổ cũng qua đi, nhưng dù đã "mấy chục năm rồi đến tận bây giờ / Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm". Bà vẫn như xưa, cuộc đời có thể đổi thay nhưng bà thì vẫn vậy, nó giống như tình bà dành cho cháu không khi nào thay đổi. Và tấm lòng tri ân của cháu đối với bà cũng theo đó mà sống mãi... Bà đã dành cho cháu những điều quá lớn lao trong cuộc đời này:

"Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ
Ôi kì lạ và thiêng liêng! – Bếp lửa!".

Điệp từ "nhóm" được sử dụng liên tiếp ở đầu mỗi câu thơ gợi ấn tượng về sức mạnh của ngọn lửa, của tình bà, của tình yêu thương bất diệt. Không nén được xúc động vì những điều kì diệu đó, nhà thơ chỉ có thể thốt lên: "Ôi kì lạ và thiêng liêng! – Bếp lửa!". Cảm nhận sâu sắc về tình bà, nhà thơ đã thể hiện niềm biết ơn, sự trân trọng đối với người bà yêu quý của mình qua những vần thơ tràn đầy cảm xúc. Nhớ về bà trong những năm tháng sống xa quê hương, Tổ quốc, với nhà thơ, hình ảnh của bà đã trở thành biểu

tượng của quê hương xứ sở. Và vì thế bài thơ "Bếp lửa" đồng thời cũng thể hiện tình yêu thương, lòng trân trọng đối với gia đình, quê hương, đất nước. Bài thơ để lại trong lòng người đọc những dòng cảm xúc sâu lắng, xúc động. Điều đó nhắc nhở chúng ta biết tin yêu và trân trọng sự thiêng liêng, quý giá của hạnh phúc gia đình.

Đề 151: Viết đoạn văn ngắn phân tích cái hay trong đoạn thơ sau:

Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ
Ôi kì lại và thiêng liêng! Bếp lửa!

(*Bếp lửa* – Bằng Việt)

Bài làm

Hình ảnh xuyên suốt đoạn thơ chính là hình ảnh "bếp lửa" nồng ấm. Đó là ngọn lửa mà người bà tác giả đã nhóm lên - ngọn lửa của yêu thương và chia sẻ:

"Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ".

Điệp từ "nhóm" được điệp lại nhiều lần nằm ở đầu mỗi dòng thơ thể hiện niềm xúc động của nhà thơ đang dồn dập dâng trào. Không những vậy, điều đó còn thể hiện sức mạnh của ngọn lửa, tình yêu thương nồng nàn sâu đậm. Ngọn lửa đã khơi dậy những gì bình dị mà thiêng liêng nhất : "niềm tin dai dẳng" – niềm tin bền bỉ của bà vào bình yên, độc lập, hạnh phúc, "niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi", "nồi xôi gạo mới sẻ chung vui". Và nhất là "nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ". Bà đã khơi dậy trong lòng cháu một trời yêu thương, bà dựng xây cho cháu một khung trời tuổi thơ vẹn tròn ước mơ, hi vọng, bà là bà nhưng cũng là cha, là mẹ, là người bạn tâm tình cho cháu sự yêu thương, chăm sóc, bảo ban và chia sẻ... Với cháu, bà là tất cả quãng đời thơ bé. Cảm xúc ngưng đọng khiến nhà thơ phải thốt lên : "Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa".

Đề 152: Trong bài thơ *Bếp lửa* của nhà thơ Bằng Việt, tại sao khi nhắc đến bếp lửa là người cháu nhớ đến bà và ngược lại, khi nhớ về bà là nhớ ngay đến hình ảnh bếp lửa? Viết đoạn văn nêu rõ ý kiến của em.

Bài làm

Trong bài thơ "Bếp lửa" của nhà thơ Bằng Việt có hai hình ảnh thơ xuyên suốt bài thơ và luôn đan xen vào nhau. Đó là hình ảnh bếp lửa và

hình ảnh người bà. Khi nhắc đến bếp lửa là người cháu nhớ đến bà và ngược lại, khi nhớ về bà là nhớ ngay đến hình ảnh bếp lửa. Trong kí ức tuổi thơ của người cháu nhỏ, bà và bếp lửa là hai hình ảnh không thể tách rời. Nhắc đến bà là nghĩ đến những "lận đận đời bà biết mấy nắng mưa" nhưng bà vẫn tảo tần thay con nuôi dạy cháu. Dù những năm đói nghèo cực nhọc "đói mòn đói mỏi" hay những tháng năm cách mạng bùng lên bà vẫn sớm sớm chiều chiều "bếp lửa bà nhen" để lo cho cháu cái ăn, cái mặc... Bếp lửa ấy mang lại những tia sáng thần kì biết mấy: "ấp iu nồng đượm", "nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi", "nhóm nồi xôi gạo mới thổi chung vui", "nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ",... Bếp lửa không còn là bếp lửa hiểu theo nghĩa đen mà đã được chuyển nghĩa để trở thành biểu tượng của yêu thương, của sẻ chia và che chở. Đó là biểu tượng thiêng liêng về cuộc đời người bà thân yêu trong trái tim cháu. Chính bởi những điều đó, bếp lửa và bà trở thành hai hình ảnh thơ độc đáo, có mối quan hệ khăng khít không thể tách rời.

Đề 153: Tình bà cháu trong bài thơ *Bếp lửa* của Bằng Việt.

Bài làm

Tình cảm gia đình là một mảng đề tài quan trọng của văn học Việt Nam thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Viết về đề tài này, đã có những tác phẩm ngợi ca tình mẫu tử, tình phụ tử thiêng liêng. Và nhà thơ Bằng Việt đã góp phần làm phong phú thêm chủ đề bằng tình cảm bà cháu sâu đậm trong bài thơ "Bếp lửa".

Bài thơ ra đời năm 1963, khi ấy nhà thơ đang học tập và sinh sống ở nước bạn Liên Xô. Trong nước, cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc đang dần đến hồi cam go. Nhớ về Tổ quốc trong những ngày tháng ấy, Bằng Việt gửi trọn niềm thương nỗi nhớ cho người bà tần tảo, vất vả mà giàu tình yêu thương của mình.

Bài thơ có tên là "Bếp lửa" nhưng một điều dễ nhận thấy là hình ảnh đầy sức gợi ấy được gợi cảm hứng từ người bà. Hay nói cách khác, bếp lửa trong kí ức nhà thơ được nhóm lên từ đôi tay của bà: sáng sáng chiều chiều bà nhen bếp lửa thổi gạo, nấu cơm một tay tảo tần nuôi cháu. Bởi thế, hình ảnh bếp lửa bập bùng trong bài thơ để hình ảnh thiêng liêng ấy gắn bó mật thiết với hình ảnh của bà. Nhắc về bà là nhớ về bếp lửa và nhớ về bếp lửa là nhớ về bà. "Bếp lửa" là bài ca về tình bà cháu ấm áp, cảm động.

Bài thơ mở đầu bằng những hình ảnh thơ đầy ám ảnh;

"Một bếp lửa chờn vờn sương sớm
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm
Cháu thương bà biết mấy nắng mưa".

Ngọn lửa "chờn vờn sương sớm" là ngọn lửa thực trong lòng bếp lửa được nhen lên trong mỗi sớm mai. Còn ngọn lửa "ấp iu nồng đượm" là ngọn lửa của yêu thương mà bà dành cho cháu. Bởi vậy nên nhắc đến bếp lửa là

nhắc đến bà với bao tình thương và nỗi nhớ: "Cháu thương bà biết mấy nắng mưa". *Những nắng mưa* ấy là gì?

Là cuộc đời đầy vất vả nhọc nhằn không chỉ nuôi con mà còn thay con nuôi cháu:

"Đó là năm đói mòn đói mỏi

Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy".

Nhà thơ nhắc lại những năm tháng khủng khiếp của nạn đói 1945. Ngày tháng ấy đến người cha đương sức trẻ phải "khô rạc ngựa gầy" mà không đủ ăn. Vậy mà bà đã già cả, ốm yếu lại một tay nuôi dạy cháu. Cái đói, cái chết rình mò nhưng bà vẫn dành tất cả yêu thương mang đến cho cháu những bữa ăn nhọc nhằn:

"Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói"

"Khói hun nhèm mắt cháu

Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay".

Cùng với hình ảnh bếp lửa, còn có một âm thanh tha thiết gắn với người bà: tiếng tu hú:

"Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế"

"Tu hú ơi chẳng đến ở cùng bà

Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa".

Tiếng tu hú thường gợi đến cảnh đồng vàng đầy lúa chín. Nhưng trong những năm tháng ấy, tiếng tu hú tha thiết thê lương là tiếng khóc, tiếng than cho những mất mát, nghèo đói. Được bà yêu thương, che chở, người cháu chạnh lòng mà mời gọi tiếng chim "đến ở cùng bà". Vậy là đối với cháu, bà đã trở thành biểu tượng của sự đùm bọc, chở che đầy cao cả.

Cơ cực lên đến tận cùng khi:

"Giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi

Làng xóm bốn bên trở về lầm lụi".

Nhưng ngay cả khi ấy, khi mà mọi vật đã trở thành phế tích, hoang tàn, sự sống đã bị triệt tiêu thì ở bà vẫn ánh lên những tia lửa của tin yêu:

"Rồi sớm rồi chiều bếp lửa bà nhen

Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng".

Thời thế có thăng trầm biến chuyển thì lòng bà vẫn như ngọn lửa, trước sau vẫn bùng lên trong bếp nhỏ "chứa niềm tin dai dẳng" vào cuộc đời. Nuôi cháu ăn, bà còn "dạy cháu làm, chăm cháu học" không muốn để cái đói, cái nghèo vùi dập đời sống văn hóa, tinh thần của cháu. Đó là tư tưởng vô cùng tiến bộ hiếm thấy ở những người mà tuổi tác đã như bà. Điều đặc biệt là bà đã âm thầm đón nhận gian khó và lại một mình chịu đựng những nhọc nhằn, không muốn những cực nhọc của bản thân làm con cái lo lắng:

"Bố ở chiến khu bố còn việc bố

Mày có viết thư chớ kể này kể nọ

Cứ bảo rằng nhà vẫn được bình yên".

Hình ảnh bà hiện lên chẳng những ấm áp yêu thương mà còn đầy cao cả, vị tha và giàu đức hi sinh. Đó phải chăng là tấm lòng muôn thuở của những người bà, người mẹ trên mảnh đất Việt Nam này?

Suốt những phần đầu của bài thơ, nhà thơ vừa kể, vừa tỏ lòng thương nhớ, ngợi ca, biết ơn công lao của bà. Và đến đây, ông đúc kết lại về sự kì lạ và linh thiêng của hình ảnh bếp lửa và cũng là của bà:

"Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa
Mấy chục năm rồi đến tận bây giờ
Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm
Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ
Ôi kì lạ và thiêng liêng! Bếp lửa!"

Mấy chục năm đã trôi qua, "niềm tin dai dẳng" trong bà chưa bao giờ lụi tắt, để đến tận bây giờ "bà vẫn giữ thói quen dậy sớm". Bà vẫn tiếp tục nhóm lên ngọn lửa của yêu thương, của sẻ chia ấm áp, của bầu trời tuổi thơ đẹp đẽ trong cháu,... Bếp lửa nhóm lên hay tay bà gây dựng? Tất cả đều là những miền kì lạ và thiêng liêng không ai gọi tên được bao giờ. Nhà thơ chỉ có thể thốt lên một tiếng "Ôi!" đầy cảm động.

Những ân tình của bà theo cháu suốt cả cuộc đời. Để giờ đây:

"Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu
Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả
Nhưng chẳng lúc nào quên nhắc nhở
– Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?...

Lời nhắc ấy là lời nhắc cháu đã mang theo từ bếp lửa của bà. Ngọn lửa ấy luôn cháy trong lòng cháu. "Chờn vờn", "ấp iu" nhưng dai dẳng và bền bỉ dù là "khói trăm tàu, lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả" vẫn không thể nào khiến nó bị lụi tàn hay che khuất.

Tình bà cháu trong "Bếp lửa" của Bằng Việt là tình cảm thiêng liêng cảm động. Bà dành cho cháu những hi sinh thầm lặng của phần đời mong manh còn lại. Bà là mái ấm chở che, bao bọc tuổi thơ dại khờ, yếu đuối của cháu trước những mất mát, đau thương của cuộc sống. Và người cháu, những năm tháng cháu đi trong đời là những năm tháng cháu nhớ đến bà với lòng tin yêu và biết ơn sâu sắc. Ngọn lửa bà trao cho cháu được cháu giữ vẹn nguyên để trở thành ngọn lửa trường tồn, bất diệt.

Nội dung tư tưởng của "Bếp lửa" được thể hiện sâu sắc hơn nhờ những hình ảnh thơ sinh động, giàu sức liên tưởng: "bếp lửa chờn vờn sương sớm", "bếp lửa ấp iu nồng đượm",... cùng với đó là điệp từ "nhóm" đặc biệt được sử

dung ở cuối bài thơ. Song quan trọng hơn tất thảy là cảm xúc chân thành và lòng yêu mến vô bờ của nhà thơ đối với người bà kính yêu của mình.

Đọc và cảm nhận tình yêu thương chan chứa trong bài thơ "Bếp lửa", người đọc thấy yêu hơn, trân trọng hơn những ngọn lửa tỏa trong căn nhà mình cùng những người thân yêu ta có được trên đời.

Đề 154: "Trong lời ru của bà mẹ Tà–ôi (*Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* – Nguyễn Khoa Điềm) không chỉ có tình yêu thương con tha thiết mà còn có cả tình cảm và nhận thức về hành động cách mạng của người dân yêu nước".

Phân tích bài thơ *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* – Nguyễn Khoa Điềm để chứng minh ý kiến trên.

Bài làm

Trong những năm tháng kháng chiến chống ngoại xâm gian lao của dân tộc, mọi tình cảm cá nhân của mỗi con người đều gắn bó sâu đậm với tình yêu quê hương đất nước. Trong kháng chiến chống Pháp, người đọc biết đến một ông Hai trong truyện ngắn "Làng" của Kim Lân – một người nông dân có tình yêu làng gắn bó với tình yêu đất nước thiêng liêng. Và trong kháng chiến chống Pháp, ta biết đến một *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* của Nguyễn Khoa Điềm. Xuyên suốt bài thơ là lời người mẹ dân tộc Tà–ôi ru con mà "Trong lời ru của bà mẹ Tà–ôi không chỉ có tình yêu thương con tha thiết mà còn có cả tình cảm và nhận thức về hành động cách mạng của người dân yêu nước".

Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ được Nguyễn Khoa Điềm sáng tác vào năm 1971, năm mà cuộc kháng chiến chống Mĩ đang hồi cam go, khốc liệt nhất, mỗi người dân Việt Nam đang dốc toàn sức toàn lực của mình để góp phần cho chiến đấu. Trong cuộc ra quân "bốn mươi thế kỉ cùng ra trận" của toàn dân tộc có cả những em bé Tây Nguyên nằm trên lưng mẹ – các em ngoan ngoãn lấy lưng mẹ làm nôi để cha mẹ yên tâm đánh Mĩ. Và bài thơ *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* là tiếng hát ru của người mẹ dân tộc Tà–ôi dành cho những đứa con rất mực thân yêu ấy. Tiếng ru của mẹ là tiếng yêu con và cũng là tiếng yêu nước tha thiết, bồi hồi.

Bài thơ được thể hiện dưới ba khúc hát, mỗi khúc được mở đầu giống nhau bằng hai câu "*Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi / Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ*" và kết thúc mỗi khúc là lời ru trực tiếp của người mẹ.

Trong khúc ca thứ nhất, người mẹ ru con khi địu con trên lưng và giã gạo nuôi bộ đội:

Mẹ giã gạo mẹ nuôi bộ đội
Nhịp chày nghiêng, giấc ngủ em nghiêng
Mồ hôi mẹ rơi má em nóng hổi
Vai mẹ gầy nhấp nhô làm gối

Lưng đưa nôi và tim hát thành lời

Con nằm trên lưng mẹ mà có khác gì con đang nằm trong bụng mẹ. Mẹ giã gạo, nhịp chày là nhịp ru con, mồ hôi lao động thấm vào giấc ngủ yên lành của con để con sẻ chia với mẹ nỗi vất vả, nhọc nhằn. Hàng loạt hình ảnh hoán dụ: mồ hôi, má, vai, lưng, tim được sử dụng rất hiệu quả. Toàn bộ con người mẹ đang hướng đến con, đang dành cho con những gì tốt đẹp nhất. Và tình yêu con sâu nặng ấy gắn liền với tình thương thiết tha những người lính cụ Hồ:

Mẹ thương a–kay, mẹ thương bộ đội
Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần
Mai sau con lớn vung chày lún sân...

Mẹ thương a–kay và cũng là thương bộ đội. Trong ước mơ của mẹ có giấc mơ cho con khỏe mạnh "vung chày lún sân" và có giấc mơ cho bộ đội "hạt gạo trắng ngần" để ăn no đánh Mĩ.

Khúc ca thứ hai của mẹ cất lên khi địu con trên lưng đi tỉa bắp trên núi Ka–lưi.

Mẹ đang tỉa bắp trên núi Ka–lưi
Lưng núi thì to mà lưng mẹ nhỏ
Em ngủ ngoan em đừng làm mẹ mỏi
Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng

Mặt trời, ánh sáng, những cái mà cây không thể thiếu, là phía hoa lá hướng về thì *nằm trên đồi*. *Mặt trời*, niềm tin và hi vọng của mẹ, là bé đang nằm trên lưng. Hình ảnh ẩn dụ "*Mặt trời của mẹ*" đã diễn tả sâu sắc ý nghĩa của con trong sự sống của mẹ. Ước mơ, khát vọng của mẹ hướng cả về con. Đôi bàn tay tỉa bắp, chiếc lưng thon địu con trên lưng và lòng mẹ cất lên tiếng hát về ước mơ đẹp đẽ của mình:

Mẹ thương a–kay, mẹ thương làng đói
Con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều
Mai sau con lớn phát mười Ka–lưi...

Tình thương mẹ dành cho con, tình thương mẹ cũng dành cho cả dân làng đang trong cơn đói. Và bởi thế, ước mơ của mẹ dành cho con "mai sau con lớn phát mười Ka–lưi" nhưng trước hết là dành cho làng bản "con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều" để dân làng đi qua những năm tháng gian lao, khắc nghiệt.

Lời ru của mẹ tiếp tục cất lên khi đang "chuyển lán đạp rừng":

Mẹ đang chuyển lán, mẹ đi đạp rừng
Thằng Mĩ đuổi ta phải rời con suối
Anh trai cầm súng, chị gái cầm chông
Mẹ địu em đi để giành trận cuối
Từ trên lưng mẹ, em đến chiến trường

Từ trong đói khổ, em vào Trường Sơn.

Em đang cùng mẹ gắn bó hơn bao giờ hết với cuộc kháng chiến gian lao của dân tộc, chẳng những "chuyển lán, đạp rừng" mà còn trực tiếp "cầm súng" "cầm chông" chiến đấu trực tiếp với kẻ thù. Và hơn thế, em và mẹ cùng bước vào con đường Trường Sơn máu lửa. Nhưng dù trong hoàn cảnh nào mẹ cũng không rời em nửa bước. Em nằm trên lưng trở thành động lực, niềm tin để động viên mẹ ngay cả khi vất vả, hiểm nguy nhất. Giấc mơ của mẹ tỏa rạng trong lòng như thứ ánh sáng diệu kì:

Mẹ thương a–kay, mẹ thương đất nước
Con mơ cho mẹ được thấy Bác Hồ
Mai sau con lớn làm người Tự do...

Đến đây, tình yêu thương con đã hòa nhập không phải với một đối tượng cụ thể mà với cái chung của toàn dân tộc: đất nước "mẹ thương a–kay, mẹ thương đất nước". Giấc mơ của mẹ là được gặp Bác Hồ – niềm tin yêu, điểm tựa tinh thần của toàn dân tộc. Và mẹ mơ cho con được thành người tự do trong tương lai.

Có thể nói, người mẹ dân tộc Tà–ôi hiện lên trong dáng vẻ tảo tần, lam lũ vất vả của người mẹ Việt Nam trong chiến tranh bom đạn. Đau thương vô ngần nhưng không khi nào trái tim mẹ ngưng lại nhịp thương con và cũng vì thế mà không khi nào ngưng lại nhịp thương đất nước. Đặc biệt, trong giấc mơ của mẹ, khi nào cũng có giấc mơ dành cho đất nước, dành cho con. Mơ cho đất nước trước rồi đến mơ cho con, điều đó khẳng định rằng người mẹ Tà–ôi ý thức rất rõ: hạnh phúc của đất nước gắn liền với hạnh phúc của mỗi công dân trong đó có đứa con thân yêu của mình.

"Trong lời ru của bà mẹ Tà–ôi" quả là "không chỉ có tình yêu thương con tha thiết mà còn có cả tình cảm và nhận thức về hành động cách mạng của người dân yêu nước". Chính những điều đó trở thành động lực để những người mẹ này nói riêng và những bà mẹ Tây Nguyên nói chung dốc hết sức mình cho cuộc kháng chiến chung của đất nước. Năm tháng qua đi, chiến tranh chỉ còn là những bụi mờ của dĩ vãng nhưng bài thơ *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* của Nguyễn Khoa Điềm vẫn sống trong lòng người bởi trái tim nóng bỏng yêu thương của một người mẹ, một người dân yêu nước.

Đề 155: Phân tích giá trị biểu cảm của những câu thơ sau:

Mẹ đang tỉa bắp trên núi Ka–lưi
Lưng núi thì to mà lưng mẹ nhỏ
Em ngủ ngoan em đừng làm mẹ mỏi
Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng

(*Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* – Nguyễn Khoa Điềm)

Bài làm

Đoạn thơ nằm trong khúc ca thứ hai của lời bà mẹ dân tộc Tà–ôi ru con. Tiếng ru cất lên khi người mẹ đang đi tỉa bắp trên núi Ka–lưi. Nhà thơ đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh thơ giàu sức biểu cảm.

"Mẹ đang tỉa bắp trên núi Ka–lưi
Lưng núi thì to mà lưng mẹ thì nhỏ"

Hai hình ảnh "lưng núi" – "lưng mẹ" tạo thành một cặp tương phản: "to" – "nhỏ", thiên nhiên vĩ đại, sừng sững – con người nhỏ bé, yếu ớt. Hình ảnh ấy khiến ta như thấy cả khối núi nặng nề đang giáng xuống bờ lưng vốn đã oằn xuống vì vất vả, mệt nhọc của người mẹ. Câu thơ gợi những gian khổ trong công việc và đời sống của người mẹ Tà–ôi nơi núi rừng Tây Nguyên nắng lửa.

Nhưng dẫu có gian khổ đến đâu, người mẹ vẫn không nguôi tình yêu thương, niềm hi vọng nơi đứa con bé nhỏ của mình:

Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng

Nhà thơ đã sử dụng phép nhân hóa rất thành công. Mặt trời mang đến ánh sáng, hơi ấm, sự sống cho vạn vật. Nếu như mặt trời của bắp là mặt trời tự nhiên nằm ở trên đồi thì mặt trời của mẹ là em nằm trên lưng đó. Gọi con là mặt trời của mẹ để bày tỏ lòng yêu thương khôn tả: con là lẽ sống, là ánh sáng của đời mẹ. "Con nằm trên lưng" phía sau mẹ tỏa ánh sáng vào cuộc đời vốn nhiều nhọc nhằn cơ cực của mẹ để động viên mỗi bước mẹ đi, mỗi việc mẹ làm, mỗi lời mẹ nói. Lời thơ giản dị mà chan chứa cảm xúc biết bao!

Đề 156: Trong bài thơ *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* của Nguyễn Khoa Điềm, em thích hình ảnh thơ nào nhất? Viết một đoạn văn (8 – 10 câu) nói rõ cái hay của hình ảnh thơ ấy trong đó có sử dụng thành phần tình thái và thành phần phụ chú (gạch chân dưới những thành phần phụ đó).

Bài làm

Trong bài thơ "*Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* của Nguyễn Khoa Điềm, hai câu thơ sau đã dựng lên một hình ảnh thơ đặc sắc:

"Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ con nằm trên lưng".

Mặt trời – vị thần tự nhiên mang lại ánh sáng, sự ấm áp cho những cây bắp trên đỉnh Ka–lưi – đang tỏa rạng trên lưng đồi phía xa. Còn mặt trời của bà mẹ Tà–ôi là đứa con thân yêu đang nằm yên ngủ trên lưng gầy. Dùng hình ảnh ẩn dụ "mặt trời của mẹ con nằm trên lưng" ngầm so sánh hình ảnh người con với mặt trời, nhà thơ khẳng định vai trò của người con đối với người mẹ. Đối với mẹ, con chính là lẽ sống, là ánh sáng, là niềm tin, là động lực... Hình ảnh mặt trời "nằm trên lưng" khiến hình ảnh người mẹ chói lòa trong ánh sáng của lòng yêu thương, sự trìu mến. Đặc biệt, hai câu thơ còn có sự đối xứng nhịp nhàng: "Mặt trời của bắp" – "Mặt trời của mẹ". Điều đó góp phần tạo nên vẻ đẹp thẩm mĩ cho hình thức thơ.

* vị thần tự nhiên mang lại ánh sáng, sự ấm áp cho những cây bắp trên đỉnh Ka–lưi: thành phần phụ chú.

chính: thành phần tình thái.

Đề 157: Cảm nhận của em về bài thơ *Con cò* của Chế Lan Viên.

Bài làm

Chế Lan Viên là một nhà thơ tài năng của nền văn học Việt Nam. Ông có một phong cách nghệ thuật rõ nét, độc đáo đó là những suy tưởng, triết lý đậm chất trí tuệ và tính hiện đại. Đặc biệt, nhà thơ còn có nhiều sáng tạo trong nghệ thuật xây dựng hình ảnh thơ: hình ảnh thơ đa dạng, phong phú, kết hợp giữa thực và ảo. "Con cò" là một bài thơ như thế.

Con cò – hình tượng thơ xuyên suốt bài thơ và cũng là tên tác phẩm được khai thác từ trong ca dao truyền thống. Hình ảnh này xuất hiện rất phổ biến trong ca dao và dùng với nhiều ý nghĩa. Đó là hình ảnh người nông dân chân lấm tay bùn, vất vả cực nhọc; là người phụ nữ cần cù, lam lũ nhưng tất cả đều giàu đức hi sinh. Trong bài thơ này, nhà thơ vận dụng hình tượng ấy để làm biểu trưng cho tấm lòng người mẹ và những lời hát ru.

Bài thơ có bố cục ba phần ba đoạn với những nội dung được gắn với nhau bằng một lôgic khá mạch lạc: Hình ảnh con cò qua những lời ru bắt đầu đến với tuổi thơ ấu; Hình ảnh con cò đi vào tiềm thức của tuổi thơ, trở nên gần gũi và sẽ theo cùng con người trên mọi chặng của cuộc đời; từ hình ảnh con cò, suy ngẫm và triết lý về ý nghĩa của lời ru và lòng mẹ đối với cuộc đời mỗi người.

Xuyên suốt bài thơ, hình tượng con cò được bổ sung biến đổi trong mối quan hệ với cuộc đời con người, từ thơ bé đến trưởng thành và suốt cả đời người.

Mở đầu bài thơ, hình ảnh con cò được gợi ra liên tiếp từ những câu ca dao dùng làm lời hát ru. Ở đây tác giả chỉ lấy vài chữ trong mỗi câu ca dao nhằm gợi nhớ những câu ca dao ấy. Những câu ca dao được gợi lại đã thể hiện ít nhiều sự phong phú trong ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh con cò trong ca dao. Câu "con cò Cổng Phủ con cò Đồng Đăng" gợi tả không gian và khung cảnh quen thuộc của cuộc sống ngày xưa từ làng quê đến phố xá.

Hình ảnh con cò gợi vẻ nhịp nhàng, thong thả, bình yên của cuộc sống vốn ít biến động thời xưa. Câu ca dao "con cò mà đi ăn đêm" hình ảnh con cò lại tượng trưng cho những con người cụ thể là người mẹ, người phụ nữ nhọc nhằn vất vả, lặn lội kiếm sống...

Qua lời ru của mẹ, hình ảnh con cò đến với tâm hồn ấu thơ một cách vô thức. Đây chính là sự khởi đầu con đường đi vào thế giới tâm hồn của con người qua lời ru, của ca dao, dân ca.

Con trẻ chưa hiểu nội dung, ý nghĩa của bài ca dao nhưng chúng được vỗ về trong âm điệu ngọt ngào, dịu dàng của lời ru. Chúng được đón nhận bằng trực giác tình yêu và sự che chở của người mẹ. Và khép lại đoạn thơ là hình ảnh thanh bình của cuộc sống.

Sau những năm tháng nằm nôi, cánh cò trở thành người bạn đồng hành của tuổi thơ:

"Cò trắng đến làm quen
Cò đứng ở quanh nơi
Rồi cò vào trong tổ
Con ngủ yên thì cò cũng ngủ
Cánh của cò, hai đứa đắp chung đôi"

Đến tuổi tới trường:

"Con theo cò đi học
Cánh trắng cò bay theo gót đôi chân".

Và khi con trưởng thành:

"Cánh cò trắng lại bay hoài không nghỉ
Trước hiên nhà
Và trong hơi mát câu văn..".

Con cò từ trong lời ru đã đi vào tiềm thức của tuổi thơ trở nên gần gũi, thân thiết và theo con người đi suốt cuộc đời. Từ trong ca dao, cánh cò đã được tiếp tục sự sống của nó trong tâm thức con người. Hình ảnh ấy được xây dựng bằng sự liên tưởng như được bay ra từ trong ca dao để sống trong lòng con người, theo cùng và nâng đỡ con người trong từng chặng đường. Hình ảnh con cò gợi ý nghĩa biểu tượng về lòng mẹ, về sự dìu dắt, nâng đỡ dịu dàng và bền bỉ của người mẹ.

Đến phần thứ ba của bài thơ, hình ảnh cánh cò đã được đồng nhất với hình ảnh người mẹ. Tấm lòng của mẹ như cánh cò lúc nào cũng ở gần bên con trong suốt cuộc đời:

"Dù ở gần con
Dù ở xa con
Lên rừng xuống bể
Cò sẽ tìm con
Cò mãi yêu con"

Từ đây, nhà thơ khẳng định một quy luật của tình cảm có ý nghĩa bền vững, rộng lớn và sâu sắc: tình mẫu tử.

"Con dù lớn vẫn là con của mẹ
Đi suốt đời lòng mẹ vẫn theo con"

Câu thơ đi từ cảm xúc đến liên tưởng để khái quát thành những triết lý. Dù ở đâu, bên mẹ hay đến phương trời khác, dù còn nhỏ hay đã lớn khôn thì con vẫn được mẹ hết lòng thương yêu, che chở.

"Một con cò thôi
Con cò mẹ hát
Cũng là cuộc đời
Vỗ cánh qua nôi"

Lời ru cũng là khúc hát yêu thương. Sự hoá thân của người mẹ vào cánh cò mang nhiều ý nghĩa sâu xa, kết tụ những hi sinh, gian khổ, nhọc nhằn để những lời yêu thương càng trở nên sâu sắc, đằm thắm. Câu thơ cuối là một hình ảnh rất đẹp. Cánh cò vỗ qua nôi như dáng mẹ đang nghiêng xuống chở che, đang nói với con những lời tha thiết của lòng mẹ.

Bài thơ sử dụng thể thơ tự do nhưng cũng có câu mang dáng dấp của thể thơ 8 chữ. Thể thơ tự do giúp tác giả khả năng thể hiện cảm xúc một cách linh hoạt, dễ dàng biến đổi. Các đoạn thơ được bắt đầu bằng câu thơ ngắn, có cấu trúc giống nhau, nhiều chỗ lặp lại hoàn toàn gợi âm điệu lời ru. Đặc biệt, giọng thơ gợi được âm hưởng của lời ru nhưng không phải là một lời ru thực sự. Đó còn là giọng suy ngẫm triết lý. Nó làm cho bài thơ không cuốn người ta vào hẳn điệu ru êm ái đều đặn mà hướng vào sự suy ngẫm, phát hiện.

Không chỉ vậy, trong bài thơ này, Chế Lan Viên vẫn chứng tỏ được sức sáng tạo trong việc tạo ra những hình ảnh nghệ thuật giàu sức gợi. Đó là việc vận dụng sáng tạo hình ảnh con cò trong ca dao. Hình ảnh con cò là nơi xuất phát, là điểm tựa cho những liên tưởng tưởng tượng hình ảnh của tác giả. Chế Lan Viên đã chứng minh rằng hình ảnh biểu tượng dù gần gũi, quen thuộc đến đâu vẫn có khả năng hàm chứa những ý nghĩa mới, có giá trị biểu cảm.

"Con cò" của Chế Lan Viên là một bài thơ độc đáo. Viết về một đề tài không mới: tình mẫu tử; chọn những thi liệu đã thành truyền thống: hình ảnh con cò và âm điệu lời ru; song, bằng sức sáng tạo và tài năng nghệ thuật, Chế Lan Viên đã để lại cho văn học một tứ thơ lạ và đầy suy tưởng sâu sắc. Đọc "Con cò", ta như thấy trong mình ăm ắp những yêu thương mà cả cuộc đời của mẹ đã dành trọn cho mình.

Đề 158: Phân tích sự đối lập thiện – ác trong đoạn trích *Lục Vân Tiên gặp nạn* (trích *Truyện Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu)

Bài làm

Trong tác phẩm *Một số tư liệu về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu* (NXB Khoa học Xã hội, 1965), G. Ô–ba–rê từng nhận định: *Truyện Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu từng được xem là "một trong những

sản phẩm hiếm có của trí tuệ con người có cái ưu điểm lớn là diễn tả được trung thực những tình cảm của một dân tộc". Một trong những tình cảm lớn lao ấy là tấm lòng yêu mến, trân trọng cái thiện đồng thời căm ghét, lên án cái ác ở đời. Qua đoạn trích "Lục Vân Tiên gặp nạn", nhà thơ đã thể hiện trọn vẹn sự đối lập thiện – ác tiêu biểu cho toàn bộ tác phẩm.

Đoạn trích "Lục Vân Tiên gặp nạn" nằm ở phần thứ hai của truyện. Đang bơ vơ nơi đất khách với đôi mắt mù lòa và nỗi đau xót khôn nguôi về người mẹ mới qua đời, Lục Vân Tiên lại gặp Trịnh Hâm thi rớt trở về. Sẵn lòng đố kị, ganh ghét với Vân Tiên từ trước, Trịnh Hâm bèn lợi dụng cơ hội để hãm hại Vân Tiên. Hắn lừa tiểu đồng vào rừng trói lại rồi giả bộ đưa Vân Tiên xuống thuyền, hứa hẹn sẽ dẫn về quê nhà. Chờ khi đêm tối, Trịnh Hâm mới thực hiện hành động tàn ác của mình.

Qua cách hành xử của các nhân vật khi gặp người bị nạn: Trịnh Hâm gặp Vân Tiên bị mù, ngư ông và gia đình gặp Vân Tiên bị đẩy xuống sông, tác giả đã vạch mặt chỉ tên cái ác – mà đại diện là gã Trịnh Hâm tàn ác, nham hiểm đồng thời ngợi ca cái thiện, tiêu biểu là nhân vật ông ngư cùng gia đình của ông.

Trịnh Hâm là một kẻ có tâm địa hèn hạ, xấu xa. Vốn ghen ghét, với Lục Vân Tiên nhưng đến khi Lục Vân Tiên mù lòa rồi, dã tâm của Trịnh Hâm vẫn chưa thỏa. Lục Vân Tiên đã bị mù, tiền bạc hết, thầy tớ bơ vơ. Với Vân Tiên, Trịnh Hâm lại là người quen cũ. Vậy mà gã họ Trịnh lại đang tâm lừa gạt, hãm hại con người tội nghiệp, đang trong cơn hoạn nạn, cần cậy nhờ sự giúp đỡ của hắn:

Trịnh Hâm khi ấy ra tay,
Vân Tiên bị gã xô ngay xuống vời

Không những vậy, Trịnh Hâm còn vừa ăn cướp vừa la làng đầy ghê tởm:

Trịnh Hâm khi ấy kêu trời
Cho người thức dậy lấy lời phôi pha.

Chẳng những không thực hiện lời mình nói (hứa đưa Vân Tiên trở lại quê nhà) mà còn hãm hại Vân Tiên. Đó là sự phản bội bạn bè, phản bội lời hứa của chính mình. Đối với những người quân tử Nho học xưa, lời hứa vô cùng thiêng liêng, đó là bức tượng danh dự cho mỗi người: Lời đã nói ra như dao chém đá, một lời nói nặng tựa chín đỉnh đồng. Do vậy, hành động của Trịnh Hâm lột tả rõ tâm địa vừa bất nhân vừa bất nghĩa, vừa gian ngoan vừa xảo quyệt của hắn. Tất cả cũng vì lòng ganh ghét, vì sự đố kị tài năng với Vân Tiên. Nọc độc ấy ngấm vào xương tuỷ, trở thành bản chất độc ác của Trịnh Hâm.

Chỉ tám dòng thơ, tác giả đã sắp xếp các tình tiết một cách hợp lí, thể hiện diễn biến hành động rất mau lẹ, có tính toán và rất độc ác của Trịnh Hâm. Cái ác trong con người này tiêu biểu cho cái ác trong toàn bộ tác phẩm. Đó là sự lọc lừa, phản trắc của những Bùi Kiệm, Võ Công,... Chúng đã không chỉ một hai lần hãm hại những tâm hồn lương thiện thanh sạch như Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga,...

Nhưng Nguyễn Đình Chiểu không hề bi quan về cuộc đời, dựng lên hình anh cua cái ác tấm lòng nhân ái của nhà thơ muốn tạo ra sự đối lập để tôn vinh cái thiện. Cái thiện ấy được thể hiện qua sự hiệp nghĩa và trái tim nhân ái của ông ngư cùng gia đình của ông.

Thấy người bị nạn dưới sông, ông ngư đã ra tay cứu giúp:

Ông chài xem thấy vớt ngay lên bờ
Hối con vầy lửa một giờ,
Ông hơ bụng dạ, mụ hơ mặt mày

Từ "hối" có ý nghĩa là giục giã, thúc giục. Ông ngư cùng vợ con đang rất khẩn trương cứu sống Vân Tiên. Câu thơ mộc mạc, chỉ kể lại sự việc một cách tự nhiên, nhưng ẩn chứa bao ân tình của cả một gia đình vợ chồng, con cái đối với người gặp nạn. Chỉ riêng điều này đã đối lập gay gắt với hành động độc ác, bất nhân của Trịnh Hâm.

Không chỉ vậy, ông Ngư và cả gia đình còn sẵn sàng cưu mang người hoạn nạn: ông chân thành ngỏ ý mời Vân Tiên ở lại cùng sớm hôm chia sẻ cuộc sống đạm bạc nhưng đầm ấm tình người:

"Ngư rằng: "Người ở cùng ta
Hôm mai hẩm hút một nhà cho vui".

Khi Vân Tiên băn khoăn "ông lấy chi nuôi" ngư ông đã thể hiện lòng vị tha, tinh thần trọng nghĩa khinh tài của mình qua câu nói:

"Lòng lão chẳng mơ
Dốc lòng nhân nghĩa há chờ trả ơn"

– có nghĩa là làm ơn mà không hề trông chờ sự báo đáp. Đó là sự trong sạch vô tư đến tuyệt vời của một tâm hồn lành mạnh khỏe khoắn... Điều đó một lần nữa còn được thể hiện qua cuộc sống lao động của ông Ngư. Đó là một cuộc sống trong sạch, không chạy theo danh lợi, khinh ghét thói đời bạc đen, tráo trở. Cuộc sống của ông gắn với thiên nhiên khoáng đạt, tâm hồn ông thanh thản và thư thái vô cùng:

"Một mình thong thả làm ăn
Tắm mưa trải gió trong vời hàn giang".

Bằng đoạn thơ trên, tác giả gửi gắm khát vọng và niềm tin vào cái thiện, vào bản chất tốt đẹp của con người lao động bình thường. Cùng với những Hớn Minh, Vương Tử Trực, ông Tiều, ông quán,... ông ngư đã đại diện cho cái thiện trong thiên truyện *Truyện Lục Vân Tiên*. Qua những nhân vật này, Nguyễn Đình Chiểu thể hiện một cái nhìn tiến bộ, lạc quan đậm chất nhân dân.

Giống như toàn bộ tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên*, đoạn trích *Lục Vân Tiên gặp nạn* không có điều kiện để được Nàng Thơ trau chuốt về hình thức song chính sự giản dị, mộc mạc đậm chất Nam Bộ của ngôn ngữ đã mang đến cho đoạn trích sự chân thành chẳng những diễn tả thành công tính cách các nhân vật mà còn bộc lộ tấm lòng nhân ái, lạc quan của nhà thơ.

Đặc biệt, đoạn trích diễn tả đời sống của ngư ông, ngôn ngữ và lời thơ rất thanh thoát, uyển chuyển, hình ảnh thơ đẹp, ý tình phóng khoáng mà sâu xa. Đọc đoạn thơ, ta có cảm giác như chính tác giả đang nhập thân vào nhân vật để nói lên cái khát vọng sống của mình.

Qua sự đối lập giữa thiện và ác trong đoạn trích *Lục Vân Tiên gặp nạn*, tác giả đã thể hiện niềm tin vào những điều tốt đẹp ở đời. Đó cũng chính là cái gốc sâu xa làm nên sức hấp dẫn của toàn bộ tác phẩm này.

Đề 159: Nêu những cảm nhận sâu sắc nhất của em về ba câu thơ sau trong bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu:

Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo

Bài làm

Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo

Ba câu thơ cuối của bài thơ vừa thể hiện tình đồng chí của người lính trong chiến đấu vừa gợi lên hình ảnh người lính rất đẹp, rất lãng mạn. Trong đêm sương muối rét buốt, những người lính phải đứng gác nơi rừng hoang. Trong thời tiết, hoàn cảnh khắc nghiệt, khó khăn như vậy, những người lính vẫn luôn sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng "chờ giặc tới". Trong cuộc kháng chiến gian khổ ấy, những người lính lại sát cánh bên nhau, đứng cạnh bên nhau sẵn sàng chiến đấu, không quản ngại khó khăn gian khổ. Hình ảnh những người lính hiện lên rất chân thực, rất đẹp. Hình ảnh "đầu súng trăng treo" vừa là hình ảnh tả thực lại vừa mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc. Đêm đứng gác về khuya, trăng xuống thấp, những người lính lại đeo súng trên vai nên ta có cảm giác như trăng treo nơi đầu súng. Nhưng cây súng cũng là biểu tượng cho lực lượng chiến đấu bảo vệ hoà bình, trăng là biểu tượng của hoà bình. Hình ảnh "đầu súng trăng treo" là hình ảnh thơ đẹp và lãng mạn, thể hiện hình ảnh của người lính cách mạng, và qua đó cũng chính là thể hiện tình đồng chí, đồng đội của người lính cách mạng trong chiến đấu gian khổ.

Đề 160: Cảm nhận của em về câu thơ kết trong bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu: "Đầu súng trăng treo"?

Bài làm

Câu thơ cuối tuy đã khép lại tác phẩm nhưng nó mãi là dư âm không bao giờ cạn:

Đầu súng trăng treo.

Câu thơ vừa thực vừa ảo cho ta nhiều cảm xúc mới mẻ. Khoảng cách giữa bầu trời và mặt đất, giữa con người và thiên nhiên đã được xích lại gần gũi hơn bởi một từ "treo". Đó là sự kết hợp giữa bút pháp tả thực và lãng mạn vừa xa vừa gần. "Đầu súng trăng treo" là hình ảnh tương phản giữa chiến tranh và hoà bình đồng thời cũng là hình ảnh của hiện tại và tương lai. Phải chăng câu thơ là ước muốn, là hi vọng của Chính Hữu – người lính Cụ Hồ về một cuộc sống hoà bình, tươi đẹp? Sau đêm nay, sau giờ phút căng thẳng, lạnh buốt này sẽ là một sớm mai ấm áp với ánh bình minh sáng ngời. Người chiến sĩ, với nhiệm vụ đã thành người thi sĩ với bao cảm hứng dạt dào.

Đề 161: Viết đoạn văn nêu những cảm nhận của em về hai tiếng "đồng chí" trong bài thơ cùng tên của Chính Hữu.

Bài làm

Trong bài thơ "Đồng chí" của Chính Hữu, hai tiếng "đồng chí" vang lên thật thiết tha, cảm động. *Đồng chí* là cùng chung ý chí, lí tưởng. Đồng thời nó cũng là cách xưng hô của những người trong cùng một đoàn thể cách mạng. Với nhan đề *Đồng chí*, bài thơ đã nói lên được bản chất cách mạng của tình đồng đội, đồng thời cũng nói lên ý nghĩa sâu sắc của tình đồng đội. Câu thơ thứ bảy trong bài thơ cũng chỉ gồm hai tiếng: "Đồng chí". Nếu không kể nhan đề thì đây là lần duy nhất hai tiếng "đồng chí" xuất hiện trong bài thơ, làm thành riêng một câu thơ. Câu này có ý nghĩa quan trọng trong bố cục của toàn bài. Nó đánh dấu một mốc mới trong mạch cảm xúc và bao hàm những ý nghĩa sâu xa. Sáu câu thơ đầu là tình đồng đội tri kỉ, đến đây được nâng lên thành tình đồng chí thiêng liêng. *Đồng chí* nghĩa là không chỉ có sự gắn bó thân tình mà còn là cùng chung chí hướng cao cả. Những người *đồng chí – chiến sĩ* hoà mình trong mối giao cảm lớn lao của cả dân tộc. Gọi nhau là *đồng chí* thì nghĩa là đồng thời với tư cách họ là những con người cụ thể, là những cá thể, họ còn có tư cách quân nhân, tư cách của "một cây" trong sự giao kết của "rừng cây", nghĩa là từng người không chỉ là riêng mình. Hai tiếng *đồng chí* vừa giản dị, thân mật lại vừa cao quý, lớn lao là vì thế.

Đề 162: *Đồng chí* (Chính Hữu) và *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* (Phạm Tiến Duật) là hai bài thơ tiêu biểu viết về đề tài người lính cách mạng trong hai thời kỳ chống Pháp và chống Mĩ. So sánh hình ảnh người lính cách mạng ở hai bài thơ này.

Bài làm

Là những nhà thơ quân đội trưởng thành trong những cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, Chính Hữu và Phạm Tiến Duật từng sống, trải nghiệm và thấm thía đời sống của người lính trên chiến trường. Trên đôi bàn tay của hai nhà thơ không chỉ vững vàng những cây súng đánh giặc mà còn từng

bung nở cho đời những vần thơ diệu kì về người lính. Hai trong số những áng thơ ấy là *Đồng chí* của Chính Hữu và *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật. Cùng khắc họa hình ảnh người lính trong lực lượng quân đội nhân dân Việt Nam nhưng bên cạnh những điểm chung vốn dễ nhận thấy, ở hai bài thơ, mỗi bài lại có những nét đẹp riêng.

Bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu ra đời năm 1948, những năm tháng đầu tiên của cuộc kháng chiến chống Pháp đầy vất vả, chính quyền ta vừa thành lập còn non trẻ. Những người lính của "Đồng chí" là những người lính chống Pháp, họ đến với kháng chiến từ màu áo nâu của người nông dân, từ cái nghèo khó của những miền quê lam lũ:

Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

Còn *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật ra đời năm 1969, thời điểm cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước đang vào hồi ác liệt. Những người lính thời kì này còn rất trẻ. Họ phần lớn vừa rời ghế nhà trường, tâm hồn còn phơi phới tuổi xuân. Đó là những con người:

"Xẻ dọc Trường Sơn đi đánh Mĩ
Mà lòng phơi phới dậy tương lai".

Hoàn cảnh, điều kiện khác nhau như vậy tất yếu dẫn đến sự khác nhau về ý thức giác ngộ cách mạng của những người lính ở hai bài thơ. Nhận thức về chiến tranh của những người lính chống Pháp còn đơn giản, chưa sâu sắc như thời kì kháng chiến chống Mĩ. Trong "Đồng chí", tình cảm thiêng liêng nhất được nhắc tới là tình đồng chí, đồng đội. Trong "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" mới thấy xuất hiện ý niệm về ý chí, tinh thần yêu nước:

"Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim".

Sống giữa chiến trường với tình đồng đội thiêng liêng, người lính chống Pháp nhớ về gia đình với mẹ già, vợ dại, con thơ. Người lính kháng Mĩ thì đã khác. Họ hiểu rằng kháng chiến là gian khổ và còn trường kì nữa. Vậy nên xe hàng cùng con đường ra mặt trận đã trở thành ngôi nhà chung và những người đồng đội đã trở thành gia đình ruột thịt:

"Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy".

Và điều khác nhau cơ bản giữa hai thi phẩm chính là bút pháp thơ của hai tác giả. Chính Hữu dùng bút pháp hiện thực – lãng mạn dựng lên hình ảnh những người lính thời kì đầu của cuộc kháng chiến với nhiều khó khăn thiếu thốn:

"Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày"

Cảm hứng lãng mạn được lắng đọng trong cảm xúc về tình đồng chí thiêng liêng: "Đồng chí!" cùng những hình ảnh thơ giàu sức gợi "đầu súng trăng treo". Bài thơ "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" lại được xây dựng bằng bút pháp lãng mạn – hiện thực. Cái khó khăn thiếu thốn không bị lảng tránh:

"Không có kính rồi xe không có đèn

Không có mui xe thùng xe có xước".

Nhưng vượt lên trên tất cả vẫn là sự ngang tàng, tinh nghịch của những người lính trẻ lạc quan yêu đời:

"Ung dung buồng lái ta ngồi

Nhìn đất nhìn trời nhìn thẳng"

"ừ thì gió bụi"

"ừ thì ướt áo",...

Có thể nói, trong "Đồng chí" của Chính Hữu, nhà thơ đã dựng lên hình ảnh người lính với tình đồng đội thiêng liêng chia sẻ với nhau những khó khăn, cực nhọc của một cuộc sống kháng chiến gian nan, thiếu thốn. Bài thơ *"Bài thơ về tiểu đội xe không kính"* của Phạm Tiến Duật lại khắc họa tuổi trẻ trẻ trung, yêu đời, yêu sống tinh nghịch và đầy ước mơ, lí tưởng của những người lính chống Mĩ.

Tuy có những sự khác nhau do hoàn cảnh lịch sử chi phối như vậy song những người lính trong hai bài thơ vẫn mang những đặc điểm chung đáng quý của người lính quân đội nhân dân. Đó là tấm lòng yêu nước, yêu đồng chí, đồng đội.

Vì tiếng gọi của non sông tất cả đã bỏ lại phía sau những "bến nước gốc đa", những con phố, căn nhà và cả những người thân yêu nhất. Trong điều kiện chiến đấu vô cùng gian khổ, thiếu thốn, thì tinh thần chiến đấu của những người lính lại bùng lên mạnh mẽ, sục sôi khí thế. Họ không nề nguy hiểm, khó khăn, vẫn vững lòng cầm chắc tay súng để bảo vệ quê hương, đất nước:

"Súng bên súng đầu sát bên đầu"

"Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước

Chỉ cần trong xe có một trái tim".

Họ cũng sát cùng bên nhau, bên những người đồng đội để cùng chiến đấu dũng cảm. Nếu trong "Đồng chí" là:

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay

Thì trong *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* hình ảnh đó đã trở nên thân quen:

Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi

Không kể thiếu thốn, khó khăn, họ vẫn chấp nhận, vẫn vui vẻ lạc quan, yêu đời hơn. Cái bắt tay ấy là cả một tình đồng đội thiêng liêng, họ truyền cho nhau niềm tin chiến thắng, tình yêu và lòng dũng cảm ấy. Sống và chết, dường như trong tim mỗi người lính chiến đấu không hề có khái niệm ấy.

Dù có những điểm giống và khác nhau rõ rệt nhưng điều đó càng khiến những người lính cụ Hồ hiện lên qua nhiều màu vẻ, sinh động và gần gũi. Điều đó trước hết giúp người đọc càng hiểu rõ hơn về những người lính. Hình ảnh của họ hiện lên thật đẹp đẽ, họ chính là biểu tượng, là niềm tin, khát vọng của nhân dân gửi gắm nơi họ. Ở các anh, người đọc nhận thấy một ánh sáng lí tưởng cao đẹp và thiêng liêng vô cùng. Không chỉ vậy, những nét khác biệt còn thể hiện từng phong cách riêng của mỗi tác giả trong phương thức thể hiện. Điều đó làm giàu, làm đẹp thêm cho vườn hoa nghệ thuật nước nhà.

Đề 163: Phân tích hình ảnh người lính trong bài thơ *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật. Từ đó em có suy nghĩ gì về người lính trong kháng chiến chống Mĩ?

Bài làm

Trong những năm tháng kháng chiến chống Mĩ cứu nước, hình ảnh những chiến sĩ lái xe vận tải đã "để thương để nhớ" cho tâm tưởng nhà thơ tài hoa Phạm Tiến Duật. Bởi vậy nên dẫu chẳng một ngày làm lính lái xe nhưng những trang thơ Phạm Tiến Duật luôn ầm ì tiếng động cơ chạy máy và giòn tan tiếng cười nói của những chàng lính lái xe "trẻ măng tơ"! Người đọc khó có thể quên những chàng trai ngang tàng, tinh nghịch nhưng đầy lí tưởng ấy trong bài thơ *Bài thơ về tiểu đội xe không kính.*

Bài thơ ra đời năm 1969, năm mà cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước đang bước vào những năm tháng khốc liệt nhất. Con đường Trường Sơn đã được khai phá để từng dòng người, dòng xe ngày đêm chi viện cho miền Nam ruột thịt. Trên những dặm đường loang lổ hố bom, trên những đèo cao trập trùng, hiểm trở,... dù ở đâu trên con đường huyền thoại ấy cũng hiện lên hình ảnh những anh lính lái xe vững vàng tay lái. Họ đến với chiến trường từ những giảng đường đại học, từ những mái trường phổ thông còn vương những cánh phượng rơi. Tâm hồn họ phơi phới tuổi xuân và những lí tưởng đẹp đẽ của tuổi trẻ. Trở thành những anh lính lái xe, họ đã làm vui, làm đẹp, làm vững chắc hơn cho con đường huyết mạch của cuộc kháng chiến.

Các anh tự giới thiệu về những người bạn đường thủy chung gắn bó của mình:

Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi

Câu thơ làm hiện lên trước mắt người đọc một hình ảnh lạ lùng: Những chiếc xe không kính. Mặt khác, lời giải thích của tác giả về những chiếc xe đặc biệt ấy cũng rất đỗi chân thực đến gần như là lột trần ra một chiếc xe đã bị phá huỷ bởi "bom giật, bom rung" – những động từ mạnh làm nổi bật hình ảnh và ý thơ. Hai câu thơ thật tự nhiên, không có hình ảnh hoa mĩ, tráng lệ, không có hình ảnh tượng trưng, giọng thơ có chút gì đó ngang tàng tạo nên điểm khởi đầu đầy ấn tượng cho bài thơ. Càng lạ lùng hơn nữa là hình ảnh chủ nhân những chiếc xe kì lạ ấy:

Ung dung buồng lái ta ngồi
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng

Với các anh, sự lạ đối với mọi người lại trở thành sự thường trong đời sống. "Bom giật, bom rung" để lại thương tích loang lổ trên xe nhưng lại chẳng mảy may nhìn thấy dấu hiệu của tàn phá trên dáng hình người chiến sĩ. Họ "ung dung" "ta ngồi", "nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng". Sự khốc liệt của chiến tranh không khiến con người bị thui chột về tâm hồn và ý chí. Các anh là những con người như lời đề trên bức tường kỉ niệm chiến thắng phát xít Đức của Hồng quân Liên Xô: "Nơi đây mọi sắt thép đều tan chảy chỉ con người là vững vàng đi qua". Câu thơ ngắn, nhanh, điệp từ "nhìn" lặp lại tạo nên tiết tấu hết sức sinh động.

Rồi trên con đường thần thánh ấy, các anh còn "nhìn thấy" bao điều khác nữa:

Nhìn thấy gió xoa vào mắt đắng
Thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa, như ùa vào buồng lái.

Bởi xe "không có kính" nên có quá nhiều bất tiện: "gió xoa vào mắt đắng" nhưng cũng bởi không có kính nên nhiều khi ngồi trong ca bin người lính được đón nhận những cảm giác thật lạ lùng: "Thấy con đường chạy thẳng vào tim /Thấy sao trời và đột ngột cánh chim / Như sa, như ùa vào buồng lái". Hình ảnh thơ rất táo bạo và khỏe khoắn thể hiện tâm hồn trẻ trung, mạnh mẽ nhưng không kém phần mơ mộng của những chàng lính lái xe.

Khi chiếc xe đã bị phá huỷ, nát tan đến như vậy thì biết bao khó khăn đã nảy sinh cũng chỉ vì "không có kính"

Không có kính, ừ thì có bụi
Bụi phun tóc trắng như người già

Và:

Không có kính, ừ thì ướt áo
Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời.

Thế nhưng, "không có kính" thì tác giả lại "có bụi" rồi có "mưa tuôn, mưa xối". Cấu trúc thơ lặp đi lặp lại – "ừ thì" – đã làm toát lên thái độ bất chấp, không hề run sợ, coi thường mọi khó khăn. Câu thơ như vang lên tiếng cười vui vẻ, các anh cười để lạc quan yêu đời, để phớt lờ mọi khó khăn, cười để động viên mình, và động viên đồng đội. Và niềm lạc quan ấy còn được thể hiện bằng hành động.

Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.

Và :

Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa
Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi.

Giọng thơ âm vang rộn rã, tràn đầy sức sống sôi nổi của tuổi mười tám,

đôi mươi. Những người lính trẻ ấy thật kiên cường và trẻ trung, hóm hỉnh. Không chỉ vậy, họ còn là những người đồng chí gắn bó keo sơn, khăng khít:

Những chiếc xe từ trong bom rơi
Đã về đây họp thành tiểu đội
Bạn bè gặp nhau suốt đường đi tới
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi

Những con người ấy vốn dĩ không hề quen biết! Vậy mà giờ đây, trong gian khổ, họ thân thiết gắn bó, chào nhau như những người bạn đã quen. Và rồi, kỉ niệm như ùa về trong tâm trí nhà thơ. Có lẽ vì ông cũng là một người lính nên ông thấu hiểu, đồng cảm tình đồng đội, đồng chí:

Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy

"Gia đình" – hai tiếng thân thương gợi hình ảnh những con người cùng huyết thống. Họ, những người lính Trường Sơn ấy, cũng mang trong mình dòng máu nóng – dòng máu sôi sục khát vọng giải phóng miền Nam, giải phóng đất nước.

Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim

Tuy chiếc xe có bị phá huỷ, nát tan đến mức nào, dù gian khổ khó khăn bao nhiêu, nhưng "chỉ cần trong xe có một trái tim" – Đúng vậy! Chính tình yêu Tổ quốc đã cầm lái, đã là động lực thúc đẩy, giúp những người lính có thêm sức mạnh trước mỗi khó khăn. Lời thơ nhẹ nhàng như một lời khẳng định chắc nịch, gọn ghẽ. Câu thơ kết của bài thơ có lẽ là câu thơ hay nhất, vừa kết lại sức mạnh của con người chính là ở tình yêu, tình yêu Tổ quốc, tình thương đồng bào và tình yêu hoá thành ý chí – kiên cường và vững bền. Nhưng đồng thời, nó cũng mở ra, gợi ra cánh cửa ánh sáng: Miền Nam, nơi mà đồng bào đang trông ngóng cách mạng trong từng khoảnh khắc.

Bài thơ có giọng điệu phóng khoáng, ngang tàng như tâm hồn chàng trai tuổi đôi mươi. Nguyễn Tiến Duật đã không phải dụng công gọt giũa ngôn từ, nhiều câu thơ như lời nói hàng ngày nhưng chính sự giản dị, chân thành của cảm xúc đã làm nên những câu thơ lôi cuốn người đọc. Ngoài ra còn phải kể đến nhiều hình ảnh thơ táo bạo, giàu sức gợi tả cùng các điệp từ, điệp ngữ.

"Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật đã khắc họa thành công hình ảnh những người lính trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Hình ảnh ấy tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ. Chiến trường ác liệt, hiểm nguy mà tâm hồn các anh các chị vẫn ngời ngời sự lạc quan, trẻ trung yêu đời và yêu sống. Nhưng trên hết vẫn là tấm lòng yêu mến, thiết tha với đồng đội, với đất nước. Vẻ đẹp tâm hồn cao quý gieo vào lòng người đọc niềm tin yêu, sự trân trọng cảm phục và lời nguyện cầu tiếp bước. Khi xưa các anh các chị "Xẻ dọc Trường Sơn đi đánh Mĩ" thì hôm nay thế hệ trẻ sẽ "chuẩn bị hành trang" đầy đủ để đưa đất nước tiến "vào thế kỉ mới" sôi động và đầy thách thức.

Đề 164: Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về nhan đề bài thơ *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật.

Bài làm

Bài thơ về những người lính lái xe của Phạm Tiến Duật có một nhan đề thật lạ: "*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*". Nhan đề ấy gợi sự tò mò, thú vị cho người đọc: thế nào là "xe không kính", tại sao xe lại "không kính"?,... Sự bất thường của sự vật được nêu trong nhan đề ấy đã hé lộ giọng điệu của bài thơ: ngang tàng, nghịch ngợm và rất trẻ trung. Không chỉ vậy, bản thân tác phẩm đã là một bài thơ nhưng tác giả còn đặt thêm nhan đề "Bài thơ...". Điều đó có thừa không? Xin thưa là không! Nhà thơ viết như vậy ngụ ý rằng bài thơ về tiểu đội xe không kính ấy thơ đến hai lần và nhờ vậy nó đã đẹp thêm bội phần.

Đề 165: Cảm nhận và suy nghĩ của em về đoạn thơ:

"Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng,
Ra đậu dặm xa dò bụng biển,
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.

Cá nhụ cá chim cùng cá đé,
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,
Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe.
Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long.

Ta hát bài ca gọi cá vào,
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.
Biển cho ta cá như lòng mẹ
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào."

(*Đoàn thuyền đánh cá* – Huy Cận)

Bài làm

Có ai đó từng cho rằng: một trong những nguồn gốc quan trọng của thơ ca chính là đời sống lao động của nhân dân. Điều đó hẳn đúng với bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy Cận. Bài thơ thực sự cất lên từ nhịp sống lao động hăng say, khoáng đạt của những người dân vùng chài. Qua bài thơ, người đọc cảm nhận được vẻ đẹp và mối giao hòa giữa con người và thiên nhiên trên cái nền lộng lẫy, tráng lệ của vũ trụ biển cả. Đoạn thơ sau trong bài thơ tiêu biểu cho điều đó:

"Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng,
Ra đậu dặm xa dò bụng biển,
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.

Cá nhụ cá chim cùng cá đé,
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,
Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe.
Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long.

Ta hát bài ca gọi cá vào,
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.
Biển cho ta cá như lòng mẹ
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào."

Bài thơ được sáng tác trong chuyến đi công tác của Huy Cận tại vùng mỏ Hòn Gai, Quảng Ninh năm 1958 và được bắt nguồn từ cảm hứng ngợi ca công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của miền Bắc tự do độc lập. Với ý nghĩa đó, bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" là khúc tráng ca, ca ngợi con người lao động với tinh thần làm chủ và niềm vui, niềm tin trước cuộc sống mới trong những năm đầu xây dựng đất nước.

Ba khổ thơ trên nằm giữa bài thơ. Mở đầu bài thơ là hình ảnh hoàng hôn trên biển và những con thuyền đánh cá ra khơi. Người dân chài đến với biển lớn bằng một tinh thần lao động hăng say và tâm hồn khỏe khoắn "Câu hát căng buồm cùng gió khơi". Và biển cả bao la giàu có phóng khoáng dang tay đón họ:

"Cá thu biển Đông như đoàn thoi
Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng
Đến dệt lưới ta đoàn cá ơi!".

Những khổ thơ trên nối tiếp mạch cảm xúc đó.

Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng

Thuyền có lái, có buồm nhưng lái bằng gió, buồm là buồm trăng. Đoàn thuyền lướt đi trong đêm không phải bằng sức mạnh của con người mà bằng sức mạnh của câu hát hoà cùng sức mạnh của gió, cộng hưởng sức mạnh của trăng. Bởi thế mà thuyền như lướt đi, như bay lên. Con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé qua cảm hứng vũ trụ đã trở nên kỳ vĩ, khổng lồ, sánh ngang tầm với vũ trụ. Và trên con thuyền ấy, người như dần hiện lên trong tư thế làm chủ:

Ra đậu dặm xa dò bụng biển
Dàn đan thế trận lưới vây giăng

Đã qua rồi thời con người còn nhỏ bé, đơn độc trước sức mạnh bí ẩn của biển cả. Mang trong mình khí thế của người làm chủ, biển như hẹp lại để con người "ra đậu dặm xa", "dàn đan thế trận" và "dò bụng biển" để con người tìm tòi, khám phá. Họ đàng hoàng ra những nơi xa để bắt thiên nhiên phục vụ. Họ những dân chài mang theo cả sức trẻ, sức khoẻ, mang theo cả sự tìm tòi, khám phá để tung phá thế giới bí hiểm của thiên nhiên. Việc đánh bắt ấy như một trận chiến mà mỗi người lao động như một chiến sĩ.

Hát khi ra khơi, hát cho cuộc hành trình và những người lao động còn hát để ca ngợi sự giàu đẹp của biển cả:

Cá nhụ cá chim cùng cá đé
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng

Các loài cá được kể tên: cá nhụ, cá chim, cá đé, cá song đã nói lên sự phong phú, giàu có của biển. Không chỉ giàu mà biển còn rất đẹp:

Cá song lấp lánh đuốc đen hồng
Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé

Dưới ánh trăng, cá song quẫy mặt nước. Thân cá có khoang màu hồng lấp lánh như ánh sáng chuyển động dưới ngọn đuốc. Hình ảnh ấy cũng từng gợi hứng cho nhà thơ Chế Lan Viên viết nên câu thơ kì tài: "Con cá song cầm đuốc dẫn thơ về". Có thể nói, với hình ảnh cá song, hai nhà thơ không chỉ gặp nhau ở sức liên tưởng mà còn "cùng chí hướng" ở cảm hứng sáng tác: nghệ thuật bắt nguồn từ hiện thực, từ đời sống lao động của quần chúng nhân dân.

Đoạn thơ mang nhiều sắc ánh sáng: ánh sáng đen hồng, lấp lánh của cá song, ánh sáng vàng choé của trăng vỡ trên mặt nước. Những gam sắc ánh sáng hoà cùng bóng tối của màn đêm tạo ra bức tranh sơn mài lóng lánh sắc màu. Trong niềm xúc động, nhà thơ như thấy đâu đây hình ảnh những nàng tiên cá thần kì và do đó, Huy Cận đã viết một câu thơ thật thi vị, hữu tình: "Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe". Hình ảnh ấy càng được tôn lên bội phần bởi một liên tưởng tài tình:

Đêm thở sao lùa nước Hạ Long

Hình ảnh nhân hoá thật độc đáo. Đêm vẫn thư giãn và thủy triều lên xuống tạo ra hơi thở của đêm. Những đốm sao bạt ngàn in trên mặt nước, trôi dạt trên đầu những ngọn sóng triều đập vào bãi cát được ví như: "lùa nước Hạ Long". Sao với nước cũng xuất hiện và tồn tại trong nhịp thở của đêm. Nối những miền không gian lại với nhau, thiên nhiên như bức tranh sơn mài tráng lệ và kỳ ảo.

Tiếng hát theo những người dân chài trong suốt cả cuộc hành trình và giờ đây tiếng hát cất lên là để gọi cá vào lưới:

Ta hát bài ca gọi cá vào
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao

Người dân gọi cá bằng tiếng hát và trăng tạo ra nhịp gõ. Động tác lao động bình thường: gõ nhịp vào mạn thuyền để dồn cá, qua lăng kính cảm xúc bỗng trở nên đẹp đẽ lạ thường. Trăng lên cao dần từng lúc, trăng tan vào nước biển, vỗ vào mạn thuyền làm nhịp hay con thuyền đang lướt dập dềnh bồng bềnh giữa biển khơi như chạm vỡ ánh trăng tạo thành nhịp. Công việc đánh bắt cá từ nặng nhọc bỗng trở nên thi vị lãng mạn. Từ sự giàu đẹp của biển là những suy ngẫm về lòng biển bao dung:

Biển cho ta cá như lòng mẹ
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào

Nhà thơ Huy Cận đã thật tài tình khi so sánh lòng biển với "lòng mẹ". Biển cả dữ dội và bao la và lòng biển thẳm sâu không còn là điều kì bí, đáng sợ. Với nhà thơ, lòng biển mênh mông, rộng rãi đầy cá như tấm lòng mẹ bao dung, độ lượng. Chính lòng biển là lòng mẹ đã "nuôi lớn đời ta tự buổi nào". Câu thơ là khúc tâm tình thiết tha với biển thân yêu, là lời cảm ơn biển, biển vừa bao la mà lại trĩu nặng yêu thương.

Bài thơ là sự kết hợp của hai nguồn cảm hứng: cảm hứng lãng mạn, tràn đầy niềm vui, sự hào hứng trong thời kỳ miền Bắc bước vào xây dựng cuộc sống mới và cảm hứng vũ trụ vốn là nét nổi bật trong hồn thơ Huy Cận. Sự gặp gỡ, giao hoà của hai nguồn cảm hứng đó đã tạo nên những hình ảnh rộng lớn, tráng lệ, lung linh như những bức tranh sơn mài của đoạn thơ nói riêng và bài thơ nói chung.

Ngợi ca vẻ đẹp hùng tráng và thơ mộng của biển khơi, ngợi ca cuộc sống tưng bừng niềm vui xây dựng, bài thơ thực sự là tiếng hát cất lên từ hồn thơ Huy Cận để dâng tặng cuộc đời. Mang trong mình cả phong vị cổ điển nhưng lại rất hiện đại ở những liên tưởng bất ngờ, cảm hứng vũ trụ hoà cùng dòng cảm hứng lãng mạn, bài thơ mở ra một viễn cảnh thật huy hoàng và tràn đầy niềm tin vào một tương lai nhất định nở hoa.

Đề 166: Dưới đây là câu chủ đề cho một đoạn văn trình bày cảm nhận về một khổ thơ trong bài *Đoàn thuyền đánh cá* của Huy Cận: "Chỉ với bốn câu thơ, Huy Cận đã cho ta thấy một bức tranh kì thú về sự giàu có và đẹp đẽ của biển cả quê hương".

Em hãy viết tiếp khoảng 8 đến 10 câu để hoàn chỉnh đoạn văn theo phép lập luận diễn dịch, trong đó có một câu ghép và một câu có thành phần tình thái. (Yêu cầu xác định rõ câu ghép và thành phần tình thái).

Bài làm

"Chỉ với bốn câu thơ, Huy Cận đã cho ta thấy một bức tranh kì thú về sự giàu có và đẹp đẽ của biển cả quê hương". Lòng biển mênh mông là nơi cư ngụ của bao loài cá quý:

"Cá nhụ cá chim cùng cá đé
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng".

Trong khuôn khổ một hai câu thơ, Huy Cận khó có thể gọi tên tất cả những loài cá của biển cả nhưng qua cách nhà thơ liệt kê: cá nhụ, cá chim cùng cá đé, cá hồng người đọc đã có thể cảm nhận được sự đông đúc, phong phú của muôn vàn loài cá, đàn cá chốn biển khơi. Chẳng những giàu có, biển cả quê hương còn đẹp đẽ một cách lạ kì:

"Cá song lấp lánh đuốc đen hồng
Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe
Đêm thở sao lùa nước Hạ Long".

Nhà thơ chỉ tả cá, tả nước mà gợi cả hình ảnh bầu trời. Có lẽ đây là

một đêm trăng quang đãng, bầu trời rất sáng và có rất nhiều sao. Vậy nên chỉ một cái quẫy đuôi của chú cá song tinh nghịch nào đó mà đã làm hắt lên một màu "vàng chóe" đậm sắc, trù phú. Hình ảnh ấy càng được tôn lên bội phần bởi một liên tưởng tài tình:

Đêm thở sao lùa nước Hạ Long

Những đợt sóng dập dềnh lên xuống như hơi thở của đêm. Những đốm sao bạt ngàn in trên mặt nước, trôi dạt trên đầu những ngọn sóng đập vào bãi cát được liên tưởng như đang "lùa nước Hạ Long". Sao với nước cũng xuất hiện và tồn tại trong nhịp thở của đêm. Nối những miền không gian lại với nhau, thiên nhiên như bức tranh sơn mài tráng lệ và kỳ ảo.

Đề 167: Khổ cuối trong bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* của Huy Cận đã kết lại bài thơ bằng những hình ảnh huy hoàng, mạnh mẽ thể hiện sức mạnh và vẻ đẹp của con người. Em hãy viết đoạn văn phân tích khổ thơ này để làm rõ nhận định đó.

Bài làm

Thống nhất với cảm hứng và bút pháp lãng mạn của tác phẩm, khổ cuối của bài thơ *"Đoàn thuyền đánh cá" (Huy Cận)* là bức tranh hoành tráng với âm thanh, hình ảnh tràn đầy sức mạnh của con người, đoàn thuyền và ngập tràn ánh sáng:

Câu hát căng buồm cùng gió khơi
Đoàn thuyền chạy đua cũng mặt trời

Câu hát cùng gió khơi đưa thuyền đi nay vẫn câu hát ấy căng buồm đưa thuyền về. Nhưng giờ đây không chỉ còn là sức mạnh của gió mà sức mạnh niềm vui con người như được nhân lên vì thuyền đầy cá. Nếu như ở khổ thơ đầu, sau khi màn đêm bao trùm trên biển thì con người mở cửa đêm ra khơi đánh cá thì giờ đây họ – những người dân chài đang "chạy đua cùng mặt trời". Không còn là sự nối tiếp của nhịp sống thiên nhiên, con người mà quan hệ của thiên nhiên, con người là quan hệ song song, đua tranh. Chạy đua với mặt trời cũng là chạy đua với thời gian. Con người đang giữ lấy từng giây, từng phút, đang vượt lên trên cả thời gian để tạo của cải cho cuộc sống mới, để xây dựng và cống hiến. Những con người lao động đã về đến bến khi bình minh vừa ló dạng:

Mặt trời đội biển nhô màu mới

Cảnh biển một ngày mới được mở rộng đến muôn dặm và ngập tràn ánh sáng. Hình ảnh nhân hoá "mặt trời đội biển" đi lên mở ra một ngày mới tốt đẹp hơn, ánh sáng của mặt trời không chỉ mang đến màu của cảnh vật mà còn mang "màu mới" cho cuộc sống mà những người lao động đang từng ngày, từng giờ cống hiến. Sức tưởng tượng của bút pháp lãng mạn khiến bờ bãi thuyền về trong dòng thơ cuối rực rỡ huy hoàng trong ánh sáng:

Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi

Mắt của ngàn vạn con cá phơi trên bờ biển như cùng hướng về một phía phản chiếu tia sáng bình minh rực sáng muôn dặm dài xa như bờ biển đất nước.

Đề 168: Trong bài *Tiếng nói của văn nghệ*, Nguyễn Đình Thi có viết:

"Một bài thơ hay không bao giờ ta đọc qua một lần mà bỏ xuống được. Ta sẽ dừng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, và đọc lại bài thơ. Tất cả tâm hồn chúng ta đọc...". Em có suy nghĩ gì về ý kiến trên?

Từ đó hãy trình bày cảm nhận về một bài thơ theo em là hay trong chương trình *Ngữ văn* lớp 8 hoặc lớp 9, phần Văn học Việt Nam.

Bài làm

"Tiếng nói của văn nghệ", tiếng nói của thơ ca chưa bao giờ là những lời dễ dãi, nhạt nhòa. Nhà thơ Nguyễn Đình Thi từng viết: "Một bài thơ hay không bao giờ ta đọc qua một lần mà bỏ xuống được. Ta sẽ dừng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, và đọc lại bài thơ. Tất cả tâm hồn chúng ta đọc...". Ý kiến ấy gợi cho ta bài học sâu sắc về việc tiếp nhận văn nghệ nói chung và thơ ca nói riêng.

Thơ ca là tiếng nói của tình cảm, tâm trạng, cảm xúc con người. Học giả Lê Quý Đôn từng viết: "Hãy xúc động hồn thơ cho ngọn bút có thần" là bởi thế. Thơ bao giờ cũng ngắn gọn, hàm súc nên ngôn ngữ thơ cô đọng, lời ít ý nhiều. Không chỉ vậy, nhà thơ thường dùng nhiều biện pháp nghệ thuật: so sánh, ẩn dụ, đối lập, ... để thể hiện tình ý sâu xa của mình. Không gian, thời gian trong thơ là không gian, thời gian của cảm xúc, tâm tưởng nên trong thơ có nhiều khoảng trống, khoảng trắng đòi hỏi sự liên tưởng phong phú và đồng cảm của người viết. Bởi vậy nên, đọc một bài thơ thì dễ mà hiểu được thơ, cảm được thơ thật khó.

"Một bài thơ hay" chẳng những mang đến cho người đọc những tình cảm thẩm mĩ đẹp đẽ mà còn có hình thức thể hiện độc đáo sáng tạo. Để cảm nhận đầy đủ những lớp nghĩa của thơ ca, cảm nhận vẻ đẹp của hình thức thơ, bạn đọc phải dụng công rất nhiều. Do vậy, đọc một bài thơ hay "không bao giờ ta đọc qua một lần mà bỏ xuống được. Ta sẽ dừng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, và đọc lại bài thơ". Mặt khác, thơ ca là tiếng nói của tâm hồn bởi vậy, người đọc phải có được sự đồng cảm, đồng điệu về tiếng lòng với nhân vật trữ tình, với tác giả. Do đó, người đọc thơ không chỉ đọc trong tư thế khám phá những hình thức thẩm mĩ của bài thơ mà phải đọc với tất cả tâm hồn: "Tất cả tâm hồn chúng ta đọc...".

Trong chương trình văn học Việt Nam lớp 8 và 9, bài thơ "Quê hương" của Tế Hanh xứng đáng là một "bài thơ hay" đáng để ta "dừng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, và đọc lại bài thơ. Tất cả tâm hồn chúng ta đọc...".

Nhà thơ Tế Hanh được bạn đọc biết đến bắt đầu từ phong trào Thơ mới 1932 – 1945. Ngay từ những ngày đầu sáng tác, thơ của ông đã gắn bó tha thiết với làng quê. Trong những năm sau đó, dù mở rộng về đề tài nhưng

nhà thơ vẫn được biết đến nhiều nhất qua những vần thơ viết về quê hương. Và "Quê hương" là một bài thơ như thế.

Mở đầu bài thơ của mình, nhà thơ có hai câu thơ "giới thiệu" khá lạ:

"Làng tôi vốn làm nghề chài lưới
Nước bao vây cách biển nửa ngày sông".

Đó là lời thơ giới thiệu về nghề nghiệp và vị trí của làng: "làm nghề chài lưới", bốn bề là nước "cách biển nửa ngày sông". Hai câu thơ giới thiệu về làng rất ngắn gọn chứa đựng những lời tâm tình chân thành "làng tôi vốn...". Nhưng đằng sau chữ "vốn" ta nghe có cả một bề dày truyền thống lâu đời gắn bó với biển cả. Để đến câu thơ sau – một câu thơ tám chữ mà có đến năm chữ nhắc đến ý nghĩa "nước": "nước", "bao vây", "biển", "sông" – thì người đọc có cảm giác đây là lời xướng giọng cao cho một bản trường ca về cuộc sống làng chài.

Sau lời "trần tình" về làng, nhà thơ phác nên bức tranh cảnh dân chài ra khơi đánh cá:

"Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá".

Trên cái nền thuận hòa của trời biển thiên nhiên "Trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng" là vẻ đẹp tuyệt vời của con người, con thuyền và những cánh buồm.

Nhắc đến người dân chài, nhà thơ nhắc đến "dân trai tráng", đó là những chàng trai khỏe mạnh, rắn rỏi. Có vậy, họ mới vững vàng đầu sóng ngọn gió để chỉ huy những con thuyền và những cánh buồm mạnh mẽ thế này:

"Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã
Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió".

Hình ảnh con thuyền được so sánh với con tuấn mã cùng hành động hăng hái "phăng" (mái chèo), "mạnh mẽ" "vượt" (trường giang) đã diễn tả khí thế băng lối dũng mãnh của con thuyền ra khơi. Câu thơ tả thuyền nhưng còn làm toát lên một sức sống mạnh mẽ, một vẻ đẹp hùng tráng ở những người dân chài nơi biển cả.

Theo lối băng đi của những thân thuyền, cánh buồm căng gió biển quen thuộc trở nên thơ mộng và hùng tráng. Trong câu thơ "Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng", nhà thơ đã có cách so sánh rất kì lạ. Khi so sánh, ta thường so sánh vật vô hình với vật hữu hình để cụ thể hóa đối tượng. Nhưng ở đây, Tế Hanh so sánh vật hữu hình "cánh buồm" với một vật vô hình "mảnh hồn làng". Điều đó tạo một ấn tượng đặc biệt. Hồn làng – hồn của quê hương – đã hóa thân vào những cánh buồm để lướt về nơi biển cả. Chẳng những thế, ở câu thơ sau, cánh buồm còn được nhân hoá: "Rướn" như một sinh thể biết cử động đang rướn cao thân trắng, thâu góp gió biển của quê hương. Hình ảnh ấy sống động và gợi cảm biết bao.

Đoạn thơ vừa là cảnh thiên nhiên, vừa là bức tranh lao động đầy hứng khởi và dạt dào sức sống.

Sau ngày ra khơi đầy hào khí, đoạn thuyền đánh cá trở về trong niềm hân hoan chào đón của dân làng:

"Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ
Khắp dân làng tấp nập đón ghe về
Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng".

Tác giả không đi vào chi tiết tả cụ thể một đối tượng nào mà tả chung, gợi không khí cả làng. Đó là sự ồn ào, náo nức, là không khí tấp nập, vui vẻ, rộn ràng, thoả mãn. Câu thơ "nhờ ơn trời..." như một tiếng reo cảm tạ đất trời đã sóng yên, biển lặng để người dân chài trở về an toàn với cá đầy ghe. Khổ thơ là bức tranh lao động náo nhiệt đầy ắp niềm vui và sự sống.

Bên cạnh không khí ồn ào, tấp nập của dân làng, khổ thơ sau như là một góc lắng của không gian để những người dân đi biển và những con thuyền có thể nghỉ ngơi:

"Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ".

Hình ảnh trai tráng và con thuyền sau chuyến đi biển.

"Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng" là một câu tả thực. Màu "rám nắng" là minh chứng cho nhiều chuyến đi biển đầy thử thách, cho sự lành mạnh, đẹp đẽ về thể chất của "dân trai tráng" vùng chài. Đặc biệt, trong câu thơ sau, nhà thơ đã sử dụng phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác tạo ra những ấn tượng rất lạ: "Cả thân hình nồng thở vị xa xăm". Ở những người dân chài với làn da nhuộm nắng, gió, thân hình vạm vỡ toát lên một vẻ đẹp mặn mòi của biển cả. Trong động từ "nồng thở" có một chuyển động rất mạnh mẽ, khỏe khoắn. Và "vị xa xăm" ấy là hương vị của muối biển, gió biển, hồn biển... dạt dào, khoáng đạt. Hình ảnh thơ vừa chân thực vừa lãng mạn nâng những người "dân chài lưới" lên tầm vóc của những anh hùng.

Bên cạnh hình ảnh rất đẹp, rất khỏe của người đi biển là hình ảnh tinh tế của những con thuyền:

"Chiếc thuyền im bên mỏi trở về nằm
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ".

Con thuyền nằm lặng im nghỉ ngơi trên bến sau bao vật lộn nhọc nhằn với sóng gió. Nhà thơ dùng phép nhân hóa "mỏi" để diễn tả trạng thái im lìm, lặng lẽ của những con thuyền nằm trên bến. Không chỉ vậy, tiếp tục dùng phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác nhà thơ đã thổi hồn vào đoàn thuyền: "Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ". Trạng thái nằm lặng im của thuyền tĩnh lặng đến mức có thể "nghe" được những chuyển động tinh vi nhất của từng thớ gỗ "chất muối thấm dần trong thớ vỏ". Con thuyền đã

được thổi hồn để trở thành một thành viên của làng biển. Câu thơ gợi cảm và mang đầy cảm hứng lãng mạn.

Đến đây, nhà thơ không sao nén nổi tiếng nhớ quê hương. Tế Hanh đã trực tiếp nói nỗi nhớ làng quê khôn nguôi của mình:

"Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ
Màu nước xanh, cá bạc chiếc buồm vôi
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!".

Nước xanh, cá bạc, buồm, thuyền, mùi nồng mặn... Đó là màu sắc, là hình ảnh, là hương vị của quê hương đó...! Đặc biệt, câu thơ cuối của bài: "Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá" giản dị, tự nhiên và rất chân thành. "mùi nồng mặn" là mùi vị đặc trưng của quê hương là hương vị lao động. Chính vì vậy, bài thơ đã làm hiện lên hình ảnh quê hương trong sáng, khoẻ khoắn biết nhường nào.

Viết "Quê hương", ngòi bút miêu tả của Tế Hanh vô cùng bay bổng dạt dào cảm hứng lãng mạn. Bài thơ có những hình ảnh so sánh đẹp đẽ, những thủ pháp nghệ thuật – đặc biệt là nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác – tinh tế, gợi cảm.

Tiếp nhận văn học, văn nghệ không đơn giản như ta đón nhận một vật trao tay, đó thực sự là một quá trình khổ công nhưng đầy thú vị. Sau mỗi lần đọc lại, chiêm nghiệm lại về một bài thơ hay ta lại tìm ra được một hạt ngọc của tình cảm, của nghệ thuật. Vậy nên, có khi nào phải "không bao giờ ta đọc qua một lần mà bỏ xuống được. Ta sẽ dừng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, và đọc lại bài thơ. Tất cả tâm hồn chúng ta đọc..." đối với một tác phẩm thơ ca thì ta sẽ lấy đó là niềm hạnh phúc. Và cũng thật vinh dự cho nhà thơ Tế Hanh khi hiến dâng cho đời một bài thơ như thế: "Quê hương".

Đề 169: Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về nhan đề bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* của nhà thơ Thanh Hải.

Bài làm

Trong thi ca Việt Nam, đã có nhiều sáng tạo trong việc đặt tiêu đề cho những bài thơ viết về mùa xuân: *Mùa xuân chín* (Hàn Mặc Tử), *Mùa xuân xanh* (Nguyễn Bính), *Xuân ý, Xuân lòng* (Tố Hữu)... Thanh Hải cũng góp phần mình bằng một nhan đề rất gợi: "Mùa xuân nho nhỏ". Trong cụm từ ấy, nhà thơ đã sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ. "Mùa xuân" được nhắc đến trong nhan đề này không chỉ là thời gian khởi đầu cho một năm; "Mùa xuân nho nhỏ" không chỉ là thời điểm mùa xuân năm 1980 với những hình ảnh đẹp đẽ, trẻ trung đầy sức sống nhà thơ cảm nhận được khi nhìn ra dòng Hương giang của xứ Huế mộng và thơ. "Mùa xuân nho nhỏ" còn là những đóng góp, những hiến dâng nhỏ bé, mộc mạc của Thanh Hải vào mùa sự nghiệp chung của đất nước. Từ láy "nho nhỏ" trong cụm từ "Mùa xuân nho nhỏ" gợi hình ảnh của những chồi non lộc biếc xinh xắn đầy thi

vị. Và như thế, sự hiến dâng cuộc đời của nhà thơ cho cuộc đời chung trở nên thiêng liêng và ý nghĩa biết chừng nào.

Đề 170: Sách *Bồi dưỡng Ngữ văn 9* (Nhà xuất bản Giáo dục, 2008) có viết: "Bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời; thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước, góp một mùa xuân nho nhỏ của mình vào mùa xuân lớn của cuộc đời."

Hãy phân tích bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* của nhà thơ Thanh Hải (*Ngữ văn 9*, tập hai – Nhà xuất bản Giáo dục, 2008) để làm sáng tỏ nhận xét trên.

Bài làm

Nếu phải chọn ra ý nghĩa nhân văn nhất của thơ ca trong đời sống thì đó là việc thơ ca đã cống hiến cho cuộc đời này những tiếng lòng đẹp đẽ, những mảng sáng cao thượng trong tâm hồn của các thi nhân. Bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" của nhà thơ Thanh Hải xứng đáng mang ý nghĩa cao đẹp ấy. Sách *Bồi dưỡng Ngữ văn 9* (Nhà xuất bản Giáo dục, 2008) có viết: "Bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời; thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước, góp một mùa xuân nho nhỏ của mình vào mùa xuân lớn của cuộc đời."

Bài thơ ra đời năm 1980. Đó là một thời điểm vô cùng nhạy cảm. Khi đó, Thanh Hải đang nằm viện để điều trị một căn bệnh hiểm nghèo và không lâu sau khi sáng tác bài thơ này nhà thơ đã vĩnh viễn lìa bỏ những mùa xuân khác nữa của cuộc đời mình. Năm 1980 cũng là năm đất nước đang gặp nhiều khó khăn trong công cuộc bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Trong hoàn cảnh ấy, bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" của Thanh Hải ra đời đã thể hiện cảm hứng đón nhận thanh sắc, đất trời mùa xuân, cảm nhận đầy tự hào về bước đi lên thanh xuân của đất nước và đồng thời nó cũng là một tâm nguyện dâng hiến sức xuân trong cuộc sống cách mạng của đất nước. "Mùa xuân nho nhỏ" là tiếng thơ đầy cảm động của nhà thơ.

Mở đầu bài thơ, tác giả đã vẽ ra một bức tranh thiên nhiên mùa xuân xứ Huế tươi mát đẹp đẽ.

Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời

Chỉ bằng một vài nét phác hoạ bức tranh mùa xuân quê hương đã hiện lên với một khoảng không gian khoáng đạt, cao rộng, êm dịu và đầy chất thơ. Bức tranh ấy được mở ra bằng chiều dài của dòng sông, chiều cao của bầu trời và chiều sâu của cảm xúc. Bức tranh là một sự pha trộn đặc biệt của màu sắc. Nó có sắc xanh thanh xuân của dòng

sông – đó có lẽ là sắc xanh của những vạt lục bình lững lờ trôi trên dòng Hương Giang – nổi bật trên cái nền ấy là màu tím biếc của một bông hoa mùa xuân. Bằng việc sử dụng phép đảo ngữ, đưa từ "mọc" lên đầu câu cùng với việc sử dụng lượng từ "một" tác giả đã nhấn mạnh sự xuất hiện đột ngột, bất ngờ cùng với sức sống mạnh mẽ căng tràn của sức xuân thể hiện qua hình ảnh bông hoa.

Hơn thế, bức tranh mùa xuân còn ghi vào lòng người những âm thanh lảnh lót của con chim chiền chiện, khiến cho niềm xúc động bồi hồi, xốn xang chợt bật thành tiếng hỏi:

Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng

Bằng nghệ thuật chuyển đổi cảm giác, trước mùa xuân tình cảm của tác giả thật mãnh liệt. Ông dang rộng vòng tay, mở rộng tấm lòng, trân trọng, nâng niu đón nhận mùa xuân. Tiếng chim vang ra mà không tan biến, nó tuôn ra thành tiếng rõ ràng, tròn trịa kết tinh thành từng giọt, kết lại thành dấu ấn mùa xuân để nhà thơ "hứng" với đôi bàn tay trân trọng và tấm lòng rộng mở. Cả đoạn trên đã không chỉ lột tả được vẻ đẹp của thiên nhiên mùa xuân mà còn diễn tả được sự say đắm, ngỡ ngàng và thái độ đón nhận trân trọng, nâng niu của tác giả.

Sau những cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên, khổ thơ thứ hai là những cảm nhận thật hơn về sức xuân nảy nở nơi những con người chiến đấu và lao động để bảo vệ và dựng xây đất nước:

Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy trên lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ

Việc lặp lại cặp cấu trúc sánh đôi cùng điệp ngữ "mùa xuân" đã gợi ra những hình ảnh về đoàn quân cầm súng và đoàn người ra đồng. Cành lá ngụy trang trên lưng người ra đồng, dẫu là cành nhưng trước sức xuân nhiệm màu vẫn đâm chồi nảy lộc. Những cây mạ non vừa được gieo xuống trong khí xuân, chẳng đợi thời gian đâm chồi đã "trải dài nương mạ". Dùng từ "lộc" để diễn tả sức xuân nảy nở mãnh liệt đang trào dâng của thiên nhiên đất trời, tác giả đồng thời còn thể hiện sức xuân của con người. Những con người cầm súng, truyền sức xuân cho cành lá ngụy trang trên lưng nảy lộc, những người ra đồng gieo mạ xuống đất hay là đang gieo xuống những mùa xuân.

Những người chiến sĩ, những người nông dân,... họ đã mang cả mùa xuân, sức xuân ra đồng, ra chiến trường và hơn thế nữa, họ đang mang cả mùa xuân về cho đất nước. Từ hình ảnh của hai lớp người này tác giả đã đi tới một khái quát cao hơn đối với "tất cả":

Tất cả như hối hả

Tất cả như xôn xao

Cả dân tộc đang hứng sức sống mới trước mùa xuân nhiệm màu. Tất cả đang vội vã, khẩn trương trong công việc để cống hiến, xây dựng đất nước. Và thêm nữa từ "xôn xao" như diễn đạt một sự thay đổi, một sự biến chuyển trong tâm hồn mỗi con người trước mùa xuân. Tất cả mọi người đang đóng góp những mùa xuân nhỏ bé của mình cho mùa xuân của đất nước:

Đất nước bốn nghìn năm

Vất vả và gian lao

Đất nước như vì sao

Cứ đi lên phía trước

Mùa xuân của đất nước được cảm nhận trong sự tổng kết chiều dài lịch sử bốn nghìn năm với bao vất vả, gian lao và đất nước được so sánh với vì sao, nguồn sáng kỳ diệu của thiên hà, vẻ đẹp vĩnh hằng của thiên nhiên vũ trụ. Đất nước ấy như một bà mẹ tảo tần, vất vả, qua bao gian lao thử thách vẫn kiêu hãnh, ngoan cường "cứ đi lên phía trước" không chỉ bằng sức mạnh của hôm nay mà bằng sức mạnh của bốn nghìn năm lịch sử. Câu thơ như là một điểm nhấn, lời tổng kết về sức sống mãnh liệt của đất nước đồng thời ẩn chứa niềm tự hào, niềm tin của tác giả vào cuộc đời và đất nước.

Khổ thơ 4, 5 là hai khổ thơ bộc lộ rõ nhất chủ đề của bài thơ đó là ước nguyện thiết tha muốn hoà đồng cùng mùa xuân đất nước, ước nguyện dâng hiến tài sức cho đời. Và trước tiên, ước nguyện của nhà thơ là ước nguyện muốn hoà đồng cùng thiên nhiên đất nước:

Ta làm con chim hót

Ta làm một nhành hoa

Ta nhập vào hòa ca

Một nốt trầm xao xuyến

Ở khổ thơ này có sự lặp lại hình ảnh bông hoa, con chim, những tín hiệu mùa xuân ở khổ thứ nhất. Trong muôn ngàn điều ước, tác giả chỉ ước làm một tiếng chim trong muôn ngàn giọng hót để gọi xuân về, một bông hoa trong muôn triệu đoá hoa để tô điểm cho mùa xuân, một nốt trầm trong bản hoà ca êm ái. Những ước muốn giản dị để thành những vật nhỏ bé, nhưng chính những vật nhỏ bé này lại góp phần quan trọng không thể thiếu để tạo nên mùa xuân, tạo nên sắc xuân. Như nhà thơ Trần Hòa Bình từng chiêm nghiệm:

"Thêm một chiếc lá rụng

Thế là thành mùa thu

Thêm một tiếng chim gù

Thành ban mai thanh khiết".

Vậy thì, một tiếng hót, một nhành hoa, một nốt trầm mà Thanh Hải nguyện dâng hiến cho đời hẳn có ý nghĩa lớn lao vô cùng. Huống chi, tác

giả muốn làm một nốt trầm nhưng là nốt trầm xao xuyến, có sức ngân vang, một nốt trầm có ích cho đời. Những ước muốn tưởng như giản dị ấy lại có một ý nghĩa lớn lao đó là phải đóng góp những gì tươi đẹp nhất cho cuộc đời, cho đất nước, dù đó là sự cống hiến khiêm nhường, giản dị. Điều đó không chỉ ước muốn của riêng tác giả mà là của tất cả mọi người, tất cả chúng ta. Thông qua việc chuyển đổi đại từ "tôi" sang "ta", nguyện ước riêng đã trở thành nguyện ước chung. Sau ước nguyện hoà đồng, tác giả đã đi tới khát vọng cống hiến bền bỉ của mình:

Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc

Khổ thơ như là một lời nhắn nhủ, một lẽ sống. Sống là để cống hiến. "Mùa xuân nho nhỏ" còn là quan điểm đúng đắn về mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể, giữa mỗi con người giữa cuộc đời chung của dân tộc. Thanh Hải đã chọn cho mình một cách cống hiến riêng không phô trương, không ồn ào, cống hiến một cách âm thầm lặng lẽ trong mọi hoàn cảnh, mọi lứa tuổi. Khổ thơ là một sự tổng kết, chiêm nghiệm từ chính cuộc đời đã cố gắng không biết mệt mỏi từ tuổi 20 căng tràn sức sống đến khi phải nằm trên giường bệnh của nhà thơ. Là lời cho riêng mình, đoạn thơ bỏ trống cách xưng hô nhưng điều đó lại như mở rộng tới mọi người, lay động người đọc cùng chung ý nghĩ.

Nếu những khổ thơ trên là những suy ngẫm cảm động về ước nguyện dâng hiến thì khổ thơ cuối nhà thơ lại muốn được cất lên tiếng hát thiết tha dựa trên lời ca buồn bã của câu Nam ai Nam bình xứ Huế:

Mùa xuân ta xin hát
Câu Nam ai Nam bình
Nước non ngàn dặm mình
Nước non ngàn dặm tình
Nhịp phách tiền đất Huế

Lời ca như vang vọng, gợi mở ra một cái tình nhỏ bé trong cái ngàn dặm rộng lớn, mêng mang nhưng vẫn rất gần gũi, tràn đầy yêu thương và ấm áp, gợi mở ra một cái tình rất riêng, rất Huế nhưng lại hoà chung được với nước non. Tiếng hát đằm thắm hiền hoà xen với những tiếng phách giòn giã, tươi vui đã kết lại bài thơ. Bài thơ khơi lên là dòng sông là tiếng chim hót vang trời xứ Huế, kết thúc lại là nước non và tiếng hát tươi vui cả tình yêu nước non ngàn dặm, tình yêu quê hương đất nước.

Bài thơ có nhịp điệu trong sáng, thiết tha, gợi cảm, gần gũi với dân ca. Đặc điểm ấy có được là nhờ nhà thơ đã sử dụng các yếu tố như thể thơ, cách ngắt nhịp, cách gieo vần, cách sử dụng các điệp từ, điệp ngữ rất hiệu quả. Thể thơ năm chữ gắn liền với các điệu dân ca, nhất là dân ca miền Trung, có âm hưởng nhẹ nhàng, tha thiết. Cách gieo vần liền giữa các khổ

thơ cũng góp phần tạo nên sự liền mạch cho cảm xúc. Việc kết hợp những hình ảnh tự nhiên giản dị: bông hoa tím, tiếng chim hót, vì sao... với các hình ảnh giàu ý nghĩa biểu trưng, khái quát "đất nước như vì sao...", "mùa xuân nho nhỏ",... đã khiến bài thơ trở nên gần gũi, trong sáng. Tứ thơ xoay quanh hình ảnh mùa xuân, từ mùa xuân của đất trời đến mùa xuân của quê hương, đất nước. Cách cấu tứ như vậy khiến cho ý thơ luôn tập trung, cảm xúc trong thơ không bị dàn trải. Và đặc biệt, giọng điệu của bài thơ thể hiện đúng tâm trạng của tác giả, biến đổi phù hợp với nội dung từng đoạn: vui vẻ, say sưa ở đoạn đầu; trầm lắng, thiết tha khi bộc bạch tâm niệm; và ở đoạn cuối, giọng điệu ấy sôi nổi, tha thiết như vì sao băng đang cháy rực lần cuối trong đời trước khi tắt lịm.

"Mùa xuân nho nhỏ" của nhà thơ Thanh Hải thể hiện những rung động sâu xa trước vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước, trước những hi sinh và cố gắng say sưa trong sự nghiệp bảo vệ, xây dựng Tổ quốc của toàn dân tộc. Đó là "là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời". Từ đó, dẫu đang nằm trên giường bệnh, từng ngày từng giờ đối mặt với hiểm nguy và cũng dẫu đã cả cuộc đời cống hiến không mệt mỏi cho đất nước, nhà thơ vẫn khao khát "làm con chim hót", "làm một nhành hoa", "một nốt trầm xao xuyến", "một mùa xuân nho nhỏ" để "lặng lẽ dâng cho đời". Tiếng thơ đã "thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ là được cống hiến cho đất nước, góp một mùa xuân nho nhỏ của mình vào mùa xuân lớn của cuộc đời."

Hơn hai mươi năm đã trôi qua từ ngày bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" của nhà thơ Thanh Hải ra đời nhưng chưa một mùa xuân nào đất nước lại thiếu vắng những tiếng thơ ông hòa trong lời nhạc sôi nổi, say mê: "Mùa xuân, mùa xuân, một mùa xuân nho nhỏ, lặng lẽ dâng cho đời...". Bài thơ ấy đã, đang và sẽ trở thành bản nhạc lĩnh xướng cho dàn hòa ca đóng góp và dựng xây đất nước của toàn dân tộc.

Đề 171: Cảm nhận của em về khổ thơ sau trong bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* của Thanh Hải:

Ta làm con chim hót
Ta làm một nhành hoa
Ta nhập vào hoà ca
Một nốt trầm xao xuyến.

Bài làm

Ta làm con chim hót
Ta làm một nhành hoa
Ta nhập vào hoà ca
Một nốt trầm xao xuyến

Ở khổ thơ này đã có sự lặp lại cấu trúc ngữ pháp, bắt gặp những hình

anh bông hoa, con chim, những tín hiệu mùa xuân ở khổ thứ nhất. Trong muôn ngàn điều ước, tác giả chỉ ước làm một tiếng chim trong muôn ngàn giọng hót để gọi xuân về, một bông hoa trong muôn triệu đoá hoa để tô điểm cho mùa xuân. Những ước muốn giản dị để thành những vật nhỏ bé, nhưng chính những vật nhỏ bé này lại góp phần quan trọng không thể thiếu để tạo nên mùa xuân, tạo nên sắc xuân. Bên cạnh đó, tác giả còn muốn làm một nốt trầm trong bản hoà ca êm ái. Chỉ là một nốt trầm kín đáo, khiêm nhường, chứ không phải là một nốt thanh thánh thót, nổi trội. Lẫn vào trong bản hoà ca, khó nghe và nhận ra những nốt trầm khiêm nhường đó đã tạo nên cái hay của bản nhạc. Tác giả muốn làm một nốt trầm nhưng là nốt trầm xao xuyến, có sức ngân vang, một nốt trầm có ích cho đời. Những ước muốn tưởng như giản dị ấy lại có một ý nghĩa lớn lao đó là phải đóng góp những gì tươi đẹp nhất cho cuộc đời, cho đất nước, dù đó là sự cống hiến khiêm nhường, giản dị. Điều đó không chỉ ước muốn của riêng tác giả mà là của tất cả mọi người, tất cả chúng ta. Thông qua việc chuyển đổi đại từ tôi sang ta, nguyện ước riêng đã trở thành nguyện ước chung. Sau ước nguyện hoà đồng, tác giả đã đi tới khát vọng cống hiến bền bỉ của mình. Trong cảm hứng trữ tình, nhân vật trữ tình bỗng biến thành mùa xuân nho nhỏ, một mùa xuân không chỉ mang ý nghĩa mà là một mùa xuân nhỏ bé, có hình khối hữu hạn nhập vào mùa xuân rộng lớn của đất nước.

Đề 172: *Hoàng Lê nhất thống chí* của Ngô gia văn phái, có thể nói cảm hứng yêu nước và tự hào dân tộc nhiều khi đã lấn át cả thái độ thiên vị với triều Lê. Điều đó đã mang lại những trang viết thực và hay.

Phân tích hồi thứ mười bốn của tác phẩm này để chứng minh nhận xét trên.

Bài làm

Khi cho rằng "Nhà văn là người thư kí trung thành của thời đại" có lẽ tác giả của nhận định này đã nghĩ đến những trang viết chân thực, sống động phản ánh trung thành bản chất của thời đại mà nhà văn đó sống. Điều này khiến độc giả Việt Nam nhớ đến một tác phẩm "thực và hay" như thế: *"Hoàng Lê nhất thống chí"* của Ngô gia văn phái. Có ý kiến cho rằng: trong "Hoàng Lê nhất thống chí" của Ngô gia văn phái, có thể nói cảm hứng yêu nước và tự hào dân tộc nhiều khi đã lấn át cả thái độ thiên vị với triều Lê. Điều đó đã mang lại những trang viết thực và hay". Chỉ riêng qua hồi thứ mười bốn của tác phẩm ta đã thấy rõ điều này.

"Hoàng Lê nhất thống chí" phản ánh thời kì lịch sử cuối thế kỉ XVIII của đất nước ta. Khi ấy, triều đình vua Lê chúa Trịnh đang suy đồi, thối nát, khởi nghĩa nông dân nổi lên liên tiếp mà tiêu biểu là phong trào nông dân Tây Sơn của ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ. Ngô gia văn phái là tập thể tác giả gồm những anh em họ Ngô Thì như Ngô Thì Chí, Ngô Thì Du,... Họ đều là những bậc quan thần của triều đại vua Lê, chúa Trịnh.

Hồi thứ mười bốn của tác phẩm tái hiện chiến thắng lẫy lừng của Quang Trung – Nguyễn Huệ trong xuân Kỉ Dậu và sự thảm bại của bè lũ vua Lê Chiêu Thống và quân Thanh xâm lược. Theo thói thường, đứng về phía triều đình, Ngô gia văn phái phải coi lực lượng của Quang Trung là "giặc cỏ". Nhưng vượt lên những quan điểm chính trị thông thường, tập thể tác giả họ Ngô đã có cái nhìn tiến bộ về sự kiện chấn động lịch sử này. Họ nhìn cuộc khởi nghĩa dưới ánh sáng của sự khách quan trong tiến trình vận động lịch sử. Bởi thế, hình ảnh vua Quang Trung hiện lên với những vẻ đẹp phi thường của bậc đại tướng. Còn bè lũ Chiêu Thống và Tôn Sĩ Nghị thật ngu ngốc và thảm hại đến đáng thương. Chính sự chân thật của lịch sử cùng sự sống động của ngòi bút những tác giả họ Ngô đã tạo nên những trang viết "thực và hay" đến thế.

Trong đoạn trích, hình tượng người anh hùng dân tộc Quang Trung hiện lên vô cùng đẹp đẽ, phi thường.

Đó là con người có hành động mạnh mẽ, quyết đoán và có trí tuệ sáng suốt, sâu xa, nhạy bén. Nghe tin giặc đánh chiếm đến tận Thăng Long, ông không hề nao núng mà quyết định thân chinh cầm quân đi ngay. Trong vòng một tháng từ 24 tháng 11 đến 30 tháng Chạp ông đã liên tiếp làm nhiều việc. Việc ông tế cáo trời đất, lên ngôi hoàng đế nhằm thu phục lòng dân và có danh nghĩa ra Bắc dẹp giặc. Tiếp đó, nhà vua đốc xuất đại binh ra Bắc, trên đường đi, Quang Trung vừa gặp gỡ người cống sĩ ở huyện La Sơn vừa tuyển quân lính và mở cuộc duyệt binh lớn ở Nghệ An phủ dụ tướng sĩ, định kế hoạch hành quân đánh giặc. Những việc đó thần tốc và sáng suốt vô cùng. Nó cho phép nhà vua thu nạp được người tài và binh tướng dồi dào, tinh nhuệ. Lời phủ dụ quân lính của ông sâu sắc và thấm thía:

"Đánh cho để dài tóc
Đánh cho để đen răng
Đánh cho chúng chích luân bất phản
Đánh cho chúng phiến giáp bất hoàn
Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ..."

Những lời ấy đã khẳng định chủ quyền dân tộc của ta và hành động xâm lăng phi nghĩa, trái đạo trời của giặc, nêu bật dã tâm của giặc. Đồng thời, nêu cao truyền thống chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta, kêu gọi quân lính, ra kỷ luật. Lời phủ dụ như một bài hịch ngắn gọn, ý tứ phong phú, sâu xa có tác động kích thích lòng yêu nước và truyền thống quật cường của dân tộc. Ngay sau đó, ông đã họp với tướng sĩ để lên kế hoạch đối phó quân Thanh. Ông tỏ ra sáng suốt trong việc xét đoán và dùng người.

Bên cạnh đó, Quang Trung – Nguyễn Huệ còn là người có ý chí quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng. Mới khởi binh nhưng ông đã khẳng định "Phương lược đã tính sẵn... mười ngày sẽ đuổi được người Thanh". Sau đó, ông còn tính kế hoạch ngoại giao sau chiến tranh đối với một nước "lớn gấp mười lần mình" để có thể dẹp binh đao để cho ta được yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng. Điều này ở Nguyễn Huệ đã khẳng định rằng ông thực sự

là một tài năng quân sự, một nhà mưu lược tài ba. Trong những cuộc chiến tranh phong kiến ở Việt Nam, hiếm có một vị tướng nào tính toán thần tình và sâu xa đến vậy.

Bước vào cuộc chiến, nhà vua đã thể hiện tài dụng binh như thần. Nhà vua đã chủ trương một cuộc hành quân thần tốc. Ngày 25 tháng Chạp xuất quân ở Huế. Ngày 29 tới Nghệ An (350km qua núi đèo). Tuyển quân tổ chức đội ngũ, duyệt binh 1 ngày. Hôm sau: ra Tam Điệp (150km). Đêm 30 tháng Chạp lên đường ra Thăng Long. Và điều đặc biệt là tất cả đều đi bộ!

Từ Tam Điệp trở ra (150km) vừa hành quân vừa đánh giặc. Ngày 5 Tết vào Thăng Long (trước đó, Quang Trung đã định liệu là ngày mùng 7, như vậy là vượt kế hoạch hai ngày!). Dù việc hành quân liên tục nhưng cờ nào, đội ấy vẫn chỉnh tề. Điều này khẳng định tài cầm quân của người làm tướng như vua Quang Trung.

Trong trận chiến với quân Thanh, hình ảnh nhà vua hiện lên vô cùng oai phong, lẫm liệt. Ông thân chinh cầm quân, đóng vai trò là tổng chỉ huy chiến dịch thực sự, hoạch định, phương lược tiến đánh, tổ chức quân sự từ thống lĩnh một mũi quân tiến công, cưỡi voi đi đốc thúc, xông pha tên đạn.

Dưới sự lãnh đạo tài tình của vị tổng chỉ huy áo vải, quân Tây Sơn đã đánh trận thật lẫy lừng: Bắt sống quân do thám ở Phú Xuyên để giữ bí mật, tạo bất ngờ; vây kín làng Hà Hồi, quân lính vây quanh dạ ran làm cho lính trong đồn sợ hãi đều xin hàng; công phá đồn Ngọc Hồi lấy ván ghép quấn rơm ướt để tránh tên lửa của địch,... Khí thế của đội quân này làm cho kẻ thù khiếp vía.

Trong việc khắc họa hình ảnh chân dung vua Quang Trung – Nguyễn Huệ, các tác giả đã thể hiện sự tôn trọng sự thật lịch sử và ý thức dân tộc. Dù có cảm tình với nhà Lê họ không thể bỏ qua sự thực là vua Lê đã hèn yếu "cõng rắn cắn gà nhà". Chiến công lừng lẫy của Quang Trung là niềm tự hào lớn lao của cả dân tộc. Bên cạnh đó, các nhà văn cũng đá khắc họa thật sinh động hình ảnh bè lũ bán nước và cướp nước.

Bọn Tôn Sĩ Nghị, Sầm Nghi Đống không đề phòng, chỉ lo yến tiệc vui chơi. Chúng ngạo mạn gọi quân Tây Sơn là lũ "giặc cỏ". Nhưng khi đội quân "giặc cỏ" ấy đến thì chỉ biết tháo chạy và nhận lấy những cái chết thê thảm. Tôn Sĩ Nghị thì cắt râu bỏ trốn, Sầm Nghi Đống thắt cổ tự tử. Bọn quân lính thì chen lấn, xô đẩy, dẫm lên nhau mà chạy về nước.

Bọn vua tôi phản dân hại nước Lê Chiêu Thống cũng chịu chung số phận. Thê thảm nhục nhã nhất là vua Lê phải lê thân sang đất Bắc để rồi chịu cái chết băng giá nơi đất khách quê người.

Đây là đoạn văn miêu tả chân thực tình cảnh khốn khổ của vua Lê Chiêu Thống. Tác giả văn gửi gắm ở đó một chút cảm xúc riêng của người bề tôi cũ của nhà Lê. Điều này được thể hiện qua những giọt nước mắt và thái độ săn sóc của người Thổ hào với giọng văn ngậm ngùi.

Hồi thứ mười bốn của "Hoàng Lê nhất thống chí" của Ngô gia văn phái

cùng toàn bộ tác phẩm thực sự là những áng văn – sử chân thực, sinh động. Tập thể nhà văn chẳng những thể hiện thành công vai trò "thư kí của thời đại" của mình mà còn để lại trong lịch sử văn học dân tộc một dấu ấn đậm nét của tài năng và tâm đức.

Đề 173: Hình ảnh con người Việt Nam thuộc nhiều thế hệ đã được thể hiện sinh động thông qua các nhân vật: ông Hai (*Làng* – Kim Lân), người thanh niên (*Lặng lẽ Sa Pa* – Nguyễn Thành Long), ông Sáu và bé Thu (*Chiếc lược ngà* – Nguyễn Quang Sáng), ba cô gái thanh niên xung phong (*Những ngôi sao xa xôi* – Lê Minh Khuê).

Bài làm

Con người Việt Nam với những sức mạnh nội lực phi thường đã đi qua những năm tháng vất vả và gian lao của đất nước luôn là một mảnh đất màu mỡ để văn học dày công khai phá. Qua những tác phẩm văn học, chân dung con người Việt Nam thuộc nhiều thế hệ từ những em bé ngây thơ, đáng yêu đến những bậc trung niên hay lão thành đều hiện lên thật sinh động. Điều đó được thể hiện qua nhóm nhân vật: ông Hai (*Làng* – Kim Lân), người thanh niên (*Lặng lẽ Sa Pa* – Nguyễn Thành Long), ông Sáu và bé Thu (*Chiếc lược ngà* – Nguyễn Quang Sáng), ba cô gái thanh niên xung phong (*Những ngôi sao xa xôi* – Lê Minh Khuê).

Những nhân vật, những tác phẩm trên ra đời trong những năm tháng cả dân tộc đang gắng sức lao động, chiến đấu để bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Ông Hai (*Làng* – Kim Lân) được xây dựng năm 1948, những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp thiếu thốn, khó khăn. "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long ra đời năm 1960, miền Bắc đang ra sức lao động sản xuất "mỗi người làm việc bằng hai" để xây dựng chủ nghĩa xã hội và chi viện cho miền Nam đánh Mĩ. Cha con ông Sáu trong "Chiếc lược ngà" được Nguyễn Quang Sáng sáng tác trong lửa đạn của cuộc kháng chiến chống Mĩ ác liệt những năm 1966. Và ba cô gái Phương Định, Thao, Nho "Những ngôi sao xa xôi" được Lê Minh Khuê cho ra đời năm 1977. Có thể nói, ở mỗi nhân vật đều phảng phất mùi vị của thuốc súng chiến trường và mồ hôi lao động. Từng thế hệ con người đã sống đúng với chính mình để hòa mình vào những năm tháng khẩn trương, sôi động của đất nước.

Trẻ em Việt Nam được hiện lên một phần cơ bản qua hình ảnh bé Thu trong "Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng. Đó là những cô bé, cậu bé cá tính nhưng hồn nhiên, đáng yêu và có tình cảm yêu – ghét rất mãnh liệt. Bé Thu trong tác phẩm là cô bé sắc sảo, cá tính. Trong khi cả gia đình và họ hàng, làng xóm thừa nhận ông Sáu là chồng, là cha, là anh em họ hàng,... của họ thì bé Thu giữ vững suy nghĩ non nớt ngây thơ của mình kiên quyết không nhận cha. Trong suốt những ngày ông Sáu ở nhà, dù ông ra sức yêu thương vỗ về nhưng nó vẫn xa lánh ông, quyết liệt từ chối... Tính cách ấy cho phép ta liên tưởng đến sự gan dạ, thông minh, không gì mua

chuộc được của những em bé giao liên, dẫn đường cho cán bộ hay những em nhỏ trong đội thiếu niên Bát Sát đã được nhắc đến trong truyện ngắn "Làng" của Kim Lân.

Không chỉ vậy, các em còn là những đứa trẻ sống rất tình cảm, yêu gia đình yêu quê hương tha thiết. Bé Thu trong câu chuyện trên phản ứng quyết liệt với ông Sáu lúc ban đầu cũng chỉ bởi vết sẹo tai hại. Nhưng khi hiểu ra mọi điều, nó lao vào ông mà ôm, mà hôn, mà níu kéo "con không cho ba đi". Thu cũng yêu ba một tình yêu cháy bỏng và cảm động. Thiếu nhi Việt Nam cũng vậy, các em luôn dành những tình cảm tốt đẹp nhất cho cha mẹ, người thân và những gì thân thuộc nhất của mình.

Những tính cách đáng quý của tuổi nhỏ đã phát triển thành đức tính quý báu ở những chàng trai, cô gái Việt Nam tuổi mười tám đôi mươi. Họ có tấm lòng yêu nước kiên định, có lí tưởng sống cao đẹp, gan dạ, dũng cảm và một tâm hồn trong trẻo ăm ắp tình yêu thương. Bản thân bé Thu lớn lên đã trở thành một cô giao liên dũng cảm xinh đẹp nổi tiếng nhiều chiến trường bởi sự gan dạ, mưu lược. Ba cô gái trong "Những ngôi sao xa xôi" cũng không kém phần. Các cô làm nhiệm vụ san lấp hố bom trên tuyến đường Trường Sơn đạn lửa. Hàng ngày, hàng giờ các cô ở dưới sự oanh tạc bom đạn của kẻ thù, có những khoảnh khắc nghẹt thở trực tiếp tháo gỡ bom mìn... Dầu vậy, họ luôn hoàn thành nhiệm vụ, trở thành điểm tựa, niềm tin cho những chuyến hàng, những cuộc hành quân vào miền Nam ruột thịt. Sống giữa nơi sự sống và cái chết tranh giành nhau quyền ngự trị nhưng họ không để tâm hồn mình tàn lụi mà luôn dạt dào niềm lạc quan yêu đời, yêu sống. Họ hiểu và yêu thương những người đồng đội. Tâm hồn họ nhạy cảm, tinh tế, sống mãi những mộng mơ của thiếu nữ tuổi mười tám đôi mươi. Trong cơn mưa rào chốn oai linh rừng đại ngàn những cô gái chẳng khác nào con trẻ. Không đối mặt với bom đạn chiến trường nhưng anh thanh niên trong "Lặng lẽ Sa Pa" lại có những cách riêng để cống hiến cho sự nghiệp chung của đất nước. Anh làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn heo hút của Sa Pa vời vợi. Đó là công việc đất nước trao cho anh và dầu gặp nhiều gian nan vất vả anh vẫn hoàn thành nó bằng tình yêu công việc, bằng lí tưởng sống vô cùng cao đẹp. Anh làm việc ở đó một mình – trên đỉnh Yên Sơn cao hơn hai nghìn mét. Từng giây từng phút đối mặt với nỗi cô đơn, sự khắc nghiệt của thời tiết, sự vất vả của công việc. Nhưng anh vẫn lạc quan, yêu đời yêu sống,...

Tuổi trẻ Việt Nam, nhắc đến họ là nhắc đến sức mạnh của ý chí, của lòng tin, sự quả cảm phi thường và cả những mộng mơ, những nụ cười tiếng hát. Tâm hồn họ như một dòng sông, vốn chảy êm đềm dịu mát nhưng những lúc cần có thể cuộn lên thành triều cường giông tố cuốn trôi đi mọi rác rưởi cuộc đời.

Trầm lắng hơn, điềm đạm hơn là tâm hồn của thế hệ những người cha, người ông trên mảnh đất chữ S diệu kì này. Nhưng dẫu thế nào, ở họ vẫn

toát lên vẻ chân thành giản dị nhất của tình cảm con người. Đó là tình cảm đối với con cái, với những người thân yêu. Ông Sáu trong "Chiếc lược ngà" có một tình yêu dành cho con gái thật cảm động. Tình yêu ấy ông nưng nấu trong suốt gần chục năm đi kháng chiến. Khi trở về, tình cảm ấy bùng cháy thành những yêu thương, hụt hẫng, giận hờn... với đứa con ngây thơ, nhỏ dại. Khi được con nhận là ba, ông vui sướng biết bao và dồn tất cả tâm sức vào việc làm tặng con chiếc lược ngà quý giá. Ở nhân vật này, ta thấy toát lên tình phụ tử thiêng liêng sâu nặng. Với ông Hai trong truyện ngắn "Làng" cũng vậy. Với ông, con cái là điểm tựa tinh thần vững chắc. Khi đau khổ nhất ông cũng thủ thỉ tâm sự với đứa con thơ để cởi mở hết lòng mình với nó.

Tình yêu gia đình, người thân là cội nguồn của tình yêu quê hương đất nước. Điều này được thể hiện sinh động hơn cả ở nhân vật ông Hai. Ông yêu cái làng của mình như đứa con yêu mẹ. Đi đâu ông cũng khoe làng, khoe với tất cả sự say mê náo nức lạ kì. Khi nghe tin làng theo giặc, ông đau khổ, tủi hờn như chính mình là kẻ theo giặc, phản bội Tổ quốc. Phải có một tình cảm máu thịt với nơi chôn rau cắt rốn của mình mới có được những cảm xúc lạ lùng đến vậy. Dẫu yêu làng đến vậy, ông vẫn sẵn sàng "thù làng" nếu cái làng ấy phản bội nhân dân, phản bội Cụ Hồ. Đó là những cảm xúc đặc biệt nó khẳng định tình yêu làng xóm, quê hương đã gắn liền với tình yêu đất nước. Những tình cảm riêng đã gắn bó chặt chẽ với những tình cảm chung lớn lao hơn. Và nếu cần thiết, họ có thể gạt bỏ niềm riêng để sống trọn vẹn cho những tình cảm cao quý, thiêng liêng của cộng đồng.

Bởi có được những suy nghĩ và tình cảm sâu sắc như thế, thế hệ trung niên, lão thành là điểm tựa của cách mạng Việt Nam. Nó là thế hệ người đứng nơi đầu sóng ngọn gió để trực tiếp chiến đấu và hi sinh cho Tổ quốc. Ông Sáu trong "Chiếc lược ngà" là một người như vậy. Ông thấm thía hơn ai hết nhiệm vụ thiêng liêng của bản thân mình đối với đất nước và ông đã hiến dâng tất cả những gì mình có cho dân tộc. Bảy tám năm đi chiến đấu, dù nhớ nhà nhớ con khôn nguôi ông vẫn không rời chiến trường nửa bước. Ngày ông hết hạn nghỉ phép cũng là lúc con gái ông nhận cha. Ông đã muốn ở lại xiết bao dù chỉ là vài giây ngắn ngủi nhưng tiếng giục lên đường đã vang lên và ông đủ sức mạnh để cất bước.

Có thể nói, những thế hệ người Việt chân chính đã được tái hiện sinh động trong một cảm hứng và quan điểm nhất quán, lôgic. Sợi dây xuyên suốt đời sống tinh thần con người Việt Nam là tình yêu gia đình, yêu quê hương đất nước và sự cống hiến hết mình cho những gì mình yêu quý, tôn thờ. Điều này lí giải vì sao trong bao lần cuộc chiến tranh chống xâm lược, lần nào chúng ta cũng chiến đấu và chiến thắng. Một chân lí thật đơn giản nhưng ít kẻ thù nào hiểu được: người Việt Nam đã ra trận với khí thế, với tinh thần được kết tụ từ mấy ngàn năm trong lớp lớp các thế hệ người Việt anh hùng. Và nói như nhà thơ Chế Lan Viên: "Bốn mươi thế kỉ cùng ra trận...".

Đề 174: Trong bài *Vì sao tôi viết tiểu thuyết*, Lỗ Tấn nói: "Mỗi khi chọn đề tài, tôi đều chọn những người bất hạnh trong xã hội bệnh tật, với mục đích lôi hết bệnh của họ ra, làm cho mọi người chú ý tìm cách chạy chữa".

Tác phẩm *Cố hương* của Lỗ Tấn, nhất là phần diễn tả nỗi đau xót của nhân vật tôi về sự thay đổi diện mạo tinh thần của Nhuận Thổ đã giúp em hiểu ý kiến trên của nhà văn như thế nào?

Bài làm

Nhắc đến dòng Văn học hiện thực Trung Quốc khó có thể quên được Lỗ Tấn – vị "danh y tinh thần" lỗi lạc của dân tộc Trung Hoa. Sở dĩ có thể gọi như vậy vì như chính Lỗ Tấn có lần tâm sự trong "Vì sao tôi viết tiểu thuyết": "Mỗi khi chọn đề tài, tôi đều chọn những người bất hạnh trong xã hội bệnh tật, với mục đích lôi hết bệnh của họ ra, làm cho mọi người chú ý tìm cách chạy chữa". Tư tưởng ấy của nhà văn được thể hiện qua việc diễn tả nỗi đau xót của nhân vật tôi về sự thay đổi diện mạo tinh thần của Nhuận Thổ trong truyện ngắn "Cố hương".

"Cố hương" kể lại chuyến về quê của nhân vật "tôi". Lần về quê này là chuyến cuối cùng "tôi" trở lại đây. Tôi đã gặp nhiều người quen cũ, ngắm nhìn nhiều cảnh vật trong làng. Tất cả gợi nên nỗi buồn về sự xơ xác tiêu điều của làng xóm, sự tha hóa, u mê của con người. Đau đớn nhất, buồn thảm nhất là khi gặp lại người bạn cũ Nhuận Thổ. Anh ta vốn là con của một người làm trong nhà "tôi". Hai mươi năm trước, anh là một đứa bé mạnh khỏe, đẹp đẽ, dũng cảm, là người bạn lớn rất thân thiết của "tôi". Giờ đây gặp lại, "tôi" đau đớn, xót xa trước một người bạn cũ gọi mình bằng tiếng "bẩm ông". Anh ta cũng tàn tạ, suy sụp không chỉ về diện mạo mà còn cả về tinh thần lành mạnh trước kia...

Ấn tượng đầu tiên là về sự biến dạng của Nhuận Thổ. Tác giả tạo ra sự tương phản trong thời gian quá khứ và hiện tại để lột tả những thay đổi đáng buồn của người bạn cũ – người đã từng là bạn với Tấn từ thủa thiếu thời. Trong kí ức "tôi" sống dậy những hình ảnh tuyệt đẹp của quá khứ thần tiên hơn hai mươi năm trước, trong đó nổi bật hình ảnh một Nhuận Thổ khoẻ khoắn, lanh lợi "cổ đeo vòng bạc, tay lăm lăm cầm chiếc đinh ba", "nước da bánh mật" với biết bao chuyện lạ, bao điều kì thú. Khi ấy, hình ảnh Nhuận Thổ hiện lên chẳng khác nào người anh hùng nhỏ tuổi Na Tra trong truyền thuyết. Nhưng đối lập với ngày xưa là một Nhuận Thổ hiện tại già nua, thô kệch, nặng nề, da dẻ "vàng xạm, lại có thêm những nếp nhăn sâu hoắm". Sự phũ phàng ấy gợi đến nỗi xót xa không gì khỏa lấp.

Không chỉ sa sút về hình dáng, ở Nhuận Thổ còn có những suy sụp thê thảm về tinh thần. Bây giờ, anh sống trong một tình cảnh bi đát: "Con đông, mùa mất, thuế nặng, lính tráng, trộm cướp, quan lại, thân hào đày đoạ thân anh khiến anh trở thành đần độn, mụ mẫm đi!". Khi xưa, lúc hai người bạn phải chia tay: "Lòng tôi xốn xang, tôi khóc to lên", Nhuận Thổ "cũng khóc mà không chịu về". Bây giờ gặp lại bạn cũ Nhuận Thổ "Bẩm

ông!". Rõ ràng, với Nhuận Thổ, anh đang bị chi phối sâu sắc bởi quan niệm về đẳng cấp của xã hội phong kiến. Điều ấy khiến Tấn điếng người và cảm thấy đã có "một bức tường khá dày ngăn cách". Bức tường ngăn cách ấy khiến người khổ không thể giãi bày, người sướng hơn không thể chia sẻ. Cuộc sống buồn thảm, con người buồn thảm, tình bạn cũng buồn thảm!

Không chỉ vậy, khi ra về Nhuận Thổ còn xin "một bức tượng Phật gỗ". Vật ấy là biểu tượng của tôn giáo (đạo Phật). Trong con người Nhuận Thổ vẫn còn giữ nguyên thói quen sùng bái tượng gỗ, điều đó đồng nghĩa với việc tư tưởng mê tín đã ăn sâu vào tâm thức con người tội nghiệp này. Và như thế, suốt cuộc đời anh sẽ bị nó bóp nghẹt về tư tưởng cho đến chết.

Nhuận Thổ tiêu biểu cho kiểu nhân vật "người bất hạnh trong xã hội bệnh tật" của Lỗ Tấn. Xây dựng nhân vật này, nhà văn "với mục đích lôi hết bệnh của họ ra, làm cho mọi người chú ý tìm cách chạy chữa" đã chỉ ra những "căn bệnh" cơ bản của người nông dân Trung Quốc đương thời: mê tín dị đoan, bị tư tưởng phong kiến bóp nghẹt cuộc sống (tư tưởng đẳng cấp, cam chịu...).

Nhuận Thổ đồng thời còn là hiện thân của xã hội Trung Quốc đầu thế kỉ XX. Đó là một xã hội sa sút về mọi mặt. Bằng con dao mổ tinh xảo – những chi tiết, sự kiện, nhân vật ... trong truyện ngắn của mình – nhà văn đã phân tích nguyên nhân và lên án các thế lực đã tạo nên thực trạng đáng buồn ấy. Đồng thời chỉ ra các mặt tiêu cực nằm ngay trong tâm hồn, tính cách của bản thân người lao động.

Là một nhà văn hiện thực nhưng Lỗ Tấn đồng thời còn là một nhà cách mạng bởi vậy bên cạnh việc phanh phui bệnh trạng của dân tộc ông cũng không nguôi hi vọng, ước mơ vào một tương lai tươi sáng hơn. Qua nhân vật con Nhuận Thổ, bé Thủy Sinh, và cháu Hoàng nhà văn thể hiện ước mơ các thế hệ sau không bao giờ cách bức, không vất vả, không muốn chúng vất vả, đần độn như Nhuận Thổ. Rõ ràng, nhân dân Trung Quốc cần một cuộc đời mới, cần một con đường mới tốt đẹp hơn cho tương lai.

Đề 175: Phân tích bài thơ sau của Hồ Chí Minh:

Cảnh khuya

Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

1947

Bài làm

Hồ Chí Minh là một lãnh tụ cách mạng thiên tài của dân tộc nhưng đồng thời, Người cũng là một nhà thơ sánh vai cùng những thi nhân của Đông Tây kim cổ. Trong những năm tháng chiến đấu chống Pháp gian khổ

của dân tộc, bên cạnh những chủ trương, chiến lược đánh đuổi giặc tài tình, Người còn có những vần thơ khiến lòng người rung động. "Cảnh khuya" là một thi phẩm trong số ấy:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

1947

Bài thơ ra đời giữa lúc cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc ta đang hồi gay go, quyết liệt: năm 1947. Trên chiến khu Việt Bắc, sau những giờ phút mỏi mệt, trong cảnh đêm của núi rừng, Người bồi hồi xúc động trước cảnh đêm khuya êm ái. Điều đầu tiên Bác cảm nhận được nơi thiên nhiên hoang sơ là tiếng suối róc rách tuôn theo dòng chảy:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa

Lối so sánh của Bác thật kì lạ! Tiếng suối vốn được cảm nhận bằng thính giác nhưng nghe tiếng suối Người cảm nhận được độ "trong" của dòng chảy. Dòng suối ấy hẳn rất ngọt lành, trong mát, đó hẳn cũng là thứ quà riêng mà thiên nhiên núi rừng ban tặng riêng cho những người chiến sĩ trên đường hành quân xa xôi mệt mỏi. Chẳng những vậy, tiếng suối trong nhưng là "trong như tiếng hát xa". "Tiếng hát xa" là thứ âm thanh rất đặc biệt. Đó phải là tiếng hát rất cao để có sức lan toả mạnh mẽ, để từ xa con người vẫn có thể cảm nhận được. Đó cũng là tiếng hát vang lên trong thời khắc yên lặng bởi nếu không, nó sẽ bị lẫn vào biết bao âm thanh phức tạp của sự sống, liệu từ xa, con người còn có thể cảm nhận được? Điều thú vị trong câu thơ của Bác Hồ là một âm thanh của tự nhiên được so sánh với tiếng hát của con người. Điều đó thể hiện cảm hứng nhân văn sâu sắc trong những vần thơ của Bác.

Cảnh đêm khuya hẳn trong trẻo, tĩnh lặng đến nhường nào Người mới có thể lắng nghe được tiếng suối long lanh ấy. Điều này không khó hiểu bởi không gian núi rừng thường được bao phủ bởi nhiều âm thanh phong phú: tiếng chim kêu, tiếng gió thổi, tiếng cây rừng xao xác tiếng muông thú gọi bầy... Trong bài thơ "Cảnh rừng Việt Bắc", Bác đã từng viết:

"Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay
Vượn hót chim kêu suốt cả ngày".

Vậy thì có lẽ, đây là chút yên ả hiếm hoi của thiên nhiên núi rừng vào thời khắc đêm khuya. Thiên nhiên yên tĩnh nhưng cũng là tâm hồn con người yên tĩnh, thanh thản hoà mình vào vẻ đẹp của tự nhiên. Thiên nhiên vào giây phút ấy thật hữu tình biết mấy:

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa

Hai từ "lồng" cùng nằm trong một câu thơ tạo những ấn tượng rất đặc biệt. "Lồng" là động từ chỉ việc các vật nằm vào trong một cách thật khớp để tạo thành một chỉnh thể. Câu thơ hữu tình như một bức tranh duyên:

ánh trăng mênh mông toả sáng bao trùm lên cây cổ thụ, bóng cây cổ thụ lại dịu dàng phủ mình lên những nhành hoa. Bác dùng từ "lồng" rất "đắt", nó trở thành "nhãn tự" cho câu thơ. Chỉ với một từ ấy, cảnh vật như đang giao hoà, nương dựa vào nhau một cách duyên dáng, đáng yêu. Đôi mắt người chiến sĩ cách mạng Hồ Chí Minh thật hữu tình, bác ái.

Cảnh khuya sống động, có hồn bao nhiêu càng chứng tỏ một điều: người thưởng cảnh đang xa rời giấc ngủ yên bình thường nhật. Bởi vậy nên:

Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ

Cảnh khuya trong trẻo, tĩnh lặng càng làm nổi bật hình ảnh Bác Hồ thao thức không yên trong đêm vắng. Người hoà mình vào thiên nhiên để cất tiếng thơ ngợi ca thiên nhiên núi rừng song đó chỉ là giây phút phiêu du vào mây gió còn tâm hồn người thực sự đang gửi gắm ở một chân trời khác:

Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà

Câu thơ vang lên như một sự bừng tỉnh cho người đọc. Ta cứ ngỡ Bác đang thảnh thơi thưởng cảnh chơi trăng nhưng kì thực tấm lòng người vẫn đau đáu cho nỗi niềm non nước. Bác "chưa ngủ" vì một lẽ rất Hồ Chí Minh: "vì lo nỗi nước nhà". Nói vậy bởi Bác đã có nhiều đêm không ngủ, nhiều đêm trở trăn vì cuộc kháng chiến của dân tộc:

"Một canh, hai canh, lại ba canh
Trằn trọc băn khoăn giấc chẳng lành
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh".

Vậy là, dù có tạm để lòng mình hướng đến cảnh vật xung quanh (một lời hỏi thăm người bạn muôn đời của thi nhân kim cổ) tâm hồn Bác vẫn luôn dành trọn tâm tình cho non sông, dân tộc. Và nói như nhà thơ Minh Huệ:

"Đêm nay Bác ngồi đó
Đêm nay Bác không ngủ
Vì một lẽ thường tình
Bác là Hồ Chí Minh"

Bài thơ khép lại với bao dư âm mênh mang lan toả. Đã hơn một lần chúng ta xúc động trước tấm lòng cao cả, bác ái của Bác Hồ nhưng mỗi lần đọc lại "Cảnh khuya" ta lại bồi hồi với những tâm tình của một người mà cả cuộc đời chưa bao giờ nghỉ ngơi, chưa bao giờ an mình trong giấc ngủ

Đề 176: Lớp em tổ chức thảo luận với chủ đề "Nhà văn mà tôi hâm mộ". Em hãy viết bài văn ngắn giới thiệu về nhà văn mà em yêu quý.

Bài làm

Trong số những nhà văn Việt Nam hiện đại, người để lại trong lòng độc giả cũng như những nhà phê bình văn học sắc sảo niềm tiếc nuối lớn nhất là nhà văn Nam Cao. Chúng ta nhận ra trên trang viết của Nam Cao dấu hiệu của tài năng có một không hai trong nền văn học nước nhà. Nếu bom

đạn chiến tranh không tước đi sinh mạng của ông thì hẳn Nam Cao sẽ mang lại vẻ vang cho cả một dân tộc. Nhưng tôi yêu mến Nam Cao không hoàn toàn bởi những điều chúng ta vẫn tiếc nuối về ông. Tôi hâm mộ nhà văn này bởi quan niệm sống và viết và bởi sự nặng lòng của nhà văn dành cho người nông dân Việt Nam.

Sinh ra trong một làng quê vùng Hà Nam, Nam Cao là một người trí thức chân chính. Hẳn là như vậy. Nhưng điều kì lạ là trong khi nhiều nhà văn đặt nghệ thuật và sự nghiệp sáng tác của mình lên trên hết thì Nam Cao lại làm khác. Dĩ nhiên, đã là nhà văn thì phụng sự nghệ thuật, đam mê sáng tác là một lẽ thường tôi không hề có ý trách. Song chính điều đó càng khiến Nam Cao nổi bật bởi ông đã vượt qua được cái lẽ thường ấy của cuộc sống. Không coi sáng tác là nhiệm vụ số một thì Nam Cao coi trọng điều gì? Trong những năm tháng chống Pháp gian khổ, Nam Cao gác bút lên đường ra mặt trận, trực tiếp cầm súng chiến đấu. Nhà văn quan niệm "sống đã rồi hãy viết". Đó là một quan niệm sâu sắc, có tính lí luận khái quát cao. Phải sống đủ đầy với cuộc đời rồi mới viết. Phải cảm nhận cuộc sống bằng mọi giác quan, mọi cảm xúc, cảm giác của bản thân rồi mang những cảm nhận máu thịt đó của mình lên trang viết. Khi ấy, người nghệ sĩ mới có thể chuyển tải đầy đủ, chân thật bản chất cuộc sống đến với độc giả. Trong lời phát biểu của Nam Cao, ta nhận thấy một nhiệm vụ thiêng liêng của văn học: nhiệm vụ phản ánh cuộc sống. Không phải đến tận những năm tháng sau Cách mạng tháng Tám, Nam Cao mới có được tư tưởng vĩ đại đó. Trước Cách mạng, trong truyện "Trăng sáng" ông từng viết: "nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia cất lên từ những kiếp lầm than". Vậy là, ngay từ rất sớm, Nam Cao đã ý thức được vai trò của người cầm bút là bám sát với đời sống thực tại của nhân dân để phản ánh và đồng cảm với nó.

Xuất phát từ quan niệm ấy, trước Cách mạng, ngòi bút Nam Cao theo sát đời sống khổ ải, bần cùng của người nông dân đương thời. Đọc văn Nam Cao, người đọc bị ám ảnh nặng nề bởi cái đói quay quắt. Cái đói dường như là một căn bệnh di căn lây lan với tốc độ khủng khiếp trên trang viết của ông. Người đọc hôm nay đã có lúc sợ hãi khi lật giở những trang truyện ngắn có sức bùng nổ dữ dội ấy. Sợ hãi bởi phải đối mặt cái khổ đau, rùng rợn – những cảnh tượng ấy như từ trang viết mà lan ra ám vào lòng người đọc. Tôi nghĩ rằng, khi viết những truyện ngắn ấy, nhà văn thực đã sống đủ đầy với đời sống người nông dân trước Cách mạng, thực đã cảm nhận đời sống ấy bằng máu thịt để mỗi nhịp tim nhà văn rung lên lại bắt nhịp cho những đợt xúc động vô bờ của độc giả. Cái đói, rồi những lời chửi rủa, những tiếng khóc tiếng hờ, những sự bế tắc,... Bao nhiêu sự thực cay đắng của đời sống người nông dân trước Cách mạng, Nam Cao đã mang cả tấm lòng của một người đồng bào để đón lấy, quằn quại đau và đau đáu viết.

Tôi hâm mộ Nam Cao bởi nhiều điều nhưng trước hết là bởi tấm lòng chân thành và tha thiết với cuộc đời như thế.

Đề 177: Bộ sách dịch *Hạt giống tâm hồn* do Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành đang được giới trẻ đón nhận rất nồng nhiệt. Em hãy nêu những suy nghĩ của mình về một trong những cuốn sách trong bộ sách dịch đó.

Bài làm

"Tình yêu thương là sức mạnh duy nhất có thể biến một kẻ thù thành một người bạn". Đó là những lời đầu tiên của "Mãi mãi là yêu thương" – cuốn sách nằm trong bộ sách dịch "Hạt giống tâm hồn" do Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành.

Có thể nói, trong một thế giới hiện đại, khi con người sống quá đầy đủ, tiện nghi và phải trả giá cho sự giàu có của mình bằng sự lãnh đạm, khô khan của những cái đầu chỉ quen với việc toan tính, bon chen thì tình yêu thương chính là dòng nước mát lành ban phát cho những sa mạc tâm hồn ấy. Với ý nghĩa đó, "Mãi mãi là yêu thương" ra đời nhằm một mục đích cao cả: bồi dưỡng tâm hồn cho thế hệ trẻ, trở thành "hạt giống" yêu thương giúp tâm hồn họ hình thành và nuôi dưỡng những tình cảm tốt đẹp giữa người với người.

Cuốn sách là tập hợp những câu chuyện nho nhỏ, có ý nghĩa sâu sắc nhờ những bài học thấm thía mà câu chuyện gợi nên. Ta có thể gặp trong trang sách những tình cảm cao đẹp của con người: giữa những người ruột thịt, giữa những người không quen biết, thậm chí giữa những con người bình thường – lương thiện với những kẻ tử tội trên đường bị giải đến nhà lao,... Có thể nói, tình yêu thương tiềm ẩn trong mỗi người, trong cuộc sống thường nhật ta khó có thể nhận ra nó nhưng trong những khoảnh khắc bất ngờ của cuộc sống thứ tình cảm ấy bung nở mạnh mẽ khiến chính ta cũng kinh ngạc về mình. Đúng như lời đề từ của tạp chí *First news*: *"Có thể bình thường chúng ta không cảm nhận được hết chiều sâu của tình cảm thiêng liêng này cho đến khi gặp phải những thất bại hay bất hạnh trong cuộc sống. Khi đó, chúng ta mới thấu hiểu và trân trọng ý nghĩa của tình yêu thương – tình cảm có sức mạnh an ủi, nâng đỡ nhiệm màu đối với tâm hồn con người"*.

Quả thực, ta hãy đọc câu chuyện để cũng cảm nhận sức mạnh của những tấm lòng vàng. Đó là cô gái Carolyn sẵn sàng gửi tặng chủ nhân cũ của căn nhà cô hằng mơ ước mà cô mới mua được: vì hoàn cảnh gia đình bất hạnh họ đã phải bán đi ngôi nhà ấm áp của mình để đến sống trong một căn nhà khác tồi tàn hơn. Đó "Điệu nhảy cuối cùng... điệu nhảy cuối cùng... cho một tình yêu thiêng liêng" mà người cha khó tính đã dành tặng con gái. Đó là bức tranh gia đình thiếu đi người cha vì "bố đang đi làm việc" của cô con gái nhỏ. Đó là câu chuyện về người bạn gái gác lại những món nợ chất chồng để dành tiền cho bạn mình mua xe vì "Những gì chúng ta làm cho bản thân thì sẽ mất đi, nhưng những gì chúng ta làm cho người khác thì sẽ tồn tại mãi mãi",... Còn biết bao yêu thương được chứa đầy trong những câu chuyện ấm áp, thần kì như vậy. Tôi nghĩ rằng, những câu chuyện ấy giống như

những câu chuyện cổ tích hiện đại mà những bà tiên, ông Bụt không phải ai xa lạ mà chính là mỗi con người chúng ta.

Dưới tiêu đề hoặc sau mỗi câu chuyện lại có một câu danh ngôn về tình yêu thương được trích dẫn. Nó giống như một kim chỉ nam, bồi đắp thêm những tư tưởng yêu thương trong trái tim người đọc.

Tuy nhiên, tôi muốn nói rằng, cuốn sách vẫn có thể hay hơn nếu có sự biên tập đúng hướng. Những câu chuyện phản ánh đời sống của nước Mĩ xa xôi – đời sống của một quốc gia giàu bậc nhất thế giới – nó khác biệt khá nhiều với đời sống nước ta. Đặt bối cảnh những tình huống truyện vào những biệt thự, những xe hơi,... sẽ khiến những điều nhiệm màu trở nên xa lạ và thiếu thuyết phục. Đọc những câu chuyện ấy, tôi có cảm giác mình đang ở một thế giới khác, đứng trước những tình cảm và cách hành động lạ lẫm chứ không phải đứng trước những yêu thương giản dị mà tôi và những người xung quanh đang sẵn có trong lòng. Vậy nên chăng cần thay đổi một chút để phù hợp với thực tế xã hội Việt Nam?

Dẫu vậy, "Mãi mãi là yêu thương" là một cuốn sách hay. Bằng chứng là các bạn trẻ Việt Nam đã đón nhận chúng, tìm đọc chúng và đem chúng để trao tặng cho nhau như trao tặng những tình cảm đẹp đẽ mà cuốn sách hướng các bạn vươn đến.

Đề 178: Lớp em tổ chức một cuộc thảo luận về một cuốn sách được giới trẻ quan tâm, yêu thích. Em hãy viết bài văn tham gia cuộc thảo luận đó.

Bài làm

Bông hồng vàng và bình minh mưa của K. Pau-xtốp-xki (NXB Văn học, 2003) "không phải là một công trình nghiên cứu lí thuyết", "đó là những ghi chép về quan niệm của tôi (nhà văn) đối với nghề văn và kinh nghiệm viết văn của tôi". Ngoài ra, tác phẩm còn bao gồm những truyện ngắn đặc sắc của tác giả.

Bông hồng vàng và bình minh mưa của K. Pau-xtốp-xki được mở đầu bằng câu nói nổi tiếng của nhà văn Sê-đờ-rin: "Văn học nằm ngoài mọi định luật của băng hoại. Chỉ mình nó không thừa nhận cái chết". Đó là một chân lí sâu sắc, lí giải cho sự tồn tại hàng vạn năm không phai dấu của những tác phẩm văn học cổ. Chọn điểm xuất phát cho cuốn sách của mình như vậy, Pau-xtốp-xki lần lượt trình bày những quan niệm về nghề văn của mình thông qua những tình huống truyện nho nhỏ rồi ngay sau đó trực tiếp phát biểu những ý niệm sâu sắc, đầy tính triết lí. Đó là câu chuyện "Bụi quý" kể về bông hồng vàng mà anh thợ quét rác thành Pa-ri Sa-mét đã chắt chiu gom nhặt từ vô vàn những hạt bụi vàng li ti nằm lẫn trong đống rác thải của những tiệm kim hoàn. Bông hồng vàng anh muốn mang tặng cô gái mà anh yêu mến. Bông hồng vàng được chiết ra từ những giọt máu, giọt tâm hồn tội nghiệp mà cao thượng của anh. Từ hình ảnh bông hồng vàng được tinh luyện ấy, nhà văn nghĩ: "Bông hồng vàng của Sa-mét! Đối

với tôi có phần nào là hình tượng tương lai của hoạt động sáng tạo của chúng ta". Nói vậy bởi nhà văn cũng phải chắt chiu, chọn lọc vốn sống, ngôn từ,... giống như anh chàng Sa-mét phải gom góp chắt chiu những hạt bụi vàng lấm tấm từ khi chúng còn là những hạt bụi vô danh vô giá trị để tạo thành một bông hồng vàng có một quyền năng tuyệt vời "mang lại hạnh phúc cho bất kì ai có được nó". Hay câu chuyện về "Chữ đề trên tảng phiêu nham". Một làng chài bình thường nằm sát ven biển, ngày đêm ầm ì nghe tiếng sóng; những người dân bình dị, mộc mạc... có thể nói cái làng chài ấy tiêu sơ, hoang vắng như bất kì một cái làng nghèo khó nào chúng ta bắt gặp chốn thôn quê. Nhưng ở chính cái làng ấy, bên bờ biển, có một tảng phiêu nham đề những chữ thế này: "Để tưởng niệm những ai đã bỏ mình và sẽ bỏ mình trên biển cả". Những con chữ bình dị thôi nhưng nếu ngẫm kĩ người ta sẽ giật mình vì ý tưởng của nó. "Để tưởng niệm những ai đã bỏ mình trên biển cả", nếu dòng chữ là như vậy nó đã gợi nỗi tiếc thương, niềm đau xót cho số phận những thuỷ thủ, những thuyền trưởng đã bất hạnh mà bỏ mình trên chuyến "Biển đêm" (V. Huy–gô). Nhưng ở đây, tảng đá còn là "Để tưởng niệm những ai sẽ bỏ mình trên biển cả" thì điều đó không bình thường nữa rồi. Con người nơi đây sẵn sàng đối mặt với hi sinh, tưởng niệm cho cả cái chết có thể sẽ đến với chính mình trong một ngày sắp tới. Đó là tư thế của những con người anh dũng, quả cảm thấu suốt cả tương lai, dù tương lai đó có thể là cái chết và bình tĩnh đón đợi nó. Và bởi tinh thần của con người mà dòng chữ ấy gợi nên, Pau-xtốp-xki thốt lên: "Đối với tôi, hàng chữ ấy có nghĩa đại khái như thế này: *"Để tưởng niệm những ai đã thắng và sẽ thắng biển này"*,... Giá trị của lao động nói chung và công việc viết văn nói riêng đã được Pau-xtốp-xki chiêm nghiệm, suy tưởng từ những câu chuyện, những tình huống như vậy. Nếu muốn bàn về nghệ thuật của cách viết thì ta cần thấy rằng thể hiện những vấn đề về lí luận dưới dạng những câu chuyện, những sự việc có tình huống sẽ khiến những vấn đề đó cụ thể, tránh khô khan nếu không muốn nói là hấp dẫn. Nhưng điều cốt lõi là tư tưởng về hoạt động sáng tạo – dù là sáng tạo điều gì đi chăng nữa – của con người trong quan niệm của nhà văn. Đó là những tư tưởng sâu sắc, tiến bộ, thôi thúc con người tiến bước trên con đường khổ luyện của mình.

Những giá trị của văn học được nhà văn cụ thể hơn trong những sáng tác của mình. Hãy đọc những "Bình minh mưa", "Chiếc nhẫn bằng thép", "Lẵng quả thông", "Âm nhạc Véc–đi", "Tuyết", "Chú bé chăn bò",... để cảm nhận được những tâm hồn Nga nồng hậu, thuần khiết, luôn biết vươn lên khỏi những nỗi đau mà hoàn cảnh dội xuống. Đó là nàng Ta-chi-a-na phúc hậu, bao dung con người biết im lặng trước sự nhầm lẫn của chàng lính Ni-kô-lai vì không muốn tước đi niềm hi vọng cuối cùng trong cuộc sống của chàng. Là cô gái Xôn-xe-va và những người chiến sĩ trên chiến trường, họ đã biết sống trong sự đồng cảm để nâng đỡ nhau giữa nỗi đau tưởng như lên đến tột cùng. Đó còn là chú bé chăn bò Ku-đưs-kin với niềm tin dai dẳng vào những chiếc chai thư được thả lênh đênh trên đại dương bão tố,...

Đọc những trang truyện Pau-xtốp-xki ta càng thấm thía hơn hình ảnh những con búp bê gỗ Ma-tri-ôs-ka: con lớn lồng vào con nhỏ, con nhỏ lồng vào con nhỏ hơn nữa,... cứ thế, cứ thế... Những con người Nga nhân hậu, bao dung họ ôm ấp, yêu thương nhau trong tình yêu thương của những người thân, những người hàng xóm, láng giềng, và thậm chí là của những người gặp nhau lần đầu tiên trong đời. Đó còn là hình ảnh con lật đật Nga không bao giờ gục ngã. Dù ta xoay chuyển, vần quay thế nào, chú lật đật vẫn bật dậy mỉm cười và cất tiếng reo vui... "Bình minh mưa" của cuốn sách đã đưa ta đến thế giới của những tâm hồn Nga, "tính cách Nga" lạc quan, yêu đời, hồn hậu. Ta học được từ đó những bài học ý nghĩa vô cùng cho sự sống. Có phải chính bởi những điều như vậy mà văn học mang đến cho cuộc đời này nên nó 'nằm ngoài mọi định luật băng hoại"?

Còn quá nhiều điều không thể nói hết về "Bông hồng vàng và bình minh mưa" của K. Pau-xtốp-xki. Một vài dòng chữ bé nhỏ, giản dị có đủ để nói về một cuốn sách sẽ "không thừa nhận cái chết" để sống với muôn đời?

Đề 179: Em hãy viết đoạn văn nêu cách hiểu của mình về câu nói của M.Go-rơ-ki: "Kịch đòi hỏi những tình cảm mãnh liệt".

Bài làm

"Kịch đòi hỏi những tình cảm mãnh liệt" – câu nói của M. Go-rơ-ki đưa ra yêu cầu đối với tính cách những nhân vật kịch. "Những tình cảm mãnh liệt" bao gồm những cảm xúc sôi nổi, dào dạt và cả cách thể hiện những tình cảm đó cũng phải mạnh mẽ, quyết liệt như vậy. Và như vậy, "những tình cảm mãnh liệt" hiển nhiên chỉ có thể có được ở những cá tính mạnh mẽ. Kịch đòi hỏi những tình cảm mãnh liệt bởi đây là thể loại văn học được đặc trưng bởi những mâu thuẫn và xung đột gay gắt. Do vậy, nhân vật kịch phải là những tính cách mạnh mẽ có tình cảm mãnh liệt và biết cách thể hiện những tình cảm đó để tạo nên những va chạm, xung đột tình cảm mạnh mẽ.

Đề 180: Phân tích hiệu quả nhạc tính trong đoạn thơ sau:

"Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời"
"Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm mường Hịch cọp trêu người.

(*Tây Tiến* – Quang Dũng)

Bài làm

"Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời"
"Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm mường Hịch cọp trêu người"

Đó là bốn nét vẽ gian khổ đầy ấn tượng. Nếu hai dòng thơ đầu gieo hầu hết thanh trắc thì hai dòng thơ sau lại gieo 9/14 thanh bằng. Cái tài của Quang Dũng là dù gieo thanh bằng hay thanh trắc vẫn giúp người đọc nhận ra cái trúc trắc gập ghềnh đầy hiểm nguy của địa hình. Quả thực "thi trung hữu nhạc, thi trung hữu họa". Hàng loạt từ láy "khúc khuỷu", "thăm thẳm" được đặt cạnh nhau tạo nên hiệu quả cộng hưởng ngôn ngữ rất cao. Những hình ảnh thơ nối nhau liên tiếp đã gợi cho người đọc hình dung liên tưởng về không gian mở. Không chỉ sâu mà còn rất rộng, không chỉ cao mà còn rất xa. Dường như khó khăn cứ chất chồng như từng dãy núi trùng trùng, điệp điệp.

Đề 181: Phân tích giá trị biểu cảm của hai câu thơ sau:

Cha lại dắt con đi trên cát mịn
Ánh nắng chảy đầy vai.

(*Những cánh buồm* – Hoàng TrungThông)

Bài làm

Đã có rất nhiều bài thơ, câu thơ hay đoạn thơ nói về cảnh hai cha con dắt nhau đi xem những buồm trên biển vào một buổi chiều. Trong đó phải kể đến bài thơ *Những cánh buồm* của nhà thơ Hoàng Trung Thông Trong bài thơ, tác giả viết:

Cha lại dắt con đi trên cát mịn
Ánh nắng chảy đầy vai.

Trong câu thơ đó, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật ẩn dụ ở dòng thơ:

Ánh nắng chảy đầy vai.

Biện pháp ẩn dụ của tác giả rất tinh tế và đặc sắc gợi cho người đọc cảm thấy ánh nắng tràn ngập khắp mọi nơi dày và đặc quánh. Hai dòng thơ đã gợi cho người đọc cảm thấy như hình dung ra trước mắt họ cảnh hai cha con dắt nhau đi xem những cánh buồm trên biển vào một buổi chiều đầy nắng. Câu thơ tuy ngắn nhưng rất hay và sinh động. Đây là bức tranh hài hoà, màu sắc rực rỡ lại chan hòa. Qua đó, cho ta thấy một lần nữa và khẳng định lòng yêu quê hương đất nước, nhất là với những cánh buồm tuổi thơ của nhà thơ Hoàng Trung Thông.

Đề 182: Em hãy viết một đoạn văn theo chủ đề tự chọn trong đó có sử dụng cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.

Bài làm

Nhắc đến Trường Sơn là nhắc đến vô vàn những khó khăn, vất vả, sự đổ máu, hy sinh của các anh chiến sĩ và thêm vào đó là thời tiết vô cùng khắc nghiệt, sự nắng mưa thất thường như càng tạo thêm sự gian nan cho con người. Đúng như một nhà thơ có viết:

Trường Sơn đông nắng tây mưa

Ai chưa đến đó như chưa rõ mình.

Thế mà trong hoàn cảnh đó các chiến sĩ của ta vẫn ngày đêm băng rừng vượt núi để chống trả kẻ thù. Quân ta vô cùng thiếu thốn, không được võ trang đầy đủ mà lại phải chống chọi với quân địch có trang bị đầy đủ, hiện đại, vũ khí tối tân. Bác Hồ đã nói rằng đúng là châu chấu đá xe. Nhưng với ý chí quyết chiến quyết thắng cùng với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, cuối cùng quân ta cũng chiến thắng.

* *"Trường Sơn đông nắng tây mưa*

Ai chưa đến đó như chưa rõ mình".

→ dẫn trực tiếp

* "... Bác Hồ đã nói rằng đúng là châu chấu đá xe".

→ dẫn gián tiếp.

Đề 183: Cho câu chủ đề: "Ca dao dân ca là tiếng nói tình cảm của nhân dân lao động".

Viết đoạn văn khoảng 10 câu triển khai ý của câu chủ đề trên trong đó có sử dụng thành phần tình thái và thành phần cảm thán trong câu.

Bài làm

Ca dao, dân ca là tiếng nói tình cảm của nhân dân lao động. Đó là những tình cảm ấm áp, mặn mà dành cho gia đình, bạn bè, quê hương đất nước, và cả những kiếp người khổ đau khốn cùng trong xã hội. Những lời ca nghĩa tình sâu nặng trước hết được dành để ngợi ca công ơn sinh thành dưỡng dục như trời như bể của cha mẹ:

"Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra"

Chính những ân nghĩa sâu nặng ấy đã nhắc nhở chúng ta:

"Một lòng thờ mẹ kính cha

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con".

Viết về tình cảm bạn bè, ca dao cũng hết lời ca ngợi:

"Ra đi vừa gặp bạn hiền

Cũng bằng ăn quả đào tiên trong chùa".

Không chỉ bày tỏ đối với những người thân yêu, ca dao còn bộc lộ niềm tự hào về quê hương gấm vóc, giàu truyền thống của mỗi người. Khắp ba miền Bắc – Trung – Nam, nơi đâu cũng có quyền kiêu hãnh về vẻ đẹp độc đáo của mình:

"Gió đưa cành trúc la đà

Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương

Mịt mù khói tỏa ngàn sương

Nhịp chày Yên Thái mặt gương Tây Hồ";

"Đường vô xứ Huế quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ";
"Tháp Mười đẹp nhất bông sen",...

Không dừng lại ở đó, ca dao còn thể hiện tinh thần nhân đạo cao cả khi dành những yêu thương, đồng cảm cho những kiếp người bất hạnh. Đó là những người phụ nữ, những người nông dân,... trong xã hội xưa. Chao ôi, dưới chế độ phong kiến, thân phận những kiếp người ấy sao nhỏ bé, mong manh đến vậy!

"Thân em như trái bần trôi
Gió dập sóng dồi biết tấp vào đâu?;
"Cái cò mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao";

Đề 184: Phát biểu cảm nhận của em về hiệu quả nhạc tính trong những câu thơ sau:

"Khách xa gặp lúc mùa xuân chín
Lòng trí bâng khuâng sực nhớ làng:
– Chị ấy năm nay còn gánh thóc
Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?".

(*Mùa xuân chín* – Hàn Mặc Tử)

Bài làm

"Khách xa gặp lúc mùa xuân chín
Lòng trí bâng khuâng sực nhớ làng:
– Chị ấy năm nay còn gánh thóc
Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?".

(*Mùa xuân chín* – Hàn Mặc Tử)

Trong đoạn thơ trên, người đọc đặc biệt ấn tượng với hiệu quả nhạc tính được tạo nên từ câu thơ: "– Chị ấy năm nay còn gánh thóc / Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?".

Trong hai câu thơ ấy, có hàng loạt các từ ngữ bắt vần với nhau: "thóc" – "dọc", "trắng" – "nắng", "chang chang". Tiếng cuối của câu trên bắt vần với tiếng đầu của câu dưới khiến hai câu thơ như liền làm một. Điều đó gợi đến không gian dài dặc của triền sông, của con đường gánh thóc. Không chỉ vậy, hai cặp vần trắc "thóc" – "dọc", "trắng" – "nắng" được xen giữa những âm vần bằng "sông", "chang chang" khi đọc lên nghe như nhịp nẩy của thanh đòn gánh, nhịp chùng của gánh thóc và nhịp đi của cô gái bên sông. Điều đặc biệt là bốn tiếng sau của câu thơ cuối bắt vần với nhau theo cấu trúc vần T–T, B–B. Hơn thế, vần "ang" lại là âm vang. Vì vậy, hai tiếng "trắng nắng" như tạo đà để hai tiếng "chang chang" vang xa trên mặt sông lấp lánh. Câu thơ đã trở thành một câu hát bên sông.

Không chỉ vậy, bốn tiếng liên tiếp "trắng", "nắng", "chang chang"đều gợi đến ánh sáng. Nó khiến câu thơ lòa lên thứ ánh sáng siêu thực thường thấy trong thơ Hàn Mặc Tử (chẳng hạn như: "áo em trắng quá nhìn không ra"). Điều đó cũng thật dễ hiểu vì không gian ấy là không gian của tâm tưởng, của giây phút "bâng khuâng" mà chợt nhớ về người con gái của dĩ vãng, dòng sông của dĩ vãng, ánh nắng của dĩ vãng...

Đề 185: Qua văn bản *Phong cách Hồ Chí Minh* của Lê Anh Trà, em hãy viết đoạn văn cho biết tại sao Hồ Chí Minh có được một vốn văn hoá nhân loại sâu rộng và phong phú?

Bài làm

Hồ Chí Minh có một vốn tri thức văn hoá nhân loại sâu rộng. Đó là những hiểu biết uyên thâm về các dân tộc và nhân dân thế giới, văn hoá thế giới từ Đông sang Tây, từ văn hoá các nước châu Á, châu Âu cho đến châu Phi, châu Mĩ. Để có được vốn tri thức văn hoá sâu rộng ấy, Người đã không ngừng học tập để nói và viết thạo nhiều thứ tiếng nước ngoài như: Pháp, Anh, Hoa, Nga... Người cũng đi nhiều nơi, làm nhiều nghề – tức là học hỏi từ thực tiễn và lao động, không gò ép bản thân trong khuôn khổ của sách vở và những giáo lí khô khan. Qua đó, tìm hiểu văn hoá, nghệ thuật của các khu vực khác nhau trên thế giới một cách sâu sắc, uyên thâm. Hơn thế, trong việc học hỏi, trau dồi vốn tri thức văn hoá, Hồ Chí Minh đã thể hiện một phương châm đúng đắn: "đã tiếp thu mọi cái đẹp và cái hay đồng thời với việc phê phán những tiêu cực của chủ nghĩa tư bản,... Những ảnh hưởng quốc tế đó đã nhào nặn với cái gốc văn hoá dân tộc không gì lay chuyển được ở Người, để trở thành một nhân cách rất Việt Nam, một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại". Tức là chủ động lựa chọn, tiếp thu những thành tựu văn hoá của nhân loại một cách có phê phán dựa trên nền tảng căn bản của văn hoá dân tộc. Con đường học tập vốn văn hoá nhân loại ở Hồ Chí Minh là một bài học lớn cho thế hệ trẻ Việt Nam hôm nay.

Đề 186: Em hãy viết đoạn văn nêu cách hiểu của bản thân về nhan đề văn bản *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình* của G. Mác-két?

Bài làm

Nhan đề *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình* của G. Mác-két thể hiện rất rõ chủ đề của văn bản. Lời kêu gọi đấu tranh cho một thế giới hoà bình được rút ra sau những luận cứ rõ ràng. Tác giả đã cảnh báo nguy cơ của cuộc chiến tranh hạt nhân đe doạ cuộc sống trên Trái Đất. Từ đó chỉ ra nhiệm vụ cấp bách của nhân loại là phải ngăn chặn nguy cơ đó, đồng thời đấu tranh cho một thế giới hoà bình. Như vậy, nhan đề văn bản như luận điểm kết luận của toàn bộ lập luận mà tác giả đã xây dựng rất thuyết phục. Rõ ràng, muốn ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân thì chúng

ta phải xác định một thái độ hành động tích cực, đấu tranh cho hoà bình vì sự sống của chính con người. Thông điệp này của Mác–két mang ý nghĩa thời đại, có tính nhân văn sâu sắc.

Đề 187: Cho câu chủ đề: "Chiến tranh phi nghĩa là một tội ác".
Hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 đến 10 câu) để triển khai ý của câu chủ đề trên theo lối tổng hợp – phân tích – tổng hợp.

Bài làm

Chiến tranh phi nghĩa là một tội ác. Những cuộc chiến tranh gây ra bao cảnh li tán, chia lìa; là nguyên nhân của sự đợi chờ, mòn mỏi, những khổ đau tan nát, thậm chí là hiểu lầm tai hại. Chẳng ai có thể quên hình ảnh những người mẹ mắt lòa đi vì khóc nhớ thương con, cũng chẳng ai có thể quên nàng Vũ Nương bị chồng hiểu lầm rồi chết trong oan ức. Không dừng lại ở đó, tội ác lớn nhất mà chiến tranh phi nghĩa gây ra là sự giết chóc dã man, sự phá hoại tàn khốc. Sau mỗi trận chiến, những xác người la liệt, những dòng máu loang lổ, những đôi mắt trợn trừng... là lời tố cáo đanh thép nhất đối với sự man rợ của lửa đạn chiến trường. Và kia nữa, hãy nhìn thân thể của những bé thơ vô tội, những cụ già đau yếu để rùng mình vì sự nhẫn tâm của bom rơi đạn nổ. Những con đường mang đầy thương tích, những ngôi nhà đổ nát, những trường học tan hoang... Sau chiến tranh, bóng dáng của khổ đau và bất hạnh vẫn chưa buông tha con người. Đó là những nỗi đau của đất và người hai thành phố Na–ga–sa–ki và Hi–rô–si–ma, là những nạn nhân chất độc da cam đi–ô–xin Việt Nam đang hứng chịu... Với tất cả những điều đó, loài người tiến bộ cần lên án và chống lại chiến tranh phi nghĩa.

Phần IV.
VĂN BẢN BIÊN BẢN, HỢP ĐỒNG, THƯ (ĐIỆN) CHÚC MỪNG VÀ THĂM HỎI

Đề 188: Là thư kí của lớp, em hãy viết biên bản sinh hoạt lớp.

Bài làm

Trường THCS Phan Đình Giót	Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Lớp 9A	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN SINH HOẠT LỚP

Tuần từ ngày 02 tháng 05 đến ngày 09 tháng 05 năm 2009

Thời gian: 11 giờ, ngày 09 tháng 05 năm 2009

Địa điểm: Phòng học lớp 9A, Trường THCS Phan Đình Giót

Thành phần tham dự:

- Cô giáo chủ nhiệm lớp
- 45 học sinh lớp 9A

Điều khiển: Lớp trưởng Lê Vân Anh

Thư ký: Chử Mai Linh

Nội dung sinh hoạt

1. Bạn Lê Vân Anh tổng kết thi đua trong tuần.

- Về học tập:

+ Tiến hành thi học kì các môn: Thể dục, Lịch sử, Địa lí, Hoá học; tiếp tục ôn thi học kì các môn còn lại.

+ Việc thi cử của lớp diễn ra nghiêm túc, không có hiện tượng gian lận.

- Về nề nếp, kỉ luật:

+ Chấp hành đúng nội quy, quy chế của nhà trường.

+ Không bị trừ điểm thi đua về kỉ luật nề nếp.

2. Ý kiến phát biểu

- Lớp phó Học tập Trần Thanh Mai:

+ Cần làm đề cương cẩn thận, nghiêm túc, các nhóm học tập nên trao đổi ý kiến về các môn học để có cách học và làm bài hiệu quả.

+ Trong giờ thi, hạn chế trao đổi bài, tránh việc cho bạn khác chép bài (lớp chưa có trường hợp bị kỉ luật nhưng đã có trường hợp bị nhắc nhở vì cho bạn chép bài).

- Bạn Nguyễn Quang: Nội dung ôn tập môn Văn khá dài, lại sắp đến ngày thi, các bạn học khá Văn trong lớp nên lên kế hoạch học nhóm để giúp đỡ các bạn học yếu hơn.

- Bạn Trần Thuý Nga: Dù bận thi học kì nhưng không nên xao lãng việc chăm sóc công trình "Kế hoạch nhỏ" và việc nhận giúp đỡ Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

3. Phát biểu của cô giáo chủ nhiệm

- Biểu dương sự cố gắng của tập thể lớp.

- Đã xác định đúng nhiệm vụ học tập đồng thời không quên những hoạt động xã hội có ích.

- Nên sáng tạo giờ sinh hoạt hơn, tiến hành hoạt động "Chơi mà học" vừa thoải mái vừa giúp ôn tập thi học kì.

Buổi sinh hoạt chi đội kết thúc vào hồi 11 giờ 45 phút cùng ngày

Lớp trưởng	Thư kí
Vân Anh	Mai Linh
Lê Vân Anh	Chử Mai Linh

Đề 189: Em hãy ghi lại một biên bản xử lí vi phạm trật tự an toàn giao thông.

Bài làm

Sở GTCC Hà Nội
Công an quận Cầu Giấy
Số: ....BB/TLTV, PT

Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN XỬ LÍ VI PHẠM TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG

– Căn cứ điều..., điều..., điều... Pháp lệnh xử lí vi phạm trật tự an toàn giao thông ngày.... tháng ... năm;

– Căn cứ quyết định/ Biên bản số:..... ngày..... tháng..... năm...... do:

Ông (bà):.........

Chức vụ:........

Kí về việc:......

Hôm nay, hồi 12 giờ 15 phút, ngày 17 tháng 04 năm 2009

Tại ngã tư đường Xuân Thuỷ – Phạm Hùng

Tôi Đặng Quang Nam Cấp bậc:................. Chức vụ:.......

Đơn vị công tác: Phòng CSGT quận Cầu Giấy

– Tiến hành lập biên bản xử lí vi phạm trật tự an toàn giao thông đối với bà Ngô Thanh Tùng

Là chủ sở hữu chiếc xe máy mang biển số 29 Z1 93XX

Nơi cư trú (hoặc địa chỉ): Cầu Giấy, Hà Nội

Nghề nghiệp (hoặc lĩnh vực hoạt động): Kinh doanh

Vi phạm phần đường dành cho xe thô sơ và người đi bộ gây cản trở trật tự an toàn giao thông.

– Biện pháp xử lí:

+ Tạm thu giữ giấy tờ xe trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 17 tháng 04 năm 2009 đến ngày 17 tháng 05 năm 2009

+ Thu phạt hành chính bằng tiền mặt trị giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng chẵn)

Biên bản được lập thành hai bản có nội dung và giá trị như nhau. Một bản được giao cho cá nhân vi phạm và một bản lưu hồ sơ.

Biên bản lập xong hồi 13 giờ 00 phút cùng ngày, đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe công nhận đúng và cùng kí tên dưới đây.

Người vi phạm
Tùng
Ngô Thanh Tùng

Người lập biên bản
Nam
Đặng Quang Nam

Đề 190: Gia đình em và Cửa hàng vật liệu xây dựng làm hợp đồng thống nhất với nhau về mua bán. Em hãy giúp bố mẹ làm bản hợp đồng đó.

Bài làm

Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

******

HỢP ĐỒNG MUA BÁN VẬT LIỆU XÂY DỰNG

– Căn cứ vào Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản hướng dẫn thi hành của các cấp các ngành.

– Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 05 năm 2009

Tại địa điểm: Trung tâm Thương mại huyện Nam Sách, Hải Dương

Chúng tôi gồm:

Bên A:

Cửa hàng vật liệu xây dựng Thành Phong

Địa chỉ: tầng 2 Trung tâm Thương mại huyện Nam Sách, Hải Dương

Điện thoại: 0320.... Fax: 0320...

Tài khoản: ...

Mã số thuế: ...

Đại diện là ông Nguyễn Văn Quyền

Chức vụ: Trưởng phòng Kinh doanh

Bên B:

Bà Trần Thị Minh Việt

Địa chỉ số nhà ... đường ... thành phố Hải Dương

Điện thoại: 0906868XXX

Hai bên thoả thuận kí kết *Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng* với nội dung và các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung giao dịch bao gồm việc mua và bán vật liệu xây dựng gồm sắt, thép.

Điều 2. Trách nhiệm và nghĩa vụ bên A

– Bảo đảm cung ứng đầy đủ, kịp thời sắt, thép cho bên B theo đúng đơn giá đã công bố;

– Vận chuyển hàng hoá bảo đảm, an toàn đến giao tận địa chỉ đã đăng kí của bên B.

Điều 3. Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên B.

– Kiểm tra số lượng, chủng loại, chất lượng và bốc xếp hàng hoá từ phương tiện chuyên chở vào cửa hàng.

– Thanh toán đầy đủ theo đơn giá của bên A và đúng thời gian cho bên A.

Điều 4. Phương thức thanh toán

– Bên B thanh toán cho bên A chậm nhất là 7 ngày sau khi nhận hàng;

– Bên B chủ động gặp bên A để hoàn tất việc thanh toán.

Điều 5. Hiệu lực của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 16 tháng 05 năm 2009 đến hết ngày 16 tháng 11 năm 2009. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có điểm nào chưa phù hợp thì hai bên sẽ bàn bạc đi đến thống nhất cách giải quyết. Những nội dung hiệu chỉnh sẽ được ghi lại trong bản "Phụ lục hợp đồng". "Phụ lục hợp đồng" có giá trị như hợp đồng chính thức.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

Đại diện bên A	Đại diện bên B
Quyền	Việt
Nguyễn Văn Quyền	Trần Thị Minh Việt

Đề 191: Xã em và Công ti Thiên Nông thống nhất đặt đại lí tiêu thụ sản phẩm phân bón, thuốc trừ sâu.

Bài làm

Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

******

HỢP ĐỒNG ĐẶT ĐẠI LÍ TIÊU THỤ SẢN PHẨM

– Căn cứ vào Pháp lệnh hợp đồng kinh tế ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản hướng dẫn thi hành của các cấp các ngành.

– Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 03 năm 2009

Tại Cầu Lự II, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai

Chúng tôi gồm:

Bên A:

Nhân dân xã...... huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai

Địa chỉ: xã...... huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai

Điện thoại: ...

Đại diện là ông (bà): Nguyễn Hà Thu

Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã

Bên B:

Công ti TNHH Thiên Nông

Địa chỉ: đường ... thành phố Lào Cai

Điện thoại: ...

Đại diện là ông (bà): Phạm Minh Tâm

Chức vụ: Trưởng phòng Kinh doanh

Hai bên thoả thuận kí kết Hợp đồng đặt đại lí tiêu thụ sản phẩm phân bón, thuốc trừ sâu với nội dung và các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung giao dịch: đặt đại lí tiêu thụ sản phẩm phân bón, thuốc trừ sâu (cụ thể chủng loại sản phẩm được ghi rõ trong bảng sản phẩm của công ti).

Điều 2. Trách nhiệm và nghĩa vụ bên A

– Mở đại lí tiêu thụ sản phẩm phân bón, thuốc trừ sâu như trên cho bên B;

– Nhận hàng, kiểm tra số lượng, chủng loại, chất lượng và bốc xếp hàng hoá từ phương tiện chuyên chở vào cửa hàng đại lí.

– Thanh toán đầy đủ và đúng thời gian cho bên B.

– Bán đúng giá đã quy định.

Điều 3. Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên B.

– Đảm bảo cung ứng đầy đủ, kịp thời, đúng chủng lạo, chất lượng hàng hoá cho bên A;

– Vận chuyển hàng hoá an toàn đến giao tại cửa hàng đại lí cho bên A.

Điều 4. Phương thức thanh toán

– Bên A được hưởng chiết khấu 30% tổng giá trị hàng hoá bán được.

– Hằng tháng từ ngày 25 đến ngày 30, hai bên thanh toán với nhau một lần và thống nhất kế hoạch tháng tới.

– Để hàng hoá hư hỏng, mất mát, bên A phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bên B.

Điều 5. Hiệu lực của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 03 năm 2009 đến hết ngày 22 tháng 09 năm 2009. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có điểm nào chưa phù hợp thì hai bên sẽ bàn bạc đi đến thống nhất cách giải quyết.

Hợp đồng này được thành lập thành 05 bản có giá trị như nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 03 bản.

Đại diện bên A	Đại diện bên B
P. Chủ tịch xã	Trưởng phòng Kinh doanh
Thu	Tâm
Nguyễn Hà Thu	Phạm Minh Tâm
(Kí và đóng dấu)	(Kí và đóng dấu)

Đề 192: Hai bên thoả thuận với nhau về việc thuê nhà.

Bài làm

Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

******

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2009

HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ LÀM VIỆC

Căn cứ Luật Dân sự năm 2005 của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Chúng tôi gồm:

Bên cho thuê nhà (sau đây gọi tắt là bên A):

Ông (bà):

Số CMTND (hộ chiếu) ... do CA ... cấp ngày ...

Địa chỉ:

Điện thoại:

Bên thuê (sau đây gọi tắt là bên B):

Ông (bà):

Số CMTND (hộ chiếu) ... do CA ... cấp ngày ...

Đại diện cho Trung tâm nghiên cứu, hợp tác và bồi dưỡng kiến thức

Điện thoại:

Hai bên thống nhất kí kết Hợp đồng thuê nhà dùng cho mục đích làm văn phòng với các nội dung sau:

I. ĐẶC ĐIỂM CHÍNH CỦA NHÀ LÀM VIỆC

1. Địa chỉ: P. 402 G4, đường Trung Yên
2. Cấp nhà làm việc: Nhà chung cư.
3. Tổng diện tích bao gồm 4 phòng làm việc, 1 phòng khác, 2 phòng vệ sinh, 2 ban công (diện tích dử dụng $75m^2$)
4. Trang thiết bị chủ yếu gắn liền với nhà làm việc: đèn chiếu sáng, hệ thống điện nước.

II. GIÁ CHO THUÊ NHÀ LÀM VIỆC VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá thuê: 500.000.000đ (năm triệu đồng chẵn) một tháng.
2. Bên B sẽ thanh toán cho bên A những khoản phát sinh hàng tháng từ việc sử dụng điện nước và điện thoại. Mức phát sinh sẽ tuỳ thuộc vào thực tế sử dụng và bên A sẽ thông báo bên B hàng tháng.
3. Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt trả vào ngày 05 đầu quý.

III. THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

1. Thời hạn cho thuê là 12 tháng kể từ ngày 01/03/2009
2. khi hết hạn hợp đồng tuỳ theo tình hình thực tế 2 bên có thể thoả thuận gia hạn hoặc chấm dứt hợp đồng.

3. Một trong 2 bên ngừng thời hạn trước thời hạn đã thỏa thuận thì phải thông báo cho bên kia biết trước ít nhất 3 tháng.

IV. QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

1. Quyền và nghĩa vụ của bên A

- Được lấy lại nhà khi thời hạn thuê đã hết.

- Cam kết bảo đảm quyền sử dụng trọn vẹn hợp pháp và tạo mọi điều kiện thuận lợi để bên B sử dụng mặt bằng cho mượn hiệu quả.

- Bàn giao toàn bộ các trang thiết bị đồ dùng hiện có như đã thoả thuận ngay sau khi hợp đồng được ký

- Trong trường hợp cần chấm dứt hợp đồng thuê nhà trước thời hạn cần báo trước cho bên B bằng văn bản trước ít nhất 03 tháng.

2. Quyền và nghĩa vụ của bên B

- Sử dụng nhà đúng mục đích thuê, khi cần sửa chữa cải tạo theo yêu cầu sử dụng riêng sẽ bàn bạc cụ thể với bên A và được thống nhất bằng văn bản.

- Chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động của Trung tâm theo đúng pháp lệnh hiện hành.

- Thanh toán các khoản chi phí phát sinh như tiền điện dùng, tiền nước, điện thoại đầy đủ và đúng hạn trong thời gian thuê nhà.

- Trả nhà cho bên A theo đúng thoả thuận. Trường hợp cần chấm dứt hợp đồng thuê nhà trước thời hạn cần báo trước cho bên A bằng văn bản trước ít nhất 03 tháng.

V. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG THO THUÊ NHÀ LÀM VIỆC

Việc chấm dứt hợp đồng thuê nhà làm việc được thực hiện trong các trường hợp sau:

1. Thời hạn thuê đã hết.
2. Nhà làm việc không còn.
3. Nhà làm việc cho thuê phải phá dỡ do bị hư hỏng nặng có nguy cơ sập đổ hoặc do thực hiện quy hoạch của Nhà nước
4. Hai bên thoả thuận chấm dứt hợp đồng trước thời hạn

VI. CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

1. Hai bên cùng cam kết thực hiện đúng các nội dung đã ký. Trong quá trình thực hiện nếu phát hiện thấy những vấn đề cần thoả thuận thì 2 bên có thể lập thêm phụ lục hợp đồng. Nội dung hợp đồng phụ có giá trị pháp lý như hợp đồng chính.

2. Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị như nhau. Bên cho thuê giữ 01 bản, bên thuê giữ 03 bản.

3. Hợp đồng này có giá trị kể từ ngày 2 bên ký kết.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
(ký và ghi rõ họ tên)	*(ký và ghi rõ họ tên)*

Đề 193: Thư (điện) gửi tới thầy cô giáo cũ nhân dịp năm mới.

Bài làm

Người nhận: thầy Trần Thanh Sơn, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, Hà Nội

Nhân dịp năm mới Kỉ Sửu 2009, em kính chúc thầy và toàn thể gia đình dồi dào sức khoẻ, hạnh phúc, và thành đạt!

Người gửi: Học sinh cũ Ngô Thanh Tùng, đường Dương Quảng Hàn, Cầu Giấy, Hà Nội.

Đề 194: Thay mặt tập thể lớp viết thư (điện) gửi tới bạn cũ nhân dịp bạn đoạt Huy chương Vàng môn Nhảy cao trong Hội khoẻ Phù Đổng.

Bài làm

Người nhận: Hoàng Văn Sơn, xã Vĩnh Ngọc, huyện..., tỉnh...

Tập thể lớp 9A rất vui mừng, tự hào và khâm phục khi nhận được tin bạn đoạt Huy chương Vàng môn Nhảy cao trong Hội khoẻ Phù Đổng. Chúng mình xin nhiệt liệt chúc mừng, chúc bạn mạnh khoẻ, tiếp tục giành được nhiều huy chương mang lại vinh dự cho bản thân, gia đình và nhà trường!

Nơi gửi: Tập thể lớp 9A trường THCS Vĩnh Ngọc, huyện..., tỉnh...

Đề 195: Thư (điện) gửi đến bạn cũ khi nghe tin địa phương bạn gặp nhiều thiệt hại trong đợt lũ vừa qua.

Bài làm

Người nhận: Bạn Nguyễn Việt Anh, xã Đức Long, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh

Mình vô cùng lo lắng khi biết tin quê hương và gia đình bạn đang chịu nhiều tổn thất do trận bão lớn vừa qua. Mình xin gửi đến bạn và toàn thể gia đình niềm cảm thông sâu sắc. Mong bạn và gia đình nhanh chóng vượt qua khó khăn và sớm ổn định cuộc sống.

Nơi gửi: Nguyễn Hồng Nhung, đường Trần Phú, thành phố Hải Phòng

Đề 196: Thay mặt Chính phủ và Nhân dân Việt Nam gửi thư (điện) chúc mừng Trung Quốc phóng thành công tàu vũ trụ có người lái lên vũ trụ.

Bài làm

Nơi nhận: Chính phủ và Nhân dân Trung Quốc

Nhận được tin đất nước Trung Quốc phóng thành công tàu vũ trụ có người lái lên vũ trụ, Chính phủ và Nhân dân Việt Nam rất vui mừng và gửi lời chúc mừng đến Chính phủ và Nhân dân Trung Quốc. Chúc đất nước Trung Quốc đạt nhiều thành tựu hơn nữa trong sự nghiệp khám phá, chinh phục vũ trụ.

Nơi gửi: Bộ Ngoại giao Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Đề 197: Thư (điện) gửi đến Chính phủ và Nhân dân đất nước có quan hệ ngoại giao với Việt Nam vừa chịu thiệt hại về người và tài sản từ trận động đất lớn

Bài làm

Nơi nhận: Chính phủ và Nhân dân Trung Quốc

Qua Thông tấn xã Việt Nam, Chính phủ và Nhân dân Việt Nam được biết Nhân dân Trung Quốc phải chịu nhiều thiệt hại về người và tài sản từ trận động đất lớn vừa qua. Chính phủ và Nhân dân Việt Nam xin gửi đến Chính phủ và Nhân dân Trung Quốc lời chia buồn và niềm cảm thông sâu sắc. Chúng tôi sẵn sàng chia sẻ những khó khăn cùng các bạn. Mong các bạn nhanh chóng vượt qua khó khăn và sớm ổn định cuộc sống.

Nơi gửi: Bộ Ngoại giao Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Đề 198: Thư (điện) gửi đến anh trai em vừa bảo vệ thành công luận án tiến sĩ ở nước ngoài.

Bài làm

Người nhận: Chử Quốc Huy, số nhà ... phố Wall, New York, Hoa Kì

Qua gia đình, em biết được tin anh vừa bảo vệ thành công luận án tiến sĩ của Đại học Hawar. Em vô cùng vui sướng, tự hào và cảm phục. Em xin chúc mừng anh, mong anh mạnh khoẻ, tiếp tục giành được nhiều thành tích cao hơn nữa.

Người gửi: Chử Anh Tuấn, Tập thể Học viện Hậu cần, Gia Lâm, Hà Nội

Đề 199: Thư (điện) gửi đến người bác vừa được phong hàm giáo sư.

Bài làm

Người nhận: Bác Nguyễn Ngọc Thiên An, khu Trung tâm Thương mại Thanh Trì, Hà Nội

Thưa bác kính yêu! Hôm nay, cháu nhận tin bác được phong hàm Giáo sư Sử học. Cháu rất vui mừng và tự hào. Cháu xin chúc mừng bác, kính chúc bác cùng gia đình mạnh khoẻ, hạnh phúc; riêng bác sẽ tiếp tục giành được những thành công mới trong công việc nghiên cứu.

Người gửi: Nguyễn Văn Quyền, khu đô thị Trung Yên, Cầu Giấy, Hà Nội

MỤC LỤC

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

16 Hàng Chuối - Hai bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (04)9724852 (04)9724770 Fax: (04)9714899

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO

Tổng biên tập: PHẠM THỊ TRÂM

Chịu trách nhiệm nội dung:

Biên tập : TUYẾT HẠNH

Chế bản : CÔNG TY SÁCH - TBGD ĐỨC TRÍ

Trình bày bìa: CÔNG TY SÁCH - TBGD ĐỨC TRÍ

Đối tác liên kết xuất bản:

CÔNG TY SÁCH - THIẾT BỊ GIÁO DỤC ĐỨC TRÍ

SÁCH LIÊN KẾT

199 BÀI VÀ ĐOẠN VĂN HAY LỚP 9

Mã số: 2L - 163 ĐH2009

In 3.000 cuốn, khổ 16 x 24cm tại Trung tâm Mỹ thuật ứng dụng

Số xuất bản: 253-2009/CXB/06-41/ĐHQGHN, ngày 25/03/2009

Quyết định xuất bản số: 163 LK-XH/XB

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2009.